NĂM THỨ MƯỜI • # 115 • NOVEMBER 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

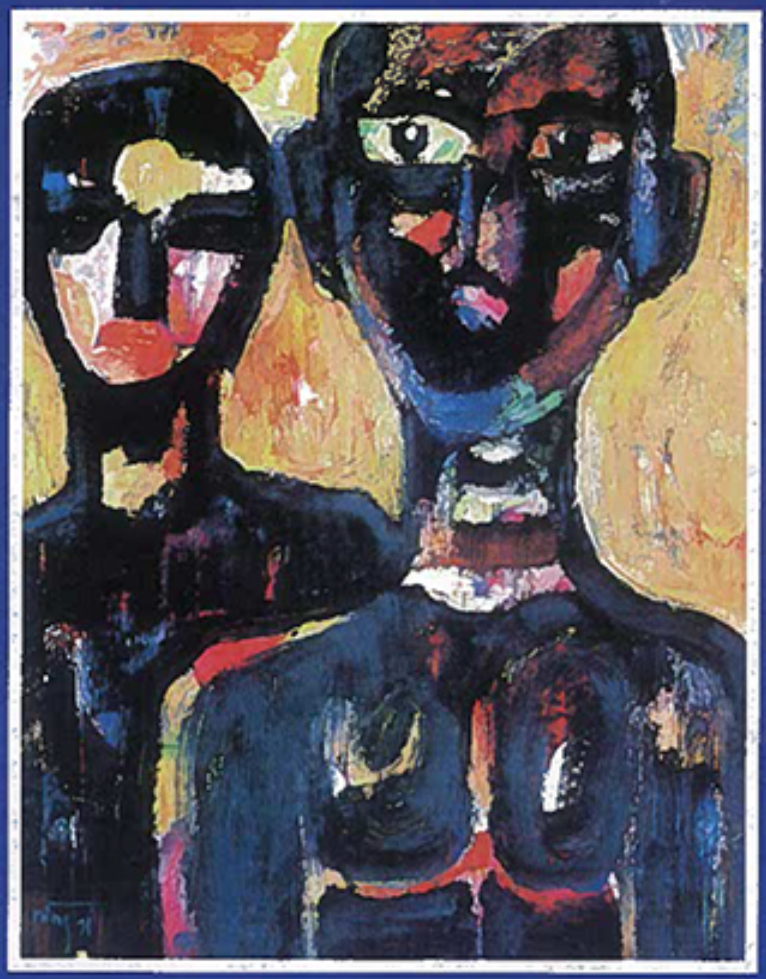

CHỊ NẪM
TRẦN YÊN HÒA

SÀI GÒN 300 TUỔI
HUY ANH

LÀM CHỒNG NHÀ VĂN
HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7 Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

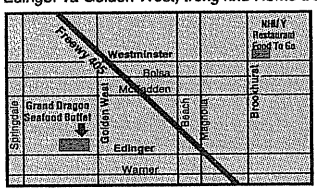

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

Chủ nhân Như Ý kính mời

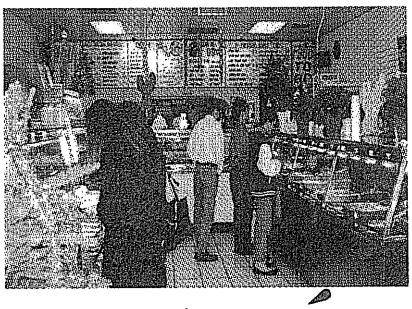

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Như Ý FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm dịch thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vĩ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING SEAFOOD RESTAURANT

CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY

MỞ CỬA 7 NGÀY

CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

Mỗi Video, Một Bước Tiến

Mỗi ngày, nhiều khám phá mới lạ của văn nghệ xứ người (cho giới trẻ) hòa đồng với những ***Điệu Nhạc Quê Hương (cho giới cao niên)***

PARIS BY NIGHT 45

Chủ đề:

VÀO HẠ

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

với sự góp mặt của:

Ái Vân, Ý Lan, Như Quỳnh, Hương Lan, Hoàng Lan, Lưu Bích, Lynda Trang Đài, Thùy Dương, Bảo Ngọc, Châu Ngọc, Mỹ Huyền, Bảo Hân, Thiên Kim, Trúc Lam, Trúc Linh, Đôi Song Hằng, Phương Vy, Don Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Chí Tâm, Tommy Ngô, Thanh Phong, Phương Đại, Hoài Nam và Ban nhạc M.F.L Canada.

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

Giá **$28** 1 Bộ

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France.**
Tel: 01-45-83-34-30

ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227**

MỚI PHÁT HÀNH:

Băng đọc truyện mới đặc sắc của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- Giòng Sông Hờ Hững (Audio Book 45)

- Trong Sân Trường Ngày Ấy (Audio Book 46)

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

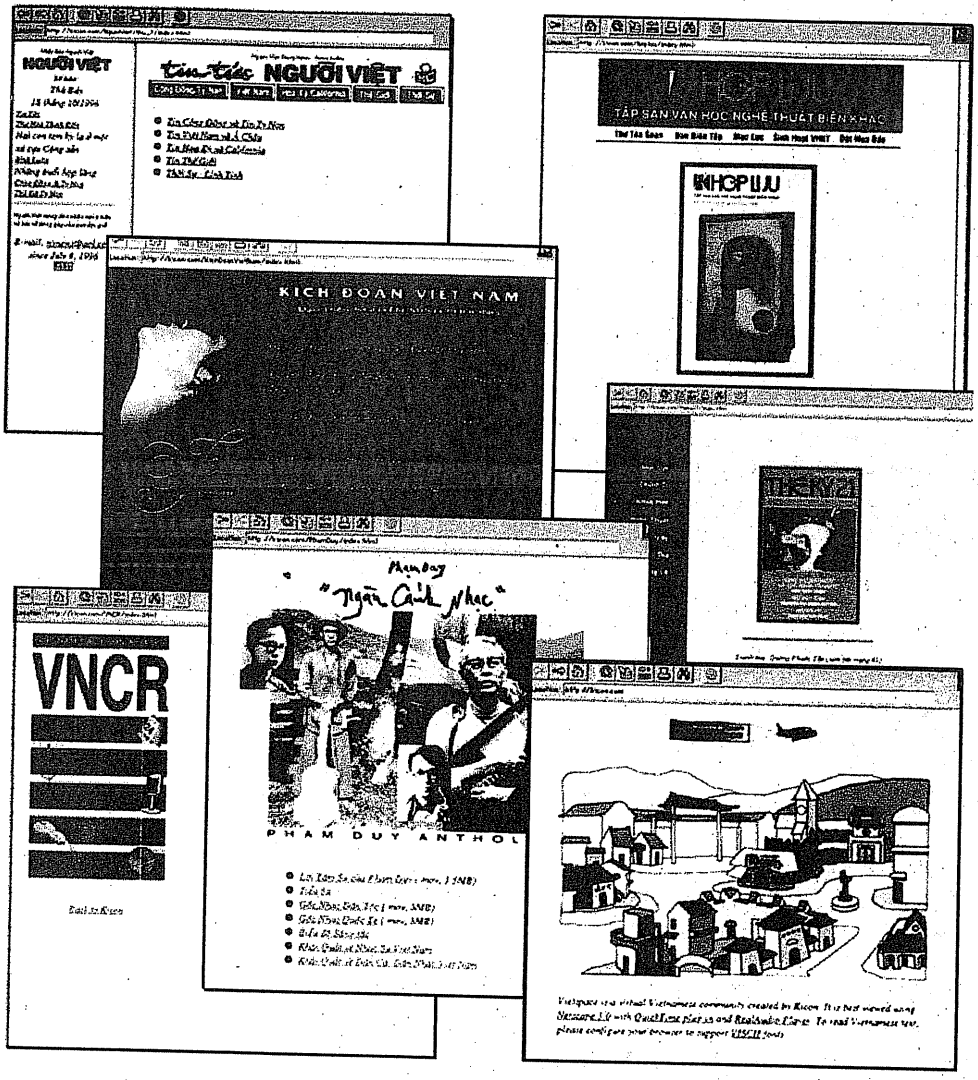

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* **CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
* **HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

* *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
* *Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
* *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
* **NHA KHOA THẨM MỸ**
* **NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
LỊCH SINH HOẠT THU ĐÔNG 1998

Dưới sự bảo trợ của: -Nhật báo Người Việt - Nhật báo Viễn Đông
-Tuần báo Trống Đồng - Đài VNCR

* **Chủ Nhật 11 tháng Mười: 3 Giờ Chiều**
  Nửa thế kỷ Nghệ thuật Cải Lương
  - Nữ nghệ sĩ **Bích Thuận**
* **Thứ Sáu 16 tháng Mười: 8 giờ Tối**
  Đêm Du Tử Lê II (chương trình riêng)
  - Thi sĩ **Du Tử Lê và Bằng Hữu**
* **Thứ Bảy 17 tháng Mười: 10 giờ Sáng**
  Bế giảng và trưng bày Tranh Thiếu Nhi (lớp Vẽ Hè 98) - Nữ họa sĩ **Suzie Vương**
* **Thứ Bảy 24 tháng Mười: 3 giờ Chiều**
  Ra mắt tập truyện Nắng Và Em
  - Nhà văn **Thu Hương** (Seattle)
* **Thứ Sáu 30 tháng Mười 1998**
  Hát cộng đồng: Cho Đồng Bào Tôi
  - Nhạc sĩ **Nguyễn Đức Quang và các Nhóm Trẻ**
* **Thứ Bảy mùng 7 tháng 11: 3 giờ Chiều**
  Gặp gỡ Thân Hữu - Họa sĩ **Trịnh Cung**
* **Chủ Nhật mùng 8 tháng 11: 3 giờ Chiều**
  Chiều Thơ Ca - Nhạc sĩ **Ngô Tín**
* **Thứ Bảy 14 tháng 11: 3 giờ Chiều**
  Triển lãm Tranh và ra mắt Sách
  - Họa sĩ **Nguyễn Huê**
* **Thứ Bảy 21 tháng 11 1998: 3 giờ Chiều**
  Văn nghệ Thơ Ca Mùa Thu
  - **Nhóm Thanh niên Bách Việt**
* **Thứ Bảy 28 tháng 11: 7 giờ 30 Tối**
  Trình tấu Tây-Ban-Cầm
  - Nhạc sĩ **Nguyễn Thái Cường**
* **Thứ Bảy mùng 5 tháng 12 1998**
  Hùng Sử Ca lần thứ Năm - **Ủy Ban Thanh Niên VAALA và các Hội Đoàn Trẻ**
* **Thứ Bảy 12 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
  Tình khúc Ngọc Trọng
  - Nhạc sĩ **Ngọc Trọng và Bằng Hữu**
* **Chủ Nhật 13 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
  Những Vần Tinh Khôi và Suối Văn
  - Nhà văn **Ngọc Thủy (San Jose)**
* **Thứ Bảy 19 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
  Trình tấu Nhạc Hội Mùa Đông
  - **The Stars Band**

Điều hợp lịch trình: **NGÔ MẠNH THU**
liên lạc: **(714) 534-9430; 537-8352**
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840

LITTLE SAIGON...

?

Tìm kiếm
những thương-hiệu danh tiếng
với các sản phẩm thân quen
của người Việt hải ngoại

Trong Tầm Tay của Bạn.

trên 10 ngàn địa chỉ
và số điện thoại
của các cơ sở
dịch vụ thương mại
của người Việt Nam làm chủ

hiệu chỉnh hoàn hảo hàng năm
tiện dụng cho mọi gia đình Việt Nam

30 ngàn cuốn
Niên Giám Điện Thoại NGƯỜI VIỆT
phát hành vào tháng Giêng 1999

NGƯỜI VIỆT
YEARBOOK 99

NGUOI VIET NEWS
14891 Moran St., Westminster, CA 92683-5599, USA
Tel: **(714) 892-9414** - Fax: **(714) 894-1381**
(Ấn phẩm miễn phí - cước bưu điện US$5.oo)

Tranh bìa: *Trẻ em nghèo*, tranh sơn dầu trên giấy rửa hình của **Rừng**, 11.5 x 8.5 in., 1991.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, Kịch đoàn Hải ngoại, tư liệu của Thế Kỷ 21.

MỤC LỤC

Số 115 . Tháng Mười Một 1998

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Tiên học phí hậu học văn - **Ngô Nhân Dụng**
18 Từ cuộc thách đố của Trung tướng Trần Độ đến phản ứng của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện - **Lê Trung Hưng**
26 Chỉ vì "tranh đấu giai cấp" mà những người ruột thịt hành hạ nhau - **Hà Sĩ Phu**
53 Một vụ tham nhũng đe dọa chế độ - **KTS PTS Hoàng Phúc Thắng**

TƯỞNG NIỆM BÙI GIÁNG

57 Nhà thơ Bùi Giáng qua đời
58 Xin hãy ngủ yên - **Bùi Như Hải**
59 Bùi Giáng và Nỗi lòng Tô Vũ - **Phạm Xuân Đài**

NHÂN VẬT - LỊCH SỬ

30 Đặng Huy Trứ, một vị quan do dân cử dưới thời phong kiến - **Lê Duy**
35 Sài Gòn 300 tuổi - **Huy Anh**
40 Ông Hồ mấy vợ - **Trần Gia Phụng**
62 Hồ Xuân Hương "rút nhầm tơ duyên" - **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**

NGÔN NGỮ

77 Cái gạch nối trong chữ Việt - **Phụng Nghi**
95 Câu chuyện từ điển Việt Nam - **Đặng Trần Huân**

XÃ HỘI - TIẾNG VỌNG

87 Nhìn qua các tiểu cộng đồng Việt Nam hải ngoại - **BS Trần Minh Tùng**
109 Vài ý kiến về "Khoa học và Chân lý" - **Trần Chung Ngọc**

VĂN

72 Chị Nẫm - **Trần Yên Hòa**
80 Làm chồng nhà văn - **Hoàng Nguyên Nhuận**
93 Trùng hợp - **Võ Doãn Nhẫn**
99 Hành lý bỏ lại - **Trần Mộng Tú**
102 Dưới mái đông lang và bên đầm nước - **Hồ Trường An**

THƠ

74. Thi vị hóa, nường - **Sử Mặc. 78. Sinh nhật - Trần Yên Hòa. 82.** Mốt mai về quê hương có phở - **Vũ Kiện. 90.** Một nén hương tri kỷ - **Lê Khắc Lý. 94.** Định nghĩa tình yêu - **Lê Nhiên Hạo. 100.** Kỷ niệm - **Nguyễn Mạnh Trinh. 104.** Tháng Mười - **Cao Xuân Tứ. 110.** Mùa tình - **Trần Huy Sao**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Đất - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
47 Sổ tay
112 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Phạm Phú Minh**
116 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

ĐẤT

VƯƠNG HỮU BỘT

Đồng bào Thọ Đà lại biểu tình về đất đai, đúng ngày Trung ương Đảng khai mạc Hội nghị lần 6. Năm 1996, *Thế Kỷ 21* đã thuật chuyện đất ruộng ở Thọ Đà bị trưng dụng cho công ty Daewoo và công ty Điện Tử Hà Nội liên doanh khai thác làm sân Golf, sau đó đồng bào biểu tình phản đối vì tiền bồi thường không thỏa đáng.

Người dân nghĩ rằng giá trị của việc sử dụng đất cao hơn số tiền bồi thường. Nhưng giá nào mới là giá thỏa đáng? Nhà nước, thường là cấp tỉnh, ấn định giá đền bù, nhưng họ căn cứ vào đâu? Như trong vụ Thủy Cung Thăng Long, nhà nước cho phép một tư nhân sử dụng 220 ngàn mét vuông đất cạnh Hồ Tây, đền bù cho dân 7600 đồng một m2. Sau đó ông này bán lại với giá 3 triệu 500 ngàn đ/m2. Cùng lúc đó, Sở Địa chính Hà Nội rao bán cũng khu đất đó với giá tối thiểu 5 triệu đ/m2. Ai biết giá nào là đúng?

Cứ như vậy thì sẽ còn nhiều vụ làm cho dân bất mãn. Trong thời kỳ kinh tế đang công nghiệp hóa, sẽ còn nhiều đất ruộng phải biến thành khu kỹ nghệ hoặc gia cư. Sẽ còn nhiều vụ bất mãn tương tự, đặt ra một vấn đề xã hội không biết bao giờ chấm dứt. Có người đã hỏi "bán đất rồi bao giờ đến bán nước?"

Mặt khác, trong các công ty liên doanh, phần hùn của phía Việt Nam thường chỉ là quyền sử dụng đất. Khi dân đòi tăng giá đền bù, lại đè cổ các công ty ngoại quốc ra bắt trả thêm. Nhưng trả thêm bao nhiêu mới đủ? Ở Thọ Đà, Daewoo trả rồi, lại thêm 100 gia đình đòi trả nhiều hơn, mai mốt còn ai sẽ đòi thêm nữa không? Một công ty ngoại quốc lỡ bỏ hàng triệu Mỹ kim vào rồi, rút ra cũng khó, họ sẽ thấy bị lừa, bị mắc bẫy tra chân vào rọ. Riêng vụ này sẽ khiến người ngoại quốc thấy đầu tư vào Việt Nam thêm một rủi ro mới. Họ càng thêm ngần ngại trước khi đầu tư, trong khi cả nước mong thu hút đầu tư, đây là một vấn đề kinh tế nan giải.

Hai vấn đề xã hội và kinh tế đó, chính phủ Hà Nội sẽ còn phải lo không biết bao giờ mới hết. Cần phải giải quyết tận gốc.

Vấn đề gốc trong vụ đất đai, ở Thọ Đà hay ở bất cứ nơi nào, là giá cả. Ở thôn quê là ruộng đất, ở thành phố là nhà cửa, trên cả nước là chương trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, bao chuyện có thể gây bất mãn, chung quy là vấn đề giá cả.

Giá cả là một đề tài quan trọng bậc nhất trong kinh tế học. Tất cả các nước, tư bản hay xã hội chủ nghĩa, khi đổi mới cơ cấu nền kinh tế, đều bắt đầu bằng quyết định để giá cả cho thị trường thương lượng, định đoạt tự do, thay vì để viên chức nhà nước ấn định. Điều này dễ hiểu: giá cả là tín hiệu của thị trường, là động lực kích thích người ta tìm cách sử dụng tối ưu các tài nguyên, và cũng cho người ta biết lựa chọn cách nào tốt nhất.

Đất đai là một tài nguyên. Các doanh nghiệp nhà nước là những tài nguyên. Kinh tế thị trường mạnh hơn kinh tế xã hội chủ nghĩa vì nó giúp phân bố tài nguyên hữu hiệu, nghĩa là dùng vào việc có lợi cao nhất cho nhiều người nhất. Thị trường không có một cơ quan Vật giá, một Ủy ban Kế hoạch, mọi giá cả do thuận mua vừa bán, nhà nước chỉ lo bảo đảm ai nấy có tin tức đầy đủ và công khai, và người tham dự được tự do lựa chọn, miễn không đi ngược với quyền lợi tập thể.

Vậy muốn giải quyết tận gốc vấn đề ruộng đất ở Việt Nam thì phải công nhận quyền sở hữu đất đai của người dân, từ nông thôn đến thành thị. Một công ty muốn mua đất làm sân Golf thì mặc cả với nông dân chủ đất. Nếu họ thấy cách họ sử dụng mang lợi gấp 10 lần làm ruộng thì họ có thể trả giá gấp năm, gấp bảy lần, vẫn còn lời. Nông dân có tiền vốn sẽ tính chuyện đổi nghề, hay kinh doanh trong các ngành công nghiệp. Mua bán xong không ai đi biểu tình. Nhà nước khỏi phải lo một vấn đề xã hội. Các công ty đi mua đất cũng bớt được một mối rủi ro đáng ngại.●

Hồ Trường

Nhơn đọc quý báo tháng May trang 7, 8, 9 và July trang 12, thấy có hai độc giả là Lộc Hà và Tu Phan tỏ ý muốn biết rõ hơn về bài Hồ Trường của tiên sinh Nguyễn Bá Trác, sẵn có tape của ái nữ của tiên sinh thâu tuyệt tác ấy cùng vài ba bài thơ khác trong một buổi họp các bạn vui chơi, tôi xin phép gởi quý báo để chuyển cho các độc giả đang quan tâm, mong quý vị được đẹp ý.

Nhân tiện, xin quý báo vui lòng giúp cho tôi một việc: Tiên sinh Nguyễn Bá Trác có viết một cuốn sách nhỏ tựa đề HẠN MẠN DU KÝ mà tôi tìm mấy lâu nay không ra. Nếu vị nào biết ai có, xin vui lòng mách dùm cho tôi, xin đa tạ.

Tôn Thất Hanh *(Montréal, Canada)*

Chúng tôi rất vui mừng và biết ơn ông Tôn Thất Hanh đã gửi tặng Thế Kỷ 21 cuốn băng do chính ái nữ của ông Nguyễn Bá Trác thực hiện, *trong đó có bài Hồ Trường do Lệ Ba ngâm. Trước khi diễn ngâm, trong cuốn băng có lời của bà con gái ông Nguyễn Bá Trác nhắn nhủ hai người con của mình là Rô (?) và Tuyết Lan như sau:*

"Trong băng cassette này, bài đầu tiên, Hồ Trường, thì Rô cũng đã biết là của ông ngoại, Tuyết Lan chưa được nghe lần nào. Giọng của cô Lệ Ba ngâm. Bài thơ Hồ Trường là bài thơ chí khí của ông ngoại, nhưng mà đó cũng là chí khí muôn đời của thanh niên."

Dưới đây chúng tôi ghi lại bài thơ theo đúng lời ngâm, và xin coi bản này như là một bản gần với nguồn gốc nhất mà chúng tôi có được cho tới nay.

HỒ TRƯỜNG

Đại trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù cương thường
Hà tất tiêu dao bốn bể lưu lạc tha phương
Trời nam nghìn dặm thẳm
Non nước một màu sương
Chí chưa thành, danh chưa đạt
Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương.
Vỗ gươm mà hát
Nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường.
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu
Rót về Đông phương, nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn
Rót về Tây phương, mưa phượng Tây từng trận chứa chan
Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút cát chạy đá giương
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt có người quá chén như điên như cuồng.
Nào ai tỉnh, nào ai say
Lòng ta ta biết, chí ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thỉ
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây.

Bài này xem ra rất gần với bài chúng tôi ghi lại theo trí nhớ trong số TK 21 tháng Năm 1998. Chỉ có một chỗ khác khá quan trọng, trong câu "Rót về Tây phương...," bản của chúng tôi ghi giống như hầu hết các bản đang lưu hành: "mưa Tây sơn *từng trận chứa chan," còn bản này là: "mưa* phương Tây *từng trận chứa chan."*

Riêng về cuốn Mạn Hạn Du Ký mà ông Tôn Thất Hanh hỏi, chúng tôi hiện không có và cũng không biết ở đâu có. Quý độc giả nào có tin tức gì về cuốn sách ấy và muốn giúp ông Tôn Thất Hanh, xin liên lạc với Tòa soạn, chúng tôi sẽ xin chuyển thư từ.

Cám ơn ông Nguyễn Văn Diên

Trên *Thế Kỷ 21* số 114, tháng 10-1998, trong mục Bạn Đọc Viết, ông Nguyễn Văn Diên có góp ý về bài "Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử" của tôi đăng trên TK 21 số 111, tháng 7-1998. Dưới thư ông Diên, có phần ghi chú của Tòa soạn là "hoan hỷ nhận làm trung gian." Tôi xin cảm ơn ông Diên và Tòa soạn *Thế Kỷ 21.*

Bài góp ý của ông Nguyễn Văn Diên có hai điểm rất lý thú:

Thứ nhất là sự phát hiện việc đổi từ họ Trần quan họ Bùi diễn ra sớm hơn những ghi nhận của chính sử. Ông Diên đã thận trọng

cho biết *"đây không phải là chính sử, đây chỉ là một câu chuyện do người họ Bùi kể lại..."* Người họ Bùi này là cụ Bùi Tuân. Cụ Bùi Tuân chẳng những là dân biểu thời Đệ nhất Cộng Hòa, cụ còn là một giáo sư đã dạy ở các trường Thiên Hựu và Pellerin Huế, một học giả và một nhà văn. Một nhân sĩ như cụ Bùi Tuân đem chuyện tổ tiên mình ra nói không phải là chuyện chơi, mà phải có căn cơ trong gia phả, hay truyền khẩu trong gia đình. Cụ Bùi Tuân nay đã qua đời. Tôi xin nhờ ông Nguyễn Văn Diên chuyển thư của tôi về gia đình con cháu cụ Bùi Tuân đề nghị một trong hai việc: hoặc có thể được, xin photocopy phần gia phả nói về việc đổi họ, hoặc xin xác nhận thêm một lần nữa đã được nghe truyền khẩu trong gia đình về việc đổi họ nầy. Việc nầy sẽ giúp làm sáng tỏ một cách chính thức việc đổi họ của các cụ ngày xưa.

Thứ nhì đây là lần đầu tiên tôi được biết về sự phối hợp trong việc hội ý của phương pháp viết chữ Nho với ý nghĩa của chữ Nôm để hình thành một chữ mới. Đây là một điểm lý thú về sử học cũng như ngôn ngữ học, có thể giúp chúng ta một phương pháp tìm hiểu thêm một số cổ tự chưa được giải mã trong tiếng Việt.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Văn Diên và Tòa soạn báo *Thế Kỷ 21*. Có lẽ tôi cũng nên thêm ở đây là sau bài "Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử," tôi được một độc giả gọi điện thoại cho biết là sau năm 1954 ở ngoài Bắc, vì sợ bị nhà cầm quyền cộng sản lên án là bảo hoàng, phong kiến, một số người đã đổi các chữ lót trong họ hoàng gia nhà Nguyễn như "Bửu, Vĩnh," hoặc từ họ Tôn Thất ra họ Nguyễn bình thường để tránh bị công an theo dõi. Chúng tôi hy vọng đây là những thay đổi nhỏ vì hoàn cảnh đặc biệt của đất nước mà thôi.

Trần Gia Phụng *(Toronto, Canada)*

Nước "Mỹ" hay nước "Mĩ"?

Từ đầu thế kỷ đã có cuộc tranh luận về i-cụt, y-dài. Mới đây trên báo *Thế Kỷ 21* lại vừa chớm nở cuộc tranh luận về đề tài đó.

Từ hồi mài dũng quần trên ghế nhà trường, chúng tôi, cũng như mọi người, đã được các thầy cô dạy phân biệt i-cụt, y-dài như:

Nước Mỹ *không phải* nước Mĩ
Bánh mì *không phải* bánh mỳ
Vô ý *không phải* vô í
Đi ị *không phải* đi y.

Kịp đến lúc được thụ giáo với những giáo sư chuyên môn, chúng tôi được học hỏi thêm những định đề như: *Ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói là một. Ngôn ngữ nói có trước. Ngôn ngữ viết chỉ là một bộ phận bất khả phân của ngôn ngữ nói...*

Chúng tôi đã học nằm lòng những định đề đó và từ đó chúng tôi tự cho phép đồng hóa, một cách vô tội vạ, i-cụt với y-dài:

Nước Ý *hoặc* nước Í
Dân Bỉ *hoặc* dân Bỷ
Một tý *hoặc* một tí
Vô lí *hoặc* vô lý.

Có bạn trong lớp chúng tôi khi nộp bài cho cố giáo sư — đồng thời là nhà ngôn ngữ học lỗi lạc — Lê Văn Lý còn dám sửa y-dài trong tên của ngài ra i-cụt (Lê Văn Lí), liền bị giáo sư cười giằn mặt: "Bộ các anh muốn hạ tôi hả?"

Chúng tôi liền hiểu là giáo sư thích chúng tôi viết tên cúng cơm của ngài là Lý (y-dài) thay vì Lí (i-cụt).

Tại sao? Chúng tôi nghĩ có lẽ vì Lý (y-dài) xem trang trọng hơn Lí (i-cụt), như chúng tôi mặc quần dài đi học vẫn là trang trọng hơn là quần cụt!

Tôi có ba cháu đều có tên vần cuối là i. Tôi trang trọng cả ba cháu nên vẫn quen gọi tên ba cháu một cách trang trọng đồng đều. Không có vấn đề. Kịp đến ngày tôi biên thư cho các cháu thì cả ba cháu, cháu nào cũng bảo: "Cháu không thích ông viết sai tên cháu." Tôi đã viết Thúy-Vi/ Uyên-Vi/ Huyền-Vi. Thì ra các cháu đều không thích tôi viết i-cụt và đều muốn tôi sửa lại y-dài: Thúy-Vy/ Uyên-Vy/ Huyền-Vy!

Trang trọng, thuần túy thói quen hay tình cờ? Chưa có lý (y-dài của lý trí?) chắc chắn. Nhưng thiết tưởng ngôn ngữ nói có lo-gic riêng. Ngôn ngữ viết cũng có lo-gic riêng của nó:

Nàng (Ngôn Ngữ Nói) với Ta (Ngôn Ngữ Viết) tuy hai mà một
Ta với Nàng tuy một mà hai!

Bằng Vũ *(Clearwater, Florida)*

Dấu gạch nối

Tôi xin cám ơn quý ông đã có những bài rất giá trị về việc dùng chữ "i" hoặc "y" một cách hợp lý trong khi viết chữ Việt. Nay tôi xin yêu cầu quí ông vui lòng cho biết cách dùng dấu gạch nối (-) (trait d'union) thế nào cho đúng. Trước 1975 tôi thấy các sách báo thường dùng dấu gạch nối này, nhưng bây giờ thì hầu như không thấy dùng nữa, thỉnh thoảng mới thấy vài

bài dùng đến.

Tường Lưu *(Houston, TX)*

Thật là một tình cờ lý thú. Chúng tôi đã chuẩn bị bài "Cái gạch nối trong chữ Việt" thì vừa được thư ông. Vậy mời ông và quý vị độc giả xem bài ấy trong số báo này.

Vò rượu ngon

Trong bài Về Tắm Ao Xưa của Bùi Dương Chi (TK 21 số 114), tấm ảnh chụp hai người cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa, một mù một què, cùng cưỡi trên một chiếc xe đạp giúp nhau đi kiếm sống trên mảnh đất quê hương, khiến tôi liên tưởng tới câu nói của Einstein sau khi hoàn tất thuyết Tương đối: "Tôn giáo không có khoa học thì què, khoa học không có tôn giáo thì mù." (Religion without science is lame, science without religion is blind). Hành động của hai người Việt Nam nương vào nhau để có thể sử dụng được xe đạp giống như sự hài hòa phát sinh từ sự hỗn mang (Order out of chaos).

Tôi để ý khi Thế Kỷ 21 có những bài hay (hoặc "gây ra vấn đề") , độc giả thường góp ý để làm sáng tỏ hơn. Khi góp ý, sự bất đồng của độc giả là chuyện rất thường. Những quan điểm khác nhau là hơi men làm nồng đượm thêm câu chuyện, làm hứng khởi lòng người.

Trước đây mấy năm có đề tài "Chữ nghĩa," sau ít lâu có "Destiny là dân chủ hay định mệnh." Hai đề tài này đã quy tụ được nhiều cây viết gạo cội bàn cãi sôi nổi. Gần đây có vấn đề "Quantum mechanic hay là đông tây bất hợp" có các ông Khôi, Vũ, Phi, Phu, Ngọc thảo luận hăng say. Hiện nay đề tài "Chính tả tiếng Việt" cũng đang chờ đón ý kiến từ mọi giới. Nếu ví mỗi đề tài là một vò rượu ngon và mỗi độc giả là một bạn hiền, thì Thế Kỷ 21 đã và đang là nơi hò hẹn của những người cùng một sở thích ưa nhắm rượu ngon, và khi nhắm thì phải có bạn bè đông đảo trò chuyện, thậm chí đôi khi cãi nhau, mới vui.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

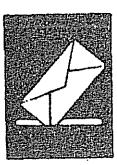

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Xuân Quang, Trần Minh Tùng, Đỗ Thì Kênh G, Đoàn Văn Phi Long, Doãn Quốc Sỹ, Trần Chung Ngọc, Trần Yên Hòa, Trần Huy Sao, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Võ Doãn Nhẫn, Hoàng Nguyên Nhuận, Trần Gia Phụng, Nguyễn Thị Khánh Hà, Cát Tân, Nguyễn Lâm, Babui, Nhuệ Hồng, Bình Huyên, Hồng Khắc Kim Mai, Huệ Thu, Hà Thượng Nhân, Lê Trung Hưng, Quang Võ, LXY, Dung Nham, Lê Khắc Lý, Trần Vấn Lệ, Sương Mai, Duflot Thủy Tiên, Trần Huy Sao, Vũ Anh Mai, Lê Nhiên Hạo, Trần Trung Tá, Nguyễn Tấn Hưng.

Số báo Xuân chót của thế kỷ 20

Cùng quý văn hữu và bạn đọc,

Số báo Xuân sắp đến, năm con Mèo, 1999, sẽ là số báo Xuân cuối cùng của thế kỷ 20. Từ khi tờ báo Phong Hóa của nhóm Tự Lực Văn Đoàn đặt ra lệ làm báo Xuân vào giữa thập niên 30, đến nay đã hơn 60 năm. Và chúng ta chỉ còn làm một tờ báo Xuân nữa thôi, trước khi giã từ thế kỷ này để bước sang thế kỷ 21, là cái mốc thời gian mà tờ tạp chí Thế Kỷ 21 của chúng ta nhắm tới từ mười năm qua.

Tờ báo Xuân năm nay do đó, ngoài nội dung Xuân thường lệ, sẽ ít nhiều có tính cách tổng kết thế kỷ qua, đồng thời cũng hé mắt nhìn xuyên qua khung cửa của thiên niên kỷ sắp tới. Chỉ còn hơn ba tháng nữa là đến Tết, mong quý văn hữu và bạn đọc chuẩn bị đóng góp bài vở và ý kiến cho tờ báo Xuân Thế Kỷ 21 ngay từ bây giờ, để chúng ta có được "một số báo Xuân chấm dứt thế kỷ" một cách như ý. Chân thành cảm tạ quý vị.

Nguyễn Kết *(Aarhus, Đan Mạch)*: Không ngờ bạn đang ở trong một tâm trạng như vậy. Cách tốt nhất là để tâm và trí lắng lại, rồi "việc gì hãy còn có đó." Chân lý là một việc dài lâu, trầm tĩnh, không phải là việc chưởng lực đấu nhau veo véo qua lại. Mong bạn bình tĩnh xem lại hết những gì liên hệ, và sẽ viết những gì cần viết với một tấm lòng thật thanh thản, như thế sẽ giúp ích được nhiều người. Thân.

Lê Nguyễn *(Huntsville, AL)*: Tập thơ ấy không bị lạc, đã nhận được từ lâu. Sẽ nhắc nhở người phụ trách. Nhiều khi bài vở, sách báo, thư từ bị... lọt sổ vì một lý do rất lãng xẹt, mà người ta hay gọi chung là "tai nạn nghề nghiệp." Nghe nói anh lại sắp dọn nhà đi một tiểu bang khác, chúc anh tìm được nhiều thuận lợi nơi cư trú mới, trong đó có cả việc sáng tác. Xin cho biết địa chỉ mới ngay sau khi tới nơi. Mong mọi sự được may mắn.

Hộp thư trị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Thừa Tín (GERMANY), Trần Mỹ Ngọc (Glendale CA), Lê Văn Tư (Madison WI), Phạm Cao Củng (N. Lauderdale FL), Nguyễn Văn Hy (Chicago IL), Tạ Ánh Tuyết (Miami FL), Nguyễn Hữu Thanh Lăng (Honolulu HI), Khanh Công Nguyễn (Des Moines WA), Nguyễn Huy Xương (New Orleans LA), Trần Ngọc Đại (Orlando FL), Khải Đoàn (Riverside CA), Lê Văn Tỉnh (Oakland CA), Trần Thị Hằng (Garden Grove CA), Nguyễn Đức Tâm (Thousand Oaks CA), Tân Văn Hồng (Garden Grove CA), Trần Trung Hoa (DENMARK), Ánh Nguyễn (Chico CA), Nga Thái (Rosemead CA), Lê Duy Thống (Pinole CA), Lê Nguyễn Minh Đức (Alexandria VA), Hạnh Đoàn (Charlotte NC), Bích Đào (FRANCE), Chi Dòng Đồng Công (Carthage MO), Phạm Hữu Thành (FRANCE), Trần Huy Sao (San Diego CA), Nguyễn Thị Đa Minh (GREECE), Nguyễn Đức Mai (Sunnyvale CA), Lâm N. Nguyễn (Elgin IL), Lũy Đức Nguyễn (Sparks NV), Cung Đỗ (Novato CA), Nguyễn Văn Đại (Beaverton OR), Quang Đại Trần M.D. (Lowell MA), Nguyễn Tử Quý (Fountain Valley CA), Anh T. Bạch (Corte Madera CA), Thạch Lê (San Diego CA), Phạm Huân (Agoura CA), Lê Khắc Lý (Fullerton CA), Hà Trung Liêm (Omaha NE), Trương Toàn (San Diego CA), Nguyễn Văn Trung (CANADA), Nguyễn Ngọc Liên (Jersey City NJ), Trương Thu Ly (UNITED ARABS), Trương Ngọc Tích M.D. (Dallas TX), Yarra Plenty reg Library (AUSTRALIA), Nguyễn Gia Tiên (SWITZERLAND), Bùi Minh Đức (SWITZERLAND), Nguyễn Quang Bình (Rosemead CA), Vương Hữu Thiệu (Irvine CA), Thanh Huỳnh (Chino Hills CA), Thiên Hương Sens (Renton WA), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Cao Phùng (Mt Pleasant IA), L. Phan (Torrance CA), Lê Văn Xe (JAPAN), Hà Quốc Bảo (Richland WA), Nguyễn Giao (Okla City OK), Kiệt Trang (San Diego CA), Vinh Quang Phạm (Lake Forest CA), Trần Roanh (Dorch MA), Tạ Xuân Tác (Eden Prairie MN), An Nguyễn (Grand Rapids MI), Lê Đức Vi (Portland OR), Trần Minh Tú (Seattle WA), Duflot Thủy Tiên (FRANCE), Đặng Đức Nghiêm (Westminster CA), Từ Văn Đạt (New Hope MN), Lại Thế Hưng (CANADA), Mai Liên Kohlmann (Newport Beach CA), Mai Thái (Tampa FL), Chu V. Hải (Kingstowne VA), Đỗ Hữu Thuận (Anaheim CA), Vincent Lê Phú Hải (FRANCE), Nathalie Donge (Potomac MD), Võ Đ. Nguyên (Olympia WA), Hoàng Phương (Royal Oak MI), Phạm Văn Hủng (St Petersburg FL), Khánh Huỳnh (St Louis MO), Nguyễn Quyên (Olympia WA), Judy Đàm (San Gabriel CA), Nguyễn Lương Điền (San Jose CA), Nguyễn Minh Lý (Champaign IL), Nguyễn Tấn Vinh (NORWAY), Phấn Nguyễn Barker (Kailua Kona HI), Phạm Nguyên Hồng (El Paso TX), Sony Vo (San Diego CA), Hoa Nguyen (Garden Grove, CA), Mai Viết Thủy (AUSTRALIA).

Độc giả đổi địa chỉ:

Nguyễn Nam Anh (New Orleans LA), Nghiêm Xuân Hy (Garden Grove CA), Nguyễn Viết Khánh (San Jose CA), Hồ Minh Dũng (Laurenceville GE), Huỳnh Hữu Ủy (Garden Grove CA), Lê Hữu Khóa (FRANCE), Vũ Đức Bằng (Tarpon Springs FL).●

TIÊN HỌC PHÍ HẬU HỌC VĂN

NGÔ NHÂN DỤNG

Ở Sài Gòn, báo chí xôn xao chuyện các trường công thu học phí tùy tiện, không chừng mực nào cả. Ông Phan Gia Hoài ở Quận Bình Thạnh viết trên báo Thanh Niên (26-9-1998) lá thư nhắc lại lời các phụ huynh than thở: "Tiên học phí hậu học văn!" Một vị khác nói: "Thời nay, con em đi học, cha mẹ bị hành." Ông Hoài viết thư đăng báo vì "tâm trạng ấm ức" sau khi đi dự buổi họp đầu năm giữa phụ huynh học sinh và nhà trường. Thư mời họp ghi nhiều đề tài rất đáng quan tâm, nhưng năm phút sau khi bắt đầu, "nhà trường" chỉ nói đến "những khoản tiền phải đóng góp, hỗ trợ trên tinh thần tự nguyện!" Ông Hoài viết: "phụ huynh chẳng biết (tiền đóng góp) chi dùng vào việc gì nhưng cũng đành phải... ấm ức gật đầu... Chẳng ai dại gì mà phản đối!"

Chẳng ai dại gì mà phản đối. Không cứ chuyện học phí, mà nhiều chuyện khác. "Sợ" vẫn là một tâm lý điển hình, một nghệ thuật tồn tại, kể từ thời cụ Nguyễn Tuân còn sống! Tâm trạng sợ hãi thường xuyên, lâu đời của người bị trị cũng nuôi dưỡng thái độ, cung cách chủ nhân ông của người thống trị. Một tờ báo khác ở Sài Gòn cho thấy một thí dụ.

MỘT NĂM HỌC TỐN MỘT TẤN RƯỠI THÓC

Báo *Người Lao Động* đăng ý kiến của các phụ huynh học sinh trường Hoàng Diệu, Thủ Đức, thắc mắc tại sao mỗi em học sinh phải đóng 1,2 triệu đồng "tiền cơ sở vật chất," và họ hỏi có văn bản nào cho phép không? Tiếp đó, báo này cũng đăng thư phúc đáp của bà Hiệu trưởng Nguyễn Vị Hồ. Bà Hồ trả lời như sau:

...Số tiền 1,2 triệu tùy theo sự thỏa thuận giữa phụ huynh và nhà trường. Không có văn bản nào cả. Phụ huynh đồng ý, bằng lòng với cách quản lý, cơ sở vật chất của trường thì cho con học, không đồng ý thì thôi! Nhà trường không bắt ai phải đóng cả! Nếu không đủ tiền đóng 1,2 triệu cho con học bán trú thì cho con học lớp một buổi, chỉ đóng có 15.000 đồng theo quy định của Sở giáo dục. Khi tôi thu, tôi làm việc có bài bản chứ không phải tự dưng mà thu. Tức là chúng tôi đã họp với phụ huynh học sinh đàng hoàng, sau đó họp riêng với từng phụ huynh. Năm nay quận cho 250 triệu, trường bỏ ra thêm 200 triệu để xây thêm 2 phòng, một toa lét. Nếu phụ huynh không đóng tiền thì lấy đâu ra chỗ cho con các vị học?

Trường của tôi dân địa phương học rất ít, đa phần ở các nơi đến học. Nếu phụ huynh không bằng lòng thì cho con học gần nhà đi. Mắc mớ gì đến đây làm chi!

Nói thật, lớp 1 người ta cầu cạnh, đóng 10 triệu cũng đóng chứ không phải 1,2 triệu đâu! Tôi khẳng định như vậy! Tôi chỉ thu một lần đầu năm. Còn trong năm không thu một đồng nào. Với một môi trường thế này thì đóng 1,2 triệu/năm là quá rẻ!"

Phải in lại nguyên văn bài trả lời của Bà Hồ, (cả các từ và câu viết sai trong nguyên văn,) để thấy khẩu khí của con người. Đọc lời văn của Bà Hồ chúng ta có cảm tưởng bà đang trấn thủ một góc chợ, hoàn toàn không phải khẩu khí một nhà giáo dục. Trong bốn phần Công Dung Ngôn Hạnh, Bà Hồ không biểu lộ được ngôn và hạnh, có thể làm Thủ trưởng Cơ sở Công Dung thôi.

Cũng trong tờ báo này (ngày 16-09-1998), Bà La Cẩm Vân, hiệu trưởng trường Tiểu học Kết Đoàn ở Quận 1, Sài Gòn, giải thích tại sao đầu niên học mỗi học sinh lớp Năm phải đóng tới 699.000 đồng: *"Trường không có sẵn cơ sở*

vật chất nên phải thuê phòng học và trang bị nhiều thứ khác. Ngoài ra HS phải đóng tiền để trả lương cho giáo viên. Các khoản thu cụ thể là: học phí: 120.000 đ/tháng; điện máy lạnh: 25.000 đ/tháng; vệ sinh: 5.000 đ/tháng; tiền ăn: 99.000 đ/tháng; mua sắm bán trú: 100.000 đ/học kỳ 1; thuê mặt bằng: 50.000 đ/tháng; xây dựng cơ sở vật chất: tu bổ đợt 1: 300.000 đ/HS, số tiền này chỉ đóng một lần trong suốt niên học. Tổng cộng 699.000 đ." Riêng các khoản thu hàng tháng là 299 ngàn đồng, trong chín tháng mỗi học sinh phải đóng 2 triệu 691 ngàn đồng. Cộng với các món đóng cho từng học kỳ, cho cả năm, mỗi năm một học sinh trường Kết Đoàn phải đóng 3.191 ngàn đồng, tương đương 228 đô là Mỹ, theo tỷ giá 14 ngàn đồng một Mỹ kim.

Báo *Người Lao động* kể tại trường N. ở Quận 3, học sinh vào lớp Một phải đóng hai triệu mua bàn ghế học sinh; khi lên năm thứ hai, các trò này lại phải ngồi bàn ghế cũ, xấu, nếu không chịu đóng tiền mua bàn ghế khác. Một phụ huynh thắc mắc: "Đóng hai triệu đồng chỉ để con mình có chỗ ngồi tốt một năm. Liệu đây có phải trường công lập nữa hay không?" Học sinh đóng tu bổ cơ sở, mua bàn ghế, rồi nhà trường còn sử dụng để "kinh doanh giáo dục," sinh lợi thêm. Báo *Sài Gòn Giải phóng* (26-9-98) kể tại một trường công có đăng bảng "tuyển sinh hệ Anh văn tại chức" cho các cán bộ. Ký giả Kinh Đô hỏi: "người lớn đi học ngoại ngữ nghĩ gì khi con trẻ đi học phải đóng tiền bàn ghế cho chính mình, còn người lớn không đóng đồng nào cũng ngang nhiên vào học... Xấu hổ thay!" Ký giả nói bàn ghế nhỏ mà cho các cán bộ, quan chức "thân hình to lớn và trọng lượng hơn các cháu 3 - 4 lần" ngồi, nên một năm sau phải mua sắm lại.

Học sinh phải đóng tiền lương thầy cô, tiền điện, tiền vệ sinh, tiền mua bàn ghế, cả tiền thuê đất, v.v., tính ra còn đóng nhiều thứ hơn trường tư ngày xưa, chỉ thu một thứ gọi là "học phí" thôi. Sao không để cho tư nhân tự do mở trường cạnh tranh? Chắc chắn họ sẽ thâu ít tiền hơn và cố dậy dỗ giỏi hơn!

Muốn biết những số tiền 1, 2 triệu và 3 triệu có giá trị như thế nào thì thử tính ra giá thóc lúa. Theo tin báo *Sài Gòn Giải Phóng* thì giá lúa ở Sóc Trăng vào giữa tháng Chín chỉ có 1.300 đồng một ký, lúa khô đạt tiêu chuẩn xuất khẩu giá 1.900-2.000 đồng một ký. Nghĩa là muốn cho con đi học đủ hai buổi ở trường Bà Hồ thì tốn ít nhất sáu trăm ký thóc (đó mới chỉ là "tiền cơ sở vật chất" mà thôi, chưa kể các khoản khác;) ở trường tiểu học Kết Đoàn thì một năm tốn một tấn rưỡi thóc! Một nông dân may mắn có ruộng làm thì mỗi năm sản xuất được bao nhiêu ký thóc?

Trên báo *Sài Gòn Thị Trường* (ngày 26-9-1998), ký giả Vĩnh Phương kể chuyện bé Sáu, học lớp Bốn ở Bình Chánh phải nghỉ học, vì cha mẹ không thể đóng 100 ngàn tiền học. *"Bé Sáu là đứa con thứ tư phải nghỉ học, thấy cháu học giỏi lại chăm tui cũng nghĩ thầm là ráng lo cho một đứa, nhưng không nổi,"* chị Năm than thở. Hai vợ chồng chị là "thợ đụng," ai mướn làm gì thì làm việc đó. Bây giờ đất trồng trọt giảm vì xây xất, không có ai mướn làm ruộng; họ lãnh củ hành, bắp cải về lột, lột cả ngày chỉ kiếm được mươi, mười lăm ngàn đồng! Ký giả Vĩnh Phương kể tiếp chuyện chị Linh ở Lê Minh Xuân, hai vợ chồng phải tháo bốn tấm ván ép dùng để ngăn phòng ngủ, năn nỉ mới có người trả 160 ngàn, đóng 139 ngàn cho con được đi học.

Những câu chuyện trên đây cho thấy tình trạng giáo dục ở Sài Gòn, thành phố giầu nhất nước. Ở thôn quê, ở miền Trung còn khổ hơn nữa.

ĐẢNG VỊ HỒ

Chúng ta thử tìm hiểu thư trả lời của bà Nguyễn Vị Hồ. Lý luận của bà Vị Hồ phản ảnh tinh thần "kinh tế thị trường": Thuận mua, vừa bán, khách hàng không chịu giá thì đi chỗ khác mua! Như vậy thì có gì sai trái không?

Điều sai trái thứ nhất là: trường Hoàng Diệu không phải một cơ sở thương mại, và bà Nguyễn Vị Hồ không phải là chủ nhân bỏ vốn của mình ra khai thác cơ sở thương mại đó để "lời ăn, lỗ chịu!" Sai trái thứ hai: cái "giá" 1 triệu 200 ngàn đồng, tiền "cơ sở vật chất" mà bà Vị Hồ đòi "khách hàng" phải trả, không phải là "giá thị trường." Chỉ có "giá thị trường" khi hai bên thỏa thuận và người mua, kẻ bán được tự do lựa chọn, tự do cạnh tranh!

Hai điều sai trái đó, bà Vị Hồ không nhìn thấy. Nhưng bà không thể thấy được, vì Bà Hồ chỉ lập lại các lý luận quen thuộc bà vẫn nghe mà thôi! Ở nước ta bây giờ đảng Cộng Sản cũng dùng đúng các "lý luận Bà Hồ" khi bênh vực "quyền lãnh đạo" của đảng.

Về điểm thứ nhất, giáo dục là một dịch vụ mà nhà nước, bất cứ ở đâu và dưới bất cứ dưới chế độ nào, phải cung ứng miễn phí cho

con em. Trường Hoàng Diệu, Thủ Đức, cũng như các trường công và bán công khác đều là cơ sở của dân, mọi người dân có quyền sử dụng, chứ không phải là ân huệ nhà nước ban cho. Việc xây dựng lớp học, làm nhà vệ sinh, sơn sửa trường sở, mua bàn ghế, trả lương thầy cô giáo, v.v. là bổn phận của nhà nước. Nhà nước thâu đủ các thứ thuế nộp vào ngân sách của xã, tỉnh, quận, cho đến trung ương, cũng do dân ủy nhiệm cho, theo các hợp đồng chung gọi là "quy chế hành chánh." Trong guồng máy giáo dục, nhà nước bổ nhiệm các hiệu trưởng, giáo viên, họ chịu trách nhiệm với chính phủ. Mà chính phủ do dân bầu lên một cách tự do, trực tiếp hay qua các đại diện dân cử, thì chịu trách nhiệm với dân. Cuối cùng, tất cả lãnh lương của dân và chịu trách nhiệm với dân.

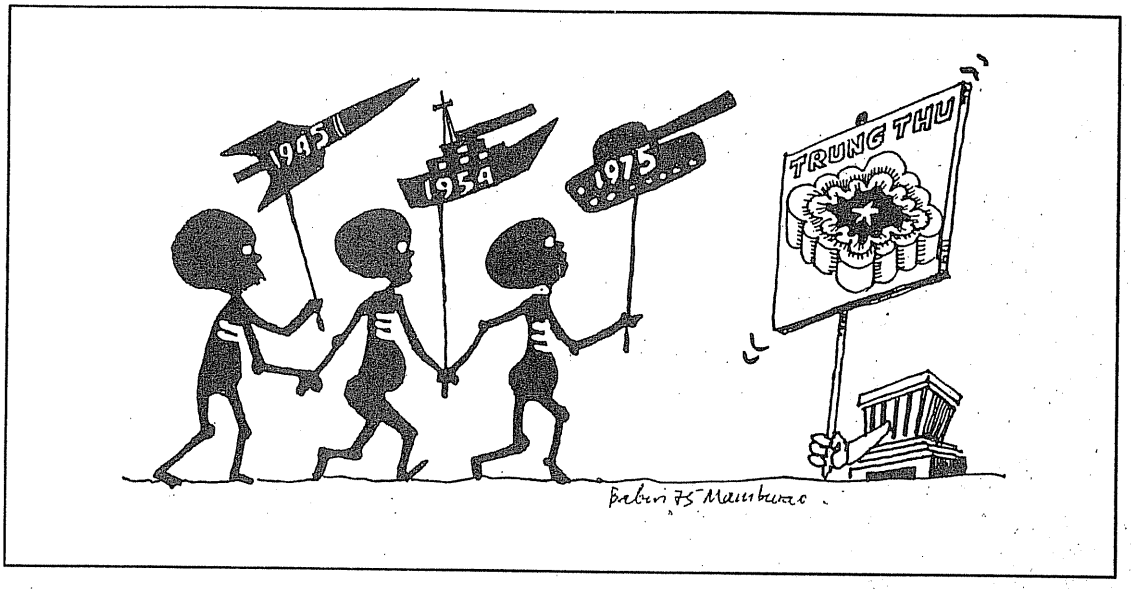

nhà nước có bổn phận phải dành một phần ngân sách cho việc giáo dục, cho dịch vụ y tế, cũng giống như dành tiền sửa sang đường xá, cống rãnh v.v. Đó là những bổn phận tự nhiên của bất cứ chính phủ nào, dù theo ý thức hệ nào.

Loài người trở thành văn minh hơn khi biết quan niệm rằng nhà nước chỉ là quản lý, chứ không phải chủ nhân ông, nhân dân mới thực sự là chủ. Đóng vai Quản lý nghĩa là được chủ nhân ủy nhiệm. Thường trong một hợp đồng ủy nhiệm người ta chỉ có hai vai: chủ nhân ủy nhiệm và quản lý được ủy nhiệm. Vấn đề rắc rối từ khi có bọn người thứ ba chen vào, nhất định xin đóng vai lãnh đạo. Cái vai lãnh đạo này là thừa, cho nên nó phải tự biện hộ cho vai trò của mình, bằng cách tự mình vừa đóng vai chủ nhân, rồi kiêm nhiệm vai quản lý. Dân đành "ấm ức gật đầu," không thì đã có còng số tám.

Ngôi trường Hoàng Diệu là của dân Thủ Đức, không phải tài sản của "đảng và chính phủ" hay của bà Nguyễn Vị Hồ. Bà Hồ đóng vai hiệu trưởng là do một sự ủy nhiệm. Trong một nước dân chủ thì bất cứ công chức nào

Khi hiểu như vậy thì không thể chấp nhận lý luận kiểu Chợ Đồng Xuân: "Ai không chịu trả giá đó thì đi chỗ khác!" Lạ thật, ngôi trường của người ta, giờ có bà Vị Hồ đến làm như chủ trường, bảo người ta cho con đi học chỗ khác!

Ở Việt Nam thì Bà Nguyễn Vị Hồ đóng vai hiệu trưởng cũng như ông Phan Văn Khải làm thủ tướng nhờ cả đời phấn đấu để được đảng tín nhiệm chứ họ không cần dân tín nhiệm. Cũng như các ông tỉnh ủy nổi tiếng ở Thanh Hóa, Thái Bình trước, họ phải trả lời khi đảng đem ra xử lý nội bộ, không phải trả lời trước dân chúng. Đảng Cộng Sản là một đảng của những bà Vị Hồ, họ nắm mọi quyền hành cũng như bà Vị Hồ giữ chức hiệu trưởng: cả hai đều không cảm thấy chịu trách nhiệm trước dân. Chỉ một điều này cũng cho thấy sự thật đó: Đố anh dân nào dám nói đến chuyện mời băng đảng của bà Vị Hồ đứng dậy đi chỗ khác, đừng ngồi trên đầu mình nữa! Dân Việt Nam được tập cho quen "gật đầu ấm ức" từ lâu rồi.

Đảng Vị Hồ không phải chịu trách nhiệm vì họ không cho dân dùng lá phiếu bầu tự do.

Nếu có thì Trung tướng Trần Độ đã chẳng phải thiết tha đòi đảng của ông phải thực hiện bầu cử tự do. Đảng Vị Hồ cũng "tự gánh vai trò lãnh đạo," thấy cái gì hay hay ở bên Nga, bên Tầu thì đem về dùng thử, làm chết người rồi thì xin "sửa sai," dân chúng muốn hay không muốn cũng vậy. Họ bắt dân miền Nam (và cả nước) theo Chủ nghĩa Xã hội, trước khi hỏi ý kiến dân chúng có muốn hay không — điều này cũng chính cựu Ủy viên Trung ương, cựu Phó Chủ tịch Quốc hội Trần Độ vạch ra.

Thường ai nắm quyền lâu thì coi quyền hành là tự nhiên thuộc về mình, tài sản quốc gia là để mình sử dụng, mình là "Con trời." Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam hành sử như một "Thiên tử" tập thể — chỉ thay chữ Thiên bằng chữ Nhân Dân. Hai chữ Nhân Dân cũng trừu tượng như Trời, không liên quan gì đến những người dân đang lo con thất học ở Quận Thủ Đức, đang lo đói, từ Hà Tĩnh vào Quảng Trị. Vì những thằng dân thật đó không được tự do bầu cử thì làm sao bầy tỏ ý kiến.

ẤM ỨC GẬT ĐẦU

Bà Nguyễn Vị Hồ viết những câu như: "Trường của tôi.., Mắc mớ gì đến đây làm chi?" Bà thách thức phụ huynh học sinh nào không chịu trả giá 1,2 triệu thì đem con đi chỗ khác. Bà Hồ quên mất rằng ngôi trường đó không phải "Trường của tôi." Thái độ của đảng Vị Hồ và bà Vị Hồ chẳng khác gì một anh vào đòi ở trong nhà người ta, rồi sau khi ở đó ít lâu, bắt đầu buộc chủ nhà phải đóng lệ phí mỗi khi muốn nấu bếp, hay vô dùng nhà vệ sinh. Người ta than thở thì bảo: "Không đóng tiền thì làm sao có tiền thuê tôi quét dọn, lấy đâu ra chỗ cho các vị dùng? Nếu các vị không chịu thì đi chỗ khác, mắc mớ gì mà đến đây?" Kẻ thoán đoạt coi việc anh ta cho chủ nhân được vào dùng nhà vệ sinh là một ân huệ, đáng lẽ chủ nhà phải ngâm thơ "đời đời biết ơn" mới phải! Cũng vậy, bà Vị Hồ coi việc con em trong Quận Thủ Đức được đi học là một ân huệ bà ban cho, bà không thấy rằng "nhà nước và nhà trường có bổn phận phải dậy dỗ các em, và nhà nước ở xứ nào cũng có bổn phận duy trì trường sở, trả lương giáo chức."

Nếu sống trong chế độ dân chủ và kinh tế thị trường thật sự, các vị Hiệu trưởng như bà Nguyễn Vị Hồ sẽ có thái độ khác. Bà sẽ biết vai trò hiệu trưởng mình đóng là do một sự ủy nhiệm dây chuyền, bắt đầu từ người dân ở trên cao nhất ủy nhiệm cho chính phủ và Quốc hội, dần dần xuống dưới, mình là người làm thuê, không phải là chủ nhân. Ở một nước dân chủ với kinh tế thị trường, khi phụ huynh bất đồng ý kiến về học phí, bà Hồ sẽ thách thức rằng: "Nếu quý vị cử tri không chịu đóng 1,2 triệu thì trường thiếu tiền, việc dậy dỗ kém đi **tôi sẽ đi chỗ khác, trả lại trường cho quý vị!**" Nói như vậy thì anh hào biết mấy! Nếu anh hùng hơn nữa, bà Hồ phải yêu cầu chính quyền quận, chính quyền tỉnh, cho đến Bộ Giáo dục phải cung cấp đủ tài khoản cho một nền giáo dục miễn phí, nếu không thì bà yêu cầu họ từ chức hết! Bao giờ bà Hồ, các bà Hồ ở nước ta có lối suy nghĩ như vậy thì dân ta may mắn biết bao! Lúc đó không cần thuê người làm thơ, dân chúng cũng đời đời biết ơn.

Thói quen coi tài sản quốc gia là của mình chứ không phải của dân, từ Bộ Chính trị xuống đến cán bộ thấp nhất, giống nhau như vậy. Vì họ bắt dân nghe lệnh, ngoan ngoãn quen rồi, họ còn đặt ra các cơ chế bầy cho dân cách "ấm ức gật đầu" mà không mất thể diện. Bà Hồ khoe bà có họp bàn với Hội phụ huynh học sinh về số tiền đóng góp. Muốn biết các buổi họp đó ra sao, phụ huynh tự nguyện đóng góp như thế nào, thì chúng ta có thể mở báo *Thanh Niên* ở Sài Gòn ra đọc. Báo này kể rằng nhiều phụ huynh học sinh cho biết *"Do sợ con em bị ... đi, và thấy ai cũng im lặng đóng, nên cũng phải đóng tiền, dù trong lòng rất ấm ức!"* (báo Thanh Niên in nghiêng). Báo này cũng nói hoạt động của hội PHHS "dẫn đến tình trạng **"tự nguyện bắt buộc"** khi đóng góp." Đối với bà hiệu trưởng thì Hội Phụ Huynh Học sinh đóng vai không khác gì Quốc hội hay Mặt trận Tổ quốc đối với đảng vậy, điều đó ai cũng biết!

Báo Sài Gòn Thị trường kể trường hợp anh Hồng, làm nghề thợ hồ, đang thất nghiệp. Anh mừng khi nghe tin có người dám khiếu nại về *"những khoản thu không hợp lý"* của nhà trường. Anh đi họp, hy vọng nhà trường sẽ "giảm bớt một số khoản thu." *"Nhưng đến trường họp anh lại không dám có ý kiến. Đến lúc nhà trường biểu ký vào biên bản đồng ý đóng thì chính anh là người đầu tiên cầm bút ký vào. Anh cũng như nhiều phụ huynh khác đều sợ con mình bị ở lại lớp."* Cha mẹ không đóng tiền thì con bị ở lại lớp? Không có tiền nộp thì trẻ em tự nhiên học dốt hơn hay sao? Ở nước

Việt Nam từ thời Chu Văn An có bao giờ thầy giáo, cô giáo đối xử với học trò như vậy hay chăng?

Chúng ta biết rằng nhà trường, cũng như nhà cầm quyền, đảng cầm quyền, có đủ thứ áp lực bắt dân, bắt phụ huynh phải "tình nguyện." Cuối cùng dân phải thuận, vì không có lựa chọn nào khác. Phụ huynh không thể đem con đi học trường khác, cũng như người dân Việt Nam không thể sống ở một nước khác, trừ những người may mắn chạy thoát khỏi quê hương mình mà lòng đau như cắt!

NGƯỜI ĐÓNG THUẾ PHẢI CÓ QUYỀN

Các trường công lập thu học phí, đó chính là một hình thức tăng thuế trá hình, là đặt ra một loại thuế mới. Cũng như khi các nhà thương công đòi bệnh nhân đóng lệ phí, khi người lái xe sử dụng đường xá phải nộp tiền mãi lộ, đó chính là các món thuế mới. Nhưng hầu hết các "khoản thu" về y tế và giáo dục chính phủ Việt Nam không dám gọi tên là thuế, để dân không thấy đang phải đóng thêm thuế mới.

Hãy lấy thí dụ trường tiểu học Kết Đoàn, Quận 1, Sài Gòn mà bà hiệu trưởng kể trên báo Người Lao Động. Cộng các món đóng góp, mỗi năm một học sinh trường Kết Đoàn phải nộp 3.191 ngàn đồng, tương đương 228 đô la Mỹ, theo tỷ giá 14 ngàn đồng một Mỹ kim.

Như vậy, một gia đình có hai con đi học một năm phải đóng hơn 500 Mỹ kim, bốn con, hơn một ngàn đô! Ở Mỹ châu, ở Âu châu nếu chính phủ vùng, tiểu bang hoặc thị xã nào dám đặt ra thứ thuế mới, 228 đô cho một học sinh thì chắc chắn các phụ huynh người Việt, người Pháp, Mỹ trắng Mỹ đen, người Mễ, người Đại Hàn, v.v. sẽ lật đổ ông thống đốc, tỉnh trưởng và Xã trưởng — bằng lá phiếu trong cuộc bầu cử sắp tới! Ở Việt Nam, với bốn ngàn năm văn hiến, không có phong tục đó! Ai muốn đem phong tục đó vào truyền bá chắc sẽ bị bắt về tội "truyền bá văn hóa ngoại lai," hoặc nặng hơn: "âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân!"

Quận Gò Vấp có vẻ thành thật, sòng phẳng nhất trong vụ thu tiền. Hội đồng Nhân dân Quận biểu quyết bắt mỗi hộ dân trong quận nộp 100 ngàn đồng mỗi năm để xây trường học. Họ gọi đó là "khoản thu" mà không gọi là thuế, nhưng thực chất đó là thứ "thuế cư trú." Ở các nước Âu Mỹ, người dân cũng phải đóng "thuế trường học," hoặc tính chung thuế đó trong thuế nhà, đất.

Điểm quan trọng là mỗi khoản thuế mới có được đại diện dân cử thông qua hay không, dân có được hỏi ý kiến hay không. Đồng bào ta ở California đã quen mỗi kỳ bầu cử thấy kèm các "đề án" tăng hay giảm thuế trong địa phương mình ở. Đồng bào trong nước không có may mắn được quyền bỏ phiếu quyết định.

Thâu thuế xưa nay vẫn là một nhiệm vụ, bổn phận của nhà nước khắp thế giới. Nếu ở một nước chính phủ trung ương không đủ tiền cung cấp giáo dục miễn phí thì chính quyền địa phương phải tăng thuế để góp vào quỹ giáo dục. Khi Thuế giáo dục được gọi đúng tên của nó, thay vì để cho các trường tự ý thâu tiền theo lối tùy tiện và "giật gấu vá vai" thì có điều gì khác nhau?

Điều thứ nhất: thuế giáo dục thực hiện công bằng xã hội. Tiền chi tiêu cho việc giáo dục trung, tiểu học sẽ mang lại lợi ích chung cho quốc gia, chứ không riêng cho các em đi học. Tất cả mọi người phải đóng góp cho lợi ích chung đó. Tiền đóng thuế sẽ đem dùng cho mọi người được hưởng như nhau, cho nhiều thế hệ. Khi mọi chủ nhà, chủ đất phải đóng thuế, thì như ở Canada, nhà lớn, có giá trị phải đóng nhiều hơn, nhà nhỏ, giá rẻ đóng ít hơn, chứ không đóng đồng loạt 100 ngàn như ở Gò Vấp. Đó chính là cơ chế để san sẻ tài sản, tạo công bằng xã hội. Ở Sài Gòn, một gia đình chị Năm có bốn con tuổi đi học phải tự lo đóng "thuế trường học," các nhà giầu trong xóm thì có thể cho con đi học trường riêng, có xe nhà đưa đón, đó là bất công! Làm như vậy mà vẫn tự xưng là "định hướng xã hội chủ nghĩa" thì lạ thật!

Thứ hai, là việc đóng thuế nó chính đại quang minh, không để cho các vụ lem nhem xẩy ra, mang tiếng cả các cơ sở giáo dục, nhục nhã cho cả các thầy giáo, cô giáo. Nhưng khi bắt dân đóng thuế thì phải cho dân kiểm tra việc sử dụng thuế. Thuế nhà đất, thuế trường học không phải bí mật quốc phòng, không giống lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính trị làm các ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà mang vạ. Các khoản chi thu phải công bố, và người dân có quyền đến coi từng chi tiết, không có lý do gì giữ kín chỉ cho trong băng đảng biết với nhau — sợ bọn xấu lợi dụng! Cái bọn xấu nó dễ lợi dụng nhất khi chẳng có luật lệ thuế khóa nào hết, các cán bộ tự ý đặt ra các món bắt dân đóng, vừa nắm quyền quyết định chi tiêu, vừa ký lệnh xuất ngân, vừa tự kiểm tra với nhau. Cái bọn xấu đầy rẫy đó

o băng đảng Vị Hồ đặt lên đầu lên cổ dân, ho chúng nó toàn quyền sinh sát, toàn quyền hi thu, đã mấy chục năm nay rồi, đến ông Đỗ Mười cũng phải than sao còn nhiều tham hũng thế!

Đã đến lúc người dân thấp cổ bé miệng phải lên tiếng. Than thở chuyện tiền học, ấm ức trong lòng không đủ. Đến lúc bà con ta phải đòi "quyền được đóng thuế" và quyền kiểm soát cách chi tiêu tiền thuế, qua những cơ quan dân cử. Đó là các quyền công dân, ở đâu cũng vậy. Thay vì để cho các Hội Phụ huynh Học sinh, đóng vai Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc gật gù làm cảnh, các phụ huynh ở Việt Nam cần đòi quyền cử đại diện giám sát việc chi tiêu thuế trường học mà mình đóng góp. Ngày xưa ở nước ta có các cụ Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, v.v. đã gây ra phong trào chống thuế. Không biết con cháu đời nay nghĩ lại có thấy nhục vì thua kém ông cha hay không?

QUYỀN TỰ DO THAM GIA VIỆC GIÁO DỤC

Việc giáo dục là mối lo của toàn dân, không nên để ai giữ độc quyền. Đổi mới kinh tế thị trường cũng phải đổi mới cả trong giáo dục. Ở nước ta không hề có thị trường giáo dục chỉ có các "xí nghiệp quốc doanh" độc quyền. Nếu nhà nước thiếu tiền nhưng không muốn tăng thuế giáo dục thì hãy để cho tư nhân tự do góp phần phụ trách: tư nhân, các giáo hội, các đoàn thể, các công ty mở trường cạnh tranh tự do với nhau, đúng theo quy tắc kinh tế thị trường. Ở Sài Gòn có những trường "dân lập" đang sống giở chết giở, chỉ vì bị chèn ép, người ta đang kêu than.

Đảng và Nhà nước chiếm các trường công, tự biến thành "chủ trường," chỉ khác là họ không hề là chủ nhân dựng nên những ngôi trường đó. Nếu đảng và chính phủ không có tiền để nuôi thầy và cô giáo, vì còn để ngân sách nuôi quá nhiều công an, cán bộ, thì tại sao không cho phép tư nhân tự do mở trường như trước năm 1975? Khi có thêm nhiều trường tư mở ra, thì số học sinh tại trường công giảm, ngân sách quốc gia từ trung ương đến địa phương sẽ được chia ra cho một số trường công nhỏ hơn, nhờ thế sẽ cung ứng đầy đủ hơn. Việc giáo dục là việc chung, còn quan trọng hơn các ngành sản xuất, dịch vụ khác. Nếu đã chấp nhận kinh tế nhiều thành phần thì tại sao không để cho tư nhân mở trường tự do, kinh doanh một cách lương thiện và công bằng trong luật pháp?

Giáo dục là đầu tư. Trong một nước, mỗi người đi làm chỉ cần góp 4% đến 10% lợi tức là đủ đầu tư vào việc giáo dục toàn dân. Câu hỏi là số tiền đó tích tụ bằng cách nào và chi tiêu như thế nào?

Hệ thống giáo dục công lập thu tiền dân đóng thuế nên cung cấp giáo dục miễn phí, còn hệ thống tư thu tiền học phí để cung cấp dịch vụ giáo dục cho các học sinh khác. Nhưng cả những người chọn trường tư cho con em, họ vẫn phải đóng thuế để nhà nước nuôi các trường công. Trường công miễn phí là một cách san sẻ lợi tức, tạo nên công bằng xã hội.

Câu hỏi là: số vốn để đầu tư vào giáo dục chung cả nước nên dành hết cho chính phủ sử dụng, hay để một phần cho tư nhân quyết định chi tiêu? Kinh nghiệm cho biết nhà nước bao giờ cũng phí phạm và dễ tiêu tiền sai lầm hơn tư nhân. Khi tư nhân mở trường cạnh tranh tự do với nhau, thì tự nhiên họ phải cải thiện cơ sở trường ốc cũng như phẩm chất việc dạy dỗ. Tất cả các học sinh và phụ huynh được lợi, giống như người tiêu thụ trong bất cứ thị trường cạnh tranh nào khác. Khi có các trường tư tốt thì các trường công cũng thấy động lực để tự cải thiện. Trước năm 1975, trường công ở Sài Gòn có uy tín hơn trường tư mà không thu học phí, vì học sinh giỏi mới thi đậu vào học. Sự lựa lọc đó dựa trên tiêu chuẩn khách quan, cũng thể hiện công bằng xã hội.

Đảng Cộng Sản Việt Nam không cho tự do mở tư thục. Lý do chỉ vì muốn độc quyền trong mọi lãnh vực! Đảng chiếm độc quyền thu mua, chuyên chở, xuất cảng thóc gạo, độc quyền bán phân bón, đã làm nông dân nghèo khổ hơn. Độc quyền giáo dục sẽ gây tai hại lâu dài cho cả dân tộc.

Chuyện học phí ở Sài Gòn chỉ là một bộ mặt trong thảm họa chung của dân tộc Việt Nam. Một số người chiếm độc quyền cai trị, nắm độc quyền kinh tế, văn hóa, thông tin, giáo dục, tự coi mình là chủ nhân của đất nước, nhưng không làm tròn những nghĩa vụ mà nhà nước phải phục vụ cho dân.

Như vậy thì bao giờ tình trạng đó mới thay đổi? Chúng ta phải đợi bao giờ người dân VN ý thức rằng họ có quyền, và họ đòi hỏi quyền công dân. Ý thức đó đang đợi dịp bùng lên, có khi chỉ bắt đầu bằng những chuyện nhỏ nhỏ, như quyền của trẻ em được đi học miễn phí. Lịch sử cho biết người dân Việt Nam không chịu hèn và chịu nhục mãi mãi.●

TỪ CUỘC THÁCH ĐỐ CỦA TRUNG TƯỚNG TRẦN ĐỘ ĐẾN PHẢN ỨNG CỦA THI SĨ NGUYỄN CHÍ THIỆN

LÊ TRUNG HƯNG

Nhân vật có chức vụ quan trọng nhất hiện nay trong guồng máy quyền lực ở Việt Nam là Tổng bí thư của đảng Cộng Sản Lê Khả Phiêu. Nhưng không chắc Lê Khả Phiêu sẽ giữ được chức vụ lâu dài bởi lẽ làm Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20 xem ra khó hơn thời hét ra lửa của Tổng Bí Thư Lê Duẩn. Ngoài ra bản lĩnh của Lê Khả Phiêu cũng là một dấu hỏi vì trước nay ông ta không có gì nổi bật, về cả thành tích và tư cách. Trong hoàn cảnh như thế, tiếng nói của Lê Khả Phiêu trong Bộ Chính Trị có lẽ cũng không có trọng lượng gì hơn tiếng nói của các ủy viên khác. Tuy nhiên "cờ đến tay," Lê Khả Phiêu sẽ không bỏ lỡ cơ hội củng cố quyền lực như Giang Trạch Dân đã làm tại Trung Cộng. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Á Châu đã lan qua Việt Nam và xã hội có nhiều dấu hiệu rối loạn, bắt đầu bằng những biến động tại một số vùng nông thôn và nhất là cuộc "thách đố" chính trị nghiêm trọng của cựu trung tướng Trần Độ. Nếu không đối phó nổi tình thế, làm sao ông tân tổng bí thư giữ được cái ghế của mình? Người Việt Nam ở hải ngoại nên có thái độ như thế nào?

Một vụ thách đố chính trị nghiêm trọng

Lá thư của ông Trần Độ gửi Đảng, Quốc Hội, Chính Phủ và "các bạn quan tâm," phổ biến khá rộng rãi trong và ngoài nước vào đầu năm 1998 vừa là cáo trạng, vừa là kiến nghị, chủ yếu đòi tháo gỡ chế độ độc tài đảng trị. Việc làm của ông Trần Độ trong con mắt của "Đảng," tức là tập thể lãnh đạo đương quyền, là một sự nổi loạn. Thế mà ông tổng bí thư còn đích thân tới thăm và chúc tết kẻ nổi loạn — vốn là thượng cấp cũ của ông ta. Bộ Chính Trị cũng mời con người "phản động" 75 tuổi này đến hội kiến dù là để bác bỏ các ý kiến và đề nghị cải cách. Kế tiếp, một chiến dịch báo chí (nhà nước) kịch liệt phê phán Trần Độ là sai lầm, xuyên tạc và chống đảng... Gia đình Trần Độ cũng bị đe doạ và làm khó dễ. Tuy nhiên khi ông ta lên tiếng phản đối, viện dẫn hiến pháp, chính sách thì "Đảng" hơi "khựng" lại và lui một bước... Tất cả xem ra "Đảng" thực sự lo ngại và lúng túng. Ông Trần Độ đang ở thế mạnh và dồn "Đảng" vào thế bị động:

— Trần Độ từ trong lòng Đảng đánh ra. Trận chiến bắt đầu ngay trong nội bộ của đảng Cộng Sản Việt Nam.

— Uy tín cá nhân của Trần Độ hơn hẳn uy tín của các ủy viên trong Bộ Chính Trị — vì tuổi tác, thành tích và tư cách. Nhiều sĩ quan cao cấp - còn tại ngũ hay đã hồi hưu - là đàn em hay bạn bè của ông ta. Ngoài quân đội ông ta cũng từng làm ủy viên Trung Ương Đảng, phó Chủ Tịch Quốc Hội. Ông ta còn được đặc biệt quí trọng trong giới trí thức, giới nhà văn như là một đồng ngũ có danh vị lớn, có thực tài, lại có tinh thần dân chủ. Vì thế khi đứng trước các ủy viên của Bộ Chính Trị hiện tại

phần lớn là đám hậu sinh, ông ta không mảy may có mặc cảm tự ti.

— Tiếng nói dõng dạc của Trần Độ nghiễm nhiên đưa ông ta vào địa vị phát ngôn viên hay lãnh đạo tinh thần của những người bất mãn chế độ, đặc biệt trên dưới một triệu cựu chiến binh Cộng Sản — từ anh bộ đội du kích đến sĩ quan cấp tướng, kể cả mấy trăm ngàn thương phế binh — đang sống cuộc đời nghèo khổ hay lam lũ như được mô tả trong câu ca dao thời đại:

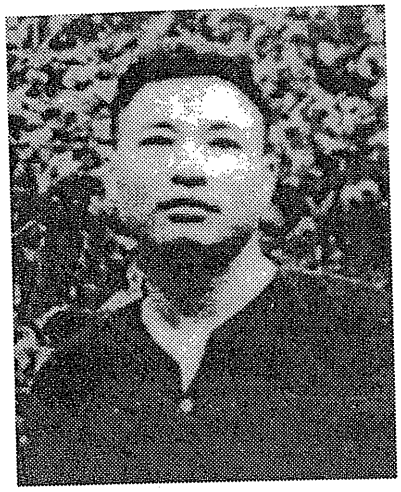

Trần Độ thời trẻ

Đầu đường đại tá vá xe
Cuối đường trung tá bán chè đậu đen...

Chính cựu chiến binh cộng sản, những người đã hy sinh cuộc đời và xương máu cho chế độ, uất hận vì cảm thấy bị lợi dụng và bạc đãi, đã chủ yếu gây ra vụ biến động ở tỉnh Thái Bình. Trong vụ này có lẽ "Đảng" đã tìm thấy ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của Trần Độ — vốn gốc người Thái Bình và cũng nghỉ hưu ở Thái Bình — nhưng đành tạm làm ngơ để khỏi vô tình xác nhận và "tấn phong" vai trò lãnh đạo của ông ta.

1. Nội dung các thông điệp chính trị của Trần Độ dựa trên sự thật, đều rất hợp lý và hợp lòng người: "Một bộ phận lớn đảng viên, trước hết là trong số đảng viên có chức quyền, nắm quyền lực đã thực sự trở thành lực cản đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước," "Kinh tế quốc doanh là khu vực kém hiệu quả nhất và là những ổ tham nhũng ghê gớm nhất," "Mọi sự độc quyền độc tôn đều đưa đến thoái hoá, ruỗng nát, tắc tị," "Thay vì do dân, của dân, vì dân thì chế độ hiện nay là chế độ 'do một nhóm nhỏ của một nhóm nhỏ và vì một nhóm nhỏ,'" "Sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc chỉ có thể phát huy trên nền tảng những thể chế dân chủ," "Phải thực sự dân chủ hóa, thực sự thực hành dân chủ để cho nhân dân có quyền lực thực sự trong khi thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của mình," "Phải có tự do ngôn luận, tự do ứng cử, bầu cử" .... Buộc tội ông ta "phản bội" hay "phản quốc" thật khó lắm thay!

2. Ngoài thành phần cựu chiến binh sẽ là chủ lực đứng ở tuyến đầu trong phong trào chống độc tài đảng trị do ông ta phát động, Trần Độ còn có thể thu phục được sự ủng hộ của hàng triệu đảng viên đảng Cộng Sản thuộc loại không có quyền và không có tiền nhưng có thể có súng trong tay. Họ là đảng viên bộ đội, nông dân, công nhân, giáo chức, trí thức... có đời sống và cách suy nghĩ không khác biệt lắm với người dân thường nhưng lại rất khác biệt với "giai cấp" cộng sản thống trị chỉ gồm vài chục ngàn đảng viên đa số giầu có vì tham nhũng, đang nắm các chức vụ trọng yếu về chính trị, hành chánh, quân sự, công an, kinh tế, tài chánh, thuế vụ... ở trung ương và ở địa phương.

3. Trần Độ còn có thể có sự ủng hộ của những "lão thành cách mạng" nay đã bị gạt ra khỏi trung tâm quyền lực, bất mãn nhìn đàn em múa may trên chính trường và tham ô quá độ trong khi đời sống xã hội ngày càng suy đồi. Đặc biệt ông ta có thể được sự đồng tình của nhóm Võ Văn Kiệt, vốn chủ trương hạn chế sự thao túng của "Đảng" trong guồng máy nhà nước và do đó có thể nhận được sự ủng hộ ngầm của Phan Văn Khải đồng minh của Võ Văn Kiệt, nhân vật số ba trong Bộ Chính Trị và là đương kim Thủ Tướng.

4. Thông điệp chính trị của Trần Độ được tung ra đúng vào thời điểm đảng Cộng Sản đang mất thế chủ động. Lý do chính là nền kinh tế Việt Nam vào năm 1998 đã quá lệ thuộc vào thế giới tư bản. Lệ thuộc về viện trợ, tín dụng, đầu tư, giao thương và từ đó về cả các mặt phi kinh tế. Nước Cộng Sản Việt Nam đã bị cuốn vào quĩ đạo của thế giới tư bản một cách khá êm ái nhưng sẽ không thoát ra được. Khả năng kháng cự lại những áp lực từ bên ngoài yếu kém, đặc biệt rất yếu kém so với khả năng tương tự của Cộng Sản Trung Hoa, điển hình là tổng số dự trữ ngoại tệ của Việt Nam chưa tới 1 tỉ mỹ-kim so với hơn 140 tỉ của Trung Hoa (báo "The Economist" ngày 28/8/98). Cho nên chỉ là ảo tưởng nếu những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam nghĩ rằng họ có thể rập khuôn chính sách của đảng Cộng Sản Trung Hoa trong mưu đồ duy trì độc tài đảng trị.

Những chọn lựa khó khăn

Nếu nhìn bằng con mắt "duy vật sử quan" theo đó "kinh tế quyết định hết thẩy" thì nhà cầm quyền Cộng Sản phải thấy ngay sự "thách đố" của Trần Độ và những biến cố tiếp theo là một quá trình tất yếu của đấu tranh giai cấp, mỉa mai thay, *đấu tranh giai cấp ngay trong nội bộ của đảng Cộng Sản!* Đó là cuộc đấu tranh của giai cấp cộng sản bị trị chống giai cấp cộng sản thống trị, cộng sản nghèo chống cộng sản giầu, cộng sản đa số chống cộng sản thiểu số. Vai trò của Trần Độ dù rất quan trọng, ông ta chỉ là công cụ của lịch sử, chỉ là ngọn chứ không phải là gốc của vấn đề. Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu và các ủy viên Bộ Chính Trị thực sự bối rối giữa ngọn và gốc, giải quyết ngọn đã khó mà giải quyết gốc còn khó hơn. Có thể "Đảng" sẽ tìm cách giải quyết ngọn và gốc cùng một lúc. Tuy nhiên những biện pháp lưng chừng chưa chắc đã có kết quả mà còn gây thêm "tai họa." Chẳng hạn chiến dịch báo chí của "Đảng" phản công Trần Độ trong những tháng vừa qua chỉ có tác dụng quảng cáo không công cho ông ta, giúp ông ta có thêm cơ hội mở rộng diễn đàn và làm hình ảnh của ông ta nổi bật hơn ở cả trong và ngoài nước. Nói một cách khác "Đảng" đã hiểu rằng sau màn đụng độ sơ khởi sách lược "giải quyết vấn đề Trần Độ" phải là một bộ phận không thể tách rời với sách lược sinh tồn chung của chế độ.

Xét tổng quát thì phe Trần Độ ở thế tất thắng: đông người theo , có chính nghĩa, có dũng khí — cùng là cộng sản với nhau, tướng, tá hồi hưu hẳn không ngán trung úy công an tham nhũng — có tai mắt, tay chân ngay trong chính quyền, trong Đảng, trong quân đội, ngoài ra có thể huy động được sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam và yểm trợ của thế giới tư bản, kể cả Hoa Kỳ.

Mặt khác có đa số chưa phải là có một lực lượng được tổ chức một cách hữu dụng. Trong khi đó phe thống trị là thiểu số nhưng sức mạnh là có sẵn tổ chức hành chánh, hệ thống an ninh tình báo, vũ khí để khủng bố, tiền bạc để mua chuộc, địa vị để phân phát và lúc nguy nan có thể trông cậy vào sự can thiệp của Trung Cộng. Nếu mâu thuẫn biến thành xung đột, phe Cộng Sản thống trị có thể thắng thế lúc đầu nhưng chung cuộc vẫn có thể thảm bại. Đảng Cộng Sản Việt Nam vì thế đang bối rối trước những lựa chọn khó khăn:

1. Hoá giải mâu thuẫn nội bộ đảng, bằng cách phân chia quyền lợi đồng đều giữa các đảng viên? *Tuy nhiên* trong thực tế, khi số đảng viên lên tới hai triệu thì Đảng không đủ "bánh" để chia, không đủ chức vụ để phân phát và cũng không có đảng viên giầu có nào sẵn sàng san sẻ tài sản riêng cho "các đồng chí nghèo," nhất là san sẻ những tài sản có xuất xứ mù mờ.

2. Mua chuộc Trần Độ bằng địa vị và quyền lợi như trước đây Đảng đã "mua" cựu thượng tướng Trần Văn Trà? *Tuy nhiên* nếu tìm kiếm địa vị và quyền lợi có lẽ Trần Độ đã tìm thấy từ lâu không đợi đến lúc gần đất xa trời. Vả lại một con người coi danh lợi là trọng lẽ nào dám đứng lên thách đố bạo quyền?

3. Ám sát hay bỏ tù Trần Độ? *Tuy nhiên* có thể đã quá trễ để "giải quyết" theo lối này. Không có gì bảo đảm một cuộc cách mạng không bùng nổ sớm hơn và Đảng không vỡ làm đôi, chưa kể phản ứng của thế giới nhất là phản ứng của các nước tư bản dân chủ đang nắm huyết mạch của nền kinh tế Việt Nam.

4. Làm ngơ để mặc Trần Độ muốn nói gì thì nói? *Tuy nhiên,* ông ta đã không dừng lại ở lá thư đầu tiên và lời lẽ càng ngày càng táo bạo. Đã có một nhóm "lão thành cách mạng" khác theo chân Trần Độ, phổ biến tài liệu tố cáo tham nhũng đích danh Phạm Thế Duyệt, một thành viên trong Bộ Chính Trị. Sự việc này chưa từng xảy ra trước đây, khiến các ủy viên khác như ngồi trên lửa vì không biết bao giờ đến lượt mình!

5. Tạm thời phong tỏa Trần Độ, đồng thời gấp rút tiến hành việc cải tổ hành chánh, ưu tiên tập trung vào việc diệt trừ tham nhũng để thu phục nhân tâm. Đảng Cộng Sản Việt Nam quả đang tiến tới trong chiều hướng này. (Thủ Tướng Phan Văn Khải vừa ra quyết định bắt buộc tất cả các quan chức nhà nước phải làm giấy kê khai tài sản.) Tuy nhiên, phong tỏa Trần Độ tới mức nào mà không "bứt dây động rừng"? Vả lại "Đảng" đã tìm nhiều cách ngăn cản, như cho công an rình rập bao vây chung quanh nhà ông ta, xét hỏi những người lui tới mà những bài viết của ông ta vẫn phổ biến trong và ngoài nước. Trần Độ phải có một hệ thống thông tin khá hữu hiệu! Mặt khác, cải tổ hành chánh không phải là giải quyết gốc của vấn đề, diệt tham nhũng đã thất bại trong quá khứ, sẽ tiếp tục thất bại trong tương lai dù Phan Văn Khải có cố gắng đến đâu. Lý do rất dễ hiểu. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đánh mất tính chất chính đáng của quyền lực (the legitimacy of power) vì cai trị thuần bằng

bạo lực, áp đặt và đối trá trâng tráo — "nhân dân làm chủ" nhưng hiến pháp lại qui định Đảng Cộng Sản đương nhiên lãnh đạo và lãnh đạo vô thời hạn, nói trắng là thống trị muôn đời. Hậu quả tất nhiên các cuộc bầu cử phải là bịp bợm vì không có cách nào khác — Đảng đã biến lận trắng trợn như thế không thể bắt đảng viên phải ngay thẳng. Đảng đã đạo đức giả như thế làm sao bắt đảng viên phải đạo đức thật? Gốc của quốc nạn tham nhũng ở Việt Nam cũng như những tệ trạng xã hội khác là một trạng thái tâm lý của cả một thế hệ đã mất hết niềm tin!

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện

Đảng chỉ còn một chọn lựa sau cùng: thực tâm chấp nhận những đề nghị thay đổi của Trần Độ. Tuy nhiên Đảng Cộng Sản Việt Nam có sẵn sàng làm một sự lột xác hay không? Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng toàn là một bọn tham nhũng đầu óc đặc sệt những tính toán vị kỷ hay vẫn còn những người cộng sản có lương tâm và biết nhìn xa?

Cứu tinh hay kẻ nội thù?

Trước đây Đảng Cộng Sản Việt Nam độc tài đến nỗi bất cứ ai lên tiếng phê bình Đảng hay phê bình "lãnh đạo" lập tức bị coi là phản động, là kẻ thù và bị trừng phạt nặng nề. Ngày nay quyền lực của Đảng Cộng Sản đã bị sút giảm nên sự ngạo mạn và sự tàn bạo đã kém hơn trước. Vì thế, mặc dù bị coi là "phản động," Trần Độ vẫn chưa bị thanh trừng. Nhưng có đúng Trần Độ là tên phản động, kẻ nội thù của Đảng Cộng Sản Việt Nam?

Nếu "phản động" hiểu là đi ngược với trào lưu thời đại hay xu thế lịch sử, đi ngược với tiến bộ, chống lại đa số thì cái mũ "phản động" phải trả lại cho tập đoàn lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nếu hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam là giai cấp thống trị gồm mấy chục ngàn người quyết tâm bám lấy quyền lực và quyền lợi thì Trần Độ rõ ràng là tên chống Đảng, là kẻ nội thù. Nhưng nếu hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam là đảng của hai triệu đảng viên đang còn sống, của hàng triệu đảng viên đã hy sinh, là tổ chức chính trị chi phối lịch sử đất nước suốt 60, 70 năm thì cuộc vận động của Trần Độ mang nhiều ý nghĩa đặc biệt:

1. Những bài viết và những phát biểu của Trần Độ cho thấy ông ta không có ý định rút ra khỏi đảng cộng sản. Trước hết là lý do tình cảm — cả cuộc đời của ông ta gắn liền với đảng, lúc chiến đấu gian khổ, lúc thắng trận vinh quang. Đảng cộng sản đối với ông ta là đại gia đình, là đời sống mặc dù ông ta "có vấn đề" với lớp lãnh đạo đương quyền. Trần Độ có vẻ thành thực tin rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam có công trong cuộc tranh đấu dành độc lập cho nước Việt Nam — chấm dứt 80 năm nô lệ người Pháp — và đánh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam để thống nhất Tổ Quốc (dĩ nhiên ông ta không tính đầy đủ cái giá khốn khổ mà dân tộc Việt Nam phải trả cho sự "độc lập thống nhất" này). Vì thế phủ nhận hoàn toàn Đảng Cộng Sản đồng nghĩa với sự phủ nhận chính mình, Trần Độ không có lý do hay chưa có lý do để làm như thế. Trần Độ cũng không phải là người nhẹ dạ, tức khí nói cho hả giận mà là con người chính trị kinh nghiệm, không thể không liệu trước việc công, việc thủ. Nói một cách khác, chừng nào ông ta còn tự nhận là một đảng viên, một "lão thành cách mạng" của Đảng Cộng Sản Việt Nam ông ta còn được các đảng viên khác bảo vệ, ông ta còn huy động được những thế lực trong Đảng để đương cự và áp lực "Đảng." Trần Độ không bỏ Đảng vì lý do chiến lược, còn "Đảng" có dám trục xuất ông ta hay không lại là việc khác.

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày nay cũng không giống Đảng Cộng Sản Việt Nam cách đây 15, 20 năm. Nếu hiểu chủ nghĩa Cộng Sản gồm chủ nghĩa Mác (Marxism) và chủ nghĩa Lê-nin (Leninism) thì chủ nghĩa Mác ngày nay chỉ còn là một hồn ma vì không đảng viên nào — kể cả cấp lãnh đạo đương quyền — còn tin tưởng vào "duy vật biện chứng," "đấu tranh giai cấp," "kinh tế tập sản," "thế giới đại đồng," "thiên đường cộng sản" v.v... Trong khi

đó, vì muốn bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của giai cấp thống trị, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn bám vào chủ nghĩa Lê-nin, tập hợp của những kỹ thuật và xảo thuật cướp chính quyền và giữ chặt chính quyền, đồng nghĩa với độc tài công an trị. Trần Độ ngày nay cũng khác với Trần Độ 15, 20 năm trước. Ông ta muốn Đảng từ bỏ — dứt khoát, chính thức — cả chủ nghĩa Mác lẫn chủ nghĩa Lê-nin. Lời nói của ông ta rất rõ: "Ta đã có được Độc Lập còn hai chữ Tự Do, Hạnh Phúc thì bây giờ ta phải nỗ lực lớn lao mặc dù không có cái "định hướng xã hội chủ nghĩa." Hay ta cần một đất nước có xã hội chủ nghĩa nghèo đói như những năm cuối (thập niên) 70 và đầu 80 cũng được? Phải chọn đi chứ! Tôi thì tôi đã chọn "nước Việt Nam nhân dân được ấm no, tự do, hạnh phúc"". Nhưng nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam bỏ cả chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lê-nin thì Đảng Cộng Sản Việt Nam trở thành cái gì? Ông ta chưa có câu trả lời hay chưa tiện nói rằng Đảng trong thế "cưỡi hổ" phải xuống từ từ nghĩa là "từ từ" rồi sẽ đổi tên thành đảng "Dân Chủ Xã Hội," đảng "Công Nông," hoặc lấy lại tên đảng "Lao Động" hay một tên hiền lành nào khác. Ông ta tán thành — hay tin tưởng — Đảng Cộng Sản Việt Nam của ông ta vẫn giữ được vai trò lãnh đạo tức là giữ được chính quyền mà không cần áp đặt hay biến lận.

3. Ở tuổi 75, lại không còn nhiều sức khỏe, Trần Độ có lẽ không tha thiết lắm với quyền hành. Ý kiến và cung cách phát biểu cho thấy ngoài lòng yêu nước, ông ta thực tâm muốn cứu vãn sự suy tàn của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đồng thời cứu vãn danh dự của những người cộng sản yêu nước như chính ông ta (vì yêu nước mà kết quả lại góp phần tạo dựng một chế độ độc ác, tàn hại làm cho nước nghèo, dân khổ, xã hội lụn bại). Cuộc vận động chính trị của Trần Độ vì thế chủ yếu không phải tranh quyền mà nhằm áp lực Đảng Cộng Sản Việt Nam từ bỏ những lý thuyết, chủ trương đã lỗi thời và là nguồn gốc của mọi tệ trạng. Nói một cách khác, ông ta để ngỏ cửa để có thể hợp tác với "Đảng" thực hiện những cải tổ chính trị cần thiết — không phải chỉ là cải tổ hành chánh của Phan Văn Khải — nếu như "Đảng" có thực tâm. Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng do đó sẽ phải quyết định dứt khoát: Trần Độ là cứu tinh của Đảng hay kẻ nội thù? Và riêng Lê Khả Phiêu, trong tiến trình củng cố quyền lực cũng phải quyết định dứt khoát: Trần Độ là đồng minh hay kẻ đối đầu? Trường hợp thứ nhất hàm ý tân tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam nắm lấy thời cơ, đảm đương vai trò lịch sử của một lãnh tụ quyền biến, thức thời. Trường hợp thứ hai hàm ý ông ta chỉ cam tâm làm một viên chức thừa hành cao cấp phục vụ giai cấp thống trị. Cả hai trường hợp đều có phần thưởng và sự hiểm nguy nhưng rất tiếc mức độ khả hữu của trường hợp thứ nhất kém hơn mức độ khả hữu trường hợp thứ hai rất xa!

Bên lề lịch sử

Đảng Cộng Sản chỉ từ bỏ độc tài đảng trị dưới áp lực rất mạnh. Cuộc vận động chính trị của Trần Độ có thể nổ bùng thành xung đột lớn. Trong trường hợp này, hiệp đầu của trận đấu sẽ diễn ra giữa hai phe cộng sản với nhau. Nhưng sau đó, khi Đảng Cộng Sản đã yếu đi vì rối loạn, những đoàn thể tôn giáo, chính trị, những người yêu nước, nhân dân Việt Nam sẽ đứng lên xác định vận mạng của mình và của đất nước. Nếu bước chân lịch sử chuyển động theo chiều hướng đó, cộng đồng Việt Nam hải ngoại đứng ở vị trí nào và có thể đóng góp những gì?

Cho đến nay những thay đổi ở Việt Nam diễn ra một cách độc lập đối với cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Nói cách khác, cộng đồng Việt Nam hải ngoại gần như không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với mọi đổi thay quan trọng ở trong nước. Đó là một sự thực đáng buồn và đáng suy ngẫm, nhất là đất nước vẫn tắc nghẽn và tàn lụi trong vòng kiềm tỏa của độc tài đảng trị; và nhất là cộng đồng Việt Nam hải ngoại có nhiều tiềm năng lớn lao để có thể cống hiến cho tổ quốc. (Người ta thường nói đến tổng số lợi tức của hai triệu người Việt sống ở hải ngoại có thể tương đương với tổng sản lượng của nước Việt Nam 78 triệu dân; hai, ba trăm ngàn chuyên viên Việt Nam ở hải ngoại không những có khả năng kỹ thuật cao hơn mà còn vượt quá tổng số chuyên viên trong nước; bảy, tám trăm triệu dollars từ hải ngoại tuôn về Việt Nam mỗi năm đủ để "giúp" Cộng Sản Việt Nam thăng bằng cán cân chi phó; và những người có kinh nghiệm cay đắng nhất với Cộng Sản đều sống ở nước ngoài...)

Sự bất lực này có thể giải thích bằng nhiều lý do: người Việt Nam không yêu nước bằng yêu gia đình, không thiết tha với nước bằng người Nhật, người Đại Hàn, người Do Thái;

đời sống ở các nước tây phương quá bận rộn, nhiều người lại phải làm lại cuộc đời từ số zero; người Việt Nam háo danh hay ghen tị vặt và không có truyền thống đoàn kết, không có thói quen làm việc tập thể, không có kỷ luật và mỗi người trong bụng đều có một ông quan v.v... Những lý do nêu ra đều có thể đúng, nhưng chỉ đúng tới một mức nào, bởi vì nếu dân ta không yêu nước làm sao dân tộc Việt Nam có thể giữ được nước cả nghìn năm, đánh bại bao cuộc xâm lăng? Làm sao đảng Cộng Sản Việt Nam có thể huy động hàng ngàn hàng triệu người xông vào lửa đạn dưới chiêu bài "đánh Pháp dành độc lập" hay "chống Mỹ cứu nước?" Phải chăng vì "lúa không mọc thì cỏ mọc?"

Ngoài ra còn một lý do quan trọng khác khiến cộng đồng Việt Nam hải ngoại, dù quan tâm đến đất nước, hơn 20 năm qua phải thúc thủ đứng bên lề lịch sử: những người tranh đấu không cộng sản đã không xác định được một cách rõ ràng, hay không đồng ý được với nhau về mục tiêu và sách lược tranh đấu, chưa nói đến xây dựng được tổ chức có tầm vóc và sức mạnh thực sự. Cuộc vận động của ông Trần Độ mang lại nhiều giao động, hứng khởi và hy vọng; nhưng thời cơ lịch sử nắm được hay bỏ lỡ tùy thuộc những người không cộng sản tìm ra câu trả lời thích đáng cho những vấn đề sau:

1. Mục tiêu tranh đấu là Dân Chủ, Tự Do cho nhân dân Việt Nam hay là tái lập chế độ Việt Nam Cộng Hòa bị "bức tử" một cách bất công? Cuộc tranh đấu sẽ hướng nhiều hơn về tương lai hay về quá khứ?

2. Người Việt Nam không cộng sản tự mình có đủ thế lực và điều kiện lật đổ chế độ cộng sản độc tài đảng trị một cách nhanh chóng không? Và lật đổ bằng võ lực? Và tiền đâu? súng đâu? người Việt Nam tranh đấu không cộng sản muốn nhìn thấy phong trào chống độc tài đảng trị của Trần Độ thành công hay thất bại? Có chấp nhận yểm trợ cuộc chiến đấu của phong trào Trần Độ và yểm trợ đến mức nào? (Dù Trần Độ không bỏ đảng, dù Trần Độ vẫn hãnh diện về thành tích "dành độc lập thống nhất đất nước," vẫn công khai tán thành vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản?)

3. Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam sau cùng, dưới các áp lực, phải chấp nhận dân chủ hóa, nghĩa là phải chấp nhận các cuộc bầu cử thực sự tự do và họ... thắng cử, người tranh đấu không cộng sản sẽ phản ứng thế nào, chấp nhận kết quả hay không chấp nhận? Ngược lại nếu Đảng Cộng Sản thua và phải rời bỏ chính quyền, người tranh đấu không cộng sản chấp nhận hay không chấp nhận một chỗ đứng cho người cộng sản như một đảng đối lập hợp pháp giống như tình trạng các nước dân chủ Âu Mỹ? Nói một cách khác, người cộng sản và người quốc gia phải một mất một còn vì những "nợ máu" chồng chất hay có thể giải quyết những khác biệt và cả những tranh chấp trong khuôn khổ và bằng phương thức của một chế độ dân chủ pháp trị?

4. Ai có thể bảo đảm cuộc vận động chống độc tài đảng trị của Trần Độ sẽ không lệch hướng biến thành cuộc xung đột tranh dành quyền lực và quyền lợi riêng diễn ra giữa những người cộng sản với nhau? Nếu không xây dựng được một sức mạnh có tổ chức thì người không cộng sản và nhân dân Việt Nam có thể làm gì khác hơn là làm khán giả để rồi sau cùng vẫn phải tiếp tục chịu sự thống trị của phe Cộng Sản thắng thế?

Con mắt chiến lược

Ngày 31 tháng 8 năm 1998 nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam thông báo một cuộc "ân xá" tập thể. Ông Đoàn Viết Hoạt, một tù nhân chính trị nổi tiếng, rời trại giam rồi được hộ tống đến thẳng phi trường và đặt chân lên đất Mỹ ngày 3 tháng 9 năm 1998. Một tù nhân chính trị nổi tiếng khác cũng được thả là ông Nguyễn Đan Quế nhất định ở lại Việt Nam. Hiển nhiên Giáo Sư Hoạt, Bác Sĩ Quế và một số tù nhân chính trị khác được thả vì áp lực quốc tế, đặc biệt áp lực của những triệu hay tỉ dollars viện trợ hoặc tín dụng bị chặn lại tại IMF, World Bank hay ở Paris, Tokyo, Washington D.C. ... đúng vào lúc kinh tế Việt Nam lâm cảnh ngặt nghèo. Đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định tiếp tục giam giữ hai tù nhân nổi tiếng khác là ông Nguyễn Đình Huy và ông Phạm Thái, Chủ tịch và Phó Chủ tịch "Phong Trào Đoàn Kết Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ" để đòi "tiền chuộc" lần sau hay vì hai ông này quá nguy hiểm cho họ? Dẫu sao cộng đồng Việt Nam hải ngoại đã có Nguyễn Chí Thiện nay lại thêm Đoàn Viết Hoạt. Từ nay ai dám nói hàng ngũ những người tranh đấu Việt Nam lưu vong thiếu người tài đức — những nhân vật mà ngôn ngữ và hành động có thể giúp lịch sử đổi chiều.

Sau một thời gian nghỉ ngơi để lấy lại một

phần sức khỏe đã mất trong lao tù cộng sản, ông Nguyễn Chí Thiện đã bắt đầu một số hoạt động rất đáng lưu ý. Mùa hè năm nay qua một cuộc phỏng vấn dành cho thông tín viên đài VNN tại Pháp ông Thiện đã có một thông điệp nói về cuộc chiến đấu của ông Trần Độ. Bài phỏng vấn có một đoạn như sau:

VNN: Theo ông tướng Trần Độ là người thế nào? Có người gọi ông ta là "cò mồi cộng sản," là "đối lập cuội," ông nghĩ sao?

Nguyễn Chí Thiện: Số người gọi ông Trần Độ bằng những từ ngữ hàm hồ như thế rất hiếm. Thậm chí có người còn gọi ông ấy là "con ngựa già của chế độ." Riêng tôi, giả thử Trần Độ có là con ngựa già của chế độ mà nay trở thành bất kham muốn quật đổ chế độ, thì đó là điều rất đáng hoan nghênh. Đọc những bài viết của ông Trần Độ từ năm 1988 tới nay, nghĩa là từ hồi tôi còn nằm trong tù, tôi thấy ông là người rất đáng tôn trọng. Năm 1988, khi ông còn làm Trưởng Ban Văn Hóa - Tư Tưởng của Trung Ương Đảng cộng sản, ông đã viết một bài đăng trên báo Văn Nghệ yêu cầu đảng cộng sản đừng có đóng vai kẻ "chọn món ăn tinh thần cho nhân dân vì nhân dân đủ thông minh để chọn lấy." Nghĩa là ngay từ hồi đó ông đã đòi hỏi đảng phải để cho nhân dân được quyền thông tin đầy đủ, không thể bị bưng bít, chỉ được đọc và nghe những gì đảng cho phép. Sau đó ông bị loại bỏ. Cái đó không làm ai ngạc nhiên. Ở trong tù, bọn công an nhiều lần nói với tôi về tướng Trần Độ một cách rất hỗn xược. Chúng nó khoe đã đến nhà ông khám xét nhiều lần. Tất nhiên, đứng trên lập trường đảng cộng sản, chúng nó phải coi ông là tên phản bội. Gần đây ông tuổi đã cao, lại bị liệt, nhưng ông vẫn tiếp tục viết nhiều bài đòi hỏi dân chủ hóa, đòi hỏi tự do ngôn luận... Tôi nghĩ đòi hỏi hai điều kiện này cũng đồng nghĩa với đòi hỏi giải thể chế độ độc tài đảng trị, mà đây là điều tất cả những người Việt Nam đều mong mỏi. Trong những bài viết của ông, có đôi chỗ ông còn viện dẫn tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí còn dễ dãi dành quyền lãnh đạo chính trị cho đảng cộng sản. Ai sống trong lòng chế độ cộng sản và hiểu chế độ cộng sản thì thấy ngay ông đã phải viết như thế trong hoàn cảnh nào. Phải vừa đánh vừa đỡ. Ở vị trí của ông hành xử như vậy là khôn ngoan. Ông đấu tranh cho dân chủ ngay trong nội bộ đảng, ngay tại thủ đô Hà Nội, ông không thể giống như chúng ta đấu tranh ở Mỹ, ở Pháp hay ở Đức. Tôi có quen ông, tiếc rằng chỉ trên điện thoại, tôi hiểu ông là người điềm đạm, nhưng vững vàng trong trận chiến đấu của mình.

VNN: Thưa ông, liệu những tiếng nói phản kháng trong nước có làm nên chuyện gì trong việc dân chủ hóa đất nước không?

Nguyễn Chí Thiện: Tôi đã nhiều lần phải nhắc đi nhắc lại: ngôn luận là cái cầu nối liền giữa tư tưởng và hành động. Nó là bước đầu không thể thiếu trong cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đất nước. Những tiếng nói phản kháng ở trong nước là vô cùng quý báu. Theo tôi, tiếng nói của ông Trần Độ là tiếng nói gây tác động lớn nhất. Trong đảng, trong quân đội, có nhiều cán bộ, sĩ quan cao cấp là bạn hoặc là đàn em của Trần Độ. Những lời tâm huyết của ông đánh thẳng ngay vào tim óc của những lực lượng mà nhóm lãnh tụ đảng coi như trụ cột để họ dựa vào nhằm giữ vững địa vị và đặc quyền. Một khi trụ cột lung lay thì chế độ cũng phải lung lay, và sụp đổ nhanh chóng nhất. Indonesia là một minh chứng. Tôi coi những chiến sĩ dân chủ như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc... là những người chuẩn bị tâm lý cần thiết cho nhân dân trong cuộc nổi dậy tương lai. Có những người ở hải ngoại coi họ là "cò mồi," là "đối lập cuội," họ nên tự đặt cho mình câu hỏi: mấy lãnh tụ cộng sản bầy trò tự gây rắc rối cho mình như vậy để làm gì? Những hình ảnh tưởng tượng trong đầu những chính khách xa-lông chẳng có gì giống với thực tế. Ở ngoài này tôi còn thấy một hiện tượng tuy không phổ biến nhưng cũng khá tai hại. Đó là thái độ mong chờ chế độ hiện tại tự dân chủ hóa. Tôi nghĩ sự mong chờ này là vô vọng. Muốn dân chủ hóa xã hội nhất thiết phải dẹp bỏ chế độ độc tài đảng trị. Đây là tiền đề không thể thiếu.

Nội dung bài phỏng vấn có một số điểm đáng lưu ý:

1. Những người có dịp tiếp xúc với Nguyễn Chí Thiện đều biết ông là người bản lĩnh, ý chí sắt thép. Con người bên mộ song thân thề chiến đấu chống Đại Ác Cộng Sản đến cùng, nay phát biểu những lời rõ ràng bênh vực và tán thành việc làm của ông Trần Độ, một cựu trung tướng cộng sản có trên 50 tuổi đảng. Trong một bài phỏng vấn khác ông Nguyễn Chí Thiện còn yêu cầu mọi người hết lòng yểm trợ cuộc chiến đấu của ông Trần Độ. Ông Thiện chống chế độ cộng sản nhưng nhìn từng

ười cộng sản bằng con mắt khác nhau.

2. Lập trường của ông Nguyễn Chí Thiện i với những người cộng sản phản kháng ơng đối có nhiều cảm tình hơn so với thời an hơn hai năm trước lúc ông trả lời thư của à văn Nhật Tiến. Lý do có lẽ không phải vì ıg Vũ Thư Hiên, một người bạn tù của ông hiện, trong tác phẩm hồi ký "Đêm Giữa Ban gày" lên tiếng trách (oan) ông Thiện đã vơ ũa cả nắm khi phủ nhận lòng yêu nước của ıột số người cộng sản "chân chính," mà có lẽ ông Thiện đã nhìn thấy thời cơ lịch sử và hu cầu khẩn thiết của một mặt trận chung hống độc tài đảng trị, hay ít nhất một thế ỷ ốc giữa một bên là người cộng sản phản háng và một bên là người tranh đấu không ộng sản. Trong sự hợp tác phải tạm thời (hay ĩnh viễn?) bỏ qua những đối nghịch trong uá khứ hay những khác biệt trong những góc hìn về lịch sử liên quan đến công, tội, phải, rái, đúng, sai của cả hai bên. Phần phát biểu ủa ông Nguyễn Chí Thiện về ông Trần Độ vì hế không chỉ là sự bầy tỏ cảm tình của một cá hân với một cá nhân, mà còn thể hiện một ái nhìn chiến lược có hiệu năng thắng bại.

3. Những người ái mộ và đặt kỳ vọng vào ông Nguyễn Chí Thiện tất nhiên muốn ông nói đầy đủ hơn về những điều ông đã suy nghĩ. Phải hết lòng yểm trợ cuộc chiến đấu của những người như ông Trần Độ nhưng làm thế nào thể hiện sự hết lòng? Và yểm trợ thế nào cho hữu hiệu? Phải bắt đầu từ đâu? — Một công tác trường kỳ và có tổ chức? Một cuộc tập hợp chính trị chống độc tài đảng trị? Các kế hoạch vận động quần chúng, vận động quốc tế, vận động tài chánh? Cách ứng phó với những âm mưu phá hoại của tình báo chiến lược của cộng sản tại hải ngoại, đặc biệt là sự xuất hiện của những luận điệu chống cộng cực đoan nhất định không đội trời chung với người cộng sản, bất kể loại cộng sản nào? Những luận điệu này chủ yếu là tác phẩm của những người quốc gia mơ mộng hay thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" của những Cô Tô Mộ Dung cộng sản đội lốt quốc gia?

4. Cũng trong bài phỏng vấn, ông Nguyễn Chí Thiện nhắc tới (một sự cố ý?) ông Nguyễn Đình Huy cùng lúc với các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc. Ông gọi những vị này là những chiến sĩ dân chủ, những người chuẩn bị tâm lý cần thiết cho nhân dân trong cuộc nổi dậy tương lai. Ông nói câu sau đây, cũng có vẻ để áp dụng nhiều nhất cho trường hợp Nguyễn Đình Huy: "Có những người ở hải ngoại coi họ là 'cò mồi,' là đối lập 'cuội' nên tự đặt cho mình câu hỏi: mấy lãnh tụ cộng sản bầy trò tự gây rắc rối cho mình như vậy để làm gì? Những hình ảnh tưởng tượng trong đầu những chính khách xa-lông chẳng có gì giống với thực tế." Ông Thiện không muốn nặng lời hơn nữa nhưng đủ vô hiệu hóa những mũi tên tẩm thuốc độc và phục hồi toàn vẹn danh dự cho ông Nguyễn Đình Huy và các chiến hữu của ông trong cả hai tổ chức Phong Trào Đoàn Kết Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ và Liên Minh Dân Chủ Việt Nam. Một lần nữa lời nói của tác giả "Hoa Địa Ngục" có sức mạnh mở ra một triển vọng đoàn kết rộng lớn trong hàng ngũ những người quốc gia.

Nếu nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đang hối tiếc đã "thả cọp về rừng," có lẽ họ còn phải hối tiếc nhiều hơn nữa trong những ngày tháng tới!●

tháng 9/1998

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

LÁ THƯ HÀ SĨ PHU GỬI LÊ HỒNG HÀ

CHỈ VÌ "ĐẤU TRANH GIAI CẤP" MÀ NGƯỜI RUỘT THỊT HÀNH HẠ NHAU

HÀ SĨ PHU

LTS: *Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang bị bắt, kết án tù vì "làm lộ bí mật quốc gia" vào năm 1996, vì có lá thư của Võ Văn Kiệt gửi cho Bộ Chính Trị. Năm ngoái Hà Sĩ Phu và Nguyễn Kiến Giang đã ra khỏi tù, đầu năm nay Lê Hồng Hà (cựu viên chức công an cao cấp của CSVN) mới được thả. Trong lá thư này Hà Sĩ Phu giải thích tại sao ông không chống án khi bị vu tội và xử án. Lá thư đã vạch rõ chế độ Cộng Sản vẫn chà đạp lên pháp luật, chỉ vì lý thuyết ngoại lai "Đấu Tranh Giai Cấp." Tiểu đề do tòa soạn đặt.*

*

Đà Lạt, ngày 18 tháng 5 năm 1998

Kính gửi anh Lê Hồng Hà,

Nghe tin anh được trả tự do, mà lại được "tự do" trước hạn mấy tháng thì lại càng mừng. Tôi được thả trước, nếu bình thường ra (như ở những nơi bình thường trên hành tinh này) thì tôi đã ra Hà Nội để thăm, để "nổ sâm banh" và mừng với anh rồi, cái tình người tự nhiên là phải thế. Song, cái tự nhiên bình thường ấy ta chưa có được, mặc dù có văn bản nào cấm đoán đâu! Nhưng thôi, cái sự mất tự do một cách phi văn bản ấy cũng là một trong những nét *"đậm đà bản sắc dân tộc"* của ta hiện nay, chưa dễ gì khác được! Vậy xin anh hãy thầm nâng cốc với tôi bên những dòng chữ này.

Đến bây giờ tôi vẫn không nói gì

Tháng 1 năm nay, sau khi ở tù ra anh đã gửi một đơn lên các cấp lãnh đạo có thẩm quyền tối cao, trình bày rõ sự phi lý của vụ án và đề nghị hủy nó đi. Nhiều cán bộ, trí thức, đảng viên... như các ông Nguyễn Văn Đào (nguyên Thứ trưởng Bộ Nội thương rồi Ngoại thương), các cựu chiến binh Phạm Vũ Sơn, Trần Bá... các nhà văn Hoàng Tiến, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự... đã có những bài viết gửi lên Trung ương phân tích kỹ vụ việc này. Ấy là chưa kể những bài viết của người Việt mình ở nước ngoài, vì lý do "tế nhị" chưa cần đề cập ở đây (có lợi cho ta thì ta gọi là yêu nước, bất lợi cho ta thì ta gọi là phản động). Các luật sư Xã hội chủ nghĩa của chúng ta, những người chắc chắn trăm phần trăm không phải là phản động, đã nói trong phiên tòa rằng không nên có vụ xét xử này vì nó thiếu cơ sở pháp lý và gây phản tác dụng.

Trước những đơn từ, ý kiến ấy của mọi người, chắc không khỏi có nhiều người đặt ra câu hỏi: Vậy ý kiến và phản ứng của Hà Sĩ Phu trong việc này thế nào? Ngày tôi còn bị giam, ngay cả một cán bộ an ninh cao cấp cũng đã dè chừng trước với tôi về khả năng tôi sẽ kiện cáo sau khi được thả. Vậy mà đến bây giờ tôi vẫn không nói gì.

Hiện nay, mặc dù được "bảo vệ" rất cẩn mật, tôi vẫn giữ thái độ bình thản, không kiện cáo gì, không nói rõ lòng mình với ai. Nhưng

giữa tôi với anh, là hai người tuy trước đây chưa có quan hệ quen biết, nhưng nhờ "vụ án" này cũng đã may mắn được ghép lại thành hai người trong cuộc (tất nhiên cùng với anh Nguyễn Kiến Giang nữa), thì giữa hai người "trong cuộc" cũng nên tâm sự với nhau một chút, phải không thưa anh Lê Hồng Hà?

Trước hết phải khẳng định ngay rằng tôi trân trọng những lý lẽ xác đáng và thái độ thẳng thắn, xây dựng, chân thành, thượng tôn pháp lý trong văn bản nói trên của anh và của các anh em khác. Trước tòa án, chắc anh còn nhớ, tôi cũng đã bộc lộ thái độ thượng tôn pháp luật như thế một cách kiên quyết. Tôi nói rõ tính phi pháp của việc bắt bớ: công an gây ra một vụ tông xe giật túi của công dân, rồi lấy cớ bắt vào đồng, khám túi xem "có bị mất gì không" và "để xem trong túi anh có cái gì mà kẻ gian kia định lấy!" (Ở đây tôi là công dân bị nạn, đã được nhà nước bảo vệ và săn sóc hơi quá mức). Tôi đã nói rằng như vậy là gây ra một tiền lệ rất nguy hiểm, công dân nào cũng có thể bị khám bất kỳ lúc nào mà người cầm quyền thích khám. Nếu tôi có quyền, tôi chỉ cần thuê một thằng trẻ con đứng thập thò ngoài cửa nhà anh, rồi tôi đến véo tai hỏi nó định làm gì, nó bảo nó muốn vào nhà anh ăn cắp, thế là tôi có cớ xộc vào khám nhà anh để xem "anh có bị mất gì không" và để xem anh "có cái gì mà kẻ gian muốn lấy." Thế là tôi có thể "mượn" đi tất cả những gì của anh mà tôi thấy là cần để điều tra. Một cuộc mượn không có ngày trả lại!

Tại cuộc bắt tôi, chỉ trong nháy mắt mà người bị chiếm đoạt đã chuyển hóa thành kẻ đi chiếm đoạt và ngược lại. Biên bản lúc bắt tôi người ta cố tình không giao cho tôi một bản, sau này tôi đòi mãi mà người ta cứ quên hoài (Tính hay quên thế mà lại làm nghề bắt người thì có nguy hiểm không?)

Việc mời luật sư của tôi cũng vậy. Tôi yêu cầu mời luật sư (có tên đích danh) trước ngày xử một tháng. Luật sư Nguyên Thế Hùng ở ngay Hà Nội (về sau tôi mới biết chính là luật sư đang làm việc với anh về vụ của chúng ta) vậy mà họ làm như không biết, rồi cứ lý do này lý do khác, cuối cùng chỉ 10 phút trước khi ra vành móng ngựa tôi mới được tiếp xúc lần đầu tiên với luật sư! (Những thủ tục này nếu ta xem trong luật thì sẽ thấy rất yên tâm vì thấy không có luật pháp ở đâu lại quý trọng dân quyền như ở Việt Nam mình, nhưng luật ở ta mà cứ nhìn vào câu chữ công khai thì...!!!). (Tiện đây tôi muốn nhờ anh và bạn bè ở Hà Nội gần Trung ương nhắn với các đại biểu quốc hội rằng đừng cắm cúi xuống văn bản mà say sưa quá với việc thêm con chữ này bớt con chữ kia như người làm nghề sửa "morasse" như thế làm gì. Khi con tàu định hướng đã chuyển bánh thì chỗ nào ghế gỗ chỗ nào ghế đệm, cửa sổ nên sơn màu gì chỉ là chuyện vặt).

Bao Công thành Bao Cấp, Bao Che, Bao Cao Su

Nếu là Bao Công, nhân vật huyền thoại của khát vọng pháp trị, thì khi thấy phạm nhân tố giác ra những điều như thế chắc Bao Công đã có trát đòi ngay những kẻ bắt người như thế để xét hỏi và cuối cùng thì kẻ ngoài tù và kẻ trong tù chắc đã phải đổi chỗ cho nhau. Nhưng anh tưởng tượng nếu cả Bao Công lẫn tên lính bắt người nọ đều chỉ là những mắt xích thừa hành những công đoạn khắng khít của một kế hoạch chung thì tình hình làm sao có thể khác hơn được. (Một hôm xem TiVi thấy cảnh sinh viên họ bảo dòng dõi Bao Công bây giờ đã thành Bao Cấp, Bao Che và Bao Cao Su cả rồi mà tôi không nhịn được cười vì tôi nghĩ đến cái tính đàn hồi chun dãn siêu đẳng của luật pháp). Tam quyền *không phân lập mà chỉ phân công thôi thì sự thể tất nhiên phải thế.*

Khi tôi giành thời giờ trước tòa cho việc tố giác đó, Chánh án đã gạt đi và hỏi khéo rằng: có phải nguyện vọng của anh muốn tòa xét xử cho anh được công minh chứ gì. Tôi đã nói: "Các ông xử tôi nặng nhẹ thế nào tôi không quan tâm, đối với tôi điều quan trọng là tôi phải là một người trung thực." Thấy kẻ phạm nhân chỉ có một nguyện vọng quyết làm người trung thực, bất kể vì trung thực mà phải chịu tội nặng nhẹ ra sao mặc lòng, bà Hội thẩm nhân dân gật đầu (chắc là gật đầu trước nguyện vọng ấy của tôi).

Nhưng ai nói gì thì nói, phiên tòa vẫn tuyên án như mọi người đã rõ, như con tàu đã nổ máy là phải tới ga cuối cùng, thợ lái tàu là ai cũng vậy thôi, chạy êm một tý hay xóc một tý chỉ là chuyện kỹ thuật. Theo nhận định của nhiều người (trong đó có nhiều anh em công an) thì vì nói những lời tố giác khó chịu đó trước tòa mà tôi bị thêm ba tháng tù! Nếu vậy thì cũng chẳng sao, vì ngay từ lúc đó tôi đã chọn cho mình thái độ thẳng thắn đến cùng nhưng không chống án, vì mấy lẽ sau đây:

1. Trước tòa án, khi đã tuyên bố rằng việc tòa xử nặng nhẹ thế nào không phải là điều tôi quan tâm thì điều đó đã hàm ý bất chấp kết quả xét xử, và sẽ không cần gì đến sự chống án. Đến nay tôi vẫn giữ thái độ đó. Đấy là lý do thứ nhất.

2. Xưa nay sự chống án được ngầm hiểu là: cấp dưới có thể xử sai, nhưng hy vọng cấp trên nghiên cứu kỹ hơn sẽ xử đúng hơn. Nhưng trong vụ này tôi không hy vọng như thế. Tôi còn có nghĩa là tự do tuân theo, tự do nhảy nhót, tự do hót líu lo trong cái vòng ý thức hệ ấy. Cái đó người ta gọi là "Ý thức hệ trị."

Đã "Ý thức hệ trị" thì Ý thức hệ là khuôn phép cao nhất, là cái được "thượng tôn" của xã hội ấy, không có cái gì được phép đứng cao hơn nó, làm gì có thể có sự "thượng tôn pháp luật?" Pháp luật cùng lắm là ở ngôi vị "trung tôn" thôi, để làm cái chức năng hết sức thiêng liêng là một công cụ sắc bén bảo vệ Ý thức hệ

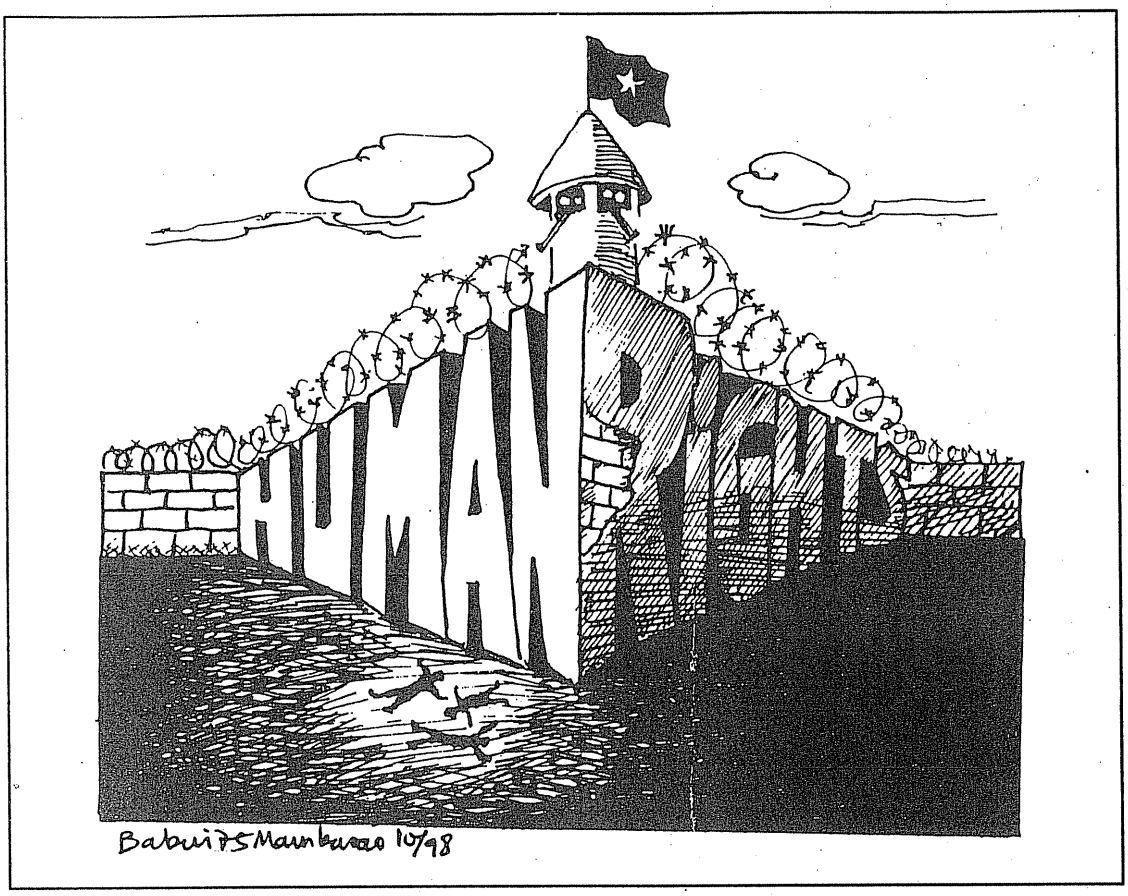

hiểu rằng việc này tất đã có sự nhất trí chỉ đạo cẩn thận kỹ lưỡng, công việc này là từ trên xuống, không phải từ dưới lên, nên chống án lên cấp trên là vô ích. Đó là ý nghĩ thứ hai.

3. Dù có bày ra cớ này cớ khác thì ai cũng hiểu rằng cả ba "phạm nhân hình sự" này (Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang) đều là ba người viết lý luận, ở những mức độ khác nhau đã phê phán ý thức hệ Chuyên chính Vô sản. Ai cũng hiểu rằng một xã hội đã chọn một hệ tư tưởng có sẵn làm cương lĩnh quán xuyến toàn bộ đời sống xã hội, rồi hiến định nó, luật hóa nó, vật chất hóa nó thành guồng máy quyền lực.... thì quyền "tự do tư tưởng "chỉ thượng tôn kia, điều đó về cơ bản đã phủ định nguyên tắc pháp trị rồi. Một khi anh đã va đụng vào cái ông "thượng tôn" thì mấy anh "trung tôn" sức mấy mà dám đứng ra cãi cho anh được? Đấy là cái lẽ thứ ba khiến tôi không viện gì đến pháp lý để khiếu nại nữa.

4. Khi ra tù, về nhà tôi mới biết vợ tôi đã làm được một việc rất có ý nghĩa. Sau khi dự phiên tòa, biết rõ chồng mình đã bị bố trí bắt một cách mưu mẹo tệ hại như thế nào, biết rõ việc làm của chồng mình từ trước chí sau là việc trong sáng của người trí thức, vợ tôi đã viết một đơn kêu oan chân thành và thống thiết gửi đến các cơ quan Hành pháp và Tư

pháp (có lẽ vợ tôi cũng nghĩ rằng cơ quan Lập pháp chẳng có quyền gì thiết thực nên không gửi), yêu cầu hủy vụ án và trả tự do ngay cho người bị giam. Tôi gửi anh nguyên văn lá đơn đó để anh xem (đơn viết ngày 30-9-1996). Nhưng viết để mà viết thôi, chứ con tàu phải đến ga nào thì nó cứ đến ga đó, con tàu chuyên chính có phải là thứ dễ phanh lại đâu. Một lần nữa, ý nghĩ của tôi về *sự bất lực của công lý* và tình người đã được chứng thực. Đấy là lý do thứ tư khiến tôi không bận tâm khiếu nại gì nữa.

Chỉ vì Anh ngoại lai: Đấu Tranh Giai Cấp

Cả bốn lý do trên đều có vẻ buồn, nó nghiêng về phía tuyệt vọng. Thế mà tôi không buồn vì tôi còn hai lý do khác để mà vui.

5. Anh Hồng Hà ạ, tôi cứ thích thú mãi cái tội danh "làm lộ bí mật"! Mình dù văn dốt vũ dát thì cũng mang danh kẻ theo đòi khoa học. Mà khoa học là gì, nếu không phải là công việc cố tình làm lộ hết bí mật này đến bí mật khác của tự nhiên và xã hội, cứ làm lộ ra những bí mật của giời đất và của lòng người. Suốt đời làm khoa học mà chưa "làm lộ" được cái gì có ích cho dân cho nước thì buồn quá. Biết rằng nhiều vấn đề chưa thể đánh giá ngay hôm nay, nhưng làm khoa học mà được tiếng là kẻ "làm lộ bí mật" thì mừng quá rồi, việc gì mà cãi. Còn việc làm lộ cái bài viết của ông Võ Văn Kiệt (với tư cách đảng viên nói với đảng của mình) thì đến nay khắp thế giới kể đã hàng vạn người đã đọc (và nguồn làm lộ tất nhiên là từ Trung ương, tức là từ nơi đã chủ trương quy tội chúng ta), mà chắc chẳng ai tìm thấy trong văn bản đó một "bí mật nhà nước" nào, chỉ có tôi là người cũng được mắc cái tội "cố ý làm lộ bí mật nhà nước" là chưa đọc thôi! Chuyện khôi hài như chuyện con nít như vậy thật chẳng đáng tranh cãi nữa!

6. Điều cuối cùng, điều này tôi đã nói với người sĩ quan an ninh hỏi cung: tôi bảo lưu ý kiến đã trình bày trước tòa rằng tôi không có cái tội "cố ý làm lộ bí mật nhà nước," nhưng tôi không chống án vì tôi nghĩ đây là cuộc xung đột nội bộ, như anh em trong nhà nóng lên mà đánh nhau, thì phải ngăn không để ông ấy đánh mình đau hơn, rồi lựa lời lựa lúc mà khuyên can, mà chỉ ra cho ông ấy biết ông ấy đánh mình là sai, chứ kiện cáo làm gì cho thêm mệt. Tôi nói đại ý như vậy không biết người sĩ quan kia có hiểu hết điều tôi nói không. Bản chất của vụ án này là Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam trừng trị người dám phê phán Ý thức hệ của Đảng. Thế là chỉ vì một anh ngoại lai mà người ruột thịt đánh nhau, trừng trị nhau. Con cháu máu mủ Lạc Hồng, trừ những kẻ rước những thứ tàn ác ở bên ngoài về, dựa vào đó để ăn trên ngồi trốc ra, còn toàn là người yêu đất nước mình cả, nếu không có cái lý thuyết đấu tranh giai cấp cực đoan từ ở đâu nhập vào thì những người cùng yêu đất nước ấy, cùng vừa ra khỏi tai họa chiến tranh thảm khốc, nhất định đã đoàn kết, nhất định đã thương yêu nhau hết mực rồi.

Nay có người anh em ruột thịt của mình, vì tiêm nhiễm cái bên ngoài mà đánh người bên trong, mà cố sức đẩy người mình không thích thành thù địch, thì những người tỉnh táo phải bình tĩnh, nói rằng: Anh đánh tôi là anh nóng, anh sai đấy, tôi sẽ giải thích anh nghe, anh nghĩ lại đi! Chứ kiện nhau thì ai phân xử cho mình, chẳng lẽ lại nhờ anh hàng xóm?

Tất nhiên việc người anh nóng nảy kia bao giờ biết nghĩ lại, có nghĩ lại được không thì còn nhờ vào âm đức, vào hồng phúc của gia đình ấy (vì cái ghế lợi quyền chính là mụ phù thủy gian ác lúc nào cũng kè kè bên cạnh). Nhưng cứ nghĩ thế là trong lòng tôi ấm lại, dẹp chông gai đi: vừa lựa lời bảo nhau vừa phải biết chờ đợi nhau chứ biết làm sao. Nhiều người lãnh đạo cũng đã nói "phải biết chờ đợi nhau," nhưng quan trọng không phải chỉ là chuyện "chờ" mà phải "biết chờ." "Biết chờ" thì không phải là há miệng để "chờ... sung," "biết chờ" cũng là biết làm rõ: trên con đường tiến hóa của dân tộc hiện nay thì ai chờ ai đây? (Cứ lăm lăm khẩu hiệu Ai thắng ai thì lại không thắng được mình! Không thắng được mình thì nghìn năm ta vẫn cứ là ta thôi, càng hiện đại hóa càng lưu manh hóa).

Anh có nhớ trong lời tuyên án cuối cùng, Chánh án đã gọi chúng ta là "bọn chúng"?, tôi cố nén đi một tiếng cười, tôi không đau xót gì cho mình chỉ đau xót cho đất nước. Cứ nghĩ miên man thế khiến tôi không vội gì trong việc yêu cầu sửa sai cho mình bây giờ. Chuyện đâu còn đó, bí thư Tỉnh uỷ Kim Ngọc đã được truy thưởng rồi... Tôi nghĩ cách ứng xử của anh và của tôi đều cần thiết cả. Không cần "nổ sâm banh" anh Hồng Hà nhé, nhưng mời anh cứ nâng ly lên, sóng sánh tình người, chúc anh mau phục hồi sức khỏe và hẹn ngày tái ngộ.

Một "Người trong cuộc" tình cờ của anh.

HÀ SĨ PHU

ĐẶNG HUY TRỨ, MỘT VỊ QUAN DO DÂN CỬ DƯỚI THỜI PHONG KIẾN

LÊ DUY

Đặng Huy Trứ *(1825 - 1874),* người xã Thanh Lương, nay là xã Hương Xuân, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên, đỗ Giải nguyên năm 1847. Ông là một nhà ái quốc nhiệt thành và đạt ở tầm cao về phẩm hạnh đạo đức, rất được người đương thời kính nể. Ngoài khả năng mẫn tiệp về mặt ngoại giao, được vua Tự Đức cử hai lần đi sứ sang Tàu, Đặng Huy Trứ còn là một chính trị gia lỗi lạc, có tầm nhìn quảng bác, đã tiên phong gieo mầm khai hóa, sớm hoạch định những kế sách canh tân đất nước để đương đầu với hiểm họa ngoại xâm.

Đặng Huy Trứ

Tuy làm quan dưới triều Tự Đức nhưng Ông đã thực hiện theo hướng đi riêng của mình nhằm phục vụ cho quyền lợi của nhân dân và khẳng định lập trường quyết chiến đối với thực dân Pháp, không khoan nhượng chấp nhận giải pháp khuất phục cầu hòa của vua Tự Đức và đám quần thần ươn hèn hủ bại lúc bấy giờ.

Chính vì lẽ đó mà vua Tự Đức đã coi Ông là "có bụng khác" nên tên tuổi của Ông đã bị dìm quên trong bóng tối nghịch cảnh của lịch sử dân tộc hơn một thế kỷ rưỡi đã qua đi ít được ai biết đến.

Nay, trước hết, nhờ vào

công lao sưu khảo của nhóm Trà Lĩnh, đã xé toang áng mây mờ lịch sử, phát hiện cho chúng ta được thấy rõ hào quang của ngôi sao Đặng Huy Trứ qua những danh tác văn thơ của Ông đã được nhóm này sưu tập lại trong quyển ĐẶNG HUY TRỨ CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM, là cả một di sản tinh thần quý báu của kho tàng văn học Việt Nam, trong đó hàm súc những tư tưởng tiến bộ của tác giả, đã có trước chúng ta hơn 150 năm đến nay vẫn còn sáng chói giá trị uyên nguyên của nó, ứng hợp với tư trào tân tiến hiện đại để chúng ta lấy đó học hỏi, noi theo.

Với niềm tôn kính một nhân tài của đất nước mà tầm vóc như bóng Thái Sơn của Đặng Huy Trứ, trong phạm vi nhỏ hẹp của bài viết này, chúng tôi xin được ghi lại duyên tri ngộ giữa Ông và nhân dân tỉnh Quảng Nam khi Ông còn là anh thầy đồ trẻ tuổi đi "cấy chữ" ở phương xa, đã tạo nên niềm tâm đắc lắng sâu vào lòng người dân xứ Quảng để rồi sau đó họ đã trọn vẹn gởi gắm niềm tin, đạo đạt thỉnh nguyện lên vua Tự Đức, đề cử Ông giữ chức vụ Bố Chánh Quảng Nam và Ông đã vinh dự trở thành một VỊ QUAN DO DÂN CỬ dưới thời phong kiến.

*

Đặng Huy Trứ bước đầu được bổ nhiệm tập sự làm quan vào năm 1856 (Bính Thìn - Tự Đức thứ 9) nhằm vào năm tiếng súng đầu tiên của thực dân Pháp bắn vào cửa bể Trà Sơn ở Đà Nẵng mở màn cho chủ trương xâm lăng Việt Nam của chúng. Quân dân ta lúc bấy giờ phải rất vất vả đối phó trong hai tháng mới được tạm yên.

Tháng 10 năm đó, Đặng Huy Trứ được phái đi quân thứ để kiểm tra thuyền bè và công cuộc phòng thủ tại cửa biển này. Xúc động trước cảnh cực khổ của quân dân phải lo chống đối với ngoại xâm lại còn bị bão lụt thiên tai tàn phá, Ông đã nói lên tình cảm và ý chí của mình qua bài thơ *"Đi quân thứ Đà Nẵng"* bằng Hán văn được xem như tác phẩm tiền phong mở đường cho phong trào văn thơ yêu nước chống Pháp trong lịch sử văn học Việt Nam.

Nguyên tác:

Vãng Đà Nẵng quân thứ tức sự

Như kim Đà Nẵng nhất Dương di,
Hạp cảnh binh dân bôn mệnh bì.
Cửu nguyệt, tam thu hàn lạo hậu,
Thiên môn vạn hộ khiết khuy kỳ.
Tây chinh sĩ khí phong sương khổ,
Nam cố thần trung tiêu cán ti (tư)
Nhục thực ngã như mưu vị quốc,
Chiến, hòa, dữ, thủ, thục cơ nghi?

Tạm dịch:

Đi quân thứ Đà Nẵng

Tuyến đầu Đà Nẵng rợ Tây xâm,
Giữ nước quân dân vững quyết tâm.
Trời cuối tiết thu, sau lụt lội,
Dân trăm nhà khó, hụt cơm ăn.
Ơn Vua lo nước, ngày đêm bận,
Chống giặc thương dân, gió tuyết dầm.
Ăn lộc quốc gia, lo quốc kế,
Chiến, hòa, nhường, giữ kế nào thần?

Tuy đặt dấu hỏi ở câu kết bài thơ nhưng Đặng Huy Trứ đã xác định lập trường đối với thực dân Pháp là không có hòa hay nhường, mà chỉ có con đường duy nhất là phải đánh.

Trong thời điểm quan trọng đó của lịch sử, tại triều đình, một số hiền thần — trong đó nổi bật là Đặng Huy Trứ — và một số sĩ phu trong nước có được tầm nhìn quảng bác và lòng yêu nước nhiệt thành đã làm sớ tâu lên Vua Tự Đức trình bày những kế sách khả thi làm cho dân giàu nước mạnh, và bằng những lời khuyên can khẩn thiết thức tỉnh nhà Vua sớm đạp đổ bức trường thành thủ cựu, tự vươn lên canh tân xứ sở theo kịp đà tiến bộ chung để đủ sức đương đầu với hiểm họa ngoại xâm, nhưng Vua đã không làm được mà chỉ cam tâm khuất phục nghe theo lời xúi sử của đám triều thần hủ bại — cấu kết với nhau vây kín chung quanh nhà Vua — cầu hòa với Pháp, và xem đó là quốc kế an toàn!

Khi ba tỉnh ở Nam Kỳ: Biên Hòa, Gia Định và Định Tường bị mất vào tay thực dân Pháp và buộc ta phải ký hòa ước năm Nhâm Tuất (1862) nhường đứt ba tỉnh này cho chúng, Vua Tự Đức vẫn nuôi hy vọng sẽ chuộc lại ba tỉnh đó qua đường lối cầu hòa. Năm 1863 Vua cho cử một phái bộ đi Tây do quan Hiệp Biện Đại Thần Phan Thanh Giản cầm đầu cùng với các Ông Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản mang phẩm vật sang sứ nước Pháp hòng dùng lời lẽ khéo léo, thương nghị với Pháp Hoàng Nã Phá Luân Đệ Tam để xin chuộc lại ba tỉnh trên.

Trong bữa tiệc tiễn phái bộ lên đường, Vua Tự Đức lại làm thơ (!) lấy vần *Giai* (có nghĩa là "vui, tốt") với đề tài *"Mong tin vui của phái bộ đi Tây,"* kỳ vọng vào sự thành công của phái bộ, để các quan cùng họa lại. Đa số các quan

đều trau tria lời lẽ họa lại nhằm tâng bốc ý Vua, riêng Đặng Huy Trứ, đang giữ chức Ngự Sử tại triều, đã khẳng khái nói thẳng:

Chuyên đối thùy năng hàn tặc phủ,
Phiến phàm quy sấc vọng trung giai.

(Nghĩa là: *"Lời nói dù khéo léo đến đâu cũng không làm nguội lạnh được lòng tham của quân giặc, thì mong gì ở cánh buồm về mang được tin vui!"*)

và kết quả của chuyến đi đã đúng như vậy. Sau hai tháng chờ chực trên đất Pháp, phái đoàn chỉ mang về cho Vua Tự Đức những lời hứa hẹn vu vơ của Pháp Hoàng và ba tỉnh miền Nam của ta vẫn bị nắm chặt trong vòng tay người Pháp.

Đặng Huy Trứ đã xác định lập trường chủ chiến của mình đối với thực dân Pháp, nhưng chiến như thế nào? Các kế sách của Ông đưa ra nhằm: Trước hết phải lo cho chấn hưng kinh tế bằng con đường buôn bán. Nhà nước bỏ vốn ra và kêu gọi tư nhân cùng đóng góp cổ phần trên nguyên tắc *"công tư lưỡng lợi"* để khuếch trương thương mãi trong nước, tiến tới mở rộng giao thương. Cải thiện giao thông thủy lợi để việc lưu thông hàng hóa, quân lương được đều khắp đến mọi miền đất nước. Giúp vốn cho dân phát triển tiểu thủ công nghiệp; mở mang doanh điền để nông dân có thêm diện tích canh tác thoát khỏi sự thiếu ăn, đói kém, đe dọa hằng năm. Khai thác hầm mỏ; mở cơ xưởng đúc rèn khí giới, đóng tàu thuyền; mua sắm thêm vũ khí tân tiến của nước ngoài; chỉnh bị quốc phòng theo kịp kỹ thuật Tây Phương. Giặc có tàu dài súng lớn thì ta cũng phải có tàu lớn súng dài để đối phó lại. Phải diệt trừ tham quan lại những và thay thế bằng những hiền tài, tuyển chọn ưu tiên về mặt phẩm hạnh; trao trách nhiệm đúng khả năng để giữ nước, chăm dân và căn bản phải biết lấy dân làm gốc:

Binh bị trão nha quan thắng phụ,
Dân duy huyết mạch hệ an nguy.

(Nghĩa là: *"Quân binh là nanh vuốt quan hệ đến sự thắng bại của chiến trận, nhưng dân quan hệ đến sự an nguy của đất nước như huyết mạch quan hệ đến sự sống của con người").*

Chủ yếu vững đặt niềm tin vào sức mạnh của nhân dân, Đặng Huy Trứ chủ chiến bằng tinh thần sáng tạo, tự lực, tự cường và Ông dự kiến, chỉ cần 10 năm, dân tộc ta sẽ thoát khỏi tình trạng lạc hậu, yếu kém; vươn lên theo kịp đà tiến bộ chung, có đầy đủ tinh thần, vật chất để đương đầu chiến thắng ngoại xâm. Ông đã cương quyết phản đối khi có người đưa ra ý kiến nhờ vào người Anh để đánh đuổi giặc Pháp; cho đó là việc làm *"đuổi voi cửa trước, rước cọp cửa sau."*

Hậu hộ tiến lang, Anh mạc thị!

(Nghĩa là: *"Nhờ vào người Anh là tự rước sói vào nhà bằng cửa sau.")*

Sinh ra từ điền dã và lớn lên bằng khoai sắn, muối dưa của quê hương nghèo khó, hơn ai hết Đặng Huy Trứ đã cảm thông sâu sắc nỗi thống khổ của người dân luôn bị đè nặng trên vai gầy hai sương một nắng của những cơn bão lụt hằng năm đe dọa và sự sách nhiễu của đám cường quyền quan tham lại nhũng. Bàng bạc trong thơ văn của Ông sáng tác từ khi còn là cậu học trò nhà quê mới 15 tuổi cho đến sau này, đều toát lên sự ái truất đối với người dân qua những đề tài mộc mạc, cảm xúc từ nếp sinh hoạt lao động của nông thôn như: *Trai cày vực nghé; Thả lợn vào chuồng; Khơi giếng đào ao; Múc nước tưới rau; Ăn khoai lang đỡ đói; Tát cá; Chăn tằm (1)* v.v... và luôn băn khoăn mặc cảm:

Tạ là ai, chẳng gieo, chẳng gặt
Ăn của người không chút công lao?

(Nguyên văn:
Bất giá, bất sắc, ngã hà nhân,
Khởi hữu vô công thực nhân thực")

để rồi tự thẹn thấy mình mang danh kẻ sĩ chỉ sống nhờ ăn bám vào mồ hôi nước mắt của người dân mà chưa làm được điều gì để giúp họ.

Xuất phát từ trăn trở đó, bước đầu ra làm quan, Đặng Huy Trứ không đi theo lối mòn vị kỷ thấp hèn như đa số những người đã bước

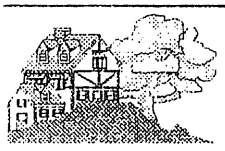
DALAT
LANDSCAPING

Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27)
Bolsa Avenue
Westminster,CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

trước hoặc đương thời, lấy hoạn đồ làm cứu cánh tiến thân để mưu cầu miếng đỉnh chung cho thê phong tử ấm. Như đóa sen nở vươn cao trên mặt nước ao tù, ra làm quan, Đặng Huy Trứ đã tự vạch cho mình một lối đi riêng ngược lại, lấy chức vụ ở quan trường làm phương tiện để phụng sự cho cứu cánh phục vụ nhân dân: *"Dân không chăm sóc chớ làm quan."* Lấy công tâm thực thi công lý và công ích, điều gì thấy có lợi cho dân dù thiên nan vạn nan cũng quyền biến quyết tâm thực hiện cho kỳ được và dám thách thức gánh chịu mọi hệ lụy xảy đến với bản thân:

Hành quyền nhược đắc ngô dân lợi,
Dẫn cữu hà nan nhất ngã đương!

Tạm dịch:

Muốn dân được lợi cần quyền biến,
Tội vạ riêng mang há sợ gì.

Cao cả thay! Ta thử bươi tìm trong giới quan trường thời phong kiến đã mấy ai làm được việc này? Ngoại trừ nhân vật Đặng Huy Trứ, một con người đầy quả cảm, có một niềm tin sắt đá vào lập trường phục vụ vì dân do dân của mình.

Đặng Huy Trứ, một con người bình thường như tất cả mọi người, thi đỗ rồi ra làm quan, nhưng tầm vóc nhân cách và đạo đức của Ông đã vươn cao như ngọn cô phong hùng vĩ, cộng thêm vào duyên tri ngộ của giới sĩ phu và nhân dân Quảng Nam đối với Ông khi Ông còn là một anh thầy đồ trẻ tuổi (23 tuổi, sau khi đỗ Giải Nguyên vào năm 1847) vào Quảng Nam dạy học tại nhà Lý Mậu Thụy, người Minh Hương ở Hội An và mở trường tư thục Thanh Hương. Từ đó, chân dung Đặng Huy Trứ đã in sâu vào mắt xanh cảm phục của nhân dân và giới nhân sĩ Quảng Nam, và cũng từ lòng cảm phục đó, nhân dân và giới nhân sĩ Quảng Nam đã làm nên việc *"tưởng như không thể xảy ra"* nếu không muốn nói là *"kháng chỉ"* (chống lại lệnh Vua) nhưng đã thực sự xảy ra dưới triều Vua Tự Đức.

Đó là vào mùa xuân năm Giáp Tý - 1864- tỉnh Quảng Nam bị nạn đói đe dọa trầm trọng do hậu quả thiên tai kéo dài, hạn hán gần cả năm trời không có giọt mưa. Vua Tự Đức đã xuống chỉ cử Trần Hữu Đạo nhậm chức Bố Chánh Quảng Nam để lo việc cứu đói cho dân. Chưa được hai ngày thì nhân dân và nhân sĩ tỉnh này đã làm đơn, ủy cho ông Phạm Văn Diên, một nhân sĩ địa phương mang về kinh, nhờ quan Tham Tri Bộ Lại là ông Phạm Phú Thứ, tâu trình lên Vua Tự Đức, khẩn cầu xin Đặng Huy Trứ thay cho Trần Hữu Đạo giữ chức vụ Bố Chánh Quảng Nam vì Quảng Nam đang cấp bách khó khăn, cần có được người hiền tài đảm nhiệm. Trước phản ứng này, có lẽ Vua Tự Đức, là người hơn ai hết hiểu rõ tài năng, đức độ và lòng mẫn cán chăm dân của Đặng Huy Trứ và thầm phục nhân dân và sĩ phu Quảng Nam đã có *"mắt xanh"* chọn đúng hiền tài, tạo nên sự hứng khởi tương đắc cảm thông giữa thần dân và thiên tử, nên Vua chấp thuận phê ngay: *"Đặng Huy Trứ đổi lãnh chức Bố Chánh Quảng Nam - đi ngay - Khâm thử."* Bố Chánh Trần Hữu Đạo phải thôi chức và bàn giao công việc cho Đặng Huy Trứ.

Quyết định này của Vua Tự Đức đã gây một chấn động tâm lý cho giới quan lại tại triều đình lúc bấy giờ. Riêng Đặng Huy Trứ được đặt trong tình trạng cấp bách, giờ Ngọ (12 giờ trưa) nhận lệnh, giờ Thân (bốn giờ chiều) phải lên đường nhận nhiệm sở mới. Vua gọi Ông vào Duyệt Thị Đường, ban cho ba lạng bạc làm lộ phí vào Quảng Nam. Ông không kịp từ giã gia đình, quyến thuộc và bạn bè. Trên đường đi, Ông cảm xúc gửi gắm tâm sự qua bài Hán thị: *"Đội ơn Vua giữ nguyên hàm (2) lãnh chức Bố Chánh Quảng Nam."*

Nguyên tác:

Mông dĩ bản hàm lãnh Quảng Nam
Bố chánh sứ tức vãng

Ngọ bái, Thân hành bán nhật gian,
Nam trung kiến tiết cấp dân gian.
Sĩ phu vị ngã tăng thân lý,
Yêm thị thôi dư bất tiệm nhàn.
Tao tế hữu duyên, tri hậu hạnh,
Tuần tuyên vô trạng, quý dung sàn.
Miễn tương gia học toàn thi triển,
Tảo báo giai âm đáo Hải Vân.

Tạm dịch:

Trưa lệnh, chiều đi gấp Quảng Nam,
Cờ Vua sớm dựng, cứu nhân dân.
Gửi trao gánh nặng lòng nhân sĩ,
Giục giã đường xa, bạn cận quan.
Hạnh vận duyên đưa, phơi nhiệt huyết,
Quyền cao, đức mỏng, thẹn dung nhan.
Dốc đem gia học lo công vụ,
Để sớm tin vui vượt Hải Vân.

Nội dung của bài thơ, gói ghém vào từng câu, từng chữ tâm tư sâu lắng của tác giả, tuy khiêm tốn nhưng không từ nan trước trọng trách được giao phó. Làm ngự sử tại triều là chỉ giúp cho Vua điều hành nội chính, không trực tiếp giúp được cơm áo cho nhân dân.

Trong chức vụ Bố Chánh Quảng Nam, với trọng trách thay mặt Vua điều hành guồng máy hành pháp tại địa phương, là nắm được ưu thế ở tầm cao, từ đó vươn lên đem sở năng gia học áp dụng vào thực tiễn công tác để phục vụ nhân dân hữu hiệu. Cái *"duyên may"* Ông nói trong câu thơ *"Tao tế hữu duyên tri hậu hạnh" (Hạnh vận duyên đưa, phơi nhiệt huyết)* là nhằm vào ý nghĩa sâu xa cao đẹp đó, chứ không phải là duyên may được thăng quan tiến chức theo ý nghĩa tầm thường. Lòng tự trọng và đức khiêm tốn luôn tự thấy mình tài sơ đức thiển mà Ông diễn đạt trong ý thơ là tinh hoa hấp thụ từ đạo đức truyền thống của giáo dục gia đình và cũng là một động lực thiêng liêng thúc đẩy Ông luôn khắc kỷ tu thân, năng động vươn cao, phát huy trọn vẹn phẩm hạnh của một người trí thức nhiệt tình yêu nước, thương dân, trọn đời tận tụy xin nguyện *"làm con của thứ dân" (Thứ dân chi tử thị công khanh).*

Trở lại với diễn biến sự việc trên, công tâm mà nhận xét, do Vua đề cử, mới đáo nhiệm hai ngày thì Bố Chánh Trần Hữu Đạo đã phạm vào sai sót gì mà nhân dân Quảng Nam đòi bãi chức mà Vua đã nghe theo? Nguyên nhân chỉ do lòng tín nhiệm vào tài năng và đức độ của Đặng Huy Trứ, nhân dân và nhân sĩ Quảng Nam đã mạnh dạn nói lên tiếng nói người dân, rọi lên ánh đuốc dân quyền giữa màn đêm phong kiến mà không sợ đụng chạm đến *"uy quyền thiên tử"* khi xin Vua Tự Đức phải hủy bỏ quyết định của mình đã được thi hành vào nề nếp và cũng chỉ có Đặng Huy Trứ mới vinh dự được nhân dân Quảng Nam *"chọn mặt gửi vàng"* trọn vẹn ủy thác lòng tin để trở thành một Ông quan do dân cử dưới thời phong kiến mà Vua trở thành người đứng đầu hành pháp, phải chấp thuận thi hành vượt ra ngoài pháp chế độc tài phong kiến đã có từ bao đời bất di bất dịch, trong đó quyền Vua được coi là *"tuyệt đối chí tôn"* không gì thay đổi được.

Và cũng để kết luận bài viết này, xin được tô đậm nơi đây một điểm son trang trọng cho Vua Tự Đức, đã có được một lần biết tự chế mặc cảm *uy quyền thiên tử"* chịu lắng nghe tiếng nói của nhân dân để hành sử quyền năng tối thượng của mình, đáp ứng đúng sở nguyện của nhân dân (3).●

Sàigòn, tiết Tiểu Thử năm Đinh Sửu

Chú thích

1. Đây là đề tài của những thi phẩm của Đặng Huy Trứ, xin đọc quyển *"Đặng Huy Trứ con người và tác phẩm" của nhóm Trà Lĩnh, xuất bản năm 1990.*

2. Ba chữ "giữ nguyên hàm" trong tiêu đề này có lẽ dụng ý của tác giả muốn nói lên một đột biến về trật tự phẩm hàm mà Vua Tự Đức đã ưu ái dành riêng cho Đặng Huy Trứ là muốn được giữ chức Bố Chánh phải có hàm Chánh Tam Phẩm, mà Đặng Huy Trứ lúc bấy giờ chỉ có hàm Tùng Tứ Phẩm, chưa được Chánh Tứ Phẩm, mà cũng được Vua đặc cách cử nhiệm.

3. Vì giới hạn khuôn khổ một bài báo, chúng tôi không thể viết dài hơn nữa, vào sâu trong công việc của Đặng Huy Trứ đã làm quan ở Quảng Nam sau đó để đáp ứng lòng sở cậy của nhân dân Quảng Nam. Đề tài này xin hẹn vào một dịp khác.

Tài liệu tham khảo:

- *Đặng Huy Trứ, Con người và Tác phẩm* của nhóm Trà Lĩnh xuất bản 1990.
- *Việt Nam Danh nhân Từ điển* của Nguyễn Huyền Anh.
- *Việt Nam Quốc Sử khảo* của Phan Bội Châu (1908) nhà xuất bản KHXH 1982.
- *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim.
- Một số tư liệu rút từ *Đặng gia thế phổ.*

Quý vị đã từng đọc hồi ký **Một Cánh Hoa Dù** của Trương Dưỡng, cựu Thiếu tá Nhảy Dù, kỹ sư Điện tử, qua 25 năm ngồi xe lăn mà vẫn phấn đấu không ngừng. Mời quý vị đọc quyển bút ký chiến trường của cùng tác giả:

ĐỜI CHIẾN BINH

- Sách dày 350 trang thuật lại những trận đánh nẩy lửa do các đơn vị Nhảy Dù tham chiến, với 20 trang hình ảnh chiến trường.

- Được thành hình do đúc kết các bài viết, phỏng vấn của gần 50 nhân chứng sống, từ Tư lệnh Sư đoàn Nhảy Dù đến các vị Lữ đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng v.v.. cho đến các binh sĩ đã trực tiếp tham gia các trận đánh.

Giá $16.00. *Liên lạc mua sách:*
THIÊN TRƯỜNG,
9220 Renoir Court, Boynton Beach,
FL 33437-2467 ● Tel: (561) 734-4016.

SÀI GÒN 300 TUỔI

HUY ANH

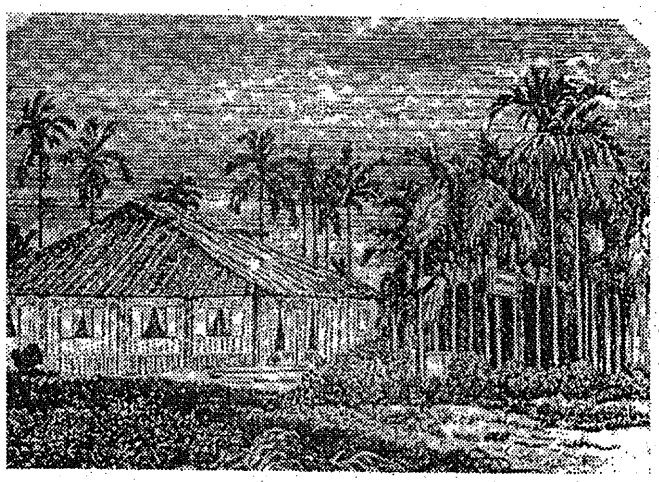

Quán cà phê đầu tiên của Sài Gòn

Trong năm 1998, ở Sài Gòn, người ta tổ chức kỷ niệm 300 năm thành phố này được thành lập: 1698 - 1998.

Theo tài liệu lịch sử, năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền biên cảnh phía Nam. Thấy nơi đây đã có "dân dư tứ vạn hộ" và ruộng đất đã khai mở ngàn dặm, Nguyễn Hữu Cảnh liền lập phủ Gia Định cùng hai huyện Tân Bình và Phước Long. Tại huyện Phước Long đặt dinh Trấn Biên, sau là tỉnh Biên Hòa. Tại huyện Tân Bình đặt dinh Phiên Trấn, sau là tỉnh Phiên An, rồi Gia Định. Thủ phủ của Gia Định đặt ở địa phương Sài Gòn - Bến Nghé, lúc đầu cai quản cả miền Nam. Vì vậy năm 1698 được ghi nhận như cái mốc lịch sử đánh dấu năm Sài Gòn được thành lập. Sài Gòn xưa tuy chưa là đô thị theo quan niệm ngày nay nhưng đã mang dáng dấp "kẻ chợ," khác biệt với thôn quê.

Theo một số nhà biên khảo ở miền nam VN trước 1975, thì thời đó các thương nhân người Hoa từ Biên Hòa và một số nơi khác đến thấy Sài Gòn - Bến Nghé là nơi có nhiều sông rạch tụ hội, thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán nên đã kéo nhau về đây lập nghiệp. Lúc đầu họ gọi vùng đất Sài Gòn - Bến Nghé là *Tây Ngạn* - bờ tây (sông Đồng Nai?) hoặc *Tây Cống*. Nói *Tây Ngạn* hoặc *Tây Cống* là đọc theo âm Hán-Việt, còn người Hoa phát âm là *Sài Côn*. Từ hai tiếng Sài Côn, dần dà Việt hóa thành *Sài Gòn*.

Sau khi chiếm Nam Kỳ vào cuối thập niên 50, đầu thập niên 60 thế kỷ 19 và hoàn thành công cuộc bình định, từ những năm 80-90 thế kỷ trước và tiếp sang đầu thế kỷ này, người Pháp bắt tay vào việc biến Sài Gòn - Bến Nghé thành *Ville de Saigon* như mở mang đường sá, nối mạng giao thông với các tỉnh, xây dựng nhiều công trình, dinh thự mang dáng vẻ *châu Âu* như dinh Norodom (tiền thân của dinh Độc Lập sau này), dinh Gia Long, nhà Bưu điện thành phố, nhà hát lớn thành phố, pháp đình Sài Gòn, nhà thờ Đức Bà, nhà thờ Tân Định, vườn Bách Thảo, vườn Ông Thượng (công viên Tao Đàn) v.v... Tại khu trung tâm thành phố (Q.1 ngày nay) có những con đường sang trọng, buôn bán sầm uất như đường Catinat (Tự Do), Bonard (Lê Lợi), Charner (Nguyễn Huệ)... Tiến ra phía bờ sông có bến Bạch Đằng, cột cờ Thủ Ngữ... Từ cột cờ Thủ Ngữ nhìn sang phía quận 4 là thương

cảng với tàu thuyền đủ mọi quốc tịch đến, đi...

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ này, các du khách phương tây đến thăm Sài Gòn đều thừa nhận đây là một thành phố khá xinh đẹp so với nhiều thành phố hoặc thủ đô của một số nước khác ở miền đông châu Á nên họ đã mệnh danh Sài Gòn là *Hòn Ngọc Viễn Đông.*

Từ khi Quốc trưởng Bảo Đại từ Hồng Kông về nước thành lập Chính phủ Quốc gia (1949) để đương đầu với CSVN, thì Sài Gòn chính thức trở thành thủ đô của miền Nam. Sau hiệp định Genève chia hai đất nước năm 1954 cho đến 1975 với các chế độ Đệ nhất và đệ nhị Cộng Hoà, Sài Gòn vẫn là thủ đô, tiếp tục được xây dựng và phát triển ngày càng lớn mạnh. Dân số thủ đô Sài Gòn với 11 quận vào thời điểm 74-75 ước tính có từ 2,5 - 3 triệu người.

Sau biến cố lịch sử 30-4-75 cộng sản cưỡng chiếm toàn bộ miền Nam VN thì Sài Gòn bị họ xóa tên và đổi ra "Thành Phố Hồ Chí Minh."

Từ sau khi thay chủ đổi tên, bị các "đồng chí lãnh đạo đảng và nhà nước ta" cho tàu, xe vào chở sạch của cải vật chất về miền Bắc; nhất là sau cú đánh trí mạng "cải tạo tư sản công thương nghiệp miền Nam" (1978 do Đỗ Mười vào trực tiếp chỉ huy) thì Sài Gòn suy sụp hoàn toàn. Một cách hình tượng, có thể ví Sài Gòn sau 75 như một người bỗng nhiên bị trúng đòn độc: trợn mắt, há mồm, tay chân co giật, mũi thở phì phò, mặt mày xanh mét không còn hột máu, mãi đến mấy năm gần đây mới lai tỉnh, gượng đứng dậy được, nhưng chưa thể nói là đã phục hồi.

Về diện tích, TP.HCM hiện nay bao gồm 12 quận nội thành (trong đó các quận 2, 7, và 9 sau nhiều năm bị xóa tên và sáp nhập, mới được lập lại từ 1997 nhưng không còn nằm ở những vị trí cũ) và toàn bộ các quận, huyện của tỉnh Gia Định cũ: Tân Bình, Phú Nhuận, Bình Thạnh (tức Bình Hòa và Thạnh Mỹ Tây), Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi, Thủ Đức, Bình Chánh, Nhà Bè, và Cần Giờ (có một dạo được gọi là Duyên Hải).

Dân số TP.HCM hiện nay ước tính trên thực tế có từ 6,5 đến 7 triệu người, trong đó, theo báo Công An TP.HCM, có khoảng 700-800 ngàn người từ các nơi khác đổ về bất hợp pháp (không có hộ khẩu thường trú).

Giải thích về sự gia tăng dân số nhanh chóng tại TP.HCM, nhà cầm quyền CS ở đây nói rằng: đó là do *gia tăng cơ học* (chữ họ dùng để chỉ dân từ các nơi khác đến) chứ *gia tăng tự nhiên* (sinh đẻ) thì không nhiều.

Ai cũng biết, từ sau 30-4-1975, cán bộ tập kết trở về; cán bộ miền Bắc ùn ùn xin chuyển công tác vô Nam, nhất vô Sài Gòn; sĩ quan, bộ đội giải ngũ không có gốc Sài Gòn cũng xin ở lại Sài Gòn; rồi dân Hà Nội và các tỉnh khác ở miền Bắc, miền Trung đổ về đây làm ăn, sinh sống v.v... Người đông tất nhiên phải bức xúc về chỗ ở. Bởi vậy nên bất chỗ nào ở được đều biến thành "hộ gia cư," "nhà tập thể": từ các building, cao ốc trước kia để lại cho đến nhà của những người bỏ đi nước ngoài, các cư xá sĩ quan, các trại gia binh cũ, phần sử dụng không hết của các cơ quan nhà nước v.v... Các khu quân sự trước kia được các đơn vị quân đội CSVN tiếp quản, nhà ở được xây cất lên nơi đất trống một cách bừa phứa không cần phép tắc. Phi trường Tân Sơn Nhất trước 75 có vành đai an toàn bao quanh, không ai được xâm lấn, nay "phe ta" lớn bé đua nhau chiếm đất xây nhà lấn sát vào hai bên hông phi đạo hoặc ngay đầu phi đạo. Người CS ưa dùng hai chữ "quy hoạch," nhưng cảnh quan thành phố hiện nay thật hỗn độn, bát nháo, chẳng theo một quy hoạch nào. Đúng ra họ cũng có quy hoạch đấy nhưng chẳng ai làm theo cả.

Đường sá trong thành phố, căn bản là gần y nguyên như trước kia, không mở mang thêm được bao nhiêu, mà lượng người và lượng xe — nhất là xe đạp và xe Honda hai bánh đủ loại — thì nhiều vô kể, trong khi luật lệ giao thông còn rất kém, phát sinh nạn chen lấn, chạy ẩu, giành nhau từng tấc đường, nên vào các giờ cao điểm, tình trạng kẹt xe tại các ngã tư, ngã năm xảy ra như cơm bữa. Khí hậu nóng, người đông, từ 3-4 giờ sáng đến tận đêm khuya, thiên hạ đổ ra đường để kiếm sống bằng đủ mọi nghề nên thành phố lúc nào cũng náo động, đầy rác rưởi và bụi bặm. Gần như ở đâu có lề đường là ở đó người ta bày ra buôn bán đủ thứ, từ bánh mì, phở, hủ tiếu, bò viên, chè cháo, nước giải khát, áo quần, giày dép, đồ lạc-xon v.v... Cảnh sát có đến xua đuổi, dọn dẹp thì chừng 1-2 tiếng đồng hồ sau mọi sự trở lại như cũ. Khi xã hội không cung ứng đủ việc làm, thất nghiệp và đói khổ thì người ta buộc phải bươn chải mà thôi.

Trong khoảng thời gian từ 1975-1980, cái gì thuộc loại tệ nạn xảy ra ở Sài Gòn hoặc các tỉnh thành phía Nam, người CS thường đổ riệt cho kẻ vắng mặt, họ bảo: "đó là tàn dư của chế

độ cũ." Về sau, những cái xấu xa, tệ hại cứ tiếp tục xảy ra, ngày càng có chiều hướng gia tăng, nhưng đến lúc này thì họ im re, không còn đổ thừa cho ai được nữa. Hiện nay nạn đĩ điếm, xì-ke ma túy, cờ bạc, cướp giật (trong đó không ít thủ phạm là con cháu của những cán bộ có chức có quyền) và giết người hoành hành hơn thời trước 75 gấp nhiều lần. Các nhà hàng "tươi mát," quán "bia ôm" mọc lên như nấm sau mưa. Có thể nói không ngoa rằng hiện nay ở TP.HCM cứ ra ngõ là gặp quán bia ôm. Những ai đến đó uống bia rượu để ôm ấp gái tơ? Đó là những cán bộ rửng mỡ, giới mánh mung có nhiều tiền. Còn những ai đem thân ra cho người ta ôm ấp, bốc hốt để mỗi đêm kiếm chút ít tiền *típ* về nuôi cha mẹ già, em dại? Đó là những cô gái nghèo ở thành phố hoặc từ các tỉnh đổ về như những con thiêu thân lao vào ánh đèn. Hiện thời, "mốt" ở VN là chạy xe Dream II, sử dụng handphone và bằng mọi cách kiếm cho thật nhiều tiền (kể cả đô-la) để ăn xài như nước. Tâm lý hưởng thụ tràn lan. Hình như đám tư sản đỏ và lũ cán bộ giàu sổi (nhờ tham nhũng, ăn hối lộ) cố gỡ gạc để bù lại những năm tháng gian lao trong thời chiến tranh.

Người CSVN có lẽ chỉ "giỏi" về môn bóp cò, đánh du kích hoặc vào trận thì liều lĩnh xung phong thí mạng như cỏ rác. Nhưng khi nắm được chính quyền trong tay thì họ rất tồi trong công tác quản lý kinh tế-xã hội, đặc biệt là khoa quản lý đô thị. Càng những đô thị lớn thì càng để xảy ra đủ thứ sơ hở, bất cập.

Trong cả nước hiện nay có tất cả 54 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Ba thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, và TP.HCM. Trong 54 tỉnh, thành ấy chỉ chừng 1/3 là có đủ ngân sách tự nuôi mình và nộp nghĩa vụ cho trung ương ít nhiều tùy khả năng (vì có những tỉnh toàn rừng núi hoặc làm nông nghiệp, không có nền kỹ nghệ, thương mại gì để kiếm ra tiền). TP.HCM được coi là đứng đầu cả nước về tiềm lực kinh tế-tài chánh cho nên cũng được trung ương "chiếu cố" kỹ nhất. Có những năm họ bắt thành phố này nộp nghĩa vụ cho trung ương 85% nguồn thu của mình. Vài năm trở lại đây, do hội đồng nhân dân thành phố này kêu ca quá nên Hà Nội đồng ý giữ ở mức 80% mỗi năm. Thành phố thì lớn, có rất nhiều nhu cầu chi tiêu, nhưng với 20% nguồn thu còn lại, chính quyền địa phương rất loay hoay với khoảng ngân sách ít ỏi ấy. Dân số gia tăng hơn hai lần so với trước 75 nhưng bệnh viện cũng chỉ bấy nhiêu cái do "chế độ cũ" để lại. Bệnh Viện Nhi Đồng II (Grall cũ) xuống cấp nghiêm trọng nhưng không có tiền sửa chữa, phải cầu cứu người Pháp. Ở ngoại thành, nhiều trường thiếu phòng ốc, lắm nơi phải dạy mỗi ngày ba ca, nhưng chẳng xây cất thêm được bao nhiêu. Đường sá trong thành phố nhiều đoạn bị ổ gà ổ trâu nhưng chỉ đường nào quan trọng và ở khu trung tâm mới được tu bổ đúng kỹ thuật, còn ra thì dặm vá sơ sài bằng... đất đỏ, chỉ mười bữa nửa tháng lại "vũ như cẩn." Cầu cống hầu hết ở tuổi thọ 70-80 mà không làm lại nên trong mấy năm qua nhiều cái sụp xuống sông rạch gây chết người như cầu Xóm Chỉ (Q.5), cầu Bà Hom (Q.6), cầu An Lạc (Bình Chánh) và mới đây nhất là cầu Bình Điền (Bình Chánh). Cầu Sài Gòn được làm cách đây gần 40 năm, do lượng xe qua lại quá nhiều suốt ngày đêm, nhất là các xe be chở gỗ súc nặng 30-40 tấn, đang trong tình báo động. Theo một phúc trình gần đây của sở Giao Thông - Công Chánh TP.HCM thì hiện nay có đến 70% (trong số 304 chiếc cầu lớn nhỏ ở thành phố) xuống cấp, trong đó có những chiếc chỉ cho phép đi bộ, thậm chí có chiếc cấm hẳn người, xe qua lại.

Mấy năm qua CSVN áp dụng phương châm *"nhà nước và nhân dân cùng làm"* trong nhiều lãnh vực, chẳng hạn như bắt dân đóng góp tiền cùng nhà nước sửa chữa mạng lưới điện đã quá cũ kỹ ở thành phố; bắt dân đóng góp tiền cùng chính quyền quận, phường tráng xi-măng các con hẻm v.v... Năm 1995 họ mở rộng đường Nguyễn Tất Thành Q.4 (Trình Minh Thế cũ) và lộ 15 đi xuống Nhà Bè bằng phương thức trên nhưng vẫn thiếu vốn. Sau khi khánh thành bèn đặt trạm thuế ở hai đầu để thu tiền các loại xe (3 bánh trở lên) trong vòng 10 năm. Kế hoạch mở đường Cách Mạng Tháng Tám (Lê Văn Duyệt cũ) từ Bà Quẹo - Bảy Hiền xuyên thành phố, nối với đường Nguyễn Thái Học (Q.1), qua Cầu Muối, tiếp với đường Khánh Hội (mới làm ở Q.4). Cuối đường Khánh Hội, bắc một cây cầu mới ở bến đò Long Kiển qua kinh Tẻ, thông với lộ 34 chạy qua quận 7 (mới) đến cuối huyện Nhà Bè (để thông thương với các huyện Cần Giuộc, Cần Đước tỉnh Long An). Kế hoạch này đòi hỏi số vốn hàng trăm tỉ đồng VN mà chính quyền thành phố không có đủ tiền nên họ cũng đang vận dụng phương thức *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"* nói trên.

Hiện thời TP.HCM đang có dự án xây dựng
u đô thị mới mang tên "Nam Sài Gòn" chạy
bắc Nhà Bè qua nam quận 8 đến giáp với
n đông bắc huyện Bình Chánh để nới rộng
nh phố. Trục lộ xương sống của đô thị Nam
Gòn này khởi từ khu chế xuất Tân Thuận
ng qua các vùng kinh rạch nói trên đến gặp
ốc lộ I (trước gọi là QL.4) đi đồng bằng
g Cửu Long tại An Phú Tây (cạnh cầu
h Điền). Xa lộ Bình Thuận (Bình
ánh-Tân Thuận) này sẽ giúp cho lượng xe
hành hóa từ các cảng Sài Gòn, Tân Thuận
miền Tây khỏi phải chạy qua thành phố.
n bộ dự án trên chính quyền TP.HCM
g trông chờ vào sự bỏ vốn đầu tư của Đài
n. Hiện thời xa lộ Bình Thuận được khởi
g xây dựng trước.

Việc giải tỏa nhà ổ chuột, nhất là nhà xây
trên các kênh rạch — chủ yếu là trên kênh
êu Lộc xuyên quận 3, qua cầu Trương
h Giảng, đến cầu Kiệu (đường Hai Bà
ng, ranh giới Q.1 và quận Phú Nhuận),
ng cầu Bông đổ vào sông Thị Nghè (Bình
nh) — rất bức thiết nhưng thành phố
u vốn xây các khu chung cư mới để dời
nên việc này năm nào cũng hô hào mà
thực tế làm rất lai rai.

Nguồn nước sinh hoạt cho TP.HCM lấy từ
Đồng Nai. Nhà máy lọc nước Hóa An (ở
Hòa) trước đây được thiết kế với công
lọc 300,000 mét khối nước/ngày, đủ dùng
dân số Sài Gòn trước 75. Nay dân số tăng
hai lần, lại còn mở rộng mạng phân phối
ra một số vùng ở ngoại thành, mà công
của nhà máy lọc nước vẫn thế, trong khi
ệ thống ống dẫn nước trong toàn thành
hầu hết được lắp đặt từ thời Pháp đến
bị hư mục, rò rỉ vào lòng đất khá nhiều
có nhiều khu vực nước về rất yếu, ban
phải thức hứng từng xô. Các nơi ở cuối
g ống thì hoàn toàn không chảy giọt nào.
u gia đình tháo bỏ đồng hồ nước, đặt máy
trực tiếp vào ống cái để hút, mà phải hút
ửa đêm về sáng may ra mới có nước dùng.
trạng này kéo dài từ nhiều năm qua,
thấy có dấu hiệu cải thiện.

ất cả cũng chỉ vì ông Trung ương chơi ép
CM. Hà Nội coi thành Hồ như cái vú sữa
hiệm vụ nuôi Trung ương và một số tỉnh
o khác. Bởi vì trong nước hiện có những
rất nghèo, thu không đủ chi, hàng năm
ngửa tay xin Trung ương "rót." Ông
g ương thì ngồi đó ra chỉ tiêu (%), bắt các
nơi nộp "nghĩa vụ," rồi "điều phối," tức là lấy chỗ này đắp chỗ kia. Thân phận TP.HCM hiện nay giống như trong một gia đình nghèo đông con, anh con cả làm ăn khấm khá, bị cha mẹ bắt phải đưa gần hết số tiền kiếm được để chi xài và nuôi bầy em nheo nhóc. Thử hỏi một thành phố tròm trèm bảy triệu dân, năng động nhất trong chuyện làm ăn kinh tế, nguồn thu ngân sách không nhỏ, nhưng bị Hà Nội bóp hầu bóp họng lấy đi 80% mỗi năm thì còn gì để chi tiêu và phát triển? Thành thử chấm dứt chiến tranh đã hơn 20 năm mà bộ mặt thành Hồ vẫn còn nhiều điểm yếu kém, ngày càng có khoảng cách khá xa so với thủ đô các nước trong vùng. Những ai ở ngoại quốc về VN, chỉ cần xuống phi trường Tân Sơn Nhất, cũng đủ thấy ở cuối thế kỷ 20 mà nhà khách và các phương tiện phục vụ ở một phi trường được coi là lớn nhất nước còn nghèo nàn, thô sơ hơn cả một phi trường tỉnh lẻ ở Mỹ. Nhiều người nói rằng Bangkok của Thái Lan trước 75 không hơn gì Sài Gòn vậy mà hiện nay khác một trời một vực. Từ khi VN có chính sách "mở cửa," các nước — đặc biệt là các nước Đông Á như Đài Loan, Hồng Kông, Nam Hàn, Nhật Bản v.v... — vào VN, chủ yếu là vào TP.HCM bỏ vốn đầu tư khá nhiều. Nhưng, nhìn kỹ lại, họ thường đầu tư xây dựng khách sạn, cao ốc cho thuê mở văn phòng giao dịch, nhà hàng-vũ trường, tức là những công trình dịch vụ mau thu hồi vốn. Nếu có đầu tư mở nhà máy, hãng, xưởng thì cũng chỉ là những cơ sở lắp ráp (tivi, radio, cassette...), chế biến bột ngọt, nước giải khát, sản xuất sợi dệt, đóng giày, may quần áo xuất cảng v.v... với quy mô nhỏ, thu dụng 50-70 hoặc 150-200 công nhân (các xưởng may) là nhiều. Hoàn toàn chưa thấy có sự đầu tư vào những ngành công kỹ nghệ với sức sản xuất lớn thu hút nhiều công nhân, nhất là lớp trẻ vừa đến tuổi đi làm rất đông đảo hiện nay...

Một cách khách quan, từ khi bãi bỏ chính sách "bế môn" với nền kinh tế tự túc tự cấp, chuyển sang "đổi mới," mở cửa cho tư bản nước ngoài vào làm ăn, VN hiện nay tương đối "có máu mặt" ra một chút. Nhìn riêng TP.HCM, người ta nhận thấy có mấy điểm đập vào mắt:

1. Nhờ các nước (nhất là Hồng Kông, Đài Loan) vào đầu tư xây cao ốc, khách sạn rải rác khắp thành phố, tập trung nhất là ở quận I, nhiều cái cao 10-15 tầng, có cả cái cao 25 hoặc 33 tầng, nhờ đó mà thấy thành phố có đôi nét

mới về chiều cao.

2. Ở một số khu vực, nhất là ở các quận 11, Tân Bình, Phú Nhuận, Gò Vấp, Thủ Đức (vùng ngã ba Cát Lái) dân có tiền, chủ yếu là đám cán bộ giàu sổi, đua nhau xây nhà mới với đủ thứ kiểu cọ hãnh tiến, nhờ đó thấy thành phố thêm phình ra.

3. Do chính sách "mở cửa," cho nhập hàng ngoại về nhiều — thêm vào đó là hàng lậu tràn vào từ phía biên giới VN — Cambốt, Lào, Trung Quốc hoặc xâm nhập từ đường biển — nên nhìn phố xá, chợ búa hiện nay thấy hàng hóa khá phong phú với đủ mọi xuất xứ. Tất nhiên chỉ dân có tiền mới mua sắm nhiều mà thôi.

4. Đặc biệt, thành Hồ hiện nay có nhiều taxi nhất nước, khoảng trên dưới 2,000 chiếc. Đây là taxi của các công ty quốc doanh hoặc tư doanh. Xe đời mới, có máy lạnh, phần lớn mua của Nam Hàn (rẻ hơn Nhật). Giá từ 5000 - 6000 đồng VN (non nửa đôla) mỗi kilômét. Có sự cạnh tranh ác liệt giữa các công ty với nhau. Khách đi taxi hầu hết là người nước ngoài mới đến thành phố, dân áp-phe, hoặc những người cao tuổi ngại sử dụng xe ôm, xích lô không mấy an toàn giữa một thành phố nhung nhúc xe cộ đủ loại.

Quan sát kỹ tình hình, người ta thấy càng "đổi mới" càng có sự phân cực giàu nghèo rõ rệt giữa "giai cấp mới" (bọn tư sản đỏ) ăn trên ngồi trước và đại đa số viên chức, công nhân và giới lao động nghèo. Tại thành Hồ hiện nay, bên cạnh những kẻ mới phất chạy xe deluxe, ở nhà máy lạnh, ra đường lúc nào cũng comlê cavát, xách cặp Samsonite, handphone bỏ túi học làm sang, thì cũng không ít người mỗi tháng đến các Viện Máu bán máu đôi ba lần kiếm ít tiền về mua sữa, mua thuốc cho con. Bên cạnh những kẻ ngự trong những biệt thự sang trọng (được Nhà nước cấp) trên các đường Tự Đức, Duy Tân (Q.1), Phan Đình Phùng, Trần Quý Cáp (Q.3)... thì cũng không ít gia đình hết năm này qua năm nọ sống chui rúc dưới chân cầu thang chung cư, dưới gầm cầu hoặc trong những căn lều các-tông, nilông dột nát trên các lề đường vắng.

Ông Hồ Chí Minh khi còn sống mong ngày thôn tính được miền Nam sẽ lấy tên mình đặt tên cho thành phố Sài Gòn giống như bên Liên Xô St.Peterbourg trở thành Lêningrad và Volgagrad biến thành Stalingrad. Khi cưỡng chiếm xong miền Nam, các đệ tử của ông đã thực hiện điều ấy. Họ còn thêm vào đằng sau mấy chữ lòng thòng: "TP.HCM rực rỡ tên vàng." Rực rỡ tên vàng đâu chả thấy, chỉ thấy... sầu héo như lá vàng. Mãi đến sau mở cửa cho nước ngoài mang đôla vào cùng với nền kinh tế thị trường thì "thành phố Bác" và cả nước mới dần dần hồi sinh.

Hiện nay, chỉ trừ một ít cán bộ, đảng viên hoặc những phần tử a dua, còn thì hầu hết người dân miền Nam, miền Trung và cả miền Bắc vẫn thích gọi Sài Gòn hơn là TP.HCM. Một là nó quen thuộc, ngắn gọn; hai là không nhuốm màu chính trị chính em. Về nhạc của miền Nam trước 75, CS cấm hát hầu hết, riêng bản "SÀI GÒN" của Y Vân (Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi...) thì cho hát trên đài TP.HCM.

Nghị Quyết đại hội đảng CSVN lần thứ 8 đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000: "thu nhập bình quân mỗi người dân là 400 đôla/năm, riêng dân TP.HCM và Hà Nội thì có cao hơn." Bốn trăm đôla/người/năm, con số nghe thật khiêm tốn nhưng chẳng biết có đạt tới hay không vì còn phải "phấn đấu." Đảng CSVN dành quyền lãnh đạo đất nước hơn nửa thế kỷ qua với bao nhiêu hứa hẹn tốt đẹp mà giờ đây VN vẫn nằm trong số mấy nước nghèo khổ nhất thế giới. Thật là một "vinh dự"... đớn đau!

Trong năm 1998 này, không hiểu tại *Sài Gòn Nhỏ* (Little SaiGon, California, USA) có hội, đoàn nào tổ chức kỷ niệm 300 năm thành lập *Sài Gòn Lớn* ở bên kia bờ đại dương hay không? Thật sự, trong lòng chúng ta, những người xa lìa quê hương trên dưới 20 năm nay, ai nấy cũng đều hướng về Sài Gòn thân yêu và mong sớm đến ngày thành phố này chính thức trở về với tên gọi cũ của nó, như bên Nga sau 1991, St.Peterbourg lại trở về với St.Peterbourg (riêng Volgagrad thì đã trở về với tên cũ của nó từ dạo "xét lại" hồi cuối thập niên 50).

Ngày ấy, bao giờ?

Tháng Bảy, 1998

* Tự lừa dối chính chúng ta dễ hơn là lừa dối kẻ khác: đó cũng chính là bản chất của chúng ta.

Dostoyevsky

* Ba người có thể giữ kín một điều bí mật với điều kiện: hai trong số ba người đó phải chết.

Benjamin Franklin

ÔNG HỒ MẤY VỢ?

TRẦN GIA PHỤNG

Một người đến tuổi trưởng thành, lập gia đình là chuyện bình thường. Nhưng bản thân Hồ Chí Minh cũng như đảng Cộng Sản Việt Nam luôn luôn xưng tụng ông Hồ là một người chỉ nghĩ đến việc phục vụ đất nước nên không có thời giờ lập gia đình, và không có vợ con. Thực sự có phải như thế không?

1. Tăng Tuyết Minh, người vợ Trung Quốc

Khoảng giữa tháng 11-1924, Hồ Chí Minh, lúc đó có tên là Lý Thụy, đáp tàu thủy từ Vladivostok (Liên Xô) đến Quảng Châu (Trung Hoa) với tư cách là thư ký kiêm thông dịch viên cho phái đoàn cố vấn Borodin (Liên Xô) bên cạnh chính phủ Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu, trong giai đoạn liên minh quốc cộng lần thứ nhất ở Trung Hoa.

Trong thời gian sống ở Quảng Châu, ngoài những hoạt động chính trị, Lý Thụy lấy một cô gái Quảng Châu tên là Tăng Tuyết Minh, đảng viên đảng Cộng Sản Trung Hoa, làm thiếu nữ hộ sinh, ngày 18-10-1926. Sau đây là bức thư của Lý Thụy gởi cho Tăng Tuyết Minh mà Nha Liêm Phóng Đông Dương phát hiện ngày 14-8-1928:

Dữ muội tương biệt,
Chuyển thuấn niên dư,
Hoài niệm tình thâm,
Bất ngôn tự hiểu.
Từ nhân hồng tiện,
Dao ký thốn tiên,
Tỷ muội an tâm,
Thị ngã da vọng.
Tịnh thỉnh nhạc mẫu vạn phúc.
Chuyết huynh Thụy.

Tạm dịch:
Cùng em chia tay nhau,
Thấm thoát nháy mắt đã hơn năm,
Nhớ nhung tình sâu,
Không nói cũng tự biết.
Nay nhân gởi tin hồng nhạn,
Xa xôi gởi lá thư mang tấm lòng,
Mong em yên tâm,
Là điều anh trông ngóng.
Cũng xin vấn an nhạc mẫu vạn phúc.
Người anh vụng về Thụy.

Theo tác giả Daniel Hémery, Lý Thụy không gặp lại được Tăng Tuyết Minh từ sau năm 1927, có thể vì Tuyết Minh bị thất lạc do chiến tranh quốc cộng ở Trung Hoa vào đầu năm 1927. (1)

Cộng Sản Hà Nội phủ nhận mối quan hệ giữa Lý Thụy và Tăng Tuyết Minh. Họ cho rằng nếu lá thư có thật, chẳng qua là Lý Thụy thường thông tin với các đồng chí dưới dạng thư tình để qua mặt giới tình báo của các nước tại Quảng Châu. Chú ý đọc kỹ lá thư với lời lẽ rất thân thiết lãng mạn (muội, huynh, tình thâm) thì không thể là thư liên lạc bình thường.

2. Nguyễn Thị Minh Khai, người đồng chí

Nguyễn Thị Minh Khai tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, sinh năm 1910 tại Vinh (Nghệ An), con ông Nguyễn Huy Bình là nhân viên hỏa xa, và là chị của Nguyễn Thị Quang Thái, vợ đầu của Võ Nguyên Giáp. Minh Khai học trường tiểu học Pháp Nam ở Vinh. Năm 1928, Khai gia nhập Tân Việt Cách Mạng Đảng, sau đó qua đảng Cộng Sản Đông Dương, và sang Hồng Kông hoạt động năm 1930.

Ở Hồng Kông, tại trụ sở chi nhánh Bộ Đông Phương của Quốc tế cộng sản, hằng ngày, vào buổi sáng, Minh Khai học chính trị do Lý Thụy đích thân truyền dạy. Từ đó nẩy sinh tình cảm nam nữ giữa hai người. (2)

Tháng 4-1931, Minh Khai bị bắt ở Hồng Kông, đến đầu năm sau thì được thả ra. Trong khi đó, Lý Thụy cũng bị bắt và bị trục xuất ra khỏi Hồng Kông. Lý Thụy qua Quảng Châu, lên Thượng Hải, đáp tàu đi Vladivostok, rồi Moscow.

Ngày 25-7-1935, tại Moscow khai mạc đại hội cộng sản quốc tế. Phái đoàn đại diện đảng Cộng Sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu gồm có: Lê Hồng Phong, Quốc, Kao Bang, vợ Quốc và hai đại biểu khác từ Nam Kỳ và Ai Lao đến. (3)

Khi đến Moscow, Minh Khai khai báo lý lịch là đã có chồng, và mở ngoặc tên chồng là Lin. Lin là bí danh của Nguyễn Ái Quốc lúc đó. (4) Cũng theo nguồn tài liệu nầy, những phiếu ghi nhận đồ đạc trong phòng riêng hai người tại nhà ở tập thể của các cán bộ cộng sản cũng đều ghi hai vợ chồng Minh Khai, Lin cùng chung phòng, chung giường, chung đồ dùng... (5)

Theo lời con gái của bà Vera Vasilieva (bà nầy là một nhân viên người Nga trong tổ chức Quốc tế Cộng Sản), kể cho nhà nữ sử học Sophia Quinn Judge (Hoa Kỳ), được ông Thành Tín viết lại trong *Về ba ông thánh*, thì trong thời gian diễn ra đại hội nầy, ông Lin (tức Hồ chí Minh) hay ghé lại nhà bà Vera Vasilieva thăm, và thường đi cùng với một phụ nữ Việt Nam tên là Phan Lan. Phan Lan là bí danh của Nguyễn Thị Minh Khai dùng khi ở Moscow. (6)

Minh Khai học ở Viện Thợ thuyền Đông Phương tức trường Staline đến tháng 2-1937 thì về nước qua đường Pháp, đến Sài Gòn năm 1938. Năm 1940, Khai bị bắt, bị lên án tử hình, và bị bắn tại Hóc Môn năm 1941.

Theo tài liệu của đảng Cộng Sản Việt Nam, Nguyễn Thị Minh Khai là vợ của Lê Hồng Phong (tức Lê Huy Doãn), và có với Phong một người con gái tên Lê Thị Hồng Minh, sinh năm 1939. Nhưng trước khi làm vợ Lê Hồng Phong, những tài liệu trong tờ khai lý lịch và những câu chuyện do bà Sophia Quinn Judge đưa ra cho thấy một thời Minh Khai đã là vợ của Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh. Nhà báo Thành Tín còn đi xa hơn nữa khi đặt câu hỏi biết đâu tên Hồ Chí Minh là kỷ niệm về Minh Khai. Ngoài ra ông Hồ còn lấy tên là T. Lan để viết một quyển sách tự truyện tựa đề là *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Cũng theo tác giả Thành Tín, biết đâu chữ Lan cũng lấy từ Phan Lan, bí danh của Minh Khai khi ở Moscow. (7)

3. Đỗ Thị Lạc là ai?

Sau đại hội Moscow ngày 25-7-1935, Lê Hồng Phong (1902-1942) được Quốc tế Cộng Sản gởi về nước hoạt động, còn Nguyễn Tất Thành (hay Lý Thụy, Nguyễn Ái Quốc) bị thất sủng và bị giữ lại ở Liên Xô cho đến cuối năm 1938, Thành được gởi về Trung Hoa dưới một tên mới là Hồ Quang, điều khiển ban Hải ngoại đảng Cộng Sản Đông Dương.

Đầu năm 1940, Lê Hồng Phong bị bắt ở Phan Thiết, đưa vào Sài Gòn, bị đày đi Côn Đảo rồi chết ở ngoài đó năm 1942. (8) Trong khi đó, cuối năm 1940, Nguyễn Tất Thành bắt đầu sử dụng thông hành mang tên Hồ Chí Minh, ký giả của một tờ báo do Cộng Sản Trung Hoa điều khiển. (9)

Vào đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước, đặt căn cứ ở hang Pắc Bó, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. (10) Sau khi củng cố nội bộ, huấn luyện đảng viên, phát triển cơ sở, và tổ chức hội nghị trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 8 (tháng 5-1941), đưa Trường Chinh Đặng Xuân Khu (1909-1988) lên làm Tổng bí thư đảng, Hồ Chí Minh qua Trung Hoa tiếp tục hoạt động, đánh phá các cơ sở cách mạng không cộng sản, và kiếm cách xin Trung Hoa viện trợ. Cuối tháng 8-1942, Hồ bị chính quyền Trung Hoa Quốc Dân Đảng bắt giữ đến tháng 9-1943. (11)

Ra khỏi tù, Hồ luôn luôn kiếm cách lấy lòng các tướng quân Trung Hoa ở Liễu Châu như Trương Phát Khuê, Tiêu Văn. Lúc bấy giờ, phía Trung Hoa đang có sự hợp tác quốc cộng để chống Nhật. Tướng Tiêu Văn áp lực các tổ chức cách mạng Việt Nam hợp nhất với nhau. Dầu bị Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội phản đối, Tiêu Văn vẫn cho tiến hành đại hội tại Liễu Châu ngày 28-3-1944 gồm đại biểu của tất cả các tổ chức chính trị Việt Nam. Các phe phái không cộng sản và cộng sản tranh luận gay gắt, nhưng cuối cùng cũng bầu ra được một ban chấp hành mới gồm có bảy ủy viên chính thức và một ủy viên dự khuyết là Hồ Chí Minh, và ba ủy viên giám sát. (12)

Trong danh xưng mới, Hồ khéo léo ẩn

mình, rất được Tiêu Văn tin cậy. Hồ đề nghị Tiêu Văn cho mình về nước cùng một số cán bộ đã được Trung Hoa huấn luyện, và một số súng đạn, thuốc men và tiền bạc. Tiêu Văn đồng ý cho Hồ về Việt Nam với 18 cán bộ vừa mới tốt nghiệp khóa huấn luyện quân sự Đại Kiều (gần Liễu Châu), cộng thêm 76.000 quan kim, tài liệu tuyên truyền, bản đồ quân sự và thuốc men, nhưng không cấp vũ khí. Hồ về tới Pắc Bó (Cao Bằng) vào gần cuối năm 1944. (13)

Trong số 18 cán bộ theo Hồ về nước lần nầy có Đỗ Thị Lạc tức "chị Thuần." Nhân thân của Đỗ Thị Lạc không được rõ ràng, chỉ biết rằng vào năm 1942, khi tướng Quốc Dân vào tháng 3-1945. (15) Đầu tháng 5-1945, Hồ về Việt Nam, ghé Khuổi Nậm (Cao Bằng) thăm Đỗ Thị Lạc một thời gian ngắn rồi đi Tân Trào (Tuyên Quang), và bị cuốn hút vào những biến chuyển lịch sử sau đó.

Chuyện tình giữa Hồ với Đỗ Thị Lạc, cũng như với Minh Khai, Tăng Tuyết Minh bị giấu nhẹm, nên sau đó không còn dấu vết gì nữa.

4. Nông Thị Xuân, cô gái sơn cước

Sau khi hiệp định Genève được ký kết ngày 20-7-1954, đất nước bị chia hai, hòa bình được tái lập, Hồ Chí Minh về Hà Nội làm chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt). Ban bảo vệ sức khỏe trung ương, chuyên trách về sức khỏe các nhân vật cao

Đảng Trung Hoa là Trương Phát Khuê tổ chức ớp huấn luyện chính trị và quân sự cho các tổ chức cách mạng Việt Nam ở Đại Kiều (gần Liễu Châu), Đỗ Thị Lạc theo học lớp truyền in. Khi về Pắc Bó, Đỗ Thị Lạc sống chung với ọ Hồ một thời gian, lo dạy trẻ em và vận động vệ sinh ăn ở của dân chúng ở Khuổi Nậm gần Pắc Bó. Sử gia Trần Trọng Kim, rong sách *Một cơn gió bụi* đã cho biết Đỗ Thị Lạc đã có một người con gái với Hồ Chí Minh. 14)

Do tình hình biến chuyển, Hồ rời Pắc Bó ầu năm 1945 qua Trung Hoa, bắt liên lạc và ợp tác với tổ chức OSS dưới bí danh Lucius cấp, đã tuyển một phụ nữ thuộc "gia đình cách mạng" (16) tên là Nông Thị Xuân, người làng Hà Mạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, thuộc sắc tộc Nùng. Cô Xuân được đưa về Hà Nội sống với ông Hồ năm 1955. Lúc đó, ông Hồ đã khoảng 65 tuổi, còn cô Xuân 22 tuổi.

Sau vài tháng có thêm một em gái của cô Xuân tên là Vàng, và một em gái con cậu ruột là Nguyệt cũng được đưa theo. Cả ba được sắp đặt sinh sống trong ngôi nhà số 66 phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, gần đường Quang Trung, Hà Nội.

Thông thường, để giữ bí mật về mối quan

hệ giữa Nông Thị Xuân và Hồ Chí Minh, chính bộ trưởng bộ Công an của chính phủ Hà Nội là Trần Quốc Hoàn đưa cô Xuân vào gặp ông Hồ, rồi sau đó chở về. Bà Xuân rất được ông Hồ ưa thích, và có với ông Hồ một con trai năm 1956, đặt tên là Nguyễn Tất Trung, nhưng trước sau ông Hồ vẫn không cho bà Xuân vào ở phủ chủ tịch với ông, và không làm lễ cưới.

Thế rồi bỗng nhiên *"vào một buổi sáng mùa xuân năm 1957, người ta thấy có xác một người đàn bà bị xe ô tô đụng chết ở dốc Cổ Ngư lên Chèm [Hà Nội]. Xác chết được đưa vào bệnh viện Việt Đức, được nhận dạng. Đó chính là cô Xuân. Nhưng xác không được mổ theo thường lệ, mà bị chôn cất vội vã, theo lệnh của Trần Quốc Hoàn..."* (17)

Theo tác giả Nguyễn Minh Cần, lúc xảy ra vụ án ông là Phó chủ tịch Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội (tức Phó thị trưởng), thì Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng bộ Công An chính phủ Hà Nội, nhiều lần đến nhà bà Xuân để hãm hiếp bà từ ngày 6-2-1957, và cuối cùng đã giết bà Xuân ngày 11-2-1957 bằng cách đánh búa vào đỉnh đầu (theo khám nghiệm của bác sĩ), rồi quăng xác ở dốc Cổ Ngư. Điều nầy chứng tỏ thẩm quyền tối cao về chính trị tại Hà Nội lúc đó, hoặc Hồ Chí Minh, hoặc Bộ Chính trị trung ương đảng, hoặc cả hai bên, đã quyết định thanh toán bà Xuân khi bà nầy muốn công khai hóa mối liên hệ giữa bà với ông Hồ và đòi chính thức nhìn nhận đứa con, nên Trần Quốc Hoàn mới dám làm hỗn với bà Xuân trước khi giết. Người chứng kiến việc chị mình bị hãm hiếp và bị đem đi giết chết là cô Vàng cũng bị thủ tiêu khoảng ngày 2 hay 3-11-1957. (18)

Ở đây, có lẽ nên mở một dấu ngoặc để tìm hiểu vì sao Trần Quốc Hoàn, ủy viên bộ Chính trị, bộ trưởng bộ Nội vụ nắm giữ ngành công an là một bộ quan trọng trong chế độ cộng sản, quyền lực đầy đủ trong tay, dư điều kiện và phương tiện để hành lạc trác táng, lại hành xử lạ lùng như vậy?

Trước hết, tuy được coi là lãnh tụ số một của chế độ cộng sản Hà Nội lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh không được các lãnh tụ khác cũng như bộ hạ thực tâm kính trọng. Điều nầy được bộc lộ rõ nét trong những quan hệ riêng tư nội bộ mà dân chúng bên ngoài không được biết, ví dụ tuy bà Xuân đã từng là vợ của Hồ Chí Minh, Trần Quốc Hoàn vẫn xem thường và xài xễ cho bỏ ghét.

Cũng có thể việc xài xễ nầy bắt nguồn từ quan niệm dùng người hết sức tàn bạo của chế độ cộng sản: đó là khi một người đã hết sử dụng được thì tuyệt đối không còn được chút lưu tình chút nào, và bị coi là một thứ công cụ vứt đi. Hồ Chí Minh quyết định thanh toán bà Xuân, cho Trần Quốc Hoàn muốn làm gì thì làm; hoặc Trần Quốc Hoàn biết bà Xuân sắp bị thanh toán, coi bà như một thứ đồ dùng, xài kẻo phí của trời.

Ngoài ra, hành vi của Trần Quốc Hoàn còn chứng tỏ một tâm lý kiêu hãnh và tự cao, lãnh tụ số một dùng được thì "ta" cũng dùng được, "ta" có thua gì lãnh tụ đâu?

Sau khi bà Xuân qua đời, Nguyễn Tất Trung mới một tuổi, mồ côi mẹ, được dì là cô Vàng nuôi, nhưng rồi bị bắt đem đi gởi cho Nguyễn Lương Bằng (1904-1979), bí danh Sao Đỏ, một lãnh tụ cộng sản Việt Nam. Năm bé Trung năm tuổi (1961), người ta lại chuyển cho tướng Chu Văn Tấn nuôi. Chu Văn Tấn cùng sắc tộc Nùng với bà Xuân, là kẻ đứng ra tổ chức đơn vị cứu quốc quân đầu tiên của cộng sản ở vùng rừng núi Việt bắc. Khi ông Hồ qua đời ngày 2-9-1969, thư ký kiêm cận vệ của ông Hồ là Vũ Kỳ nhận Trung làm con nuôi và đổi tên là Vũ Trung. (19)

Ngoài bốn nhân vật chính trên đây, theo tác giả Thành Tín tức cựu đại tá Bùi Tín của quân đội cộng sản Hà Nội, trong cuộc đời Hồ Chí Minh còn có một vài cuộc tình nhỏ như khi còn ở Paris, ông Hồ có một người tình tên là Marie Bière, lúc sang Hoa Nam, ông Hồ yêu bà Đặng Dĩnh Siêu, vợ Chu Ân Lai. Sau đây là lời Thành Tín viết về hai "mối tình con" nầy của ông Hồ:

"*...Theo tài liệu ở Pháp, khi trẻ tuổi, làm thợ ảnh, ông Hồ có quan hệ với một cô đầm tên là Marie Bière nào đó...*"

Ở một đoạn khác, Thành Tín tiếp : "... *Theo chị Sophia; có người kể với chị là ông Hồ còn có lúc yêu cả vợ ông Chu Ân Lai là bà Đặng Dĩnh Siêu, khi gặp nhau ở Hoa Nam thời trẻ; ông cũng có lúc có tình cảm mặn nồng với cả chính bà Véra Vasiliéva. Chị Sophia kể rằng con gái bà Véra Vasiliéva nhớ lại rằng anh thanh niên Quốc ăn mặc rất chải chuốt, luôn mang cà vạt màu rất diện, xức cả nước hoa cực thơm...*" (20)

Sau hiệp định Genève, trước vụ cô Xuân, ban lãnh đạo đảng Cộng Sản Hà Nội có ý kiến là ông Hồ cần có vợ để điều hòa tâm sinh lý, giúp giữ gìn sức khỏe được tốt. Người ta chọn cho Hồ Chí Minh một nữ cán bộ trẻ đẹp là cô

uyễn Thị Phương Mai, tỉnh uỷ viên tỉnh uỷ anh Hóa. (21) Khi về Hà Nội gặp họ Hồ, cô ương Mai đồng ý lấy ông Hồ với điều kiện phải danh chánh ngôn thuận, nghĩa là phải lễ cưới công khai đàng hoàng. Ông Hồ và cán bộ lãnh đạo đảng Cộng Sản Hà Nội rằng ông Hồ không lấy vợ thì có lợi cho uy chính trị hơn (?) nên cuối cùng việc cô ương Mai không thành. Về sau, cô Phương được đưa lên làm thứ trưởng bộ Thương trong chính phủ Hà Nội. (22)

Qua các cuộc tình của Hồ Chí Minh, và ất là qua sự kiện Nông Thị Xuân và Nguyễn Phương Mai, người ta thấy rõ ông Hồ và đảng Cộng Sản Việt Nam muốn ông ta có hội giải quyết sinh lý của một con người thường, nhưng không chịu công khai hóa cách danh chánh ngôn thuận đời sống vợ ng, nhằm tạo cho ông ta thành huyền thoại một siêu nhân suốt đời sống cô đơn, hy sinh thân cho đại cuộc của đất nước.

Đó là chưa kể chính bản thân của ông Hồ một người say mê công danh đến cùng tột, sự say mê đó được thể hiện rõ qua việc g Cộng Sản đã in cả hàng chục triệu quyển để thần thánh hóa ông Hồ, mà ông vẫn a thỏa mãn.

Ông ta còn lấy những bút hiệu khác để viết tự đề cao mình. Đó là hai quyển *Những chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, hiệu Trần Dân Tiên, và *Vừa đi vừa kể yện*, bút hiệu T. Lan.

Các danh nhân trên thế giới viết hồi ký kể quá trình hoạt động của mình là chuyện thường. Trong hồi ký của họ, đôi khi họ g ca ngợi chính bản thân họ, nhưng vấn đề họ tự đề tên thật và chịu trách nhiệm về ng điều họ viết. Ngược lại, Hồ Chí Minh mình qua những tên khác để tự ca tụng h. Dưới tên Trần Dân Tiên, ông Hồ đã mở sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động Hồ chủ tịch* như sau:

Nhiều nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, nhưng mãi đến nay, chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất đơn giản: Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình..."

Sau đó, ông Trần Dân Tiên tức Hồ Chí Minh tự đề cao mình: "...Một người như Hồ Chủ tịch của chúng ta, với đức khiêm tốn nhường ấy và đương lúc bề bộn biết bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể cho tôi [?] nghe bình sinh của người được?..." (23)

Trước phần kể chuyện của Trần Dân Tiên tức Hồ Chí Minh, nhà xuất bản Sự Thật đã viết lời dẫn nhập như sau: *"...Trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, Hồ Chủ Tịch đã nêu tấm gương đạo đức cách mạng vô cùng trong sáng và đẹp đẽ, quyết tâm cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới..."* (24)

Nhà xuất bản Sự Thật là cơ quan chuyên xuất bản sách vở kinh điển của Trung ương đảng Cộng Sản, không thể không biết rõ lai lịch của quyển sách, lý lịch của người viết. Nếu nhà xuất bản Sự Thật không biết sách của ai, hoặc tác giả chỉ là một nhà báo tầm thường không tên tuổi như Trần Dân Tiên hoặc T. Lan, thì chắc chắn không bao giờ sách được nhà xuất bản Sự Thật in ra. Do đó, chắc chắn nhà xuất bản Sự Thật biết Trần Dân Tiên và T. Lan là Hồ Chí Minh mới dám in hai quyển trên. Chẳng những được in trong nước, mà các sách nầy còn được nhà xuất bản Ngoại Văn dịch thành nhiều thứ tiếng khác nhau để phát hành khắp các nước trên thế giới trong suốt cuộc chiến tranh từ 1960 đến 1975.

Đây không phải chỉ là ý đồ cá nhân của Hồ Chí Minh mà còn là chủ tâm của toàn đảng Cộng Sản Việt Nam nhằm suy tôn lãnh tụ, thần thánh hóa Hồ Chí Minh để đánh lừa chẳng những đồng bào Việt Nam ở trong nước, mà còn cả toàn thể dư luận thế giới trong thời gian chiến tranh trước đây.

Trở lại chuyện vợ con của ông Hồ, ông ta cũng chỉ là một con người bình thường như mọi người, có vợ có con, nhưng lúc trẻ tham vọng trở thành lãnh tụ chính trị đã thúc đẩy ông chối bỏ trách nhiệm làm chồng, làm cha, và nhất là giấu kỹ tất cả những quan hệ tình cảm cá nhân, nhằm tự tạo cho mình hình ảnh của một lãnh tụ chính trị độc thân, trong sạch, hy sinh cá nhân để suốt đời tận tụy lo toan

Nếu anh muốn thấy cầu vồng thì ít ra anh ủng phải chịu đựng cơn mưa rào.

Mark Twain

Phần lớn cuộc đời chúng ta không phải là để àn tất một điều gì đó, mà là đợi chờ một ều gì đó.

Ralph W. Emerson

việc nước, nhắm lôi cuốn quần chúng đi theo đường lối cộng sản của ông ta.

Huyền thoại nầy rất cần thiết để xây dựng chế độ độc tài, nên ông Hồ và các đảng viên thân tín của ông càng ra sức gia công phát huy rộng rãi huyền thoại nầy cho những toan tính của đảng Cộng Sản. Nhưng một khi nhà lãnh tụ vong thân trong huyền thoại thì họ không còn được cuộc sống bình thường của con người, mà nhất nhất đều phải theo sự điều hành trong guồng máy của chủ nghĩa độc tài. Do đó, khi trở thành lãnh tụ nhà nước ở Hà Nội, ông Hồ muốn quyết định bất cứ việc gì, dù có tính cách riêng tư, cũng đều có ý kiến của bộ chính trị đảng Cộng Sản, tức là nhóm lãnh đạo chóp bu của đảng Cộng Sản Hà Nội lúc bấy giờ. Vì thế mới có chuyện đảng Cộng Sản đi tìm phụ nữ cho Hồ Chí Minh, nhưng một khi các cô gái đòi chính thức hóa bằng hôn lễ công khai, thì lại thoái thác rằng "bác" không lấy vợ để lợi cho uy tín chính trị hơn.

Trong chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam, không phải chỉ có một trường hợp điển hình là Hồ Chí Minh, mà có thể còn nhiều khuôn mặt khác nữa... Hiện tượng nầy cũng không phải chỉ riêng ở Việt Nam mà là một hiện tượng chung của thế giới cộng sản. Lý do chính là trong thế giới cộng sản không có cơ chế dân chủ, không có tự do ngôn luận, không có tự do báo chí; từ đó không có sự chế tài đối với các lãnh tụ và các lãnh tụ vượt ra ngoài vòng dư luận, muốn làm gì thì làm, không sợ sự phê bình của dân chúng. Điều nầy đưa đến nhiều hậu quả tai hại rộng lớn và lâu dài cho đất nước, khiến đất nước càng ngày càng đi xuống thê thảm như tình trạng Việt Nam chúng ta ngày nay.●

Chú Thích

1. Daniel Hémery, *Ho Chi Minh, de l'Indochine au Vietnam,* Nxb. Gallimard, Paris, 1990, tt. 63, 145.

Báo *Tuổi Trẻ* của Thành đoàn Thanh niên CSHCM thành phố Hồ Chí Minh (tức Sài Gòn cũ) đã trích đăng lại tài liệu của Daniel Hémery trong số báo ngày 18-5-1991. Tổng biên tập báo nầy lúc đó là bà Kim Hạnh liền bị kiểm điểm và bị mất chức.

2. Thành Tín, *Về ba ông thánh,* 1995, California, tr. 150. Lược dịch và giới thiệu kết quả nghiên cứu của nhà nữ sử học Hoa Kỳ Sophia Quinn Judge.

Theo Thành Tín, bà Sophia Quinn Judge là nhà sử học Hoa Kỳ, đã nghiên cứu hồ sơ mật của Quốc tế cộng sản sau khi Liên Xô sụp đổ, tìm ra một số tài liệu mới về Hồ Chí Minh, và đã công bố kết quả nghiên cứu tại đại học Yale (Hoa Kỳ), và trong một cuộc họp về tài liệu lịch sử ở Aix-en-Provence (Pháp) năm 1995.

3. Thành Tín, *sđd.* tr. 151. Thành Tín dựa vào danh sách trong một lá thư từ văn phòng cộng sản ở Hồng Kông gởi về Moscou ghi danh sáu đại biểu phái đoàn Đông Dương về dự đại hội của cộng sản quốc tế năm 1935. Kao Bang là Hoàng Văn Nọn tức Tú Huy hay Văn Tân.

4. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu nhân vật chí,* Nxb. Văn Hóa, Houston, 1997, tr. 380. Thành Tín, sđd. tr. 151.

5. Thành Tín, *sđd.* tr. 136.

6. Thành Tín, *sđd.* tr. 151.

7. Thành Tín, *sđd.* tr. 152.

8. Chính Đạo, *sđd.* tr. 208.

9. Chính Đạo, *sđd.* tr. 161. Theo Ban Nghiên cứu Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam, Thành mang tên Hồ Chí Minh từ ngày 13-8-1942, nhưng theo một tác giả Trung Hoa, ông King C. Chen, trong sách *Vietnam and China,* 1938-1954, Princeton Univ Press, Princeton, 1969, tt. 56-57, thì Hồ Chí Minh bị bắt năm 1942 tại Liễu Châu vì một giấy thông hành đã quá hạng được cấp năm 1940 mang tên Hồ Chí Minh.

10. Stanley Karnow, *Vietnam a History,* The Viking Press, New York 1983, tr. 126. Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, con người & huyền thoại,* tập 2: 1925-1945, tr. 258.

11. Chính Đạo, *sđd.* tr. 283.

12. Chính Đạo, *sđd.* tr. 301. Bảy uỷ viên chính thức là: Trương Bội Công, Trương Trung Phụng (QĐD), Trần Báo (QĐD), Bồ Xuân Luật (Phục Quốc), Nghiêm Kế Tổ (QĐD), Lê Tùng Sơn (Giải Phóng, Côn Minh), và Trần Đình Xuyên. Ba uỷ viên kiểm soát là: Nguyễn Hải Thần (Đồng Minh Hội), Vũ Hồng Khanh (QĐD), và Nông Kính Du (Phục Quốc). Trương Bội Công tên thật là Trương Bội Hoàng, được giới hoạt động cách mạng ở Trung Hoa lúc đó kính trọng nên gọi là "Công." Trương Bội Hoàng là phụ thân của Trương Tử Anh, lãnh tụ của Đại Việt Cách Mạng Đảng.

13. Các tác giả ghi khác nhau ngày Hồ về tới Pắc Bó. Tài liệu đảng CSVN nói tháng 7-1944, tài liệu của King C. Chen viết là 25-9-1944, tài liệu tình báo Mỹ ghi tháng 11-1944.

14. Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi,* Sài Gòn, 1969, tr. 75.

15. Đầu năm 1945, giới chỉ huy quân sự Hoa Kỳ tại Trung Hoa không tin tưởng ở Hồ dầu Việt Minh đã cứu một phi công Mỹ bị bắn hạ ở Cao Bằng cuối năm 1944 và Hồ đưa sang Quảng Tây trả lại cho giới chức Mỹ, đồng thời Hồ đã dịch truyền đơn cho Mỹ. Khi Nhật đảo chánh ở Đông Dương (9-3-1945), các giới chức Mỹ đổi thái độ, đồng ý hợp tác với Hồ để Hồ cung cấp tin tức hoạt động của Nhật ở Đông Dương, và ngược lại Mỹ cung cấp thuốc men, vũ khí cho người của Hồ. Ngày 17-3-1945, Hồ gặp Charles Fenn, một sĩ quan của Sở

tình báo chiến lược (Office of Strategic Services: OSS), Fenn đặt bí danh cho Hồ là Lucius. Trong tiếng Latin, Lucius là tên đàn ông, Lucia là tên phụ nữ; cả hai tên nầy do chữ "Lux" mà ra. "Lux" nghĩa là "ánh sáng." (Có thể Fenn đặt tên nầy cho họ Hồ vì họ Hồ tên Minh, có nghĩa là sáng.)

16. Tại Việt Nam, từ nửa thế kỷ nay, xuất hiện cụm từ "gia đình cách mạng" tức là những gia đình có công đóng góp với hoạt động của cộng sản về nhân lực (có con vào đảng, đi bộ đội, che giấu đảng viên, nuôi quân...) hoặc tài lực (tài sản, nhà cửa, thực phẩm, tiền bạc mua thuốc men, vũ khí...).

17. Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị)*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 607. Về vụ bà Xuân, xin xem *Đêm giữa ban ngày* tt. 605-609, và nguyệt san *Thế Kỷ 21*, Garden Grove, số 96, tháng 4-1997, bài "Thêm vài mẩu chuyện về cuộc đời của Hồ Chí Minh", của Nguyễn Minh Cần, tt. 33-40. Theo Vũ Thư Hiên, cô Xuân họ Nông, nhưng theo Nguyễn Minh Cần, cô Xuân họ Nguyễn. Theo *Thao Thức*,"báo chui" trong nước, số 3 tháng 6-1998, bà Xuân họ Nông. Báo *Thao Thức* còn nhắc đến một phụ nữ Trung-Hoa có con với ông Hồ, nhưng không cho biết danh tánh cụ thể để kiểm chứng. (*Thao Thức*, tháng 3-1998, rút từ Internet).

18. Nguyễn Minh Cần, báo đd. tt. 37-38.

19. Nguyễn Minh Cần, báo đd. tr. 38.

20. Thành Tín, sđd. tt. 149, 152.

21. Theo hệ thống tổ chức của đảng Cộng Sản Việt Nam, ở mỗi tỉnh có một uỷ ban đảng hay tỉnh uỷ. Tỉnh uỷ do một bí thư đứng đầu và một số tỉnh uỷ viên tuỳ theo số lượng đảng viên trong tỉnh.

22. Nguyễn Minh Cần, báo đd. tt. 36-37.

23. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, in lần thứ hai, 1976, tt 7 và 9. Ngày nay, trong các thư viện trong nước, khi tra cứu về tác giả Trần Dân Tiên hay T. Lan, thư mục ghi rõ: "Xin xem chủ tịch Hồ Chí Minh."

14. Trần Dân Tiên, sđd. tr. 5.

Đã phát hành khắp nơi hai tác phẩm mới nhất của Trần Hoài Thư

Về Hướng Mặt Trời lặn, tập truyện

- *Gần đây ra tiệm sách tôi lại thấy tên Trần Hoài Thư in trên bìa cuốn "Về hướng mặt trời lặn". Mua về, đọc, lại tìm được những ý nghĩ trong sáng, những tình cảm chứa chan tình người, tình quê. Đúng là tâm hồn đẹp. Tôi rất thích đọc, và đã đọc nhiều nhưng chưa bao giờ tìm được những dòng văn nhẹ nhàng, như nhạc, như thơ chứa những tình cảm quê hương dạt dào tình người như văn Trần Hoài Thư...*

  NKT California thư độc giả ngày 1/9/98

- *Đọc truyện anh tôi thích lắm vì nó tả chân đúng thực tế và tâm trạng anh em chiến đấu trên chiến trường.*

  VTH cựu đại úy binh chủng Nhảy Dù, thư 5/9/98

- *Cám ơn ông và kính chúc ông luôn an mạnh để tiếp tục sáng tác những tác phẩm tuyệt vời được nhiều độc giả yêu chuộng...*

  Email của một độc giả ngày 14/9/98

Sách dày 280 trang, giá $14. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí.

Thơ Trần Hoài Thư, thi phẩm

Mỗi bài thơ là một truyện cô đọng, đẹp, hào khí, ngang tàng và rất sống động của một người lính miền Nam. Có cái nét của một Quang Dũng: *Mặt trời đỏ ối trên Vàm Xáng. Cởi áo ngâm bài thơ Cổ lai*...hay *Những quán bên đường nghèo trống gió..Những cô hàng buồn như tản cư*, đến phong cách của một Nguyễn Bắc Sơn: *Cám ơn những nàng má phấn môi son. Yêu ta vội vàng trước khi tiếp Mỹ*...

Từ cái lãng mạn si dại *Tại sao em lại pha cho anh ly cà phê thật đen. Để anh về nhớ em trong những đêm không ngủ*....đến nỗi đau thương cùng cực khi tác giả ôm lấy xác cô giáo bị giết trong đêm Tiếp Cứu quận Tuy Phước Bình Định*: Em bé quê ơi cho ta nhành bông. Một nhành bông quì vàng như màu áo. Ta đặt lên em. Trống trường áo não....*

Các bạn từng yêu văn Trần Hoài Thư, từng công nhận văn Trần Hoài Thư đầy chất thơ và nhạc, chắc chắn sẽ không thất vọng khi đọc thơ Trần Hoài Thư.

Giá $10. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:
Trần Hoài Thư
PO Box 58 S. Bound Brook NJ 08880
Phone: (908)769-1718
Email: tht@saigonline.com

TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CHƯA BIẾT ĐI ĐÂU

Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam họp từ 13 đến 17 Tháng Mười. Một ngày sau khi thuyết trình cho các nhà ngoại giao và đại diện các cơ quan quốc tế chi tiền, Trung ương đảng mới ra một thông cáo cho dân đọc. Đồng tiền liền khúc ruột là vậy. Nhưng việc báo cáo vội vã với các cơ quan chi tiền cho thấy 170 ủy viên quan tâm đến các nhà tư bản chi tiền hơn là dân! Trung ương đảng là cơ quan quyết định số phận 78 triệu dân, nhưng họ không thấy có trách nhiệm với dân bằng lo trấn an các ông anh chi tiền!

Điểm cụ thể duy nhất đem khoe dân ta là nông nghiệp tăng 3%, số ngũ cốc sản xuất là 31,3 triệu tấn, và mỗi người dân trung bình có 400 ký thực phẩm. Bản thông cáo viết về những "khó khăn và yếu kém" trong đủ các lãnh vực kinh tế, xã hội, và thú nhận "để phí các tài nguyên quý báu." Nhưng điều đặc biệt là lần này đảng Cộng Sản nhắc đến cả việc động viên các "tài nguyên ... trong số người Việt ở nước ngoài."

Một lời công nhận thành thật khác là Trung ương đảng Cộng Sản nói "thất nghiệp gia tăng ở cả nông thôn lẫn thành phố." Trung ương đảng thú nhận "do thiếu quyết tâm của hàng ngũ lãnh đạo và thất bại không đưa ra các biện pháp cụ thể." Nhưng bản thông cáo lần này cũng không thấy những biện pháp cụ thể nào, chỉ toàn các khẩu hiệu và các lời than vãn chung chung, thí dụ "không thi hành một cách hiệu quả chính sách chống tham nhũng." Tuy nhiên, Trung ương đảng vẫn nhấn mạnh rằng "lòng tin của nhân dân đối với đảng vẫn tăng lên không ngừng!"

Trong số các mục tiêu cho năm 1999, bản thông cáo chỉ nói đến các điểm đại cương có tính cách những ước vọng hơn là kế hoạch cụ thể, như: Tập trung vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đặc biệt trong mục tài chánh, đảng Cộng Sản nói đến "thi hành các biện pháp mạnh mẽ để tiết kiệm trong toàn thể xã hội." Trong thuật ngữ kinh tế, tiết kiệm chung của xã hội có nghĩa là tăng thuế. Trong phần sau, bản thông cáo còn nhắc đến "nâng cao trách nhiệm các công dân và ý thức tự lực." Đó cũng là những khẩu hiệu khi bắt các bệnh nhân đóng tiền vào nhà thương công, và bắt các phụ huynh đóng học phí cho con học trường công (gọi là huy động sức dân).

Đặc biệt, bản thông cáo sau cuộc họp Trung ương mà không nhắc gì đến Chủ nghĩa Xã hội, tên Mác, Lênin cũng như Hồ Chí Minh. Đây cũng là một cách để trấn an giới tài chính quốc tế, cốt chứng tỏ đảng tuy vẫn độc tài nhưng đã bớt giáo điều. Nhưng đây cũng có thể là một thắng lợi nhỏ của một nhóm đang đòi đảng hủy bỏ cả chủ nghĩa Mác-Lênin lẫn điều 4 hiến pháp, và đổi tên đảng. Cuộc tranh đấu của nhóm thiểu số trong Trung ương đảng này nhằm cứu đảng, nhưng họ vẫn chưa thuyết phục hoàn toàn được phe đa số.

Theo chương trình định sẵn thì kỳ họp này là để bàn "vấn đề xây dựng đảng, nhưng cuối cùng chỉ nói chuyện kinh tế. Khi buổi họp của Trung ương đảng không kết thúc bằng một nghị quyết mà chỉ có một thông cáo, điều này cũng có nghĩa là năm ngày họp không đưa tới một quyết định nào đáng nói. Cuộc tranh chấp giữa hai khuynh hướng trong đảng vẫn chưa ngã ngũ, còn đợi "phần sau," cuộc họp tới đầu Tháng Mười Hai. Chỉ khổ các ông bà Quốc hội, cuối Tháng Mười họp mà chưa có chỉ thị nào mới!

Đặc biệt nữa là về nhân sự, bản thông cáo của Trung ương nhắc đến tên Lê Khả Phiêu, Phan Văn Khải, tên ba cố vấn là Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, mà không hề nhắc đến tên Chủ tịch Trần Đức Lương. Có nghĩa là địa vị Phan Văn Khải đã lên hàng thứ hai trong Bộ Chính trị. Phan Văn Khải vẫn được các nước Âu Mỹ và cơ quan tài chánh quốc tế ủng hộ nhiều hơn, vì được coi là thực tế hơn các lãnh tụ giáo điều khác. Điều này cho thấy các thế lực tài chánh quốc tế càng ngày càng có ảnh hưởng trên các cuộc thảo luận trong cơ quan đầu não của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tin tức từ Hà Nội cho biết cuộc tranh chấp trong đảng diễn ra trong mọi quyết định. Thí

dụ việc tổ chức 200 năm Lễ Đức Mẹ La Vang năm nay, trong đảng có phe định ngăn cấm triệt để, có phe cho là cứ cho tổ chức không có gì đáng sợ. Cuộc lễ diễn ra một cách hòa bình, giáo dân khắp nước kéo về mà không ai hô khẩu hiệu chống chính phủ nào cả. Sau vụ đó, phe "cởi mở" đã thắng thế.

Một vụ khác là trả tự do cho các tù nhân chính trị, từ Hòa thượng Quảng Độ đến Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, cũng vì bị áp lực của các nước, đặc biệt là Mỹ, Pháp, Nhật. Phe thực tế đã thắng khi kéo đảng lùi một bước. Sau bước lùi đó, phe này có dịp kể công với các nước cho tiền. Việc chấp thuận cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc vào điều tra về tự do tôn giáo, và họ được gặp các Thượng tọa Thích Nhật Ban, Thích Không Tánh trong tù, cũng là một bước lùi khác. Và trước khi Trung ương họp, đảng đã chịu thua, cắt ngân sách "xa lộ Trường sơn" từ một tỷ rưỡi Mỹ kim xuống còn gần 400 triệu. Những ý định bắt thanh niên đi làm sưu dịch để xây xa lộ cũng bỏ luôn!

Những bước lùi đó cho thấy trong cuộc tranh chấp hai phe, phe thủ cựu đang lùi dần. Liệu Tháng Mười Hai này họ có chịu đổi tên đảng và bỏ luôn điều 4 Hiến pháp 1992 hay không?

ĐỒNG BÀO NGHỆ TĨNH NGHĨ GÌ VỀ GIẢI NOBEL?

Giáo sư Amartya Sen được trao giải Nobel về kinh tế năm nay. Đối với hàng triệu đồng bào ta từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến Quảng Trị, đây có thể là một tin mừng — nếu Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam nghe tin này và tìm hiểu coi có thể học được gì từ nhà kinh tế Ấn Độ. Vụ lúa Hè Thu ở các tỉnh Bắc Trung phần bị hạn hán thiêu trụi. Làm cách nào để đồng bào ta tránh khỏi nạn đói?

Năm chín tuổi, G.S. Sen đã chứng kiến ba triệu người chết đói ở quê ông, vùng Tây Bengal. Mà năm đó Ấn Độ thực ra không thiếu thực phẩm đến mức chết đói. Nạn nghèo đói là một đề tài nghiên cứu chính của ông sau này, cuốn sách khai phá *Nghèo và Đói,* in năm 1981.

Bài học Amartya Sen rút ra sau khi nghiên cứu nạn đói ở Ấn độ, Bangladesh, Ethiopia và các xứ vùng Sahara, là: "Thiếu thực phẩm không phải là nguyên nhân chính của nạn đói, mà còn do nhiều lý do xã hội, chính trị, kinh tế khác."

Thí dụ, năm 1943 các thành phố ở Bengal trải qua một thời kỳ "phồn vinh giả tạo" nhờ tiền từ bên ngoài đổ vào, khi quân đội Anh, Ấn tới vùng này trước mối đe dọa của quân Nhật ở Miến Điện. Trong lúc đó, ở thôn quê dân chúng vẫn sống như cũ, công nghệ mới không có, lợi tức không tăng. Cảnh phồn vinh giả tạo ở thành phố cũng làm tăng giá nhu yếu phẩm. Nông dân bị kẹt, không đủ tiền nuôi vợ con. Không biết các Ủy viên Trung ương nghe chuyện này có thấy những hình ảnh nào quen quen hay không? Cách đổi mới kinh tế của Đảng cũng tạo ra cảnh phồn vinh ở các thành phố, nhưng một nửa dân số Việt Nam vẫn sống dưới 100 đô la một năm, theo Ngân hàng Thế giới nói.

Năm 1996, trả lời một cuộc phỏng vấn, Amartya Sen nói "Một thay đổi nhỏ trong phân bố lợi tức (trong một xã hội) có thể gây ra nạn đói trầm trọng." Nạn đói ở Bangladesh năm 1974 cũng vì phân bố lợi tức không cân bằng, nhiều hơn vì thiếu thực phẩm. Nạn lụt làm cho nông dân không thể gặt mùa màng năm đó, họ không có việc làm nào thay thế, lợi tức giảm đi quá nhiều so với các tầng lớp khác trong nước, vì thế nông dân chết đói.

Như vậy thì nhà nước có nên can thiệp để phân phối thực phẩm công bằng hơn? Không nên. Giáo sư Amartya Sen cho rằng công việc nhà nước nên làm là khuyến khích, tạo ra công việc làm, gia tăng lợi tức nông dân, việc phân phối thực phẩm cứ để thị trường lo: "Nếu nhà nước lo được cho dân tăng lợi tức, thì thị trường sẽ lo tốt được vấn đề tiếp tế, nó sẽ đưa thực phẩm từ nơi này sang nơi khác."

Tháng trước, có tin chính phủ Bắc Kinh khám phá ra Cơ Quan Thu mua Thóc gạo Trung Quốc để biến mất 29 tỷ Mỹ kim. Đó là nhà nước. Khi chính phủ trao cho Cơ quan này 543 tỷ nhân dân tệ, là muốn họ thay thế thị trường để lo việc thu mua, tồn trữ, tiếp tế thực phẩm. Họ lỡ tay đánh mất 214 tỷ trong vòng năm, sáu năm! Nếu để cho tư nhân lo thì bọn doanh nhân cố gắng làm sai đến mấy cũng không thể mất đến nhiều tiền như thế. Mà nhà nước Trung Quốc sẽ có 543 tỷ nguyên (hơn 65 tỷ Mỹ kim) để làm việc khác, thí dụ, cho tư nhân vay mở các công nghiệp nhẹ ở nông thôn, tăng lợi tức nông dân.

Trong một bài nói chuyện ở Hungary năm 1990, Giáo sư Sen nói: "Tất cả các nạn đói đều có thể ngăn ngừa trước dễ dàng, nếu chính phủ có động lực (incentive) để muốn ngăn

ngừa." Nạn đói xẩy ra là vì những người ngồi trong nhà nước không cảm thấy "có động lực tự nhiên" để tìm hiểu, ngăn ngừa. Họ không cho thị trường lúa gạo tự do, nhất định ôm lấy cho các doanh nghiệp nhà nước thu mua, chuyên chở, xuất khẩu. Vì họ có nhiều động lực tự nhiên bảo họ phải duy trì các doanh nghiệp nhà nước, là óc kiêu ngạo, tiền tài, và quyền sai bảo thiên hạ.

Như vậy thì phải làm gì để tạo ra động lực thích hợp? Giáo sư Sen nhắc đi nhắc lại nhiều lần một nhận xét là "Nạn đói chưa bao giờ xẩy ra ở các nước dân chủ." Ông nghĩ rằng những chính phủ do dân bầu lên thì tự thấy có trách nhiệm với cử tri, khiến họ phải hành động. Các nhà độc tài thường không cảm thấy có trách nhiệm như thế. Ông nói: "Chế độ Dân chủ tạo ra động lực chính trị khiến chính phủ phải hành động."

Amartya Sen nổi tiếng khi nghiên cứu về nạn đói. Nhưng trong Kinh tế học thì đóng góp lý thuyết lớn nhất của ông là những phân tích khoa học về "lựa chọn xã hội" (social choice) và "quyết định tập thể" (collective decision.) Lựa chọn tập thể là một đề tài mới, nghĩa là mới được nghiên cứu thuần lý từ vài ba chục năm nay, và chưa bao giờ trở thành thời thượng. Giải Nobel năm nay sẽ giúp các sinh viên chú ý đến vấn đề này hơn. "Lựa chọn tập thể" là khi nhiều cá nhân có quyền lợi khác nhau cùng phải quyết định, mà tương lai thì bất trắc, hậu quả của quyết định thì mọi người cùng gánh chịu. Làm cách nào để tập thể chọn, mà cá nhân vẫn được tôn trọng? Giáo sư Sen cũng viết nhiều về thuế khóa, xét coi mỗi cách đánh thuế ảnh hưởng đến người giầu và người nghèo ra sao.

Liệu có ai báo tin cho Câu Lạc Bộ Ba Đình biết về giải thưởng Nobel kinh tế năm nay không? Liệu các quan chức trong câu lạc bộ biết lắng nghe các nhận xét của Amartya Sen hay không?

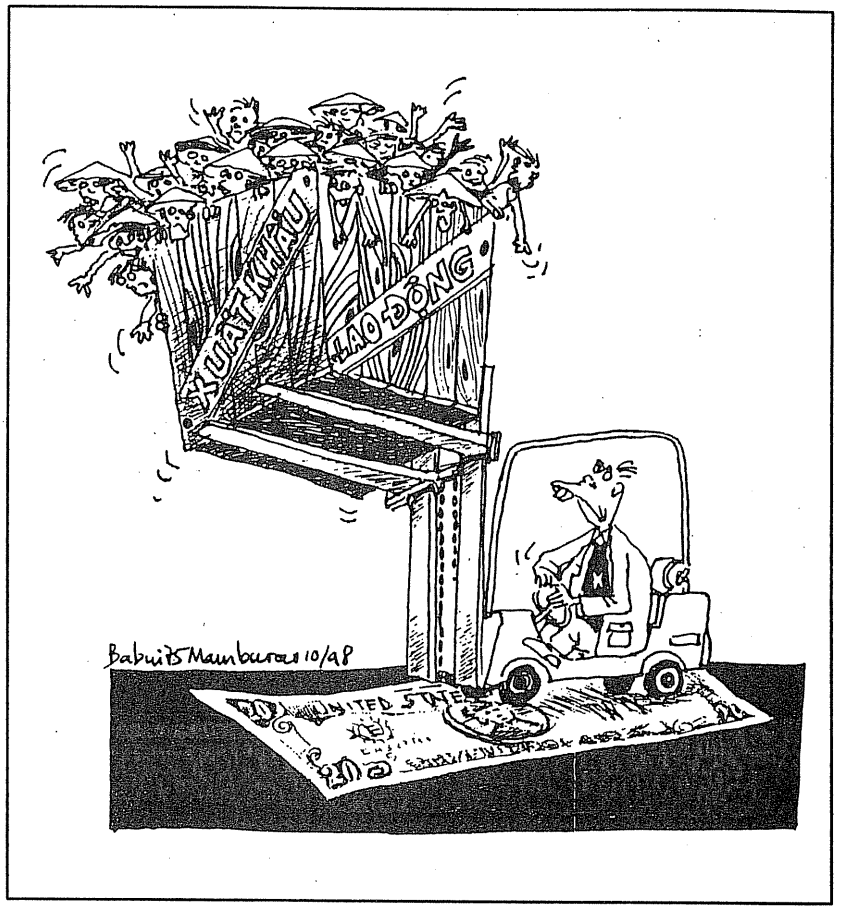

Có lẽ đồng bào ta ở Nghệ Tĩnh phải làm gì để nhắc Câu lạc bộ Ba Đình: Muốn tránh nạn đói thì phải bỏ các xí nghiệp quốc doanh độc quyền lúa gạo, phân bón, chuyên chở, xuất khẩu. Muốn tránh nạn đói về lâu dài thì phải dân chủ hóa. Chỉ khi nào các quan chức chịu trách nhiệm với dân, lo bị thất cử, thì họ mới cất nhắc chân tay lo ngăn ngừa nạn đói.

KOSOVO VÀ DÂN QUYỀN

Một bài học trong vụ giàn xếp hòa bình ở Kosovo là: Cộng đồng thế giới không nhắm mắt bỏ qua khi một chính phủ đàn áp dân chúng nước họ. Quy tắc này cũng đang được áp dụng ở Indonesia, Mã Lai, Miến Điện, và có ngày sẽ áp dụng cho Việt Nam.

Kosovo nằm trong một vùng đất, trải qua hai ngàn năm, đã lần lượt bị các đạo quân đế

quốc La Mã, Byzantine và đế quốc Hồi giáo Ottoman chiếm đóng. Vùng này tập hợp nhiều dân tộc, khác nhau về ngôn ngữ, tôn giáo, vì ảnh hưởng của các đạo quân chiếm đóng để lại. Sau thế chiến II, Thống chế Tito gom sáu vùng lớn lại, lập thành nước Nam Tư-lạp-phu; Yugoslavia nghĩa là dân Tư lạp phu (slave) ở phía Nam (Yug). Nước đông chủng Tư lạp phu đông nhất là Nga, thường bênh vực chính phủ người Serbe đang cai trị Nam Tư.

Khi chế độ cộng sản sụp đổ ở Nam Tư, các nước Croatia, Bosnia, Macedonia, Slovenia đã tách ra độc lập, Bosnia đã có nội chiến cũng vì các chủng tộc và tôn giáo khác nhau. Kosovo là một vùng trong nước Nam Tư còn lại, có dân Serbe và dân gốc Albania - xứ Albania bên cạnh đã độc lập từ đầu thế kỷ. Trước đây, Kosovo là một xứ tự trị trong liên hiệp Nam Tư. Nhưng người Serbe ở đây đã kêu cứu Beograde, nói rằng họ bị kỳ thị, đàn áp, và Tổng thống Slobodan Milosevic lấy cớ đó đã đưa quân vào. Người Kosovo gốc Albania bèn thành lập "Mặt trận Giải phóng Kosovo," (KLA) chống lại. Milosevic đã cho quân Serbe tấn công dân gốc Albania tàn nhẫn, 250 ngàn người đã phải bỏ nhà bỏ cửa chạy qua Albania, một số chạy lên núi theo quân Giải phóng KLA.

Ông Milosevic lợi dụng cuộc nội chiến ở Bosnia trước đây, và ở Kosovo bây giờ để củng cố địa vị. Ông ta là một lãnh tụ cộng sản còn sót lại ở Đông Âu. Kích thích tự ái chủng tộc của người Serbe là cách hay nhất để bắt họ chịu sống dưới chế độ độc tài của ông mà không than vãn. Trong cuộc đương đầu với các nước Âu Mỹ, ông Milosevic được Nga ủng hộ. Một phần vì lý do chủng tộc, lý do khác là chính phủ Nga đã từng sử dụng võ lực khi có những vùng trong nước Nga đòi tự trị, như ở Chechnya.

Cộng đồng thế giới không thể nhắm mắt mãi, để yên cho ông Milosevic thi hành chính sách tàn sát, đánh đuổi người gốc Albania. Sau cùng, khối NATO phải mang pháo đài bay B-2 và B-52 ra dọa. Milesovic đã phải nhượng bộ, ngưng bắn, rút bớt quân, chiến xa, đại pháo ở Kosovo về, hứa tổ chức bầu cử cho Kosovo tự trị, và để cho hai ngàn quan sát viên quốc tế đến giám sát đình chiến và bầu cử.

Nhưng vụ Kosovo đặt ra một tiền lệ: khi một chính phủ ngược đãi dân chúng của họ, vì bất cứ lý do nào, cộng đồng thế giới văn minh không thể để yên. Nguyên tắc này cũng đang manh nha ở Đông Nam Á. Đầu năm nay, Ngoại trưởng Thái Lan nêu lên chủ trương "can dự linh động," theo đó các nước ASEAN có thể phê bình chính sách nội trị của nhau. Nhiều quốc gia ASEAN đã phản đối, ồn ào nhất là Mã Lai, Việt Nam, và Miến Điện. Ngày nay thì "chủ trương linh động can thiệp" này đang được nhiều nước theo. Các vụ đàn áp đối lập ở Miến Điện, ngược đãi người Hoa ở Indonesia, và gần đây nhất, vụ bắt giam và tra tấn cựu Phó Thủ tướng Mã Lai, đã bị các nước chung quanh lên án, trong đó có cả Thái Lan, Singapore, Phi Luật Tân, các nước ngoài ASEAN như Nhật, Nam Hàn, cả Giám đốc Ngân hàng Thế giới. Tổng thống Indonesia đã "can thiệp" khi bãi bỏ một cuộc thăm viếng Mã Lai.

Đằng sau chủ trương can dự linh động này, là quan niệm về quyền làm người và quyền công dân. Các quốc gia văn minh đều tôn trọng quyền làm người, đặc biệt là những quyền tự do của người dân, đối lập với quyền điều khiển của nhà nước. Nhà nước không thể lấy cớ "nội bộ" để xúc phạm các quyền căn bản của người dân nước họ. Vì một chính phủ bất chấp dân quyền thì họ cũng xúc phạm những quy tắc căn bản của thế giới văn minh, làm sao tin được họ sẽ tôn trọng các quy tắc văn minh trong giao dịch quốc tế?

Nói đến nhân quyền, nhiều chính phủ Á châu tìm cách gạt đi, nói rằng đó là một khái niệm của Tây phương, xa lạ đối với Á đông. Những lý luận trừu tượng đó có thể đánh lừa được nhiều người dân. Nhưng khi nói đến các quyền công dân thì khác. Vì người Á đông nào cũng hiểu ngay rằng trong một nước mà dân quyền không được trọng thì chính họ là nạn nhân, vì nhà nước sẽ lạm quyền. Những quyền cơ bản của người dân, như tự do cư trú, di chuyển, tự do hội họp, tự do phát biểu ý kiến, là nền tảng để cho một xã hội công dân thành hình. Khi người dân được tự do họp nhau trong các tổ chức phi chính phủ, để tự giải quyết các nhu cầu chung, họ tạo thành xã hội công dân. Với Xã hội công dân phát triển, phần nhà nước can thiệp vào đời sống dân chúng sẽ giảm đi. Vì thế, xã hội công dân là một nền tảng của thể chế dân chủ.

Cộng đồng thế giới văn minh đang lên tiếng cảnh cáo các chính phủ Miến Điện, Mã Lai, Cam Bốt xâm phạm các quyền công dân của dân xứ họ. Cũng như vụ 2000 quan sát viên quốc tế sắp đến Kosovo, đây là một trào lưu

càng ngay càng mạnh trên thế giới.

CHÍNH TRỊ LÀ ĐẾM PHIẾU

Khi các dân biểu Hạ viện Mỹ quyết định mở cuộc điều tra đàn hặc, họ dựa theo ý kiến cử tri, vì tất cả lo phải tranh cử ngày 3 Tháng Mười Một. Nhưng họ không chạy theo ý cử tri trên cả nước Mỹ, chỉ cần biết đến người dân trong đơn vị của họ mà thôi. Mà họ cũng không cố làm vừa lòng tất cả mọi người trong đơn vị, chuyện đó không ai làm nổi, họ chỉ cần chiều ý những cử tri có ý chắc chắn sẽ đi bầu. Các cuộc thăm dò giúp họ biết loại người nào có vẻ chắc chắn đi bầu. Mà trong số các cử tri chắc sẽ đi bầu, tùy theo tình hình, các dân biểu sẽ phải chú ý một trong hai chuyện. Một là tránh khỏi bị mất phiếu của những người đã có ý hướng ủng hộ mình, hai là cố gắng kiếm thêm phiếu của những người trung dung chưa quyết định.

Đó là chính trị ở nước Mỹ. Trong một nước tự do, ý kiến của mỗi người dân đều quan trọng, nhưng ý kiến của một số người có lúc quan trọng hơn. Trước hết, những người lười không ghi tên vào danh sách cử tri thì dù họ có ý kiến bàn xuôi tán ngược gì, ý kiến của họ cũng bỏ đi.

Nhưng không phải tất cả các cử tri đã ghi danh đều đi bầu. Kỳ bầu cử sơ bộ Tháng Sáu vừa qua chỉ có 17,4% dân Mỹ cất công đi bỏ phiếu. Thông thường, khi kinh tế phồn thịnh, không có chiến tranh, thì dân chúng phó mặc chuyện chính trị cho các nhà chuyên nghiệp. Đó là một dấu hiệu tốt: dân chúng thấy chẳng có gì đáng lo cả! Đài NBC thăm dò dân chúng, cho biết năm nay chỉ có 85% cử tri Mỹ ghi danh, và tiên đoán sẽ chỉ có 45% sẽ đi bầu.

Những người chắc chắn sẽ đi bỏ phiếu là những người "ghiền" chính trị, nhất định đi bầu để bỏ phiếu cho đảng chính trị cùng lập trường với mình. Và các dân biểu chú ý đặc biệt đến các cử tri ghiền chính trị đó. Và những tay ghiền chính trị thì cũng có tinh thần phe đảng rất cao, không trung dung, vừa phải như đa số chúng ta. Cho nên các dân biểu lo nhất là làm sao đừng để cho họ bỏ mình!

Khi Hạ viện biểu quyết cho bắt đầu cuộc điều tra dẫn tới đàn hặc ông Bill Clinton, người ta thấy các dân biểu Mỹ bỏ phiếu theo đường lối của hai đảng, trừ 31 người thuộc đảng Dân chủ quay ra chống Clinton. Khi nhìn vào thành phần 31 vị này, báo chí ở Mỹ thấy phần lớn họ thuộc "cánh Clinton," nghĩa là phe trung dung, ôn hòa trong đảng Dân chủ. Nhưng những dân biểu đó không dám bỏ phiếu chống lại quyết nghị điều tra, vì họ đang tranh cử ở những đơn vị rất "bấp bênh" — trong đó cử tri có người nghiêng về một trong hai đảng, còn một số lớn không ngả theo bên nào. Quyết định của 31 dân biểu "chia rẽ" chỉ cốt không làm mất thêm một phiếu nào của các cử tri đứng giữa.

Các dân biểu Dân chủ chống lại nghị quyết đàn hặc phần lớn thuộc cánh tả trong đảng, hoặc ứng cử ở các đơn vị "an toàn," nghĩa là có đa số cử tri vốn ủng hộ đảng Dân chủ, hoặc có cả hai đặc tính đó. Cho nên họ bỏ phiếu theo đường lối chung. Còn các dân biểu ở những đơn vị "bấp bênh" thì khác.

Một trong các người bỏ rơi ông Clinton là James Moran, một người bạn thân của bà Hilary Clinton, từ khi con gái ông Moran bị bịnh nặng. Bữa nghe ông Clinton thú nhận có lăng nhăng với cô Lewinsky trên tivi, ông Moran nói với bà Tổng thống rằng nếu là anh ruột bà thì ông ta đã đánh bể mũi "thằng chả". Nhưng khi quyết định, ông ta bỏ phiếu ủng hộ quyết nghị đàn hặc của đảng Cộng hòa. Chúng ta có thể tưởng tượng những tính toán của những người như ông Moran.

Trước tiên, các cử tri đã và đang ủng hộ họ đều là các tay ghiền chính trị, nghiêng hẳn về đảng Dân chủ, chắc chắn không bỏ chạy sang đối thủ, không lo mất các phiếu đó. Chỉ có những cử tri đứng giữa cần phải tranh thủ. Nhưng đối với nhóm này thì, khi ứng cử viên cả hai đảng đều bỏ phiếu để điều tra, đàn hặc ông ta, vụ đàn hặc ông Clinton sẽ không thành một đề tài nữa. Tức là các ứng cử viên sẽ chỉ tranh điểm với nhau về các đề tài khác: Giáo dục, an sinh xã hội, Quỹ hưu bổng, lương tối thiểu, v.v..

31 ứng cử viên Dân chủ phải chọn hai đàng: không bỏ phiếu điều tra đàn hặc ông Clinton thì họ sẽ tặng cho đối thủ thêm một đề tài đả kích họ, là vô đạo đức, sẽ mất một số phiếu đứng giữa. Còn cứ bỏ phiếu đàn hặc thì họ hy vọng kiếm thêm phiếu mới, mà lại không lo bị mất phiếu đã ủng hộ đảng. Những nhà chính trị thường tính toán như vậy.

DÂN CHỦ TRONG CÕI VÔ THƯỜNG

Cuối cùng, chính trị nước Mỹ là đếm phiếu, luôn luôn đếm phiếu, và chỉ có đếm phiếu. Từ đó, nhiều người sẽ kết luận rằng chính trị là chuyện nhơ bẩn, tất cả những gì diễn ra trước

công chúng chỉ là vở kịch để "câu" phiếu của khán giả, là dân chúng.

Nhưng suy nghĩ như vậy không những quá bi quan, phải nói là sai trầm trọng. Thái độ bi quan đó sẽ khiến người ta không tin tưởng ở một định chế cơ bản của chế độ dân chủ, là bầu cử tự do. Bầu cử tự do là thể hiện quy tắc "mỗi lá phiếu của người dân đều có giá trị bằng nhau, và mọi lá phiếu đều quan trọng." Nếu chúng ta đặt niềm tin vào các quy tắc đó, thì cũng phải chấp nhận hệ luận, là các chính trị gia phải tìm cách kiếm được càng nhiều phiếu càng tốt. Kiếm phiếu là nhiệm vụ của các ứng cử viên. Ai không đủ khiêm tốn để tự nhún mình đi "xin phiếu" thì không nên bước vào chính trị.

Kiếm được nhiều phiếu, tức là kiếm được "giấy ủy nhiệm" của nhiều người dân mà mình muốn đại diện, điều đó có gì xấu hay chăng? Thử so sánh hai chế độ. Một chế độ trong đó các người làm chính trị lo lắng kiếm phiếu của dân, lo làm vừa lòng cử tri, càng nhiều càng tốt. So sánh với một chế độ khác, trong đó người làm chính trị chỉ cố lo chiếm được lòng ưu ái của một vài người: vua, quan, bí thư đảng, cấp ủy, v.v. nghĩa là chỉ có một nhóm người ưu tú, tiền phong, quyết định thay tất cả mọi người khác. Theo quý vị thì chế độ nào tạo nên một cơ chế gạn lọc, tuyển lựa các người đại diện dân tốt hơn? Chế độ nào dễ loại bỏ những kẻ xu thời, lường gạt, để chọn được người đại diện xứng đáng hơn?

Hiện tượng "kiếm phiếu" chỉ phản ảnh quy tắc "tôn trọng ý kiến của mọi người dân, lá phiếu nào cũng có giá trị như nhau." Nhiều người có lúc nổi giận thường nói: "Dân mình ngu quá!" Nhưng nếu chúng ta chấp nhận quy tắc sống dân chủ với nhau thì cũng phải chấp nhận nếu dân có ngu thật (như mình nghĩ) thì dân, trong đó có mình, rán chịu mọi hậu quả khi đa số quyết định sai. Nhưng nếu đa số dân quyết định sai, họ cũng biết rằng ba, bốn năm sau, dân sẽ có cơ hội sửa sai, cũng bằng lá phiếu (ở Mỹ cứ 2 năm bầu lại Hạ viện và một phần ba Thượng viện, bốn năm lại bầu tổng thống). Thử so sánh với một chế độ, trong đó một số người (thí dụ, 170 người ưu việt) quyết định hộ tất cả. Nếu họ sai, dân cũng đành chịu, mà lại không có cơ chế nào để dân có cơ hội sửa sai cả. Bây giờ dân ta muốn mình làm mình chịu hay để Bụng làm dạ chịu?

Chế độ dân chủ đi đôi với kinh tế thị trường cũng phải. Giống như trong thị trường tự do, khách hàng là chủ. Khách hàng "bỏ phiếu" bằng đồng tiền của họ, những người không bán được hàng có quyền chửi: "Dân mình ngu quá, bánh cuốn mình làm ngon nhất Hà Nội mà chúng nó không biết!" Nhưng cuối cùng khách hàng vẫn là chủ.

Cũng như chuyện bầu cử, các quyết định kinh tế lúc nào cũng có rủi ro - chúng ta sống trong một cõi vô thường! Kinh nghiệm cho thấy các quyết định sai trong một thể chế dân chủ thường tác hại ít hơn, vì có thể sửa sai nhanh hơn. Có tác hại cũng nhẹ hơn vì những người được dân ủy nhiệm không dám làm liều theo ý kiến, sở thích, chủ nghĩa của riêng mình, đỡ gây ra "những cái sai không thể đổi được," như lời Lưu Quang Vũ.

Cho nên thể chế dân chủ đòi hỏi một niềm tin, là tin rằng quyết định của người dân là đúng. Cẩn thận hơn, như một nhà kinh tế tính toán các rủi ro trước khi đầu tư, chúng ta phải nói: "Về lâu về dài, tính bình quân, khi người dân chọn lựa thì quyết định của họ thường đúng." Cho nên việc kiếm phiếu chính là một bổn phận của các đảng phái chính trị.

Chế độ dân chủ không hoàn hảo, nói như Churchill, nó chỉ tạm coi là khá hơn so với các chế độ đã dùng thử trên trái đất này. Chế độ dân chủ giả thiết là con người không hoàn hảo, kể cả những ngươi ưu tú nhất, cho nên cốt yếu là bầy ra các cơ chế để ngăn ngừa những cái xấu, cái dốt của họ khi nó tác hại, cho khỏi tác hại nhiều và lâu quá mà thôi. Có lẽ vì vậy mà, như Amartya Sen nhận xét, trong các nước dân chủ không xảy ra nạn đói.

Thể chế dân chủ cũng giúp các người có ý kiến sai lầm dễ thay đổi, các đảng phái cầm quyền phản ứng nhanh hơn khi cần sửa sai, vì dân chúng muốn họ thay đổi. Có một đảng viên Cộng Sản lão thành ở Hà Nội viết thư phản đối cách đảng đối xử tàn tệ đối với Tướng Trần Độ, nhưng lại chê ông khi muốn bỏ việc áp dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, chê rằng ông cựu Ủy viên Trung ương "đã quên lời thề khi gia nhập đảng." Chúng ta hiểu ông Trần Độ cũng phải đắn đo: hạnh phúc của người dân quan trọng, hay lời thề của mình quan trọng hơn? Các chủ nghĩa, chính sách, niềm tin của mình quan trọng, hay hạnh phúc của con người quan trọng? Không nên để chủ nghĩa nào biến thành một sở tri chướng. Nhại lời đức Khổng Tử, "Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân," bây giờ thay chữ đạo bằng chữ chủ nghĩa.●

MỘT VỤ THAM NHŨNG ĐE DỌA CHẾ ĐỘ:

THỦY CUNG THĂNG LONG, HỒ TÂY HÀ NỘI

KTS, PTS HOÀNG PHÚC THẮNG

LTS: Một kiến trúc sư, ông Nguễn Hoàng Phương đã viết đơn kiện bảy viên chức cao cấp về vụ Thủy Cung Thăng Long, trong đó có Phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc, Bộ trưởng Trần Xuân Giá, Phó Chủ tịch Hà Nội Đinh Hạnh. Ông cũng viết hai lá thư từ tháng Sáu, gửi các nhà lãnh đạo đảng Cộng Sản, nói rằng nếu đảng không xử thì ông sẽ đệ đơn. Sau đó, ở Hà Nội người ta được đọc lá thư ngày 26 tháng 8 năm 1998 của kiến trúc sư Hoàng Phúc Thắng nêu rõ các chi tiết về vụ tham nhũng trị giá 78 triệu Mỹ kim này.

Tóm tắt vụ tham nhũng như sau: Lê Tân Cương là chủ công ty Vạn Thiện, với số vốn tự khai 4,2 tỷ đồng (3 triệu mỹ kim) là một tòa nhà đang xây, Cương xin khai thác một khu giải trí ở bên Hồ Tây, diện tích 7000 m2. Dự án chưa được chấp thuận thì Đinh Hạnh, Phó Chủ tịch Hà Nội cho Cương làm dự án Thủy Cung Thăng Long với diện tích gấp 10 lần, 70 ngàn m2. Dù dự án này bị giới chuyên môn và hành chánh chống lại, Cương lại được Bộ trưởng Ngô Xuân Lộc, nay là Phó Thủ Tướng, tăng diện tích khai thác lên 220 ngàn m2! Sau khi có đất, Cương đã đem bán lại, lời gấp 200 lần, còn hơn buôn bán ma túy. Vụ tham nhũng này liên quan đến các quan chức cao cấp nhất trong chính phủ Hà Nội, đặc biệt là Phạm Thế Duyệt (nguyên Chủ tịch UBND Hà Nội) và Đinh Hạnh, mà trước đây 11 đảng viên lão thành ở Hà Nội đã viết thư tố cáo.

Vụ này lớn vì số tài sản tham nhũng vĩ đại: 1,100 tỷ đồng VN (5 triệu một mét vuông X 220000 mét vuông, khoảng 78 triệu Mỹ kim), ngoài ra là cách làm ăn trắng trợn bất chấp luật lệ, thủ tục, và lại liên hệ đến các quan chức cao cấp; vụ Thủy Cung Thăng Long có thể nổ bùng khởi đầu cho các vụ tố cáo tham nhũng khác. Nếu phong trào nào lan rộng, tin tức được phổ biến, dân chúng phẫn uất sẽ vùng lên đòi thanh trừng các lãnh tụ. Năm 1989 sinh viên, công nhân Bắc Kinh cũng nổi lên chỉ vì chống tham nhũng.

Sau đây là nguyên văn lá thư của KTS Hoàng Phúc Thắng, tòa soạn chỉ bỏ một đoạn nói về cá nhân của tác giả.

*

"Không ở đâu xa mà đang ngồi ngay sau lưng nhà ngươi đó" (Kim Qui nói với Vua An Dương Vương trong truyền thuyết "Mỵ Châu - Trọng Thủy") hay:

Sự thật về những vi phạm luật pháp nghiêm trọng trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án "Thủy Cung Thăng Long tại Hà Nội"

Liên tiếp (bẩy lần) từ 10 tháng Sáu (đến 25 tháng Bẩy) và gần đây nhất ngày 3/8/1998, Hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ đã nhận được nhiều đơn thư của các bạn đọc báo, các kiến trúc sư quan tâm cũng như của trên 100 hộ dân Phủ Tây Hồ phản ánh về những bất cập của dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" tại Hà Nội. Do một số đơn thư có nội

dung khá gay gắt, căng thẳng liên quan tới nhiều công chức có chức có quyền của cả cấp trung ương và địa phương nên không ít người cho rằng đây là một vấn đề "phức tạp," việc xem xét, đánh giá đúng sai là không dễ dàng! Thậm chí có khi đây còn là vấn đề chính trị gì đó cũng nên! v.v. và v.v... Nhiều cơ quan chức năng đã phải mất nhiều thời gian, công sức để điều tra, tìm hiểu song tới nay dường như mọi việc vẫn chưa rõ ràng và khó kết luận làm sao!

...Tôi rất buồn, tiếc cho thời gian, và công sức của biết bao người. Lẽ ra hoàn toàn đã có thể tập trung vào làm những công việc khác, có ích và có ý nghĩa hơn. Đối với tôi, vấn đề thật đơn giản và dễ hiểu:

Có một dự án 7000m2 và một dự án 70.000m2 cho cùng một chủ đầu tư, xảy ra trong cùng một thời điểm và cùng do một số công chức cố tình "sắp đặt"! (Đây là điều mà rất ít người được biết đến nhưng đó là sự thật)

* Ngày 10/3/1996, Công ty TNHH Vạn Thiện (gọi tắt là Công ty V.T.) là một công ty tư nhân do ông Lê Tân Cương làm giám đốc. Tổng số vốn do Công ty V.T. tự khai (chỉ là tài sản, không có tiền) gồm giá trị một ngôi nhà khoảng 6 - 7 tầng đang xây dở trái phép mang tên khách sạn Almaz, cộng thêm giá trị của Tivi, máy karaoke, quầy rượu và xe máy... Cộng lại là 4,2 tỷ đồng. Căn cứ vào năng lực mọi mặt của mình, Công ty V.T. đã chỉ dám lập một dự án nhỏ để làm "Khu vui chơi, giải trí" mang tên "Thủy Cung Thùy Dương" và xin UBND thành phố Hà Nội cấp cho một diện tích khoảng 7,000m2 (chính xác là 6987m2) là diện tích một chiếc ao nằm ngay sau ngôi nhà của công ty tại số 16 đường Tô Ngọc Vân, phường Quảng An, quận Tây Hồ (trên đường vào hồ bơi Quảng Bá hiện nay) với tổng mức đầu tư 6,5 tỷ đồng. Và ngày 6/4/1996, Dự án "Thủy cung Thùy Dương" được trình lên UBND thành phố Hà Nội.

* Tháng 5/1996, mặc dù dự án "Thuỷ Cung Thùy Dương" nói trên vẫn đang còn được thành phố "xem xét," chưa được phê duyệt - không hiểu căn cứ vào đâu, vì lý do gì (hoặc do ai đó tư vấn), Công ty V.T. đã phải nhận đứng tên làm "Chủ đầu tư" cho một dự án khác mang tên "Thuỷ Cung Thăng Long" có địa điểm được xác định trước tại khu đầm sen, một khu đất được coi là thiêng liêng nhất của Bán đảo Quảng An (trên đường vào phủ Tây Hồ, cạnh khu nhà nghỉ của Trung ương) với tổng diện tích lên tới 70.000m2 và tổng mức đầu tư là 190 tỷ đồng (lớn gấp trên 10 lần qui mô dự án "Thuỷ Cung Thùy Dương" của Công ty V.T. còn đang chưa được "phê duyệt"!!!).

* Ngày 16/5/1996, dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" được ông Đinh Hạnh ra văn bản đề nghị các sở ban ngành của thành phố tạo mọi điều kiện giúp đỡ giải quyết nhanh chóng.

* Ngày 1/6/1996, Kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội hoàn thành việc ra văn bản giới thiệu địa điểm, tư vấn và xác nhận cho dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" 70.000m2 này là "phù hợp với quy hoạch chi tiết 1/500 đã được duyệt," và hợp pháp hóa cho chủ đầu tư tiến hành các bước tiếp theo.

Dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" đột ngột tăng từ 70.000m2 lên 220.000m2!

* Tháng 10/1996, sau khi Công ty V.T. ngoài việc làm chủ đầu tư dự án "Thủy Cung Thùy Dương" đã nhận đứng tên làm "Chủ đầu tư" cho dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" và gửi dự án "Thủy Cung Thăng Long" cho UBND thành phố Hà Nội, thì ngày 16/10/1996, mặc dù tại thời điểm này, Công ty V.T. không được phép kinh doanh khu vui chơi giải trí theo qui định nhưng vẫn được ông Đinh Hạnh, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ký quyết định phê duyệt cho dự án... "Thuỷ Cung Thuỳ Dương!" (lúc này do đã xuất hiện dự án "Thủy Cung Thăng Long" nên dự án "Thủy Cung Thùy Dương" đã được đổi tên thành dự án "Khuôn viên ao cá, cây cảnh Thuỳ Dương") và Công ty V.T. được ông Đinh Hạnh cấp cho 6987m2 diện tích như Công ty V.T. đã đề nghị hồi tháng 3/1996!

* Cũng tháng 10/1996, ngày 30, dự án "Thủy Cung Thăng Long" (do Công ty V.T. đứng tên làm chủ đầu tư) được ông Đinh Hạnh ký trình Chính phủ để xin Chính phủ cho "thực hiện," hoặc chỉ phải làm dự án một bước (không qua bước tiền khả thi theo qui định)!

* Ngày 16/11/1996 ông Đoàn Mạnh Giao, Phó văn phòng Chính phủ ký văn bản số 5837 truyền đạt ý kiến đ/c Phan Văn Khải cho biết Chính phủ không chấp nhận cho thực hiện ngay dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" và cũng không chấp nhận cho làm dự án một bước (vì đây là một dự án loại A) mà phải "làm theo qui định" — (tức là dự án sẽ phải lập qua hai bước và phải lấy ý kiến thẩm định của nhiều Bộ, ban ngành trung ương khác — chứ không chỉ lấy ý kiến cấp dưới của thành phố). Do đó

UBND đã phải đề nghị Công ty V.T. làm lại từ đầu dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" từ bước dự án tiền khả thi.

* Tới tháng 5/1997, Công ty V.T. (một công ty mà năng lực "tự khai" cũng chỉ dám đảm đương một dự án = 7.000m2 với tổng mức đầu tư 6.5 tỷ đồng là dự án "Thuỳ Dương") nhờ được sự "giúp đỡ tận tình" của nhiều công chức thuộc nhiều cấp khác nhau nên đã lập xong dự án Tiền khả thi của "Thuỷ Cung Thăng Long." Lúc này cũng không hiểu căn cứ vào đâu và không hiểu vì sao (hoặc do ai đó "tư vấn" hoặc do vì phải thông qua nhiều công chức các bộ ngành trung ương khác) dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" này đã đột ngột tăng qui mô từ 70.000m2 (7 ha) vọt lên tới 220.000m2 (22 ha, tăng trên 300%) còn tổng mức đầu tư tăng từ 190 tỷ đồng lên 204 tỷ đồng (tăng khoảng 7%). Về kiến trúc qui hoạch vẫn được KTS trưởng thành phố cũng như Vụ quản lý kiến trúc đô thị của Bộ Xây dựng (ông Ngô Xuân Lộc lúc này làm Bộ trưởng) là hai cơ quan quản lý Nhà nước về kiến trúc - qui hoạch đồng tình xác nhận là dự án 220.000m2 này vẫn cứ "phù hợp với qui hoạch chi tiết 1/500 đã được duyệt"!!!

* Ngày 22/5/1997, ông Đinh Hạnh ký trình Chính phủ xin thông qua dự án tiền khả thi và "xin" Chính phủ cho thành phố được ký phê duyệt dự án khả thi (sai qui định)!

* Ngày 4/7/1997, ông Lại Văn Cử, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ ký văn bản số 3345 truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đồng ý thông qua dự án tiền khả thi (đồng ý về mặt chủ trương và cho phép UBND thành phố chỉ đạo Công ty V.T. làm dự án khả thi). Song không cho thành phố tự phê duyệt dự án khả thi, mà đề nghị Thành phố vẫn "phải làm theo qui định" tức là phải trình để Chính phủ ký dự án khả thi.

Thẩm định và phê duyệt dự án

* Ngày 27/11/1997, do thành phố không được phép tự phê duyệt dự án khả thi, ông Đinh Hạnh phải trình Thủ tướng Chính phủ để xin phê duyệt dự án khả thi. Lúc này diễn ra việc phải lấy ý kiến các bộ, ngành trung ương về dự án. Nội dung ý kiến cơ bản của các bộ ngành thẩm định dự án cho thấy đây là một dự án rất không khả thi (đúng như đã được phản ánh trên báo Đại Đoàn Kết số 56 ngày 13 tháng 7 năm 1998 vừa qua).

* Ngày 18/2/1998, mặc dù các bộ ngành đã có phản biện rõ ràng và văn bản tổng hợp trình Chính phủ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiều nhầm lẫn, sai sót, song ông Ngô Xuân Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng (cơ quan đã từng "xác nhận" cho dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" - dù qui mô hay nội dung thế nào! cũng vẫn là "phù hợp với qui hoạch chi tiết 1/500 đã được duyệt"!) được chuyển lên làm Phó Thủ tướng Chính phủ, và ông Ngô Xuân Lộc đã sử dụng quyền lực của mình bất chấp sự phân công trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, bất chấp mọi ý kiến của các bộ ngành khác cũng như của Hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ, vẫn nhận và đã ký phê duyệt cho dự án này một cách hết sức sai trái và tuỳ tiện!.

Công thổ quốc gia bị đem bán một cách phi pháp và tuỳ tiện

Ngay sau khi được ông Ngô Xuân Lộc ký phê duyệt dự án và giao cho làm chủ đầu tư, ông Lê Tân Cương, Giám đốc Công ty V.T. đã rao bán công thổ quốc gia. Thấy rõ nguy cơ này, ngày 15/6/1998, một lần nữa ông Chủ tịch Hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ đã ra văn bản khẩn thiết đề nghị đồng chí Thủ tướng lưu ý tới khả năng nghiêm trọng trên, song rất đáng tiếc không hiểu vì lý do gì hoặc do "sơ suất" của Thư ký Thủ tướng Chính phủ mà lời đề nghị đầy tâm huyết và trách nhiệm này đã bị rơi vào im lặng. Và thực tế, từ tháng 6/1998, hàng trăm mét vuông đất đã bị ông Lê Tân Cương ký bán lấy tiền với giá chênh lệch hơn 200 lần so với giá mà ông bỏ ra "đền bù" cho dân (giá đền bù từ 7600 đ/m2 tới 19.000 đ/m2 - giá bán từ 2.750.000 đ/m2 tới 3.500.000 đ/m2)! Và toàn bộ số tiền chênh lệch này đã "được" cho vào túi ông Cương và những kẻ liên quan nào đó *(vì lợi nhuận lên tới hơn 200 lần - còn cao hơn nhiều lần so với lợi nhuận buôn bán ma tuý hoặc heroin* và tổng số có thể lên tới hàng trăm tỷ đồng thì *hẳn ông Cương khó có thể chỉ hưởng một mình!)*. Chính sự thật cay đắng và nghiệt

* Trong bữa ăn, đứa con quan sát kỹ đầu bố nó. Bố hỏi:

"Sao con nhìn bố tò mò vậy?"

"Tại vì hồi nãy con nghe mẹ nói chuyện điện thoại, mẹ bảo là mẹ phải ngừng nói chuyện vì thằng già mọc sừng sắp về."

ngã này đã chứng minh được rất nhiều điều và đã làm choáng váng, đảo lộn tất cả. Nếu như có ai đó đủ tiền thì chắc chắn hàng trăm ngàn mét vuông của dự án này cũng đã được bán rồi và tổn thất của tài sản xã hội chủ nghĩa cũng như của các công dân mua đất có thể lên tới nhiều trăm tỷ đồng! Và *từ việc tự tiện rao bán hàng trăm ngàn mét vuông công thổ quốc gia tới việc bán cả quốc gia, con đường hẳn cũng không dài là bao* và ai sẽ là người phải chịu trách nhiệm?

Vô tình hay cũng nằm trong kế hoạch, cũng trong tháng 6/1998 định mệnh này. Sở Địa Chính Hà Nội, theo sự chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội cũng rầm rộ, rùm beng đăng báo rao "Đấu thầu quyền sử dụng đất" trên chính mảnh đất mà ông "Chủ đầu tư" Lê Tân Cương cũng đang rao bán (!!) với giá bán cao gấp 1.5 tới 2 lần giá bán của chủ đầu tư!! (giá tối thiểu đăng trên báo là 5.000.000 đ/m2). Tính phi pháp nghiêm trọng của những hành vi này là quá rõ ràng: mặc dù dự án đã được phê duyệt song ông Cương không thể được quyền bán đất một cách tuỳ tiện và sai mục đích. Ngoài ra ông Cương cũng chưa hề tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng, chưa ký và trả tiền thuê đất cũng như chưa hề được giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Còn Sở địa chính và UBND thành phố Hà Nội cũng vậy. Chẳng lẽ các công chức lãnh đạo UBND thành phố và Sở Địa Chính thành phố Hà Nội lại không biết rằng từ 18/2/1998, theo quyết định của ông Ngô Xuân Lộc thì mảnh đất đó là mảnh đất thuộc dự án đã được giao cho Công ty V.T. làm chủ đầu tư? Sở địa chính đâu phải chủ đầu tư dự án và chắc chắn cũng chưa tiến hành việc đền bù, giải phóng mặt bằng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mảnh đất trên. Chẳng lẽ UBND và Sở Địa Chính thành phố Hà Nội đã coi quyết định của cấp Thủ tướng Chính phủ chỉ là một tờ giấy "phi pháp," đáng bỏ đi và không có giá trị gì?

Ai mới là chủ đầu tư thực sự của dự án "Thuỷ Cung Thăng Long" và những ai đã vô tình hay cố ý đẩy Công ty V.T. sa vào hố sâu tội lỗi?

Ngay sau khi việc mua bán công thổ quốc gia công khai xảy ra, nhiều luật sư cũng như chuyên gia của các cơ quan tư pháp đã khẳng định là hoàn toàn có thể khởi tố vụ án đối với ông Lê Tân Cương về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN và tài sản công dân, và với mức độ nghiêm trọng như vậy, ông Lê Tân Cương chắc chắn sẽ bị xử lý theo pháp luật thậm chí có thể tới mức tù chung thân hoặc tử hình. Song xét sự việc trong tổng thể cũng dễ nhận ra rằng *ai mới là chủ đầu tư thực sự của dự án này và ai là những kẻ đã vô tình hay cố ý đẩy ông Lê Tân Cương vào hố sâu tội lỗi*? Theo nhiều nguồn tin có thể kể ra vai trò của những Công ty tư vấn như Công ty SENA (một công ty tư nhân do ông Nguyễn Sơn Lộ, con rể ông Hà Ngọc Tiếu, nguyên là Thiếu tướng Phó Tổng cục trưởng Tổng cục cảnh sát làm Tổng Giám đốc), hoặc Công ty CDC (một công ty thuộc Bộ Xây Dựng do ông Ngô Xuân Quang, con đẻ ông Ngô Xuân Lộc, nguyên là Bộ trưởng Bộ Xây Dựng, nay là Phó Thủ tướng Chính phủ, làm Giám đốc...). Song vai trò chính, trách nhiệm chính vẫn thuộc về các cán bộ hiện đang được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ làm công chức trong bộ máy chính quyền (như đã được đề cập tới trong dự thảo đơn kiện của ông Nguyễn Hoàng Phương ngày 10/6/1998 vừa qua). Sự thật này làm tôi nhớ tới câu chuyện "My Châu - Trọng Thuỷ" đau lòng thuở nào. Khác chăng chỉ có điều My Châu đã phạm tội chỉ vì vô tình và trong sáng.●

Hà nội ngày 26-8-1998

KTS, PTS HOÀNG PHÚC THẮNG

Uỷ viên hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ,

Uỷ viên đoàn Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Phó ban chỉ đạo bảo tồn cải tạo các di sản kiến trúc Hà Nội.

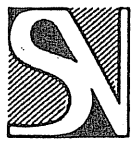

Suzie Vuong Gallery

Bán tranh originals và Limited Editions

207 N. Broadway, Suite # 6A,
Santa Ana, CA 92701

Tel: (714) 558-8218 Fax: (714) 444-1082
Pgr: (714) 967-7571 http://kicon.com/art/SuzieVuong

NHÀ THƠ BÙI GIÁNG QUA ĐỜI

Nhà thơ Bùi Giáng sinh năm Bính Dần (1926) tại Vĩnh Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam, đã tạ thế lúc 14 giờ ngày 7 tháng Mười 1998 (17 tháng Tám năm Mậu Dần) tại bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn, thọ 73 tuổi. Lễ an táng tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức, ngày 11 tháng 10, 1998.

Thi sĩ Bùi Giáng

Một vài nét về gia đình, theo Bùi Công Luân, em ruột nhà thơ:

Không rõ cơ duyên huyền diệu nào đưa đẩy, ba tôi đã gặp được hai bà "nội tướng" đều thuộc hai gia đình suốt bao đời "cần lao theo nếp, gia thanh giữ lề." Mẫu thân thứ nhất là con gái cụ Phạm Tuấn, một trong "Ngũ Phụng Tề Phi." Mẹ đầu chẳng may qua đời sớm, lúc hạ sanh người con thứ ba — một gái đầu và hai trai. Mẫu thân thứ nhì là cháu cụ Hoàng Diệu (ông nội của mẹ tôi, Hoàng Văn Bảng, là em ruột cụ Hoàng Diệu). Cũng một gái đầu lòng, thêm một cô út; có điều, khoảng giữa là một loạt... bảy "vị"! Anh Bùi Giáng là con trai đầu của mẫu thân sau, tức thứ năm trong gia đình — "Sáu Giáng," theo cách gọi của miền Nam.

(Trích từ bài Chị và Anh)

ANH GIÁNG

BÙI VĂN NAM SƠN

Anh Giáng là sao Văn Khúc "hạ giáng" vào cửa họ Bùi ta chăng? Là một Thi Quỷ hay Thi Tiên có một không hai trong nền văn Dân tộc? Là một bậc La Hán tự phát nguyện trở thành xác thịt để khóc cười an ủi chúng sinh? Khen hay chê, thích hay không, Anh vẫn thuộc vào loại thiên tài không định nghĩa được (génie indéfinissable) làm bằng một thứ nguyên liệu rất hiếm, là một giống chim lạ rất dễ tuyệt chủng mà Trời Đất — không nỡ làm đứt mạch văn, làm cạn nòi tình — lâu lâu lại cho phục sinh một lần. Thứ nguyên liệu ấy rất nhẹ đồng cân nên ít bám bụi, lung linh sương bóng (hốt hề hoảng hề), khó nắm bắt mà lại cũng rất kềnh càng "quá cỡ thợ mộc," nếu ta không chịu khó gắng sức lên một tí thì không đo lường được:

Hỏi tên, rằng biển xanh dâu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã xa;
Gọi tên, rằng một hai ba...
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm!
(Trích từ bài "Vài nét về Bùi Giáng")

BÊN LINH CỮU THI SĨ BÙI GIÁNG

Hai ngày 8 và 9 tháng Mười 1998, đông đảo văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hóa, bạn hữu và những người mến mộ đã đến viếng linh cữu thi sĩ Bùi Giáng quàn tại Nhà tang lễ chùa Vĩnh Nghiêm ở Sài Gòn.

Liễn thờ thi sĩ do Bùi tộc Vĩnh Trinh và gia đình soạn, ghi: LÔ HỎA THUẦN THANH *(Lửa lò xanh biếc)*, với câu:

Tái tửu thân du Hoan Hỷ địa
Thao bút thi thành Phương Ngoại thiên
(Quảy rượu thân chơi miền Hoan Hỷ
Múa bút thành thơ chốn Ngoại Thiên)

Bên linh cữu treo hai câu của các môn đệ khóc:

Mưa gió ngàn thu rớt hột về thăm dặm gái núi
Lá hoa mấy độ bãi cồn vương vấn trận mưa nguồn

Nhà thơ Tường Linh, người đồng hương, đã viết vào sổ tang:

Bùi huynh! Trung Phước đợi anh về
Đồi cũ mong người thuở giữ dê

Đến thời tụng kinh trưa ngày 9/10, người ta thấy có mặt nghệ sĩ Kim Cương, người mà trung niên thi sĩ Bùi Giáng chép tặng bài *Sầu ca sĩ* trong cuốn *Đường đi trong rừng*, và thường xuyên nhắc lại với hai tiếng "mẫu thân." Bên thềm chùa, gợi hỏi:

* *Thưa, trong những "ngày tháng ngao du" thi sĩ Bùi Giáng có gặp chị năm nào?*

Kim Cương: Trong một đám cưới của người bạn cách đây hơn 40 năm.

* *Từ đó đến nay, qua gặp gỡ, chị có thể vui lòng cho biết vài cảm nhận về dịch giả Cõi Người Ta?*

Kim Cương: Tôi may mắn được thi sĩ Bùi Giáng nhắc đến trong thơ và ngoài đường lang thang. Một khuya đã lâu lắm rồi, chừng hơn 25 năm trước, anh đập cửa nhà tôi và hét: "Mẫu thân, mở cửa!" Tôi hỏi anh Giáng ở đâu về mà bơ phờ vậy. Anh bảo ở nhà thương Biên Hòa, khi không có một Bồ Tát hiện tới bảo anh phải về Sài Gòn gấp để nhờ "mẫu thân" Kim Cương bảo lãnh mới "an toàn hiện sinh sinh hiện." Tôi nói không dám nhận mấy tiếng "mẫu thân." Về sau anh quát: "Đồ phàm phu tục tử như ái khanh một triệu năm sau chưa hiểu thấu tình yêu của trẫm!" Tôi chỉ cười và kính anh là tài hoa muôn một.

Ngày khác, anh Giáng đến mặc bộ đồ nhiều màu, vai deo lủng lẳng mấy lon sữa bò rỗng. Con tôi thấy vậy thiệt thà nói: "Trông bác Giáng cứ như một chiếc xe hoa dzậy." Tôi bảo không phải dzậy: "Bác Giáng là nhân tài đất nước, không lấy bề ngoài mà nói lung tung được." Cách đây bốn, năm tháng tôi có mua mấy bộ đồ đem đến nhà anh ở Gò Vấp. Rất cảm động, trong các đồ liệm theo anh có bộ đồ của tôi...

(Theo báo Người Việt)

BÙI NHƯ HẢI

XIN HÃY NGỦ YÊN

Kính viếng hương linh Thi sĩ Bùi Giáng

Xin hãy ngủ một giấc dài miên viễn!
Vì đời anh thao thức đã nhiều rồi!
Tôi đang thấy bóng hình anh hiển hiện
Trong lời thơ anh để lại cho đời!...

Hãy ngủ say giữa NGÀN THU RỚT HỘT,
Cuối MÙA HÈ SA MẠC lối hoang vu,
HOA NGÕ HẠNH nép sau KHUNG CỬA HẸP
Tiễn đưa anh vào NGÀY THÁNG NGAO DU!

Ai NGỘ NHẬN anh: NHÀ SƯ VƯỚNG LỤY
Anh mỉm cười đi giữa CÕI NGƯỜI TA
TRĂNG CHÂU THỔ, SƯƠNG BÌNH NGUYÊN: tri kỷ
Hạt MƯA NGUỒN giữa SA MẠC TRƯỜNG CA!...

Thuở thơ ấu anh là HOÀNG TỬ BÉ
Ngát MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC tuổi hoa niên
Nhưng lại sớm ôm NỖI LÒNG TÔ VŨ
Chấp nhận CON NGƯỜI PHẢN KHÁNG liên miên!

Ai đã từng xem TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI
Sao gọi là KHÔNG CÓ TRIẾT HỌC HEIDEGGER?
Câu hỏi đó một lần anh đặt lại,
Đủ cho ta suy gẫm suốt đêm dài...

Xin hãy ngủ yên trong HÒA ÂM ĐIỀN DÃ
Mặc ĐƯỜNG ĐI TRONG RỪNG, CHỚP BIỂN bao nhiêu
Theo thời gian, xác thân kia mục rã!
Mộ bia nầy rồi cũng sẽ RONG RÊU!...

California, ngày 08 tháng 10 năm 1998

BÙI GIÁNG VÀ NỖI LÒNG TÔ VŨ

PHẠM XUÂN ĐÀI

Tôi đọc bài thơ Nỗi Lòng Tô Vũ của Bùi Giáng lần đầu tiên vào thập niên 50, trên tờ Phổ Thông do ông Vũ Quốc Thúc chủ trương, xuất bản tại Hà Nội trước cuộc di cư năm 1954. Tuổi học sinh, đọc là tôi mê bài ấy ngay, nỗi mê gần giống như khi đọc Les Étoiles của Alphonse Daudet, có lẽ với nhiều cảm động hơn. Một bên là chàng chăn dê giữa rừng núi với tình yêu bầy dê của mình, một bên là chàng chăn cừu với mối tình chớm nở với cô con gái ông chủ. Tuổi thanh thiếu niên dễ "bắt" những rung động ấy lắm. Và tôi không ngờ "mối tình" của tôi với Nỗi Lòng Tô Vũ của Bùi Giáng lại dai dẳng đến thế, sau này tôi đã đọc nhiều thơ, văn của anh, đã quen biết anh, nhưng hình ảnh chàng chăn dê trên núi trong một buổi chiều "ước thệ" với những vòng đeo cổ dê và cổ chính mình vẫn ở mãi trong lòng tôi như một vùng trong sáng thuộc vào tuổi trẻ. Tuổi trẻ của tác giả, và sau đấy, của tôi.

Chúng ta hãy cùng đọc lại bài thơ:

NỖI LÒNG TÔ VŨ

Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú

Đồi tăm tắp chạy về ôm chân núi
San sát đồi phủ phục quấn núi xanh
Chiều xuống rồi tơ lòng rộn ràng rối
Trời núi đồi ngây ngất nhảy dê nhanh

Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Nhảy múa tung sườn núi vút giòng khe
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Vang vang lên đồi núi giọng be be

Những bận nào Trà Linh qua Đá Dừng
Hòn Dựng
Dùi Chiêng về Phường Rạnh ngược
Khe Rinh
Bao lần anh cùng chúng em lận đận
Bôn ba qua rú rậm luống rừng mình

Những bận nào Quế Sơn Rù Rì con suối ngược
Nước trôi nguồn nước lũ xuống phăng phăng
Những bận nào mịt mùng mưa gió ướt
Đẫm thân mình co rúm lạnh như băng

Em nhớ hay không? hồn hoa dại cỏ
Những ngậm ngùi đầu núi canh khuya
Vàng cao gót nai đầu truông hãi sợ
Gió cây rung trút lá mộng tan lìa

Nhưng từ nay Giáp Nam anh đóng trại
Cố định rồi - em khỏi ngại ngày đêm
Dưới nắng mưa tha phương du mục mãi
Cay đắng từng, bùi ngọt mặn mà thêm

Chiều hôm nay bên chó vàng chễm chện
Anh lặng nghe em bé hé bên sườn đồi
Khoanh mấy vòng tay anh thoăn thoắt bện
Vòng cho em từng chiếc sắp xong rồi

Chiều đã xuống em đà no nê chắc
Huýt tù và! em xúm xít lại anh đeo cho
Mỗi chúng em mỗi vòng mây mỗi sắc
Lại mau đây! to nhỏ cổ anh so

Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lắm
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đâu
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh
Này em Hoa Cà * hỡi! chiếc nâu

Ngẩng đầu lên! dê ơi anh thong thả
Đeo vòng vào em nghển cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên! đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên

Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lời ước thệ
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi **

Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc
Dành riêng mình - dê hỡi hiểu vì sao?

Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết
Gán đời mình trọn kiếp với Dê Sao

Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng
Tía Hoa Cà lổ đổ thấu lòng chưa?
Từ từ đưa chiếc vòng lên thủng thẳng
Anh từ từ đưa xuống cổ đong đưa

Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đồi núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha

Và giờ đây hoàng hôn mờ chĩu nặng
Bốn bề tràn lan bóng mịt mùng sa
Xếp hàng ngay nhanh lên hàng ngũ thẳng
Rập ràng về bế hế rập ràng ca

- * Dê Hoa Cà có lông lổ đổ tía hồng xem như hoa cà vậy. Đẹp vô cùng. Nhất là những buổi chiều, sắc lông óng ả dưới nắng vàng - xa xa hình bóng dê rực rỡ nổi bật trên triền núi xanh lơ. Dê Hoa Cà còn gọi là Dê Sao (vì lông lổ đổ sáng như sao).

** Ý nói cái lần đầu, thuở hai mươi tuổi, trao cái vòng ngọc cho vị hôn thê mà không cảm động bằng lần đầu đeo vòng cho dê vậy.

*

Một bài thơ cảm động mô tả việc chăn dê ở vùng đồi núi Quảng Nam và tình yêu bầy dê của tác giả, với các hình ảnh vô cùng nên thơ. Nhưng câu đề từ ở đầu bài: *Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt - Nam Ngãi Bình Phú* gây thắc mắc cho nhiều người, trong đó có tôi. Trong những dịp gặp Bùi Giáng trước năm 1975 và gần đây, đầu thập niên 90, tôi đều quên nhờ anh giải thích những điều rõ ràng là nói quá lên: về thời gian, không làm gì có chuyện Bùi Giáng đi chăn dê trong 15 năm, về không gian thì cả vùng núi đồi Nam Ngãi Bình Phú là quá lớn đối với địa bàn chăn dê thật của nhà thi sĩ. Bây giờ tôi đành tìm cách giải thích câu ấy một mình vậy.

Công việc chăn dê của Bùi Giáng chỉ có vào một thời gian ngắn tại núi đồi huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam, trong khoảng từ 1945 đến 1952 là năm anh "nhảy đồn" để về thành phố. Câu đề từ trên về thời gian và không gian đều được nới dài và rộng ra, để nhằm *gợi* một cái gì đấy nhiều hơn là để tường trình một giai đoạn của đời tác giả. "Mười lăm năm" có lẽ

được mượn từ đoạn đời trôi nổi của nàng Kiều, một khoảng thời gian trở thành chuẩn mực để chỉ nỗi trắc trở lênh đênh; trong giới văn học, "mười lăm năm lưu lạc" gần như thành một thành ngữ. Và miền núi đồi bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên gợi nên cái không gian Liên khu Năm trong thời kháng chiến chống Pháp mà Bùi Giáng đã đi lại nhiều lần. Thời gian ấy, không gian ấy sẽ hỗ trợ cho không khí và nỗi lòng của chàng Tô Vũ mới, và làm cho mối tình của chàng với bầy dê thấm đượm một màu sắc riêng. Mười lăm năm nói lên một nỗi truân chuyên, mượn số năm lưu lạc của nàng Kiều để chỉ một thời gian ngắn hơn nhiều của đời mình, Bùi Giáng có lẽ đã có tiên cảm về nỗi bất trắc lớn lao của dân tộc trong vòng vây không thoát được của chủ nghĩa cộng sản. Và núi rừng Nam Ngãi Bình Phú là một không gian đặc biệt của thời ấy, *lúc phá hết phố phường biệt ly đời gấm hoa*, đời sống cả một vùng giai đoạn đầu kháng chiến nhuốm đầy vẻ tươi sáng hào hùng dù rất kham khổ thô sơ, nhưng từ đầu thập niên 50 bắt đầu xuất hiện các vệt đen của đấu tranh giai cấp và việc ép buộc đổ vào một khuôn tất cả mọi sinh hoạt tinh thần, tư tưởng — cái khuôn mác xít.

Nỗi lòng Tô Vũ là nỗi lòng của kẻ lưu đày. Tô Vũ là một nhân vật bên Tàu thời Hán Vũ Đế, khi đi sứ sang Hung Nô đã bị nước này giữ lại, bắt đi chăn dê trong 19 năm, gọi là Tô Vũ Mục Dương. Bùi Giáng học ở kinh đô Huế, năm 1945 ở vào tuổi 19, đầu óc đang trong cơn khao khát rộng mở đến bao chân trời kiến thức, thì vì thời cuộc phải ngưng học đột ngột, về sống với xóm làng rừng núi quê nhà. Nhưng điều quan trọng là khi cuộc kháng chiến bùng nổ, vùng Nam Ngãi Bình Phú thành biệt lập với thế giới bên ngoài. Một đời sống hoàn toàn tự cấp tự túc, kể cả và nhất là về học thuật, văn hóa, tư tưởng. Thời ấy nền giáo dục của cả Khu Năm chỉ đến hết bậc trung học, muốn học đại học phải ra đến Khu Bốn mới có. Năm 1950 Bùi Giáng thử thời vận một lần với việc học vấn, lên đường đi dọc theo dãy Trường Sơn ra đến Hà Tĩnh để theo học đại học tại đấy. Nhưng ngay trong buổi khai giảng, sau khi nghe diễn văn của ông Viện trưởng thì Bùi Giáng quyết định bỏ về không học nữa. Bài diễn văn ấy có lẽ đã bắt đầu có dấu hiệu của sự nô dịch dân tộc bằng hệ ý thức mác xít. Bùi Giáng thất vọng. Các dự cảm đang biến thành sự thật. Sau đó ông chỉ còn một con đường là tự biến mình thành Tô Vũ. Đó là sự tự lưu đày trên quê hương, với ý thức rất rõ rằng tư tưởng của mình, đời sống trí tuệ của mình đang bắt đầu bị vây khổn. Cuộc đời chăn dê và hình ảnh bầy dê chỉ là lối thoát mặt nổi của riêng một người, trong một thời mà bao nhiêu dáng vẻ phong phú bay bổng của tinh thần đang dần dần phải đưa hết vào trong một cái rọ.

Rõ ràng *"đoạn đời 15 năm"* và *"núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú"* là lối nói thậm xưng để thành một loại mật ngôn, nhằm chuyển tải một tâm sự. Ngay cả việc chăn dê cũng chỉ là một cái cớ. Thời gian, không gian, công việc ấy chỉ là các khái niệm tượng trưng, nhờ đó gợi lên những tình ý mông lung hơn về một thời điểm, một nơi chốn và một tình trạng. Nội dung bài thơ chỉ thuần túy nói về việc chăn dê và cái tình của tác giả đối với bầy dê, với hình ảnh, ý tứ và ngôn từ đẹp, nên thơ, độc đáo. Duy chỉ tựa đề bài thơ và nhất là câu đề từ hơi lạ, khiến người đọc suy nghĩ, và tìm cách đưa ra một giải thích. Nhưng đó là một mấu chốt không thể không giải của bài thơ Nỗi Lòng Tô Vũ.●

BÙI GIÁNG

ĐI VÀO CÕI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỞNG

CUỐN HAI

"...Ông chọn cách nhận định thơ thật độc đáo, không theo một chọn lựa hệ thống nào cả mà nhiều khi đọc lên thật bàng hoàng. Với nhận xét tinh tế, độc sáng về một khía cạnh nào đó của một tác giả thơ nào đó..."

Tạp chí Thời Văn, *Sài Gòn*

"...Đi vào cõi thơ theo lối ngẫu nhiên tao nhộ, cơ duyên dun dủi... chẳng nên gò ép cưỡng cầu. Người viết sách này có dụng tâm không sắp đặt theo thứ tự loại thường thấy. Những bài thơ đến rồi đi. Lời 'nhận định' cũng đi rồi đến..."

Bùi Giáng - Thi Ca Tư Tưởng

AN TIÊM xuất bản

Nhà VĂN NGHỆ phát hành

HỒ XUÂN HƯƠNG "RÚT NHẦM TƠ DUYÊN..."

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

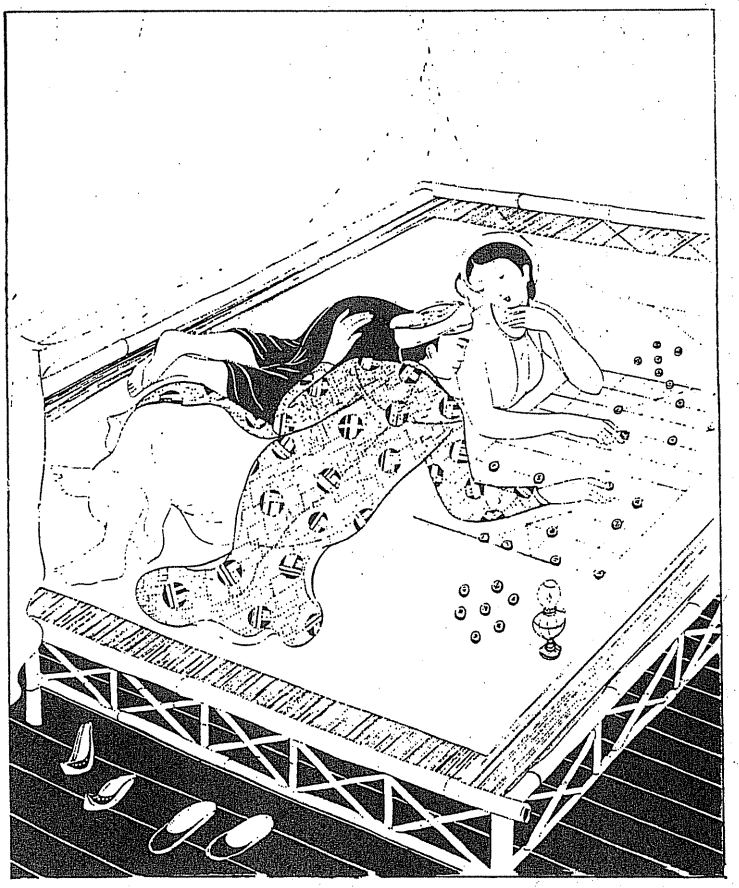

Người ta thường nói Xuân Hương vì tài cao nên trắc trở về đường tình duyên: lấy phải Tổng Cóc dốt nát, lấy ông phủ Vĩnh Tường xứng đôi hơn nhưng lại làm lẻ... song đấy là truyền thuyết. Mãi đến khi đọc "Long biên trúc chi từ" của Tùng Thiện Vương, làm khi theo vua Thiệu Trị ra Thăng Long tiếp sứ nhà Thanh sang phong vương (1842), ta mới có bằng chứng Xuân Hương quả đã vất vả về đường tình. Bài thơ gồm 14 đoạn, đoạn tám và chín vịnh cảnh hồ Tây có nhắc đến Xuân Hương. Thơ chữ Hán, đại ý nói:

Sen Tịnh đế nở đầy hồ,
Cô hầu gái hái hoa để cúng thần.
Đừng dẫm lên mộ Xuân Hương nhé,
Ở suối vàng nàng còn ôm hận nút nhầm tơ (duyên).

Phấn rụng, cành tàn, một gò đất,
Xuân Hương đi về, cỏ xanh xanh.
Cho đến giờ u hồn còn như say ngất,
Bao nhiêu gió thổi vẫn không tỉnh. (1)

Căn cứ vào mấy câu thơ trên, ta biết chắc chắn đến 1842 thì Xuân Hương đã mất và nàng quả đã "rút nhằm tơ duyên..."

Vấn đề rắc rối từ khi Trần Thanh Mại phát hiện ra tập *Lưu Hương Ký* (LHK) của Xuân Hương và bài "Tựa" *LHK* của Tốn Phong thị viết. Xuân Hương trong *LHK* cũng lận đận về đường tình, nhưng phong cách thơ *LHK* lại khác hẳn loại thơ truyền tụng (TTT) mà ai cũng biết. Từ đó (1963), các nhà nghiên cứu chia thành hai nhóm: một nhóm tin tác giả *LHK* cũng là tác giả TTT, nhóm kia còn phân vân.

Dưới đây, tôi xin lần lượt trình bày từng mối tình của tác giả TTT và của tác giả *LHK* trong hai phần riêng rẽ, dựa vào những tài liệu đã công bố trên sách báo.

I. Tình duyên của tác giả Thơ Truyền Tụng (thơ chữ Nôm)

Số phận hẩm hiu, Xuân Hương đã có ít nhất hai đời chồng là Tổng Cóc và ông phủ Vĩnh Tường, và ít ra cũng đã một lần làm lẽ, còn Chiêu Hổ tuy đôi khi tỏ ra suồng sã nhưng chỉ là bạn xướng họa.

A. Tổng Cóc

1. Không ai biết tên tuổi, gốc tích của Tổng Cóc. Có người cho Xuân Hương lấy lẽ ông phủ Vĩnh Tường trước, góa chồng rồi mới lấy Tổng Cóc, tức là lấy xuống. Nhưng cũng có người, như Nguyễn Hữu Tiến, trong *Giai Nhân di mặc* , cho là lúc trẻ Xuân Hương bị mẹ và cường hào ép uổng phải lấy Tổng Cóc trước. Tổng Cóc đã dốt nát lại có tính ăn chơi bạt mạng, sau một lần đánh bạc thua nhẵn túi, gia sản khánh kiệt, nên tiếc của mà chết. Xuân Hương bèn làm bài thơ "Khóc Tổng Cóc," lời lẽ diễu cợt bởi đối với ông chồng không xứng này Xuân Hương không có cảm tình.

2.- Khoảng 1989, ông Nguyễn Hữu Nhàn viết bài "Phóng sự điền dã" (tài liệu do cụ Dương Văn Thâm cung cấp) cho biết Tổng Cóc là người Tứ Xã, tên thật là Kình, tự là Nguyễn Công Hòa, Cóc là tên gọi lúc còn bé để ma quỷ khỏi quấy nhiễu. Tên "Cóc" sở dĩ nhiều người biết là vì bài thơ của Xuân Hương. Tổng Cóc làm đến chức Phó Tổng, vốn dòng dõi Nguyễn Quang Thành (đỗ Tiến Sĩ năm 1680), là một nho sinh từng xướng họa với Xuân Hương chứ không phải dốt như người ta vẫn lầm tưởng. Thí dụ:

Xuân Hương ra vế: *Tối ba mươi khép cánh càn khôn, kẻo nữa ma vương đưa quỷ tới.*

Tổng Cóc đối: *Sáng mồng một mở then tạo hóa, để cho thiếu nữ rước xuân vào.*

Tổng Cóc có tính ăn chơi, lấy Xuân Hương cũng hoang phí lại thêm nghệ sĩ tính. Chẳng bao lâu cửa nhà sa sút, vợ cả ghen, Tổng Cóc bỏ đi biệt sau khi để lại một lá thư từ giã Xuân Hương lúc ấy đã có thai ba tháng. Xuân Hương sau cũng bỏ nhà ra đi, sinh hạ một con gái nhưng không nuôi được, rồi lấy lẽ ông phủ Vĩnh Tường. Tổng Cóc có tìm đến nhưng không dám giáp mặt, Xuân Hương làm bài "Khóc Tổng Cóc" gửi chồng cũ, thực sự là khóc cho mối tình của mình chứ không phải khóc một người chồng đã chết, vì như thế là Xuân Hương có ác ý, không nhân hậu.

Những chứng tích được nêu ra là:

- Căn nhà của Tổng Cóc đã cưới Xuân Hương hiện là nhà ông Kiều Phú, xã Sơn Dương (xã này cũng như Tứ Xã đều thuộc huyện Phong Châu, Vĩnh Phú). Vách bằng ván gỗ mít, còn lờ mờ vết chữ của Xuân Hương.

- Trên bàn thờ gia tiên của ông Bùi Văn Thắng, xã Tứ Mỹ, còn đôi bình tiện bằng gỗ mít, bị cưa chỗ loe miệng, một thời rẻ rúng bỏ lăn lóc. Trên mỗi bình có hai câu thơ chữ Hán chính tay Xuân Hương viết:

Thảo lai băng ngọc kính (= nói đến tấm gương bằng ngọc)

Xuân tận hóa công hương (= hóa công cũng chịu lúc tàn xuân)

Độc bằng đan quế thượng (= chỉ bằng lúc vin cành quế đỏ)

Hào phóng bích hoa hương (= tha hồ hoa biếc tỏa hương thơm)

- Nhà thờ tổ dòng họ Tổng Cóc nay là nhà ông Nguyễn Bình Lưu. Cụ Dương Văn Thâm còn nhớ câu đối treo cột...

Dương Văn Thâm, người Tứ Xã, là một nhà nghiên cứu văn học dân gian, những tài liệu về Tổng Cóc dựa vào ca dao, "chứng tích," và gia phả, song gia phả đã mất từ những năm năm mươi, chỉ còn bằng vào bài báo của Lê Trí Viễn, "viết hai mươi năm trước" (?) tựa đề: "Tổng Cóc không phải là một trọc phú mà là một nho sĩ từng có phen lều chiếu." (2)

B. Ông Phủ Vĩnh Tường

1. Sau khi góa Tổng Cóc, Xuân Hương mở

quán làm kế sinh nhai. Nhiều khách hâm mộ văn tài tìm đến xin xướng họa, trong số có một ông giải nguyên (đỗ thủ khoa thi Hương), Xuân Hương ra đề: "Thạch liên thiên" (thơ vịnh đá liền với trời) ông giải nguyên cắn bút nghĩ mãi chỉ ra được bốn chữ" Thiên thạch như lai," Xuân Hương cho người ra bảo: "Nếu không làm được thì xin đi về đi thôi, ngồi ngậm bút mãi làm gì?" Ông giải nguyên uất quá ngất đi, Xuân Hương thương hại nối cho thành hai câu thơ đầu:

Thiên thạch như lai bản thượng huyền (= trời với đất xưa nay rất huyền bí)

Nhất triều vân vũ thạch liên thiên (= nhưng gặp trận mưa thì đá liền với trời)

Ông giải nguyên nhân đấy viết nốt được hai câu sau:

Bổ thiên thạch hữu kỳ công tại (= đá có kỳ công đã vá trời)

Thiên thạch tương liên tự cổ truyền (= như vậy từ xưa đá với trời dính liền với nhau).

được Xuân Hương khen hay. Sau nhiều lần qua lại, Xuân Hương trở nên vợ lẽ ông giải nguyên (sau này là ông phủ Vĩnh Tường, song lai lịch thì không ai biết) (3).

2. *Bài "Khóc ông phủ Vĩnh Tường" là ngụy tác*

Trong "Quốc sử di biên," Phan Thúc Trực (1808 - 52) có viết về một ông Tham hiệp trấn Yên Quảng bị án tử hình về tội tham nhũng, khoảng 1818/9, và nhắc đến người tiểu thiếp của ông này:

"Kỳ tiểu thiếp Xuân Hương, năng văn, chính sự. Thời xưng tài nữ" (4).

Năm 1973, ông Lê Xuân Giáo dịch là: Người tiểu thiếp của quan Tham hiệp lúc ấy tên là Xuân Hương vốn hay văn chương và chánh sự, nên được người đương thời khen ngợi là "nữ tài tử." Phần chú thích: "Xuân Hương đây tức là Hồ Xuân Hương lừng danh thời Lê mạt, Nguyễn sơ mà ai cũng biết" và nhận xét rằng nữ sĩ có tới ba đời chồng chứ không phải hai: Tổng Cóc, rồi đến ông phủ Vĩnh Tường, cuối cùng là quan Tham hiệp Yên Quảng. Không rõ căn cứ vào đâu Lê Xuân Giáo khẳng định "lấy độ một năm thì quan Tham hiệp bị án tử hình?" (5)

Năm 1983, ông Hoàng Xuân Hãn cũng cả quyết: "Chúng ta có thể tin chắc tài nữ này chính là tài nữ Xuân Hương mà ta từng quen biết" (6).

Thực sự thì Phan Thúc Trực chỉ viết tên người tiểu thiếp là Xuân Hương, chính hai ông Lê Xuân Giáo và Hoàng Xuân Hãn đã suy diễn và thêm họ Hồ vào.

Tuy nhiên, ông Hoàng Xuân Hãn còn căn cứ vào sáu bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương, tìm thấy trong *Đại Nam Dư địa chí ước biên,* mục Quảng Yên, tựa đề "Chu Thứ Hoa Phong tức cảnh bát thủ" (Đậu thuyền ở Hoa Phong tức cảnh làm tám bài) vịnh cảnh vịnh Hạ Long." Trong số sáu bài còn lại thì bài cuối bị loại vì không ăn nhập với vịnh Hạ Long. Theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn thì đời Gia Long, Yên Quảng (sau gọi là Quảng Yên) chia làm ba huyện mà huyện Hoa Phong gồm các đảo trên Vịnh Hạ Long, và những bài thơ vịnh cảnh Hạ Long là bằng chứng nữ sĩ đúng là người tiểu thiếp của quan Tham hiệp Yên Quảng. Giáo sư còn cho biết ông Tham hiệp ấy tên là Trần Phúc Hiển, tuy không rõ đỗ gì, nhưng năm 1813 từ tri phủ Tam đái được thăng lên Tham hiệp Yên Quảng, và phủ Tam Đái đến 1822 thì đổi tên thành phủ Vĩnh Tường. Do đó:

- Xuân Hương không thể khóc Trần Phúc Hiển, chết năm 1819 với cái tên "ông phủ Vĩnh Tường" bởi lúc ấy phủ Vĩnh Tường còn mang tên cũ là phủ Tam Đái.

- Trần Phúc Hiển khi chết giữ chức Tham Hiệp, không có lý do gì để Xuân Hương khóc chồng với cái tên "ông phủ Vĩnh Tường" là chức cũ, thấp kém so với Tham hiệp;

- Nếu quả Xuân Hương sinh khoảng 1772, như ông Hoàng Xuân Hãn đoán, thì đến 1819 nữ sĩ đã gần 50 tuổi, khó lòng tái giá với một ông phủ Vĩnh Tường nào khác.

Giáo sư kết luận: bài "Khóc ông phủ Vĩnh Tường" là ngụy tác (7).

Tuy nhiên, văn phong thơ vịnh cảnh Hạ Long (toàn chữ Hán) giống *LHK* chứ không giống TTT.

3. *Ông phủ Vĩnh Tường là Phạm Viết Đại?*

Trong *Tạp Chí Văn Học* số 3, 1974, Phương Tri cho biết Trần Tường đã tìm ra ông phủ Vĩnh Tường tên là Phạm Viết Đại, dựa vào *Trà Lũ xã chí,* gia phả và trí nhớ các cụ già làng Trà Lũ. Phạm Viết Đại sinh năm 1802, đỗ Cử nhân năm 1842, năm 1862 làm Đồng tri phủ Vĩnh Tường, đến tháng 4, 1862 thì mất có phần oan khiên. Các cụ già trong làng còn nhớ những giai thoại và thơ xướng họa giữa Phạm Viết Đại với người vợ kế tên Xuân Hương, một số thơ đã được Nguyễn Hữu Tiến nhận đúng là của nữ sĩ họ Hồ tuy có sai ít nhiều. Trần Tường còn thấy nhiều bài thơ vịnh cảnh

của Xuân Hương trùng hợp với những nơi mà Phạm Viết Đại đã làm quan: Ninh Bình (hai bài) Thanh Hóa (ba bài), Sơn Tây (ba bài) (8).

Thuyết này có những chỗ chưa ổn:

- gia phả nay đã mất, chỉ còn tựa vào *Giai nhân di mặc* của Nguyễn Hữu Tiến làm bằng.

- theo *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục thì Phạm Viết Đại chỉ đỗ thứ 16 trên 20 chứ không đỗ Thủ khoa.

- Phạm Viết Đại chết năm 1862, Xuân Hương chết sau chồng cuối vài năm (9) tức là khoảng 1864/5, trong khi Tùng Thiện Vương đã thấy mộ Xuân Hương từ năm 1842.

Tuy nhiên, trong "Xuân Đường đàm thoại," Tam nguyên Trần Bích San lại nói Xuân Hương chết năm 1869. Ông Đào Thái Tôn tỏ ý nghi "Xuân Đường đàm thoại" chỉ là loại "văn chơi," thiếu độ tin cậy cao: "không có giả thiết nào đứng vững nếu tin vào Xuân Đường đàm thoại." Thế nhưng năm mất của Xuân Hương trong "Xuân Đường đàm thoại" lại gần với năm mất của Xuân Hương, vợ kế của Phạm Viết Đại (1862+2 =1864), hơn là với Xuân Hương trong thơ của Tùng Thiện Vương, và còn phù hợp cả với Xuân Hương sinh năm 1814 của Ngô Giáp Dậu (10) vì đến 1869, Xuân Hương này 55 tuổi, đúng là một người đã đứng tuổi như giọng thơ truyền tụng cho thấy.

Đành rằng độ tin cậy những tài liệu này không thể bì với Tùng Thiện Vương, nhưng sự trùng hợp ngẫu nhiên khiến ta chẳng thể không lưu tâm.

C. Chiêu Hổ

Cho tới nay vẫn chưa ai tìm ra gốc tích của Chiêu Hổ

1. *Chiêu Hổ là quan huyện?*

Theo GS Hoàng Xuân Hãn thì khoảng 1892/3, A.Landes, Đốc lý Hà Nội, đã thuê người chép thơ Nôm, trong đó có thơ Hồ Xuân Hương. Theo bản này thì trước cửa nhà Xuân Hương có đề "Cổ Nguyệt Hồ," quan huyện đi qua bèn vịnh:

Nhà Cổ hãy còn đeo đẳng Nguyệt
Buồng Xuân chi để lạnh lùng Hương (11)

Phải chăng vì thế mà có thuyết nói Chiêu Hổ làm quan huyện? Khi Chiêu Hổ thi đỗ được bổ chức huyện quan, Xuân Hương trêu ghẹo:

Mặc áo Giáp, giải cài chữ Đinh, Mậu, Kỷ, Canh khoe mình rằng Quý.

Chiêu Hổ đối lại:

Làm đĩ Càn, tai đeo hạt Khảm, Tốn, Ly, Đoài khéo nói rằng Khôn.

Thế nhưng, vẫn theo bản của Landes thì Xuân Hương cùng quan huyện đi ngoạn cảnh Đèo Ba Dội hai người cầm tay nhau mà leo lên. Xuân Hương xướng:

Trèo một đèo lại một đèo...
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo.

Quan huyện họa:

Đã khỏi Đèo Ông lại một đèo,
Nhác coi phong cảnh ngán trăm chiều...

Ông Hoàng Xuân Hãn lại đặt câu hỏi phải chăng quan huyện đây là Phạm Viết Đại? (12)

2. Chiêu Hổ là Phạm Đình Hổ (1768 - 1839)?

Một số người (Văn Tân, Trần Thanh Mại...) đoán Chiêu Hổ chính là Phạm Đình Hổ. Nguyễn Triệu Luật còn viết rằng Chiêu Hổ, tức Phạm Đình Hổ, cùng với Nguyễn Án (đồng tác giả Tang Thương ngẫu lục với Chiêu Hổ) và Xuân Hương được người đương thời gọi là "Tam tài tử" (13).

Thực ra, Chiêu Hổ không thể là Phạm Đình Hổ vì nhiều lý do:

- Phong cách hai người khác nhau rất xa. Chiêu Hổ tính tình phóng túng, tai quái, ưa bỡn cợt và khi xướng họa với Xuân Hương thường dùng Nôm. Phạm Đình Hổ tính tình nghiêm cẩn đến câu nệ, lại có ý khinh chữ Nôm. Trong "Tự thuật" ông viết: "Có người đem những sách truyện Nôm và những trò thanh sắc, nghề cờ bạc rủ rê chơi đùa thì ta bịt tai lại không muốn nghe. Ta đã học vỡ được ít kinh sở, thế mà chữ Nôm ta không biết hết." (14)

Trong khi Chiêu Hổ trêu chọc người thì Phạm Đình Hổ lại bị người trêu cợt: Năm 1830 ông đang làm Tế tửu Quốc tử giám đã xin từ chức viện cớ: "Học thức thô thiển, bị bạn đồng nghiệp trêu chọc." (15)

- Phạm Đình Hổ chỉ đỗ Sinh đồ (Tú tài), tuy đặc cách được vời ra làm quan nhưng không làm quan huyện mà là làm ở Viện Hàn Lâm và ở Quốc Tử Giám.

- Chữ "chiêu" trỏ vào con quan Tiến sĩ, được học ở Chiêu Văn quán. Cha Phạm Đình Hổ chỉ đỗ Hương cống (Cử nhân) nên Phạm Đình Hổ không thể dự vào hàng các cậu "chiêu" được. (16)

II - Tình duyên của tác giả Lưu Hương Ký (thơ trong LHK vừa Hán vừa Nôm)

Trong *LHK* ta thấy Xuân Hương có khá nhiều bạn tình, bạn thơ, nào Nguyễn Hầu,

Trần Hầu, nào Tốn Phong Thị, Mai Sơn Phủ, Thạch Đình, Cử Đình, Thanh Liên, Chí Hiên...

Tuy vậy tác giả hay trách bạn tình:

Tơ tóc lời kia còn nửa hết
Chớ thói lưng vơi cỡ nước Đằng (17)
(Bạch Đằng Giang tạm biệt)

và thường than vãn:

... tủi phận long đong
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong
(Cảm cựu kiêm trình Cần chánh học sĩ Nguyễn Hầu)

Chắc vì thế mà Trần Thanh Mại nhận xét: "*LHK* là tiếng kêu thất vọng để có một tình yêu thành thực, thủy chung." (18) Song trong khi chính mình không chung thủy (có cả đống bạn tình) làm sao có thể trách người chẳng thủy chung được? Ta thử đi sâu vào những mối tình của Hồ Xuân Hương.

A. Nguyễn Hầu là Nguyễn Du (1765 - 1820)?

Trong *LHK* có bài "Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh học sĩ Nguyễn Hầu, Hầu Nghi Xuân, Tiên Điền nhân" (Nhớ bạn cũ, viết gửi Cần Chánh học sĩ Nguyễn Hầu, Hầu người ở Nghi Xuân, Tiên Điền) khiến ta nghĩ ngay đến Nguyễn Du bởi Nguyễn Du quê ở Nghi Xuân, Tiên Điền, năm 1805 được phong Du đức hầu, đến năm 1813 thăng Cần Chánh học sĩ sung Chánh sứ sang tuế cống nhà Thanh. Khó lòng cùng trong khoảng thời gian này có một người họ Nguyễn thứ hai ở Tiên Điền cũng giữ chức Cần Chánh học sĩ được.

Bài này tất được viết sau khi Nguyễn Du được phong Cần Chánh học sĩ (tháng Giêng 1813) và trước khi Tốn Phong hoàn tất bài Tựa (tháng hai, 1814).

1. Tình của Xuân Hương đối với Nguyễn Du

- Câu 1 & 2:

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Cậy ai tới đấy gửi cho cùng.

Hai câu này cho ta có cảm tưởng trên đường đi sứ, qua Thăng Long, Nguyễn Du có gặp lại Xuân Hương và bài thơ được sáng tác ngay sau khi đôi bên chia tay nên Xuân Hương mới có "muôn nghìn nỗi" vì tâm thần vừa bị khích thích, bồi hồi. Nếu bình tĩnh ngồi nhớ lại mối tình chia cách từ khi Nguyễn Du vào kinh làm quan (1805) tức là đã gần một chục năm, tình đã lắng xuống, nhạt phai, làm sao có "muôn nghìn nỗi nhớ" được? Còn "dặm khách" trỏ vào chuyện Nguyễn Du đang trên đường đi sứ.

- Câu 3 - 4:

Mối tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.

Xuân Hương cho biết hai người dan díu với nhau đủ "ba năm vẹn," vậy ta thử tìm xem họ yêu nhau vào thời điểm nào?

a. *1781 - 4?:* Nguyễn Du tuy sinh ở Thăng Long, nhưng năm mười tuổi mồ côi cha, đến ở với anh là Nguyễn Khản được vài năm thì về học. Năm 1781, Nguyễn Du ra Thăng Long thi, đỗ Tam trường rồi ở lại Thăng Long cho đến khi kiêu binh phá nhà Nguyễn Khản (1784), Nguyễn Du trốn lên Thái Nguyên với cha nuôi họ Hà, giữ chức Chánh thủ hiệu (một chức quan võ nhỏ) ở đó.

Ông Hoàng Xuân Hãn đoán Xuân Hương sinh năm 1772, đến 1781 mới có 9 tuổi thì dù Nguyễn Du có ở Thăng Long đủ ba năm hai người cũng không có thể bắt tình với nhau.

Hơn nữa, theo Hồ Trọng Chuyên, năm 13 tuổi Xuân Hương còn ở quê nhà xướng họa với Dương Tri Tạn, rồi sớm dời quê theo cha ra Bắc. Cứ cho là Xuân Hương dời quê năm 13 thì phải là năm: 1772 + 13= *1785,* lúc ấy Nguyễn Du không còn ở Thăng Long mà đang ở Thái Nguyên.

b. Ông Hoàng Xuân Hãn đưa ra hai thời điểm khác: *1790 - 3 và 1792 - 5* (20) song lúc ấy Tây Sơn đã ra Bắc và Nguyễn Du chống quân Tây Sơn, về ở nhà người anh vợ Đoàn Nguyễn Tuấn ở Quỳnh Hải, Thái Bình, trong mười năm, *từ 1786 đến 1796* khi Nguyễn Du vào Nam, định theo Nguyễn Ánh, nhưng giữa đường bị quân Tây Sơn bắt giam ba tháng mới được thả ra. Trong thời gian mười năm này. Nguyễn Du thường than trong thơ là bệnh hoạn, nghèo túng có khi mấy ngày bếp không nhóm lửa, vợ con nheo nhóc... Tuy có hai lần ra Thăng Long: Năm 1793 để thăm anh là Nguyễn Nễ, trọ gần Giám Hồ (không phải ở nhà Nguyễn Nễ, gần Giám Hồ) và năm 1794, để tiễn Đoàn Nguyễn Tuấn vào kinh làm quan. Có thể Nguyễn Du còn có những lần khác ra Thăng Long mà ta không biết, song với tình cảnh nghèo túng, bệnh hoạn lại ôm hoài bão khôi phục nhà Lê, khó có thể tin Nguyễn Du tìm cách ra Thăng Long để dan díu với Xuân Hương. Dù có chăng nữa thì cũng chỉ là những cuộc gặp gỡ rồi lại bị gián đoạn, khó có thể hợp với câu "ba năm vẹn."

c. *1802 - 5?:* Thời điểm này cũng không thích hợp nốt bởi mùa hè năm 1802 Nguyễn Du mới theo Gia Long ra Thăng Long mà đến đầu mùa xuân 1805 đã vào kinh làm quan, tính ra chỉ có hai năm rưỡi, không đủ "ba năm vẹn."

- Câu 5 & 6:

Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,
Phấn son càng tủi phận long đong.

"Mừng *duyên* tấp nập" trỏ vào chuyện Nguyễn Du được thăng lên chức Cần Chánh học sĩ? tôi thấy không thích hợp; trỏ vào chuyện Nguyễn Du cưới vợ hợp lý hơn bởi câu sau Xuân Hương phàn nàn cho số phận "long đong" của mình.

- Câu 7 & 8:

Biết còn mảy chút sương siu mấy, (21)
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Hai câu này nối ý hai câu trên: Xuân Hương bị lẻ bóng, đơn chiếc.

2. *Tình cảm của Nguyễn Du đối với Xuân Hương*

a. Mối tình kéo dài "ba năm vẹn" thế mà trong *LHK* không có lấy một bài thơ xướng họa của Nguyễn Du, kể cũng lạ đối với cặp tài tử hay thơ như Nguyễn Du và Xuân Hương.

b. Năm 1813, Nguyễn Du trên đường đi sứ, đã gặp lại Xuân Hương ở Thăng Long, thế nhưng cũng không có bài thơ nào nói đến Xuân Hương; suốt dọc đường Nguyễn Du chỉ nghĩ đến cô Cầm, viết bài "Long thành Cầm giả ca" nổi tiếng, nhưng tuyệt nhiên không có lấy một nửa "nỗi nhớ nhung" Xuân Hương! Nếu bảo là Nguyễn Du đang làm quan to nên sợ "quan trên trông xuống, người ta trông vào" thì tại sao trong "ba năm vẹn," khi chưa làm quan to cũng không có bài nào? Không có trong *LHK* mà cũng không có trong văn thơ Nguyễn Du để lại?

c. *Mộng đắc thái liên* (Mộng thấy hái sen)

Ông Hoàng Xuân Hãn đoán rằng khi Nguyễn Du vào làm quan ở kinh và ở Quảng Bình đã làm bài thơ này vì nghĩ đến Xuân Hương. Bài thơ có rất ít chi tiết về người thiếu nữ hái sen nên tôi chọn bản dịch của Ngô Ngọc Linh, giữ đầy đủ ý trong nguyên tác hơn là bản dịch của Lê Thước và Phạm Khắc Khoan mà ông Hoàng Xuân Hãn chép. (22)

Mộng thấy hái sen

Buộc chặt quần cánh bướm,
Hái sen, chèo thuyền con.
Nước hồ sao lai láng,
Trong nước có bóng người.

Hái, hái sen hồ Tây,
Hoa và gương đều để trên thuyền.

Hoa để tặng người mình trọng,
Gương để tặng người mình thương.

Sáng nay đi hái sen,
Nên mới hẹn với cô láng giềng xóm đông.
Chẳng biết đến lúc nào không biết,
Cách khóm hoa nghe cười nói.

Mọi người đều biết yêu thích hoa sen,
Nhưng ai là kẻ yêu thân cây sen?
Trong thân cây sen có những sợi tơ,
Vấn vương không thể dứt được.

Lá sen sao xanh xanh,
Hoa sen đẹp đầy đặn.
Hái sen chớ làm hỏng ngó,
Sang năm sen không sinh lại được.

Những chi tiết giúp người đọc hiểu biết về người thiếu nữ hái sen là cô ta mặc quần cánh bướm và là "láng giềng xóm đông" của Nguyễn Du, song chẳng ai biết Xuân Hương có mặc "quần cánh bướm" hay không, và hai người có là "láng giềng" bao giờ không?

Nếu Xuân Hương ở phường Khán Xuân gần Hồ Tây mà lại là "cô láng giềng xóm đông" của Nguyễn Du thì Nguyễn Du tất phải ở phía tây của Khán Xuân. Song người ta chỉ nói thuở nhỏ Nguyễn Du ở nhà cha và anh, tại phường Bích Câu, tức là phía nam Thăng Long, và năm 1793 Nguyễn Du ra thăm Nguyễn Nễ, trọ ở gần Giám Hồ thì cũng lại là phía nam Thăng Long nốt. Đã không biết đích xác địa chỉ của hai người làm sao xác quyết được hai người là láng giềng với nhau? Hơn nữa Nguyễn Du chỉ nói đi hái sen ở Hồ Tây chứ không nói hái sen với người sống gần Hồ Tây. Chúng ta chẳng có bằng chứng nào tỏ ra người thiếu nữ hái sen chính là Xuân Hương cả.

Chúng ta cũng chưa có bằng chứng nào minh định là Nguyễn Du đã có một thời yêu Xuân Hương, bài "Cảm cựu...." chỉ minh chứng mối tình của Xuân Hương đối với Nguyễn Du mà thôi. Tuy "hoa rơi hữu ý" nhưng có khi "nước chảy lại vô tình," và kết quả là: "giấc mộng rồi ra nửa khắc không."

B. Trần Hầu

1. *Tình của Xuân Hương đối với Trần Hầu*

Nữ sĩ cho biết hai người là đồng quận, vì hâm mộ tiếng nhau mà đem lòng quyến luyến:

Bấy lâu ngưỡng mộ tiếng văn chương, nay mừng được gặp mặt

... Chén tình vừa nhấp đã nồng nàn, đôn hậu.

Thanh khí của châu ta còn được ưa chuộng

Tài tình của chúng ta là chung đúc nơi đây. (23)

Tuy quyến luyến nhưng chưa tiện ngỏ ý:

Thân bèo nước gặp nhau nâng chén rượu dưới trăng,

Tấc lòng son sắt thực khó nói.

Gọi đàn, vì có ý mà gẩy khúc Cầu Hoàng,

... Sau phút li biệt, còn lưu luyến biết bao tình (24).

và:

Trăm năm gặp gỡ là bao nả

Thắc mắc sầu riêng khó giở ra. (25)

Dẫu Xuân Hương có tình ý, đôi bên vẫn chưa gắn bó.

2. *Tình của Trần Hầu:*

Họ Trần xác nhận vì hâm mộ mà tìm đến gặp nàng:

Giữa chốn Long thành được nghe nói đến nàng... (26)

Nhận mình là người cùng quê với Xuân Hương:

Phương chi lại là người đồng quận (27)

và mình đã đứng tuổi:

Thương ta bất tài, mái tóc luống bạc... (28)

Còn về giao tình giữa hai người thì:

Chưa gặp mà lòng đã mến trước

Há phải đến lúc họa thơ với nhau mới có tình cảm mặn nồng? (29)

Tình cảm mà đã "mặn nồng" từ trước khi gặp mặt thì không phải là tình yêu mà là tình mến mộ văn tài của Xuân Hương, huống chi Trần còn thêm:

Mừng cho nàng có phận gửi thân nơi quyền quí

... Chỉ mong cái tình của chúng ta gặp nhau trong mộng. (30)

Hai câu này cho ta có cảm tưởng Xuân Hương đã kết duyên với người khác và mối tình của hai người chỉ là "mộng," chẳng khác gì mối tình giữa Xuân Hương và Nguyễn Du.

3. *Trần Hầu là ai*

Trong *LHK* từ đầu chí cuối Xuân Hương chỉ xướng họa với một Hiệp trấn Sơn Nam *Thượng* Trần Hầu, nhưng trong *Tục Hoàng Việt thi tuyển* của Nguyễn Đình Hồ, có hai bài thơ chữ Hán của Xuân Hương:

- "Đang quét sân vừa đi vừa than để trả lời (bài này sau Trần Thanh Mại phát giác ra của một thi sĩ Trung Hoa).

- Bài "Bình thủy tương phùng nguyệt hạ tôn" của Xuân Hương họa Hiệp Trấn Sơn Nam *Hạ* Trần Hầu. Bài này trong *LHK* chép

là của Xuân Hương *xướng* với Hiệp Trấn Sơn Nam *Thượng*.

Vì vậy ông Hoàng Xuân Hãn tin là có tới hai ông Hiệp trấn họ Trần, một ở Sơn Nam Thượng và một ở Sơn Nam Hạ.

a. *Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng là Trần Ngọc Quán?* Theo ông Hoàng Xuân Hãn thì đời Gia Long chỉ có một Hiệp trấn họ Trần là Trần Ngọc Quán, năm 1813 làm cai bạ Quảng Đức (Thừa Thiên) đến 1815 được bổ Hiệp trấn Sơn Nam Thượng (31).

Dứt khoát ta phải loại bỏ Trần Ngọc Quán vì lẽ bài Tựa *LHK* viết xong từ tháng 2, 1814 mà đến 1815 Trần Ngọc Quán mới được bổ chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng.

b. *Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ là Trần Quang Tĩnh?* Vẫn dựa vào *Đại Nam Thực Lục chính biên,* ông Hãn viết Trần Quang Tĩnh quê ở Gia Định, năm 1807 được thăng từ Cai bạ lên Hiệp trấn Sơn Nam Hạ. (32).

Lần này thời điểm phù hợp hơn nhưng lại không ổn về địa điểm: Trần Hầu trong *LHK* là Hiệp Trấn Sơn Nam *Thượng* chứ không phải Sơn Nam *Hạ*. Hiệp trấn Sơn Nam Hạ là chép theo *Tục Hoàng Việt thi tuyển,* song độ tin cậy của *Tục Hoàng Việt thi tuyển* không lấy gì làm cao, trong hai bài thơ ghi là của Xuân Hương thì một bài đã vơ nhầm của một thi sĩ Trung Hoa, bài thứ nhì cũng có thể lại chép nhầm nữa.

Cứ cho là *Tục Hoàng Việt*... chép đúng thì đúng lý ra phải sửa lại tất cả những bài thơ xướng họa với họ Trần trong *LHK* không có lý do gì lại tách riêng bài "Bình thủy tương phùng..." cho là với ông Hiệp trấn Sơn Nam Hạ, còn những bài khác vẫn với ông Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng. Mặt khác, ta biết Trần Hầu là người đồng quận với Xuân Hương còn Trần Quang Tĩnh thì quê ở Gia Định.

Ông Đào Thái Tôn cũng chép bài "Bình thủy tương phùng" là của Hiệp trấn Sơn Nam *Thượng* song phần chú giải thì lại chép theo ông Hoàng Xuân Hãn về một Hiệp trấn Sơn Nam *Hạ,* thành ra không ăn nhập với nhau. Phải chăng ông Đào thấy *LHK* "đáng tin cậy" hơn, nhưng đồng thời cũng "muốn tin" học giả Hoàng Xuân Hãn? (33)

C. **Tốn Phong Thị** (cũng quê ở Châu Hoan như nữ sĩ, ông Hãn *đoán* họ Phan vì cô em họ là Phan Mĩ Anh)

1. *Tình ý của Xuân Hương*

Mối tình của Xuân Hương đối với Tốn Phong xem ra gắn bó hơn so với hai người trước vì Xuân Hương nhắc tới "giải ước nguyền" trong bài "Tốn Phong thị nằm mộng, ghi lại mang ra cho xem, nhân đó ghi thuật bằng thơ":

... Chén tình dấu nhẫn lâu mà nhạt,
Giải ước nguyền âu thẳm chẳng phai.

và trong bài "Họa Tốn Phong nguyên vận" thì nhắc đến chén thề, món tóc (thề)...":

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liều,
Những chắc trăm năm há bấy nhiêu?
... Chén thề thuở nọ tay còn dính,
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo
Được lứa tài tình cho xứng đáng
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo.

Câu cuối là câu "cửa miệng" trỏ vào sự quyết tâm, chí tình của Xuân Hương.

2. *Tình của Tốn Phong*

Tuy Tốn Phong tán tụng sắc đẹp và văn tài của Xuân Hương:

Trên đàn thơ xuất hiện vị thần thơ
... Gặp người ngờ là tiên nữ gửi xuống trần (bài số 12)

song chỉ thấy Tốn Phong nhắc đến tình giao du, xướng họa:

"Tình cờ mới gặp lần đầu mà thành đôi bạn thân thiết... Tôi phải xuôi ngược vào Nam ra Bắc không thể cùng nhau xướng họa..." (Tựa)

... Gặp người ngờ là có mối duyên bút mực từ xưa (Bài số 11)

Còn duyên tình, nếu Tốn Phong có vương vấn, cũng chỉ ở trong mộng:

Duyên lạ mây mưa phó mặc hồn mộng
Đừng nói nhớ nhau với biết nhau
Đồng tâm chỉ thấy vị ấm chén rượu. (Bài số 18)

Ở đây cũng như với họ Nguyễn, họ Trần, hễ nói đến "tình" thì ta lại gặp chữ "mộng."

Vì tài liệu hiếm nên ta trông cậy nhiều vào bài "Tựa" của Tốn Phong, nhưng xét ra bài Tựa này cũng có chỗ không ổn: khi viết về thời gian hai người giao du với nhau, từ "xuân Đinh Mão" (1807) đến "xuân Giáp Tuất" (1814) tính ra đúng 7 năm, thế mà trong một số bài Tốn Phong lại nói rõ là "sáu năm":

Từ lúc chia tay người mỗi ngã
Tình khách cũng đã sáu năm tới nay (Bài số 28).

và:

Cánh bèo gặp nhau sáu năm về trước. (Bài số 22)

Tốn Phong nhớ nhầm hay không biết làm tính?

D. Mai Sơn Phủ

Trong *LHK* không có thơ của Mai Sơn Phủ nên ta chỉ có thể dựa vào thơ của Xuân Hương mà phỏng đoán:

- Chắc Mai Sơn Phủ cũng là người cùng quê với Xuân Hương vì trong bài "Thuật ý kiêm trình hữu nhân Mai Sơn Phủ" (Kể ý mình và trình bạn là Mai Sơn Phủ) có câu:

Giấc mộng tình quê thấy tịch liêu.

Trong bài "Họa Sơn Phủ chi tác" ta thấy tình của Xuân Hương rất thiết tha:

Nước mắt trên hoa là lối cũ,
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu.
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm,
Này đoạn chung tình biết mấy nhau.

Song Sơn Phủ dường như lại hững hờ nên Xuân Hương nhắc nhở:

Nhớ thương đừng lỡ hẹn sai kỳ
... Hai ta đều muộn, nói mà chi?

và khuyến khích:

Hãy nên trao gửi mối duyên đi,
Lòng son ai nỡ phụ giai kỳ.

Xem ra, với Mai Sơn Phủ, cũng vẫn chỉ là "giấc mộng tình quê" mà thôi.

Vì không được đọc những bài thơ liên quan đến Thanh Liên, Chí Hiên, Thạch Đình v.v... nên tôi chỉ có thể phỏng đoán tình duyên của tác giả *LHK* qua Nguyễn Hầu, Trần Hầu, Tốn Phong Thị, Mai Sơn Phủ. Tuy với ai Xuân Hương cũng tỏ ra khắng khít nhưng phần đối phương, nếu có thơ xướng họa, chỉ thấy mập mờ nói đến "mộng."

Hơn nữa, khó có thể tin một người phụ nữ nghiêm chỉnh, "biết dừng lại trên lễ nghĩa" lại có khoảng thời gian "thành thật gắn bó" với hai, ba người một lúc:

Khoảng 1813/4 Xuân Hương nối tình xưa với Tốn Phong khi ông này quay lại sau bảy năm xa cách. Cũng trong thời gian ấy, Xuân Hương viết bài "Cảm cựu..." bày tỏ "muôn nghìn nỗi nhớ nhung" với Nguyễn Du và trách người tình để mình "năm canh chiếc bóng chong." Đấy là chưa kể ông Hoàng Xuân Hãn còn cho là cùng lúc ấy Trần Phúc Hiển vừa được thăng chức Tham hiệp Yên Quảng, dong thuyền qua Thăng Long trên đường đi Yên Quảng nhậm chức, có ghé thăm và hứa hẹn sẽ cưới Xuân Hương. (34)

Điều khó hiểu là Xuân Hương không những gắn bó với mấy người cùng một lúc mà còn không ngại ngùng đem những bài thơ bộc lộ tình yêu của mình với những người khác cho Tốn Phong đọc mà không sợ Tốn Phong ghen. Thói thường, người ta dẫu có "ăn vụng" thì cũng "giấu giếm." Cho nên tôi nghĩ rất có thể Xuân Hương chỉ coi những "mối tình" này là cái cớ để làm "văn chơi" cho cường điệu một chút, chứ sự thật không có gì cả. Vì vậy mới không ngại ngùng đưa thơ cho Tốn Phong đọc, và nhờ làm bài "Tựa" biết rằng Tốn Phong đọc sẽ hiểu. Quả nhiên ta thấy Tốn Phong viết trong bài "Tựa":

"Thoạt đầu tôi hết sức kinh ngạc, lạ lùng (vì bất ngờ khám phá ra Xuân Hương thắm thiết với nhiều người khác ngoài mình ra) rồi dần dần càng đọc càng thấy lòng thư thái (vì đã hiểu đấy chỉ là "văn chơi", tình không có thực nên "lòng thư thái") trở nên vui thú, khoái trá (bấy giờ Tốn Phong mới thực sự thưởng thức văn tài của Xuân Hương)".

Nếu không thế thì vì sao thoạt mới đọc *LHK* Tốn Phong lại "hết sức kinh ngạc, lạ lùng?" Không thể nói "kinh ngạc" vì nhận thấy thơ Xuân Hương "quá hay," Tốn Phong đã xướng họa nhiều lần với Xuân Hương còn lạ gì tài của vị "thần thơ" này? Rồi tại sao lại "dần dần càng đọc càng thấy lòng thư thái," cái gì đã khiến lòng Tốn Phong "không thư thái" trước đó?

Mới đọc thoáng tưởng như tình duyên của tác giả *LHK* cũng trắc trở như tác giả TTT, nhưng xét kỹ thì có lẽ không phải, "duyên" trong *LHK* chỉ là thứ "duyên bút mực," còn "tình duyên" thực thì lại không thấy Xuân Hương viết rõ, chỉ có thể đoán qua Tốn Phong, bài số 18:

Nhà Nguyệt bây giờ vui bạn phượng
Mừng cho nàng có phận gửi thân nơi quyền quí. (35)

LHK còn dành cho ta những nghi vấn...

Phần kết

Trong thơ truyền tụng ta không thấy có bóng dáng Tốn Phong, Mai Sơn Phủ, Nguyễn Hầu, Trần Hầu và ngược lại trong *Lưu Hương Ký* cũng không thấy bóng dáng của Tổng Cóc, ông phủ Vĩnh Tường hay Chiêu Hổ. Tại sao lại có sự trùng hợp kỳ lạ như vậy? Huống chi phong cách đôi bên lại khác nhau rất xa nên, trong hiện tình ta chỉ có thể đi đến kết luận:

Ít ra, về mặt tình duyên, chúng ta chưa có cứ liệu để xác quyết tác giả *LHK* cũng chính là tác giả thơ truyền tụng.

Châtenay - Malabry, tháng 9, 1998

Chú Thích:

1. Tôi đã chiết trung nhiều bản dịch, cốt để giữ

nguyên ý của tác giả.

2. *Thơ và Đời,* tr. 218-39.

3. Ngô Lãng Vân, tr. 34-5.

4. *Thiên tình sử...* tr. 178.

5. *Quốc sử di biên,* tr. 281.

6. *Thiên tình sử...* tr.180.

7. - nt - tr. 196-7, 268-70.

8. Đào Thái Tôn, tr. 98.

9. *Thiên tình sử...* tr. 268. Lê Dư viết rằng Xuân Hương chết sau người chồng cuối cùng vài năm.

10. Bùi Hạnh Cẩn, tr.10.

11. *Thiên tình sử...,* tr. 288.

12. - nt - tr. 291.

13. *Ngược đường trường thi,* tr. 104.

14. *Vũ trung tùy bút,* tr. 18.

15. *Đại Nam thực lục,* X, tr. 161.

16. *Vũ trung tùy bút,* tr. 5. Liệt truyện, III, tr. 474-5.

17. Đào Thái Tôn, tr. 117.

18. - nt - tr. 50.

19. Hồ Tuấn Niệm, "Bàn lại một đôi điều...", *Tạp chí Văn Học* số 1/2, 1972.

20. *Thiên tình sử...,* tr. 268, 249.

21. Ông Trần Thanh Mại dịch là "sương đeo mái," ông Hồ Tuấn Niệm sửa lại là "sương treo mái" cho gần với cách phát âm hơn, nhưng lại không có nghĩa nên GS Hoàng Xuân Hãn sửa lại thành "sương siu mấy." Theo GS thì "sương siu" là "bịn rịn".

22. *Thiên tình sử...* tr. 245.

23. *Nguyễn Du toàn tập,* tr. 192-5.

24. Đào Thái Tôn, tr. 143, "Châu ta" là châu Hoan (Nghệ An + Hà Tĩnh).

25. - nt - tr. 138.

26. - nt - tr. 144.

27. - nt - tr. 143.

28. - nt - tr. 197.

29. - nt - tr. 194.

30. - nt - tr. 199.

31. - nt - tr. 194.

32. *Thiên tình sử,* tr. 274. *Đại Nam thực lục,* IV, 190, 350.

32. - nt - tr. 261. - nt - III, tr. 317.

33. Đào Thái Tôn, tr. 137-9.

34. *Thiên tình sử...,* tr. 240.

35. Đào Thái Tôn, tr. 194.

Sách Tham Khảo:

- Bùi Hạnh Cẩn, *Hồ Xuân Hương, Thơ chữ Hán, chữ Nôm và giai thoại.* Hà Nội: Văn hóa thông tin, 1995.

- Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục.* Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, 1993. Bản dịch của Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm.

- Dương Thượng Ngã, "Hồ Xuân Hương," *Làng Văn,* bốn số, 1978.

- *Đại Nam chính biên liệt truyện,* tập 3, Huế: Thuận Hóa, 1993. Nhiều người dịch.

- *Đại Nam Thực lục chính biên,* tập III và IV. Hà Nội: Sử học, 1963. Tập X, Hànội: Khoa học, 1964.

- Đào Thái Tôn, *Thơ Hồ Xuân Hương, Từ cội nguồn vào thế tục.* HÀ Nội: Giáo dục, 1993. Tái bản năm 1995.

- Hoa Bằng, *Hồ Xuân Hương, nhà thơ cách mạng.* Sài Gòn: Bốn phương, 1950. " " (Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm), Quốc Văn thời Tây Sơn. Sài Gòn: Vĩnh Bảo, 1950.

- Hoàng Xuân, Lữ Huy Nguyên, *Hồ Xuân Hương, Thơ và Đời.* Hànội: Văn học, 1995.

- Hoàng Xuân Hãn, *Hồ Xuân Hương, Thiên tình sử.* Hà Nội: Văn học, 1995.

- Hồ Tuấn Niệm, "Bàn lại một đôi điều về tiểu sử Hồ Xuân Hương", *Tạp chí Văn Học* số 1, 1/2, 1972.

- Mai Quốc Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc, Lê Thu Yến, *Nguyễn Du toàn tập, Thơ chữ Hán.* Hà Nội: Văn học, 1996.

- Ngô Thời Chí, *Hoàng Lê nhất thống chí.* Bản dịch của Ngô Tất Tố. Sài Gòn: Phong trào Văn Hóa tái bản năm 1969. Tái bản ở Mỹ.

- Nguyễn Lộc, *Thơ Hồ Xuân Hương.* Hà Nội: Văn học, 1982.

- Nguyễn Hữu Nhàn, "Hồ Xuân Hương và Tổng Cóc (Phóng sự điền dã), *Thơ và Đời* tr. 218-39.

- Nguyễn Triệu Luật, *Ngược đường trường thi.* Hà Nội: Tân Dân, 1939. Sài Gòn: Bốn phương, tái bản năm 1957. Tái bản ở Mỹ.

- Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút.* Bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến. Paris: Đông Nam Á tái bản.

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương, Khoa mục chí.* Hà Nội: Sử học, 1961. Tổ biên dịch, Viện sử học Việt Nam.

- Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên,* tập Thượng. Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, 1973. Bản dịch của Lê Xuân Giáo.

- Phương Tri, "Tài liệu về Hồ Xuân Hương trên đất Nam hà", *Tạp chí Văn học,* số 3, 1974.

- Tảo Trang, "Chiêu Hổ và Phạm Đình Hổ", *Tập san Nghiên cứu Văn học,* số 3, 1962. Đào Thái Tôn in lại trong Thơ Hồ Xuân Hương..., tr. 255-64.

- Trần Bích San, *Xuân Đường đàm thoại,* 1869. Trần Trường phát hiện và công bố: "Một số tư liệu mới tìm thấy về Hồ Xuân Hương". *Tạp chí Văn Học,* số 3, 1974.

CHỊ NẪM

TRẦN YÊN HÒA

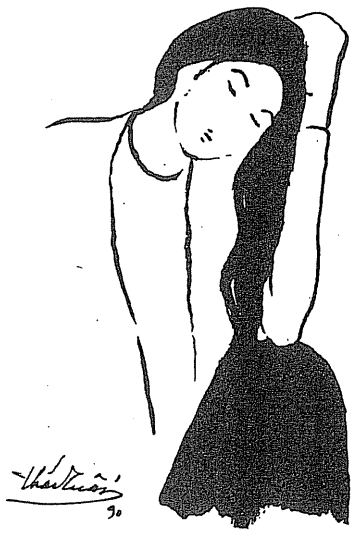

Hôm Hoạt đi Mỹ có chị Nẫm đi đưa, mấy ngày trước đó vì lu bu công chuyện Hoạt quên mất chị Nẫm nên chẳng đến thăm chị một lần. Chị Nẫm là chị dâu của Nhã, vợ Hoạt, nhưng Hoạt thân với chị hơn vì hai người có cùng một hoàn cảnh giống nhau, hoàn cảnh của những người làm vợ làm chồng không được hạnh phúc, đè nén cuộc sống, hoàn cảnh của những người bất hạnh, nên khi bùng ra thì bùng dữ dội.

Máy bay 11 giờ cất cánh mà Hoạt vẫn còn lịu địu với Hằng, không hiểu nên gọi Hằng bằng từ gì đây, người vợ, người tình, hay già nhân ngãi non vợ chồng? Tất cả đều đúng. Có tình yêu trong chuyện nầy không? Chỉ biết là Hoạt gặp Hằng quá muộn màng, rất muộn, chỉ mới hai năm trở lại đây thôi, nhưng tấm lòng với nhau thật là dày, bởi Hoạt nghĩ Hằng là người hy sinh, là người chịu đựng. Khi Hoạt rớt xuống đáy vực của thân phận đen đủi thì anh gặp Hằng, Hằng vớt anh lên, phủi hết bùn nhơ, hô hấp, làm cho anh sống lại, tỉnh táo. Đáng lẽ Nhã làm chuyện đó nhưng Nhã đã không làm, lại còn dìm anh xuống và bỏ xó anh. Chẳng lẽ anh đun đầu xuống vũng sình mà không ngoi lên, may mà có Hằng vớt, đó là ý nghĩa của cuộc tình, vừa ân vừa nghĩa, rồi yêu thương.

Hôm ra đi Hoạt dàn xếp cho Nhã và hai con cùng thân nhân bên Nhã đi trên chiếc xe du lịch 16 chỗ ngồi của chú Nghi cho mượn, còn Hoạt nói với Nhã là sẽ đi theo xe anh Ngự, chị Nhượng và mấy người bà con bên Hoạt, nhưng thật ra là anh muốn ở với Hằng cho đến giờ phút cuối của cuộc chia tay. Anh vẫn hăng hái nói với Hằng một cách quả quyết, "Em yên tâm, qua Mỹ khoảng hai năm ổn định xong là anh tìm cách về với em." Lời nói tuy có vẻ khẳng định, nhưng thật ra anh cũng nói bừa, lời nói đầu môi vì anh chẳng biết ất giáp mô tê gì về cái xứ Mỹ cả. Với lại, anh thì hay lạc quan, cũng có trong ý nghĩ sẽ kiếm được nhiều tiền và sẽ khá hơn lên, hơn nữa, là anh đang ở dưới đáy vực của cuộc sống, nên anh lạc quan cũng là điều dễ hiểu. Ngày sắp đi, nợ nần chồng chất, công việc làm ăn lận đận nên

chuyến đi coi như là vớt vát cuối cùng của đời anh. Không biết, nếu không có chuyến đi, anh sẽ dàn xếp, xoay xở cuộc sống như thế nào?

Anh và Hằng thuê một căn phòng nhỏ ở khu Hòa Hưng để sống với nhau, căn phòng nhỏ chỉ đủ trải tấm nệm và một vài dụng cụ sinh hoạt cần thiết. Chuyện này bắt đầu từ Nhã. Nhã bán căn nhà được khoảng mười cây vàng mà không chịu bỏ tiền ra để thuê một căn nhà cho gia đình ở, trước khi đi, Nhã chì chiết "Làm đàn ông như anh thật vô dụng, tôi không có tiền dư đâu mà thuê nhà cho anh ở," anh đành phải đưa ra giải pháp, "Em nói thế thì em và mấy con xuống ở tạm dưới nhà chị Vân, còn anh đến ở tạm nhà anh Ngự." Nhã quày quả bỏ đi không trả lời, mấy ngày sau anh khăn gói ra khỏi căn nhà đang ở.

Chín giờ sáng anh đã bận áo quần nhưng nhìn thấy Hằng trong trong chiếc váy màu hoàng yến có lấm tấm những bông hoa tím bày ra cặp đùi trắng hồng làm anh thấy tiếc tiếc, "chắc chi mấy năm về được, có thể mất luôn như chơi, thôi thì ăn thêm miếng nữa," anh nghĩ và mở cà vạt, nói với Hằng, "Em cho anh." Hằng đứng tựa vào tường và anh ép nàng vào sát, hơi thở dồn dập và hơi nóng từ mái nhà phả xuống, Hoạt chợt nghĩ đến khung cảnh bây giờ ở phi trường, chắc ai cũng mong ngóng anh, nghĩ đến đây, tự nhiên mọi ham muốn đều chựng lại, anh thấy không thể tiếp tục, anh hôn Hằng và nói nhỏ, "Thôi mình đi em, đến giờ rồi." Anh lên chiếc xe honda và chở Hằng phía sau, bộ quần áo veste được ủi thẳng, trông anh đạo mạo hẳn lên. Anh quay lại nói với Hằng "Anh chở em tới chỗ gởi xe là mình chia tay, anh đi, em đừng buồn nghe." Giọng Hằng phía sau quến đặc nước mắt "Anh đừng bỏ em nghe, anh đừng bỏ em," giọng Hằng vẫn là một yếu đuối, bỏ, sao tội tình vậy, cuộc sống sao mình có thể bỏ nhau vì những cách chia, những mộng tưởng. Anh bóp tay Hằng, "Em đừng nói thế, anh với em không ai phụ ai nghe." Anh nghĩ về Hằng như một tội nghiệp quá đỗi, đi đưa người tình xuất cảnh cùng vợ và con, còn gì buồn hơn.

Lúc anh bước vào phòng đợi ở phi trường là anh gặp chị Nẫm. Chị Nẫm độ rày trông buồn thiểu não, mái tóc dài buông thả bay lả theo chiều gió, khuôn mặt khô và gầy, tự nhiên Hoạt nghe lòng mình chùng xuống, nhan sắc một người đàn bà đẹp ngày xưa biến mất, hình như cũng mới mấy năm trở lại đây thôi, từ ngày anh Chí vượt biên.

Hoạt đến trước mặt chị Nẫm và kêu lên.

"Chị Nẫm, chị đi đưa em phải không? Tệ quá, em bận quá không đến thăm chị được."

Chị Nẫm cười, nụ cười khô héo.

"Thì chị đi đưa em đây, chúc em đi may mắn."

Hoạt tiếp lời chị.

"Lâu quá mới gặp chị, chị vui không?"

Nói xong, Hoạt tự thấy mình như lỡ lời, một câu hỏi để hỏi, mà không đúng lúc. Nhìn đôi mắt buồn, mái tóc buồn, dáng vẻ buồn của chị Nẫm không thể nói là chị vui được, khuôn mặt cách đây hai mươi năm là khuôn mặt của một cô gái lộng lẫy, rạng rỡ, kèm theo mái tóc dài của chị nữa, chao ơi, hai mươi năm với bao đổi thay của một đời người, với chị Nẫm thì buồn quá.

Chị Nẫm nhìn Hoạt hồi lâu rồi nói.

"Cám ơn em, chị vẫn thường."

Hoạt nói thật lòng.

"Em bận quá không ghé thăm chị được, em xin lỗi nghe, hôm nay chị đi đưa em đi là em mừng lắm."

Chị Nẫm hỏi.

"Hoạt qua tiểu bang nào?"

"Cali chị ạ, qua nơi anh Chí, anh Chí sponsor cho gia đình em."

Chị Nẫm không nói gì nhưng nhìn đôi mắt chị sụp xuống Hoạt biết chị không bằng lòng khi nhắc đến anh Chí, người chồng đã ra đi bỏ lại chị với đứa con tật nguyền, Hoạt nói lảng ra.

"Chị có nhắn gì không?"

"Không, chị không có gì để nhắn, chị gởi lời thăm tới mấy đứa con chị thôi."

Tiếng "không" chị Nẫm nói lên như một tiếng siết bánh xe xuống mặt đường nhựa làm tim Hoạt quặn đau, tiếng "không" khẳng định một dứt khoát, một chối bỏ quá khứ, những hệ lụy đớn đau mà chị đã trải qua, tiếng "không" thoát ra như một sự đoạn tuyệt vĩnh viễn một dĩ vãng đau buồn, tàn lụi, dồn nén, bất lực, oan khiên.

Có tiếng kêu của Nhã đâu đó, "Sao anh đến trễ vậy, anh không lo lắng gì cả, cả nhà ai cũng đợi anh, đến giờ rồi, anh vào làm thủ tục đi," Hoạt nói một lý do nào đó cho Nhã yên lòng và xin phép chị Nẫm đi vào bên trong dãy nhà dành cho những người lo về dịch vụ làm thủ tục lên máy bay. Những giỏ xách tay được chất lên xe, anh đẩy một xe đầy ứ hàng hoá của Nhã đã nhận lãnh đem sang cho bà con, anh vẫy tay với mọi người, hình bóng thân nhân

loáng thoáng anh không nhìn hết kịp, những bạn bè cùng trường thời niên thiếu, bà con bên Nhã, bên anh, quấn quít vẫy tay phía bên ngoài phòng cách ly, anh chợt nghĩ đến Hằng, "Hằng đâu, Hằng đâu?" Anh nhìn quanh quất nhưng vẫn không thấy Hằng, Hằng và chiếc robe màu hoàng yến có lấm tấm bông hoa tím lẩn khuất ở đâu đó, trở nên nhạt nhòa, mù mịt mà anh tìm mãi không ra.

Máy bay chở gia đình Hoạt đậu lại nhiều nơi, Thái Lan, Nhật Bản rồi đến phi trường Los, đã già đầu rồi mà Hoạt vẫn còn mộng tưởng, hay mộng tưởng là cái thói của nhiều người sắp ra đi, ai cũng háo hức như sắp đến thiên đàng, dù anh cũng là người thực tế nhưng anh vẫn thấy sướng rên lên khi máy bay bắt đầu rời phi đạo phi trường Tân Sơn Nhất, sự ra đi là một giải thoát khỏi những kìm chế giam hãm, nó thực sự trút bỏ nơi anh mọi âu lo phiền muộn trong những năm tháng đợi chờ, sự hạnh phúc có thể hơn hẳn ngày anh ở trại tập trung được gọi danh sách thả về, anh như thoát ra hẳn một vùng lao đao, nhục nhằn, nỗi sung sướng chạy rần rật trong người, chạy từ tứ chi lên tim rồi từ tim lên óc não, anh nhắm mắt lại cảm nhận sự vượt thoát tràn ngập tâm hồn, đúng là cảm giác của sự vượt thoát thành công.

Khi máy bay đáp xuống phi trường Los, anh biết mình và gia đình đã thật sự đến Mỹ, trời Cali mát dịu, cái lạnh của mùa đông còn lẩn khuất đâu đây, thời tiết của một ngày tháng ba dương lịch.

Hoạt vẫn ẩn uất vì mối tình đó, mối tình của anh Chí và chị Nẫm, mối tình, có thể nói là một cuộc cách mạng tình yêu. Anh Chí ngày còn đi học là một sinh viên xuất sắc thông minh, anh thi đậu vào đại học kỹ thuật Phú Thọ. Quê anh Chí ở tuốt ngoài Trung nên anh Chí được gởi trọ học nhà ba mẹ chị Nẫm, vì hai gia đình có bà con xa, chị Nẫm ngày đó là một cô học trò đệ tứ xinh đẹp vô cùng, mái tóc dài như mây khói và nước da trắng hồng của tuổi dậy thì, chị Nẫm mới mười sáu tuổi, cái tuổi với bao ước mơ thơ dại. Mối tình đến mau lẹ và bùng nổ như một cơn địa chấn. Trong những ngày đầu tiên ở trọ nhà chị Nẫm và nhận lấy trách nhiệm làm gia sư kèm học cho chị Nẫm mỗi tối, Chí đã say mê Nẫm và cố tình chiếm đoạt chị, trong một đêm cha mẹ Nẫm đi coi cải lương, anh Chí đã tỏ tình với Nẫm và đã nhào tới ôm ghì lấy chị, hôn lấy hôn để chị, hôn đủ chỗ, hôn mắt, hôn môi, hôn cổ, hôn ngực rồi tham lam anh lấy tay kéo vạt áo chị, kéo toạt những khuy nút bóp, lồ lộ ra cái cọt sê mỏng, ôm chặt lấy đôi vú nhỏ, Chí ham hố mở nút sau của cọt sê và sà mặt vào bộ ngực trắng hồng đó, anh cắn nhẹ vào đôi vú trắng nhỏ xíu như quả chanh, cơn ham muốn đã lên đến tột độ, anh lạng quạng trong một cử chỉ không tự chủ. Chị Nẫm lần đầu tiên được biết những cảm giác lạ lẫm, khi đụng chạm với một người con trai, chị cũng không tự chủ được mình, hai người bị ngập lụt trong cơn chấn động thân xác, Nẫm như người sống trong cơn mê, hôn mê, thụ động.

Cơn địa chấn đi qua một cách tàn khốc, khi hai người buông nhau ra thì Nẫm mới biết rằng mình đã mất đi đời con gái, Nẫm bắt đầu khóc, khóc như bị mất của, chị đã mất đi cái ngàn vàng, Chí chỉ biết dỗ dành và hứa nhiều điều, trong đó có chuyện là sẽ cưới chị làm vợ.

Điều gọi là ăn quen mà nhịn không quen, chuyện vụng trộm là một thú vị cho hai người, từ đó hai người lén lút ân ái với nhau lúc nào thời cơ có thể có được, trên sofa, trên ghế dài ở phòng học, trên giường của Nẫm hay Chí mỗi khi cả nhà đi vắng, cuối cùng là mấy

SỬ MẶC

THI VỊ HÓA. NƯỜNG

Gì của nường
cũng thơm
tho
từ vô thiên địa
tới gò, nống
sâu
mê mẩn nhất đóa
thần sầu
mai lan
hoàng hậu
cúc, đào cũng chưa
bằng nương một chỗ
thêu
thùa
vẻ nuông man dại
vẻ đùa
thanh tân.

mười hai chín sáu

tháng sau chị Nẫm có thai, cô gái mười sáu bước qua mười bảy sắp làm mẹ.

Dĩ nhiên, với tình yêu, với danh dự, với sắc đẹp của chị Nẫm, anh Chí đã thực hành lời hứa, là lấy chị Nẫm làm vợ, dù hai bên gia đình không đồng ý, nhưng anh đã bất chấp, hai người không cưới hỏi gì, chỉ làm một lễ nhỏ đãi bạn bè rồi thôi, sự sống với nhau như một an phận, để lo cho đứa con sắp ra đời, anh chị thuê một căn nhà nhỏ ở khu gần trường đua Phú Thọ để tiện việc học cho anh, anh phải đi dạy kèm thêm để có tiền xoay xở cuộc sống, thời gian nầy có thể nói là thời gian huy hoàng nhất của cuộc tình, hai người đều ôm ấp những mộng tưởng về đứa con sắp ra đời.

Nhưng cuộc sống bắt đầu thấm mệt và mỗi người nhận ra rằng đó không phải là một tình yêu thật sự, đó là nỗi đam mê một thời, qua cái thời đó, mỗi người như quay lại nhìn người kia sao thấy họ lạ lẫm quá chừng. Bắt đầu từ anh Chí, khi đã ra trường, đi làm công chức chính phủ với chức vụ Trưởng ty, anh tỏ ra quyền hành với vợ, chị Nẫm bắt đầu công việc một ngày là phải thức dậy thật sớm, lo cà phê, dọn ăn sáng cho chồng, mang vớ cho chồng, đem giày đến tận chỗ ngồi cuả chồng, đưa chồng ra xe, rồi mới vào làm công việc một ngày của mình. Nếu chuyện đó thể hiện bởi tình yêu thì quá tuyệt vời, nhưng điều nầy là do ý của anh Chí bắt buộc, sau khi lo cho anh Chí xong, chị Nẫm mới được vào nhà lo cho đứa con mới sinh, giặt giũ, đi chợ, nấu ăn.

Đoạn cuối của cuộc tình là những trận cải vã và anh Chí hiện nguyên hình của một người đàn ông vũ phu, anh đánh chị như cơm bữa, đụng chuyện gì không vừa ý là anh đánh chị ngay, những cái tát, rồi đấm đá túi bụi vào thân hình mảnh mai của chị, những trận đòn như đối với kẻ thù. Trước mặt anh Chí lúc nào cũng thấy chị Nẫm là một người đàn bà luôn luôn nhởn nhơ bay lượn với tất cả mọi người đàn ông. Sau năm 1975, anh Chí không di tản được nên anh càng phẫn uất, thất bại trên đường công danh, bao lần vượt biên bị bắt, mỗi khi ra khỏi trại giam, anh về lại hậm hực đổ mọi oan khiên lên đầu chị Nẫm, chị Nẫm kinh hoàng cùng độ, chị la làng la xóm, công an tới lập biên bản cảnh cáo, anh Chí lại càng hậm hực hơn.

Chị Nẫm đã kể cho Hoạt nghe về những ngày đau thương của chị và Hoạt đã kể cho chị nghe những ngày Hoạt đói khổ trong chốn lao tù mà Nhã chẳng hề thăm viếng, rồi những ngày từ trại tập trung trở về bị Nhã hất hủi khinh thường, nên chi Nẫm với Hoạt cùng có một tâm trạng, một hoàn cảnh giống nhau. Nhã đã coi Hoạt bị vào trại tập trung là một trút đổ gánh nặng gia đình lên đầu Nhã và đến năm thứ ba của những năm lao tù, Nhã đã cúp thăm nuôi và không liên lạc với Hoạt nữa. Thế mà khi ra khỏi trại anh vẫn cố tìm về với Nhã, lần nầy, Nhã xô anh chúi xuống bùn nhơ, anh cố cựa quậy tìm cách ngoi lên Nhã càng đạp anh tới tấp, tình vợ chồng càng ngày càng phai nhạt. Hai người sắp đưa ra tòa li dị thì có chuyện cho những cựu tù nhân đi xuất cảnh, anh không thể bỏ Nhã ở lại, dù gì thì Nhã cũng là mẹ của những đứa con anh, anh đã xuất hết những đồng tiền kiếm được để lo cho chuyến đi toàn gia đình, dù Nhã đang có một sạp hàng bán áo quần tại chợ Bà Chiểu. Đến ngày Nhã bán ngôi nhà trước khi lên đường, anh mới thực sự ly thân cùng Nhã, anh xuống nhà anh Ngự ở một thời gian, rồi thuê nhà ở với Hằng. Ngày lên phi trường trong chuyến bay đến Mỹ, anh chỉ có trong túi 10 dollar của Hằng đưa, đó là vốn liếng tài sản của cuộc đi xa vạn dặm.

Trong những ngày đau thương của cuộc sống sau khi anh đi tù trở về, nỗi cô đơn buồn thảm của cả hai người, Hoạt và chị Nẫm trở nên gần gũi hơn. Chị Nẫm sau ngày anh Chí ra đi, chị phải chạy vạy để trả hết món nợ mà anh Chí hợp đồng với người mối lái, thằng bộ đội dẫn anh Chí đi, trở về với bút tích của Chí là anh đã qua được biên giới Thái Lan và nói chị Nẫm phải thanh toán hết số nợ còn lại. Chị chỉ còn căn nhà nhỏ ở đường Nguyễn Biểu, căn nhà như cái ổ chuột phải bán đi với giá chưa được một cây vàng, chị đưa hết cho thằng mối lái vẫn không đủ, nó hăm dọa đủ điều, Hoạt đã chứng kiến khuôn mặt hớt hải của chị Nẫm khi đi vay tiền trả nợ với nỗi bi thương tột độ, chị đã làm hết bổn phận người vợ và trong thâm tâm chị vẫn thấy đây như là một sự giải thoát, giải thoát khỏi cuộc sống nhục nhằn với Chí chứ chị không ham muốn gì đến chuyện anh Chí sẽ bảo lãnh cho chị ra đi.

Người đi cùng xe với anh Chí là một người đàn bà mập, đôi chân có bắp vế bự, những đường gân xanh ẩn hiện như những con cuốn chiếu nằm vắt trên mảng da thịt nhễ nhại. Hoạt đến chiếc xe hai cửa của anh Chí, người đàn bà có ý nhường Hoạt lên trước, lên trước tất phải ngồi ghế sau, Hoạt khó khăn mới

bước được vào phía sau xe, xong, người đàn bà và anh Chí ngồi vào ghế trước, xe bắt đầu chạy.

Ngày ở Mỹ đầu tiên, ta sẽ làm gì đây, sẽ hôn nắm đất của xứ sở tự do nầy, sẽ đứng nghiêm để được lặng yên cảm nhận những hạnh phúc choàng đến, như được đứng trước nữ thần tự do để tung hô tự do muôn năm. Cái gì nó cũng có mặt trái của nó như tấm huy chương vậy mà, nhìn những bạn bè đã qua Mỹ năm 75 bây giờ cũng cũng không hơn gì Hoạt, thằng Võ ra đón anh ở phi trường hôm nay đã nói thầm vào tai anh một câu nghe thấm thía, "Ở Mỹ không là thiên đường, không là địa ngục, ở Mỹ là một trường tranh đấu." Anh Chí không giới thiệu người đàn bà là ai nhưng nhìn sự liên hệ, Hoạt nghĩ đây là bà Ngọt. Bà Ngọt có nước da bánh mật, đôi mắt xếch và hàm răng ngắn, hàm răng như bị cà đi một phần, nhìn bà, tự nhiên Hoạt thấy như bất bình thường, cái dáng to phục phịch của tuổi trên bốn mươi, chiếc quần short rộng thùng thình với chiếc áo thun hở cổ anh thấy như một hình nhân biết cử động.

Nhìn bà Ngọt trong cách âu yếm với anh Chí tự dưng hình ảnh chị Nẫm ngày hôm qua ở phi trường làm anh cộm lên niềm thương cảm, rồi anh nghĩ ngay đến vẻ mặt hớt hải của chị Nẫm khi thằng bộ đội đến nhà đòi tiền, khuôn mặt bi thảm của một người quá tuyệt vọng, không biết tìm đâu ra một chỗ bấu víu, người ra đi không mang niềm hạnh phúc cho kẻ ở lại mà chỉ mang những đọa đày khốn khổ.

Buổi chiều Hoạt đi khám răng ở phòng nha sĩ về, vừa bước vào phòng ăn thì thấy anh Chí đang ngồi trên chiếc ghế lớn để ở bàn ăn, phía bên kia gần tủ lạnh, chị Hương đang sắp xếp hàng hóa thức ăn mới mua về, chị Hương là vợ anh Thông, anh ruột anh Chí, anh Thông ngồi ở một ghế đối diện.

Từ ngày ở cùng nhà, các gia đình đã họp lại nấu ăn chung, chị Hương được đề cử làm trưởng bếp nên chị có bổn phận đi mua thức ăn về, rồi phân chia mỗi gia đình nấu ăn một ngày, chuyện nầy cũng rất hợp lý và ai cũng vui vẻ nhận lời.

Chị Hương là một người chị dâu tốt, hồi còn đi học, vì người cha mất sớm nên anh Thông thay cha nuôi anh Chí ăn học, anh đã bỏ học sớm để ra đi làm kiếm tiền nuôi các em, đến ngày anh lập gia đình, chị Hương thay thế anh Thông săn sóc cho các em. Số tiền đi làm ít ỏi của anh Thông được chia ra và gởi vào Sài Gòn cho anh Chí, chị không phiền hà một điều gì trong suốt những tháng năm làm chị dâu trong gia đình còn những năm đứa em chồng còn nhỏ, chỉ trông mong vào số lương của anh Thông.

Anh Chí ngồi nhìn chị Hương đang đếm từng món đồ mua về, anh cằn nhằn sao mua thứ nầy nhiều, thứ kia không cần thiết, khi chị Hương đã xếp hết hàng vào tủ lạnh, anh Chí hỏi trống không:

"Rề xíp đâu?"

Chị Hương quay qua anh Thông:

"Rề xíp đâu anh?"

Anh Thông lục ở túi bỏ hết giấy tờ ra vẫn không thấy cái rề xíp đâu, anh nói:

"Mới bỏ ở trong túi đây mà không biết lạc đâu rồi."

Chợt anh nói lớn:

"Thôi chết, hồi nãy đi chợ về, thấy chú Chí chưa về kiểm hàng, anh quên tưởng không có gì quan trọng, anh vứt ở thùng rác rồi."

Anh Chí lớn tiếng:

"Không quan trọng sao được, ở Mỹ nầy mua gì cũng có rề xíp để chứng minh, đó là sự công bình, anh bỏ trong thùng rác thì ra lục tìm lại đi."

Anh Thông vội vã ra ngoài lấy cái thùng rác vào, rồi anh bắt đầu bốc từng thứ loại phế thải ra nhìn, có tờ giấy nào anh cũng vạch ra coi, tội nghiệp, trên sáu mươi tuổi rồi, mắt anh quá yếu dù đã đeo kiếng lão, nhìn anh nhướng mắt cố đọc chữ trong những tờ giấy ướt nhẹp khiến Hoạt thương anh quá đỗi. Những thức ăn thừa đã bỏ thùng rác cũng được lấy ra bỏ qua một bên khiến mùi hôi bốc lên nghe khắm quá, gần cuối hết những đồ phế thải, là những miếng giấy nhỏ được anh Thông đọc cẩn thận hơn, vừa đọc anh vừa lẩm bẩm "Lạ chưa, mới bỏ vào đây hồi đi chợ về mà không biết ở đâu?" Chợt anh la to lên như được trúng số "A, đây rồi." Anh đọc kỹ và phủi phủi tấm giấy nhỏ bằng bàn tay rồi đưa cho anh Chí. Anh Chí cầm lấy tấm rềxíp , đọc từng dòng, rồi anh bỏ vào túi xong đứng lên đi lên trên. Tự nhiên chứng kiến cảnh nầy, Hoạt nghe buồn quá đỗi, anh nghĩ không thể tiếp tục ở trong ngôi nhà nầy nữa. Hôm sau anh viết thư về thăm chị Nẫm, dòng cuối có câu, "Em rất vui khi chị đã thoát ra một cảnh sống quá nghiệt ngã, em đã chứng kiến ở đây những chuyện đau buồn và tồi tệ quá và em tin những điều chị kể với em ngày trước là đúng, chúc chị an vui."●

CÁI GẠCH NỐI TRONG CHỮ VIỆT

PHỤNG NGHI

1. Cái gạch nối

Trong chữ Việt, cái gạch nối (1) dùng để kết hợp những thành tố viết rời của một từ gồm nhiều âm tiết (2). Nếu viết riêng rẽ thì những âm tiết nói trên sẽ có một nghĩa khác, tức là nghĩa riêng biệt của từng âm tiết. Sau đây là một vài thí dụ:

- *Độc* có nghĩa là một, có số lượng chỉ một mà thôi. *Lập* có nghĩa là đứng thẳng. Ghép lại, *độc-lập* có nghĩa: 1. Tự mình sống, không dựa vào người khác. *Sống độc-lập.* 2. (Nước hoặc dân tộc) có chủ quyền. *Nền độc-lập dân tộc.*

- Bà là người đàn bà thuộc thế hệ sanh ra cha hoặc mẹ ta. *Con* là người thuộc thế hệ mà ta sanh ra. Ghép lại, *bà-con* có nghĩa là thân quyến, người có quan hệ họ hàng. *Một người bà con xa.*

- Cay là có vị như khi ăn ớt, ăn tiêu, ăn gừng hoặc khi uống rượu. *Đắng* là có vị như khi ăn trái khổ qua, trái bồ hòn, mật cá hoặc uống thuốc bắc. Ghép lại *cay-đắng (hay đắng-cay)* có nghĩa là đau khổ, xót xa. *Thất bại cay-đắng.*

Như vậy, ta thấy cái gạch nối có một vai trò rất quan trọng. Nó dùng để phân biệt từ đơn với từ ghép. Từ cuối thế kỷ 19 và trong những thập niên đầu của thế kỷ 20 này, theo ngữ pháp (3), ta dùng cái gạch nối đối với những từ ghép, mục đích là để câu văn được rõ nghĩa. Trong học đường, thời bấy giờ, đối với những từ ghép, thiếu cái gạch nối là một lỗi chánh tả tương tự như các lỗi chánh tả khác: c với t (các/cát), ch với tr (chương/trương), d với gi (dang/giang), dấu hỏi với dấu ngã...

2. Ngữ pháp cú

Qui tắc về việc sử dụng cái gạch nối trong tiếng Việt đã có từ cuối thế kỷ 19, thời chữ quốc ngữ mới được hình thành. Nhà bác học, cũng là nhà ngữ học Trương Vĩnh Ký (1839 - 1898) đã viết: "Để tránh lẫn lộn từ đơn và từ đôi, từ kép, chúng tôi đã chấp nhận, trong các từ điển, văn phạm và các ấn bản khác của chúng tôi, dùng gạch nối để xác định từ kép và ghép đôi một số mẫu âm khác của chúng tôi, dùng gạch nối để xác định từ kép và ghép đôi một số mẫu âm làm cho âm cuối dễ nghe như líu-lo, dăng-dẳng." (4) Gần đây, dựa theo các sách đã xuất bản, chúng tôi ghi nhận, trên những sách in trước năm 1975, các tác giả vẫn còn dùng cái gạch nối đối với những từ ghép. Sự kiện này cho biết, vào cuối thế kỷ 19 và hơn nửa đầu thế kỷ 20 này, những người làm giáo dục và văn học đã sử dụng cái gạch nối trong những trường hợp sau đây:

2.1 Từ ghép Hán-Việt: *tự-do, độc-lập, ngôn-ngữ-học, thuận-thinh-âm, hồng-thập-tự, tiềm-thủy-đỉnh, hàng-không-mẫu-hạm, thủy-quân-lục-chiến.*

2.2 Từ ghép thuần Việt:

- Từ kép, cũng gọi là từ láy, gồm một âm có nghĩa với một âm không nghĩa để cho xuôi tai: *bạc-bẻo, dễ-dàng, đầy-đặn, khỏe-khoắn, líu-lo, mặn-mà, nhỏ-nhắn, nở-nang, sắc-sảo, vững-vàng, xót-xa.*

- Từ kép gồm hai âm không có nghĩa riêng, nhưng khi ghép lại, hai âm tạo thành một từ có nghĩa chung: *bâng-khuâng, hững-hờ, lai-láng, mênh-mông, mơn-mởn, ngậm-ngùi, thênh-thang.*

- Từ kép gồm hai câu có nghĩa
êng: *biển-dâu, bướm-ong, cay-đắng,*
ầy-đủ, mắm-muối, mệt-mỏi,
hẳng-lặng, vàng-thau.

- Từ kép gồm hai âm đồng nghĩa:
ợ-búa, dơ-bẩn, dư-thừa, đau-ốm,
ầy-ốm, hình-ảnh, lẫn-lộn, lựa-chọn,
ập-béo, nhỏ-bé, nông-cạn, ô-dù,
ắc-bén, thổi-nấu, thương-yêu, to-lớn,
ti-rớt.

- Từ kép gồm hai từ đồng âm:
hậm-chậm, đời-đời, hàng-hàng,
ay-hay, hiu-hiu, lớp-lớp, mãi-mãi,
gày-ngày, rầu-rầu, xa-xa...

2.3 Nhân danh (tên tục, tên hiệu):
guyễn-Du, Tố-Như, Trương-Vĩnh-Ký,
ào-Duy-Anh, Dương-Quảng-Hàm,
rần-Trọng-Kim, Nguyễn-Hiến-Lê,
ương-Hồng-Sển.

2.4 Địa danh: *Việt-Nam, Hoa-Kỳ.*

2.5 Danh từ riêng phiên âm:
Ioa-Thịnh-Đốn, Mạc-Tư-Khoa.

2.6 Từ có quan hệ qua lại với nhau:
r điển Hán-Việt, bang giao *Mỹ-Việt*,
hật hỏi-ngã, thi văn *cổ-kim*, văn hóa *Đông-Tây*,
hát triển khoa-học-kỹ-thuật.

2.7 Danh từ chung phiên âm: cát-xết,
-đê-o. Đối với một số tên chung phiên âm đã
oàn toàn Việt hóa, ta bỏ luôn cái gạch nối: cà
hê, cà vạt, câu lạc bộ, đô la, ga ra, nóc ao, ra
a, ra gu, ti vi, xích lô.

2.8 Một số từ ngữ mà các âm tiết không thể
ách rời: chợ-nhà-lồng, khô-cá-chỉ-vàng,
i-vì-bởi.

2.9 Giữa các con số chỉ ngày tháng năm (5):
gày 1-1-1998 (6)

2.10 Giữa hai nhóm số chỉ năm để nói lên
hoảng cách thời gian: 1975 - 1998.

Trên đây là những qui tắc trong việc sử
ụng cái gạch nối khoảng trước năm 1975. Tuy
hiên cũng phải ghi nhận là việc dùng cái
ạch nối này của những người làm văn hóa
hưa thống nhất. Có tác giả áp dụng triệt để
ác nguyên tắc, nhưng cũng có tác giả chỉ áp
ụng một cách đại khái hay tương đối, tùy
heo quan niệm của mỗi cá nhân. Thậm chí, có
ường hợp cùng một tác giả mà trong một bài
ết, đối với các từ ghép (cả Hán-Việt lẫn
huần Việt) có lúc dùng cái gạch nối, có lúc
hông.

Xin trích dẫn một đoạn trong lời tựa "Vì
ao có sách này?" của cuốn "Giản-yếu
Hán-Việt Từ-điển" của nhà học giả tiền bối

TRẦN YÊN HÒA

SINH NHẬT

Về đây ngó đất ngó trời
Ngó mông hiu quạnh bên đời phù hư
Năm mươi năm một chân như
Vành hoa tỏ rạng chút u hương nồng
Ngày sinh ta rất mênh mông
Một bông hoa nở giữa lòng thế gian
Mịt mù hương đượm mang mang
Làm thân du tử ngôn ngang xứ người
Về đây ngó đất ngó trời
Ngó vàng hoa, ngó một đời, phù sinh.

Đào-Duy-Anh, viết ngày 1-3-1931, Nxb Minh Tân, Paris, in lại năm 1949:

Vô luận nước nào, văn-tự đã *phát đạt* đến một trình độ *khá khá* đều phải có những sách Tự-điển hoặc Từ-điển để làm tiêu-chuẩn và căn-cứ cho người học. Quốc-văn của ta *ngày nay* đã có chiều *phát đạt*, thế mà ta chưa thấy có một bộ sách Tự-điển hoặc Từ-điển nào, đó thực là một điều khuyết-điểm lớn mà ai cũng phải công-nhận.

Trong đoạn văn trên đây, theo nguyên tắc, những từ in nghiêng phải có cái gạch nối, vì đó là những từ Hán-Việt và từ ghép thuần Việt. Nhưng vì sao tác giả không dùng gạch nối? Sự kiện này cho thấy, việc sử dụng cái gạch nối khó đạt đến sự thống nhất như trên lý thuyết.

3. Ngữ pháp mới

Khoảng từ năm 1975 (7) cho đến nay:

3.1 Trong năm trường hợp ghi từ mục 2.1 đến 2.5 trên đây, tuyệt đại số những sách báo xuất bản trong nước và tại hải ngoại, ta đã xóa bỏ hẳn cái gạch nối. Sự "cải cách" này đã diễn ra âm thầm. Có phải chăng nó đã xuất phát từ một "ngữ pháp bất thành văn." Các tác giả tiền bối lần hồi bỏ cái gạch nối. Thế là các tác giả hậu bối cũng theo gương.

3.2 Trong năm trường hợp kế tiếp, từ mục 2.6 đến 2.10, ta vẫn duy trì cái gạch nối.

3.3 Từ ngày trong nước và ở hải ngoại hai

phương tiện điện thoại và điện thư (fax) được phổ biến, ta đã dùng cái gạch nối để phân cách các nhóm số của hai hệ thống này. Điện thoại: *714 - 500-4000,* Điện thư: *714 - 800-7000.*

3.4 Chúng ta thử tìm hiểu xem nguyên nhân nào khiến cho, sau năm 1975, cái gạch nối đã được xóa đi trong năm trường hợp từ 2.1 đến 2.5.

Thực tế cho thấy, việc dùng gạch nối ở năm trường hợp nói trên đã gây một số bất tiện và phiền phức.

- Người viết phải bận tâm đến cái gạch nối, mất thời giờ suy nghĩ, thời giờ viết lên giấy và thời giờ dò lại bài xem có sai sót không?

- Trong ngành ấn loát, người đánh máy và người sắp chữ phải nhọc công và khổ sở vì cái gạch nối. Trước kia, trong thời kỳ ngành ấn loát nước ta còn lạc hậu, việc sắp chữ để làm bản in "typo" (8) được thực hiện theo lối thủ công. Trong công việc sắp chữ, thêm một cái gạch nối kể như thêm một con chữ.

Việc xóa bỏ gạch nối không ảnh hưởng trầm trọng đến câu văn về mặt ngữ nghĩa. Người đọc bình thường dễ dàng phân biệt từ đơn và từ ghép. Cả người viết và người đọc đã mặc nhiên hiểu ngầm là các từ ghép Hán-Việt và thuần Việt luôn luôn được nối với nhau bằng cái "gạch nối vô hình." Ta đã "hi sinh" cái hợp lý để đổi lấy cái thực dụng, cái giản tiện. Ngày trước, có cái gạch nối là hợp lý. Ngày nay không có cái gạch nối cũng hợp lý. Ngữ pháp chung qui chỉ là một qui ước, một sự giao ước giữa người viết và người đọc.

4. Viết dính liền

Từ xưa tới nay, cả ở trong nước lẫn ở hải ngoại, một số người có xu hướng viết dính các âm tiết ở hai trường hợp 2.1 và 2.2: *tựdo, vữngvàng, ngônngữhọc, kimtựtháp, hàngkhôngmẫuhạm.* Giải pháp này là để thay thế cái gạch nối đối với các từ ghép. Tuy nhiên, việc cải cách này gặp một trở ngại khác và xét không ổn nên không được hưởng ứng. Lý do là những từ viết dính liền có thể sẽ bị đọc và và bị hiểu sai lệch.

4.1 Những từ ghép dính liền có thể được đọc một cách khác:

Bình an viết *bìnhan* có thể đọc là *bì nhan* hoặc *bìn han*

Giáo án viết *giáoán* có thể đọc là *giá oán* hoặc *gi áo án*

Phát âm — *phátâm* — *phá tâm*

Phát hành — *pháthành* — *phá thành*

Tình ái — *tìnhái* — *tì nhái* — *tìn hái*

4.2 Những từ vốn chỉ có một âm nay có thể được đọc tách rời thành hai âm:

Thúy có thể đọc là *thú y*

Khoái — *kho ái* hoặc *khó ai*

5. Kết

Những người chủ trương duy trì cái gạch nối trong những từ ghép Hán-Việt và thuần Việt và những người chủ trương viết dính liền những từ ghép lại này đều có lý (9). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đối với bất cứ ngôn ngữ nào cũng vậy, người ta không thể ép nó vào một khuôn mẫu hợp lý được. Nói và viết, đúng hay sai là một thói quen, lập đi lập lại qua nhiều thế hệ. Mà thói quen xuất phát từ sự thực dụng. Và một khi đã thông dụng thì mọi người đều phải theo. Khó mà đem môn lý luận ra để phê phán được. Trừ phi, có điểm nào quá vô lý, nếu muốn sửa đổi thì phải có sự đồng thuận của số đông.●

Chú thích

1. Cũng gọi là: cái ngang nối, cái vạch nối, dấu ngang nối, dấu gạch nối, dấu nối (Anh, *hyphen*; Pháp, *trait d'union*).

2. Từ thông thường gọi là: tiếng, chữ (Anh, *syllable*, Pháp, *syllabe*).

3. Từ cũ gọi là mẹo luật, về sau đổi là văn phạm.

4. Xem *Đặc san Petrus Ký Houston và những vùng phụ cận, 1994.* Bài "Trương Vĩnh Ký, nhà ngữ học," Nguyễn Văn Trung (tr. 90).

5. Tiếng Việt không có từ tương tự để dịch từ "date" của Anh, Pháp. Dân gian thường dùng từ "quá đát" để nói "date d'expiration." Có nên chăng chuẩn hóa từ "đát" này?

6. Có một số người viết: 1/1/1998 hoặc 1.1.1998.

7. Năm 1975 chỉ là cái mốc tương đối. Không có tài liệu nào minh định thời điểm chính xác mà ta không dùng cái gạch nối ở bốn trường hợp từ 2.1 đến 2.4.

8. In typo: in bằng phương pháp dùng một khuôn in trên đó những con chữ nổi mà thợ nhà in phải sắp chữ bằng tay.

9. Hiện nay (năm 1998), một số người không làm văn học vẫn có thói quen dùng cái gạch nối khi viết tên người. Và cũng có một số ít tác giả, trong nước cũng như ở hải ngoại vẫn còn dùng cái gạch nối trong 3 trường hợp ghi ở Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Xem: 1. Sách *Giúp trí nhớ văn phạm Anh văn*, Duy-Ân Nguyễn-Hữu-Vịnh, Nxb TP.HCM, 1992. 2. Bài báo "Phỏng vấn giáo sư Nguyễn-Đình-Hòa về cuốn Tiếng Việt Không Son Phấn" trên tuần san *Thời Báo*, Oakland, California số 307 ngày 22-11-1997.

LÀM CHỒNG NHÀ VĂN

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

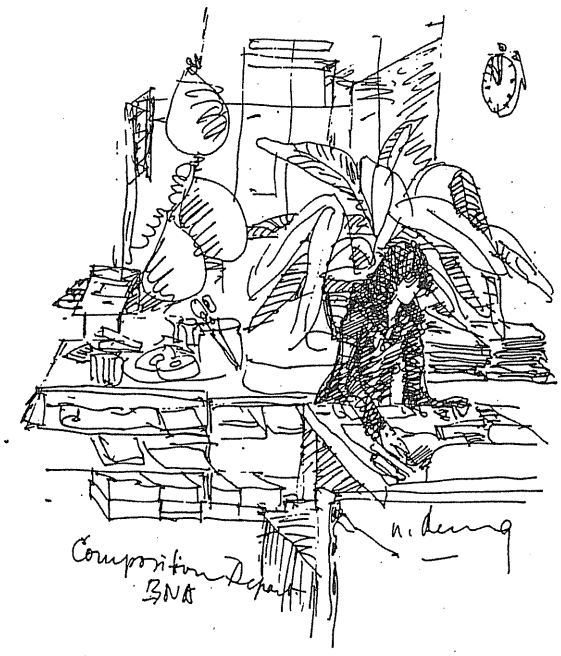

Trong tình thương mặn nồng, đôi khi tôi ngớ ngẩn hỏi Bà ấy một câu mà hình như chỉ có Phật trả lời được: "Tại sao ta yêu nàng?" Nhưng nếu nghe theo câu trả lời của Phật thì không còn luyến ái mà cũng chẳng còn người yêu, nói chi là chồng vợ. Phần Bà ấy thì trăm lần như một, chỉ có một câu trả lời: vì Bà ấy là vợ! Lần đầu tiên nghe câu trả lời vớ vẩn đó tôi đã lắc đầu nguầy nguậy: "Sai bét rồi, không phải là không phải! Ta yêu Bà vì Bà-là-người-ta-yêu chứ không phải là vợ, nghe chưa! Vợ và người yêu chỉ khác nhau tờ giấy thú. Và tờ giấy thú thì chỉ cần một giây đồng hồ là có thể xé toẹt! Trong khi người yêu có thể trở thành xì ke ma túy, trở thành điếu thuốc lào, "đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên" hoặc trở thành như ma quỷ, chém đầu nầy mọc đầu khác lên, cả chục lần không giết được như trong truyện Phạm Công Cúc Hoa, Bà không thấy như vậy sao?!" Chả lẽ Bà ấy không biết tôi nói gì sao mà vẫn nhất quyết một vợ hai vợ như thế? Theo Bà ấy thì đã âm tất phải có dương, và theo định nghĩa của Bà ấy thì chồng hình như là người, vì mã thượng, vì galant, vì không muốn bị mang tiếng "bắt vợ làm mọi," phải thi hành trước khiếu nại sau những lệnh lạc của một người có chức vợ!

Vừa rồi tôi lại có thêm một cơ hội thấy rõ cái "định nghĩa" chồng vợ đó của Bà... Số là cháu gái đầu đang sống bên Mỹ vừa sinh đứa con thứ hai, hơi bái xái nên phải xin Bà ngoại sang "yểm trợ"... "chi bộ ba người" nay đã phát triển thành bốn! Bà không thể không nhận lời nhưng vượt qua năm mươi bây giờ

phải trở lại thiên chức làm mẹ như ba mươi mấy năm trước nên Bà cũng hơi ớn lạnh. Bà năn nỉ: "Em xuất giá tòng phu, công dung ngôn hạnh mười bốn mười lăm giờ một ngày em không hề complain, không hề lên tiếng phụ nữ... đòi quyền sống, lần nầy bất đắc dĩ em phải làm childcare worker, tại sao anh không xung phong làm babysitter assistant cho em? Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn. Tính sơ sơ anh cũng có ít ra mười năm công vụ, thời gian nghỉ *long service leave* ít ra cũng ba tháng. Sao anh không lấy kỳ nghỉ đó rồi theo... Hoàng phu nhân náo Hoa Kỳ một chuyến, có phải là tuyệt không!?" Tôi nhún vai ỡm ờ: "Ừa, tuyệt thật và anh xin dành hết cho em đó!" Đùa xong, tôi đã nghiêm túc giải thích cho Bà ấy hiểu tại sao chuyến xuất ngoại đầu tiên của tôi nếu có lại không thể là chuyến đi Mỹ khơi khơi như thế được! Đuối lý Bà ấy phải ậm ừ chấp nhận nhưng trong bụng vẫn ấm ức...

Thua me gỡ bài cào! Không bắt tôi đi Mỹ làm phụ tá giữ trẻ thì Bà tìm việc khác cho tôi làm cho... huề! Bà tuyên bố xanh dờn: "Một công đôi ba việc cho đỡ lãng phí tiền máy bay. Lần nầy em định mang theo ba cuốn bản thảo để in và ra mắt sách bên Mỹ luôn đó, anh nghĩ sao?!" Tôi "nghĩ sao!?" Trời đất! Tôi mà nghĩ được thay Bà ấy thì cho kẹo tôi cũng không dám tuyên bố khơi khơi như thế. Cho in ba quyển sách! Bà làm như Bà là chủ nhà in không bằng...

Quả thực những điều Bà viết lai rai mấy năm nay gom lại tệ lắm cũng được ba cuốn. Nhưng cái Bà gọi là "bản thảo" thì thật chẳng khác gì đống đồng nát giấy vụn của mấy Chú Ba ở Chợ Lớn ngày xưa. Cái mớ bản thảo ấy nằm lung tung, cái thì trong hard disk của computer, cái thì trong floppy disk, cái thì viết bằng VNI, cái thì viết bằng WRITE, cái viết bằng VPS, và khủng khiếp hơn nữa là có cái chỉ hiện hữu trên báo cắt lại làm tài liệu vì đã được viết bằng cái máy Olivetti tiếng Việt của Bà đem từ quê nhà qua như của hồi môn! Những mẩu báo... hại nầy lại được cất giữ cẩn thận khắp nơi trong đống tài liệu sắp xếp cẩn thận như mớ giấy lộn của Bà! Nghĩ mà ớn lạnh. Tôi phân vân không hiểu làm thế nào mà Bà có thể thu xếp chúng thành ba quyển sách như ý Bà muốn, nhất là ngày dự định lên đường chỉ còn khoảng hai tuần? Nhưng bản tính miệng bằng tay tay bằng miệng, Bà đã muốn thì có trời cản nổi!

Nỗi kinh hoàng yên lặng của tôi đã thành sự thật ngày hôm sau khi tôi vừa đi làm về Bà ấy chìa cho tôi mấy tờ giấy nghuệch ngoạc đầy chữ gà bươi cố hữu của Bà ấy. Ngày xưa, lúc mới quen nhau, có khi tôi đã mất hàng giờ để đọc vỏn vẹn hai trang thư của Bà cũng chỉ vì lối chữ gà bươi trời đánh nầy! Người ta thường chê bác sĩ chữ xấu khó đọc. Nếu người ta hân hạnh đọc được thủ bút của Bà nhà văn của tôi thì hẳn người ta sẽ khen chữ bác sĩ là chữ chân phương rồng bay phượng múa đấy. Bà hớn hở giải thích: "Đại để đây là nội dung ba tác phẩm em định cho ra mắt. Khi nào rảnh anh gắng sắp xếp lại theo thứ tự như thế nầy và nếu được, edit qua loa dùm em một tí! Anh chẳng cần sửa văn gì cả, chỉ lo phần typesetting thôi!" Dĩ nhiên rồi, văn của Bà, ý của Bà tôi đụng vào một tí là Bà la lên oai oái không phải như hôm... mới về nhà chồng, nhưng là như chạm phải điện 110 volt vậy. Cho kẹo tôi cũng không dám chơi dại kiểu đó. Bị một lần, tôi tuyên bố dứt khoát: "Tự hậu, anh chỉ đọc những gì em viết khi đã được in thành sách báo đàng hoàng thôi đấy nhé!" Cho nên chỉ lo phần chính tả và typeset thôi là phải rồi. Nhưng...

Tôi người Huế, Bà người Bắc. Người Bắc lẫn lộn S với X, TR với CH, D với R, TR với GI... điều đó tôi có thể chỉnh được. Nhưng còn NH, GI và D ở đầu, C và T ở cuối và hỏi ngã ở giữa thì người Huế lại là vua viết bậy hơn ai hết! Cho nên dù có tra tự điển tiếng Việt mờ mắt ra nhiều khi vẫn còn sót. Nhưng vợ đã "nhờ," không làm cũng... kỳ! Do đó mà mấy tuần trước ngày Bà ấy lên đường là thời gian kinh hoàng đối với tôi.

Tôi vẫn thường nói với anh em: Vợ đi xa mình có được ba cái nhẹ người, thứ nhất không ai thúc ăn, thứ hai không ai dục tắm và thứ ba không ai nhắc đi ngủ. Lần nầy thì tôi phải thêm câu: Vợ đi Mỹ có cái khổ là phải chuẩn bị sách cho vợ đem đi in!

Nhưng bù lại nhờ thời gian mờ mắt edit và còng lưng sửa lỗi typeset như thế mà tôi có cơ duyên khám phá thêm được một đôi điều lý thú nơi Bà nhà văn của tôi.

Bụt nhà thường không thiêng. Chuyện văn chương chữ nghĩa của Bà ấy đối với tôi kể cũng có điểm bất thường. Ngày xưa thỉnh thoảng đọc nguyệt san *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp* tôi thấy tên Bà dưới một vài bài thơ thì phải. Lúc quen nhau Bà mới 16 tuổi. Bà làm thơ tặng tôi. Bài *Hải Trình*. Tôi chỉ đọc lấy ý và dù

còn nhỏ,"cô bé" đã có nhiều ý và ý lạ nữa. Tôi nhớ lõm bõm câu:

Có chuyến tàu tình ái
Anh và một em
hành khách duy nhất.

Trong *Bản Tango Cuối Cùng*, Bà kể khá rõ về cuộc gặp gỡ nầy. Không bao giờ tôi nghĩ Bà ấy sẽ trở thành nhà văn, khoan nói là nhà văn có tài. Hạnh ngộ thoáng chốc ở Đà Lạt năm 1968, Bà ấy lại ngỏ ý muốn viết văn... Tôi cũng tưởng đó chỉ là "không có cánh mà vẫn thèm bay bổng" như hồi Bà mới mười sáu tuổi mơ ước chuyến hải hành trên con tàu mà tôi là thuyền trưởng và Bà là hành khách duy nhất vậy đó.

Chúng tôi tiếp tục đường ai nấy đi, thênh thang nhẹ nhõm vì tôi đã không để cho Bà ấy buồn lòng phận gái dở dang lần đầu gặp nhau ở Huế nên tôi cũng không để cho Bà phải chịu cảnh vầng trăng ai xẻ làm đôi khi gặp nhau lại tại Đà Lạt, Sài Gòn. Bà về Sài Gòn, dạy học, viết báo, in sách... và trở thành nhà văn lúc nào tôi chẳng rõ. Bà vụt hiện trên nền trời văn học Miền Nam như một ngôi sao chổi. Bà trở thành một hiện tượng với hai tác phẩm đầu tay là *Thung Lũng Tình Yêu* và *Tóc Mây*. Và *Bản Tango Cuối Cùng* đang chạy feuilleton trên nhật báo Hòa Bình.

Rồi Miền Nam chao đảo trong những đợt cuồng phong thời cuộc trước khi chế độ "quốc gia" cáo chung vì không được bốc lên trên chuyến trực thăng cuối cùng của Thái Thú Hoa Kỳ rời Sài Gòn ngày 30.4.75. Chúng tôi cùng dập dềnh trôi nổi theo vận nước nổi trôi. Mỗi đứa mỗi phương. Ngày 29.4.75, gặp Bà trên đường về nhà, Bà hỏi tôi có "đi" không? Tôi trả lời không, và còn hỏi vặn lại: "Tại sao?!" nữa . Thế nhưng hơn năm năm sau, tôi lại là người lọt ra khỏi nước trước Bà. Không giã từ và chẳng hẹn hò. Chưng giày và áo quần còn có số chuống nữa là người. Và số tôi là phải làm chồng nhà văn. Thế đó,

VŨ KIỆN

MỐT MAI VỀ QUÊ HƯƠNG CÓ PHỞ

LTS. Nhà thơ Vũ Kiện vừa qua đời ngày 18 tháng Tám năm 1998 tại Québec, Canada, ở tuổi 52. Ông là con trai độc nhất của nhà văn Tam Lang. Trước kia ông du học tại Canada, năm 1975 lại sang tị nạn tại đây, và có chân trong Hội Văn Bút Québec.

Để tưởng nhớ nhà thơ Vũ Kiện, chúng tôi xin đăng lại bài thơ Mốt Mai Về Quê Hương Có Phở của ông, một bài thơ nói về phở mà cũng chan chứa tình quê hương.

*

ôi mốt mai về quê hương có phở
cởi mở tâm tình ngò ngát hành hoa
đời hạnh phúc chan hòa thêm nước tiết
ta mời nhau một bát để làm quà

gánh giang sơn gồng bằng đôi gánh phở
quẩy lên đường nghi ngút ấm tình thân
đường nam bắc vượt bằng tô xe lửa
dù bà con xa cũng hóa thành gần

mình hãy quên đi những ngày khốn khó
trại lao tù bụng lép đến nôn nao
ở ngoài chợ tháng lương tròn ký thịt
già hom còm trẻ đói đến xanh xao

hãy xóa hết những tháng ngày bỏ xứ
ừ đấy thiên đường thừa nạm vè gân
sao vẫn thiếu trong chập chờn thức ngủ
một vị gì ngan ngát của quê thân

nước dùng đậm vì muối nồng biển mẹ
nước dùng trong vì ngọt nước sông cha
bánh sợi dẻo vì gạo đồng lúa việt
bò thanh hơn vì bò cỏ quê nhà

ôi mốt mai về quê hương có phở
cởi mở tâm tình ngò ngát hành hoa
ớt tiêu cay cay tràn đôi lệ nóng
mừng anh em vui núi thuận sông hòa

nhưng tôi phải chờ vòng vo Tam Quốc suốt một phần tư thế kỷ kể từ ngày gặp nhau lần đầu, đến năm 1989 tôi mới đón được Bà sang đây. Hai mươi lăm năm chẳn chòi! Có lần tôi đùa dai bảo Nguyên Sa can tội "dụ dỗ gái vị thành niên" trong bài thơ *Tuổi Mười Ba*, Bà cười bảo: "Nguyên Sa đi tù thì ông cũng chẳng chạy thoát đâu vì ông cứ hăm he là để trả thù hai mươi lăm năm chạy dòng dòng không xơ múi, sẽ cho tôi làm đàn bà lúc chưa đến tuổi cập kê, ông không nhớ sao. Như vậy không dụ dỗ gái vị thành niên là gì!?" Tôi nhún vai nhìn Bà cười trừ: Ờ nhỉ!

Người đàn bà Tây phương lấy chồng là mất tên họ. Bà lấy chồng tên họ vẫn y nguyên, còn tôi lấy vợ thì mất tên và được "thế vì khai sinh" thành "Ông Lệ Hằng." Chẳng sao. Danh nào cũng chỉ là danh. Lại nữa, tôi sẵn sàng xung phong mua nước hoa quý ướp thơm hình sắc Bà được, tiếng thơm tại sao không nhường cho Bà? Vả lại, danh tôi thường được lập ở ngoài đường và qua cổng nhà tù chứ không qua cổng nhà in hay quán sách. Tôi nghiễm nhiên trở thành chồng nhà văn như thế đó...

Chúng tôi ở Blue Mountains, chốn núi rừng sương mù và mây trắng trời cao, xa đồng hương, xa cơm hàng cháo chợ phảng phất mùi nước mắm, mắm tôm, rau muống, giá sống, hành ngò thân quen... Lạ nước lạ cái, gần hai năm trời Bà chẳng viết được gì cả. Bà giải tỏa nỗi nhớ quê hương, nhớ cha nhớ mẹ, nhớ bạn bè bằng cách làm vườn. Khốn nỗi chúng tôi là những chuyên viên nông nghiệp thượng thặng chỉ giỏi trồng một thứ cây trái không sợ mất mùa đó là cây trái bằng nylon! Bà chăm chút gieo hạt trồng hoa màu, bạn bè ghé chơi tôi đưa ra vườn nhổ một nhúm cây và than rằng thứ... weed nầy bây giờ mọc nhiều quá... tôi nhổ mạnh lên cả rễ và ô hô! đó không phải là weed như tôi tưởng mà là cây carot do Bà gieo trồng và cũng không biết đó là cây carot!

Thị trường chữ nghĩa lưu vong cũng là một cú sốc khiến Bà cụt hứng không chịu cầm bút trở lại và còn tỏ ra muốn thử thời vận bằng nghề tay chân thật sự. Tôi thường hăm he, tôi đưa Bà sang đây để cho Bà cầm viết chứ không phải đi cạnh tranh nghề nghiệp với những đồng hương thợ may chuyên nghiệp đâu nghe! Nếu không có những khuyến khích của Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Nguyễn Xuân Hoàng, Thầy Mãn Giác, Cha Huỳnh, Trần Văn Ân, Bùi Duy Tâm, Cha Quảng, Nguyễn Hồng Anh... phụ vào thì tôi cũng khó mà bẩy Bà khỏi giấc mơ "đứng trước hàng quần kiếm ăn." Bà bắt đầu lai rai viết lại...

Năm 1992, Bà sang Mỹ thăm gia đình và trình làng hai cuốn *Nghề Làm Vua* và *Sa Tăng Dịu Dàng*. Mười bốn năm rớt lại đàng sau đã làm cho nhà văn nơi Bà trưởng thành thực sự. *Nghề Làm Vua* là một tác phẩm lớn xoáy quanh những chủ đề quyền lực, tình yêu, tín ngưỡng và lòng yêu nước. Bố cục chặt chẽ, mỗi chương tự gói trọn như một truyện ngắn. Đây là một sở trường của Bà về cách hành văn. Mỗi chuyện ngắn của Bà chứa đựng đầy đủ yếu tố để làm thành một truyện dài và truyện dài của Bà là một tập hợp những chuyện ngắn qua từng chương sách.

Là một tín đồ Thiên Chúa giáo, Bà ấy hiểu được đạo Phật thể hiện qua triều đại nhà Trần như thế là một điều quý hiếm trong một tâm cảnh thường chỉ có của ta là nhất, của người là đồ bỏ và tệ hơn... ai không theo ta là kẻ thù của ta! Nghe nói tác giả của Tây Du Ký là một người theo đạo Lão, và người viết Phong Thần là một Phật tử. Tây Du vinh danh đạo Phật và Phong Thần ca tụng đạo Lão. Đó là một cách tạ tình của hai người tri kỷ. Tôi ước mong tôi cũng viết văn được như Bà để viết về một truyện Thiên Chúa giáo như Bà viết *Nghề Làm Vua*.

Nghề Làm Vua là một tiểu thuyết luận đề nhưng không nặng triết lý như *Kẻ Xa Lạ* của Camus, *Buồn Nôn* của Sartre hay *Phận Người* của Malraux... *Nghề Làm Vua* là một tiểu thuyết với những hỉ nộ ái ố bi ai lạc cuốn cuộn ầm ầm như bão táp, như cuồng phong không thua gì kỹ thuật gút thắt dồn dập bất ngờ đến ngộp thở của điện ảnh hiện đại... Bà xuất sắc trong việc dựng nên những nhân vật sống động, và bắt những nhân vật đó đi hết kiếp phong trần định phận đã dành cho họ. Khổ ải cùng cực mà An-Tư, Huyền Trân, cung phi Đà La trải qua là những "hoàn cảnh giới hạn" da diết rợn ngợp làm cho người đọc phải nín thở, sửng sờ, bải hoải, phải khóc phải cười theo những hoan lạc khổ đau cùng cực của họ... Cho đến khi gấp sách lại rồi người đọc vẫn còn thấy cay mắt với những đắng cay bi đát của An-Tư, với cuộc tình ngang trái của Huyền Trân và Trần Khắc Chung, người đọc vẫn ray rứt khôn nguôi vì những câu hỏi mà lịch sử đã không trả lời và kinh nghiệm cá nhân mỗi người cũng không trả lời nổi: An-Tư có yêu và có tìm thấy hoan lạc với Thoát Hoan

không? Những gì đã xảy ra giữa Huyền Trân và Trần Khắc Chung qua những ngày trên hoang đảo? Đà-La yêu ai và ai yêu Đà-La? Đâu là biên giới giữa đạo và đời nơi Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông? *Nghề Làm Vua* đặt nhiều vấn đề hơn là giải quyết. Thế mà vẫn làm người đọc mê say. Có người bảo rằng *Nghề Làm Vua* là một cách gián tiếp tính sổ với chế độ đương hành. Cũng có thể. Bởi nói cho cùng lịch sử chỉ là một sự lặp lại tùy cơ duyên và hoàn cảnh. Và hiểu theo nghĩa nầy thì *Nghề Làm Vua* là một cảnh tỉnh đối với những cuồng vọng chính trị khả hữu và đồng thời là một an ủi cho những người đã thấy thua bại hôm nay. Thành bại, được thua chỉ là thước đo con người bày ra để luận định những hành động của người, của mình trong một giai đoạn nào đó.

Đọc chuyện của Bà tôi thường bị cuốn hút vì văn phong mượt mà óng chuốt như phiến lưng thon dưới làn áo lụa màu ngà, như mái tóc thề e ấp của người con gái mười sáu tuổi từ Đà Nẵng ra Huế thi hơn là tư tưởng gói ghém trong văn phong nhung tơ đó. Nhưng sách của Bà có nhiều chỗ đã làm tôi ngẩn ngơ. Tôi thường tự hào gần gũi với những tư tưởng thế trị của Phật giáo thế mà vẫn không tránh khỏi bối rối vì những vấn đề chính trị tôn giáo *Nghề Làm Vua* đặt ra. Là người từng cận kề với những vấn đề triết học và phê bình văn học, tôi vẫn không khỏi "chùn bước nhún nhường" khi đọc câu "Hình như chỉ hai người không đủ là một cuộc đời, chỉ hai người không thể là trần ai. Hạnh phúc phải chia san, phải săn tìm, ở đây chẳng ai săn đuổi ai!" trong *Nghề Làm Vua*. Những tư tưởng đó tôi nghĩ phải chăng đã đủ để đưa Bà lên ngồi chung chiếu với những người thường được gọi là những nhà văn lớn?! Mấy lúc phải ngồi edit bản dịch tiếng Anh của *Nghề Làm Vua*, tôi hiếu kỳ thắc mắc về cái tựa đề tiếng Anh bà ấy đã chọn. Gấm Lụa Trinh Nguyên - Stainless Silk. Tôi hỏi Bà tại sao chọn cái tựa có vẽ "thiết hồ điệp" như thế thì Bà ỡm ờ: "Bình tĩnh đọc đi rồi biết!" Biết hay không thì chưa...biết, nhưng đọc thì chắc là chạy trời không khỏi nắng rồi vì với chức "chồng" tôi đã được "vợ" ủy thác phải edit bản tiếng Anh dùm Bà! Nghĩa là dù muốn dù không tôi cũng phải đọc kỹ từng câu từng đoạn. Cũng nhờ vậy mà tôi mới thấy hết cái hay của quyển tiểu thuyết nầy, quyển tiểu thuyết mà thoạt đầu tôi nghĩ bất quá thì cũng như mấy quyển kia thôi vậy!

Nói về "mấy quyển kia" của Bà, tôi từng có điều thắc mắc nhưng không dám hỏi vì sợ Bà bối rối hoặc vì không trả lời được hoặc vì trả lời không xuôi. Thắc mắc đầu tiên là, vì nhu cầu feuilleton, nghĩa là nhu cầu bức bách của những tờ báo hằng ngày phải viết nhiều, viết nhanh nên có khi bố cục đã loạc choạc hẳng hụt. Như vậy thì có bao giờ Bà nghĩ đến chuyện hiệu đính tất cả tác phẩm của Bà để chuẩn bị cho một Toàn Tập hoàn hảo không?... Thắc mắc thứ hai là tại sao truyện nào của Bà cũng tình là tình không vậy? Này nhé... Kinh Tình Yêu, Tình Yêu Như Băng Sơn, Thung Lũng Tình Yêu, Chết Cho Tình Yêu... mấy quyển khác tình yêu không được lên ngôi trên tựa đề nhưng vẫn là cốt lõi của câu chuyện. Tôi ôm lấy thắc mắc đó cho đến một hôm Bà đưa tôi xem bài báo của tờ Blue Mountains Gazette phỏng vấn Bà nhân chuyện ra mắt tuyển tập *Influence: Australian Voices* trong đó Bà có đóng góp truyện Sông Mê trích từ *Nghề Làm Vua*. Câu trả lời của Bà giải thích địa vị quan trọng của tình yêu trong tác phẩm của Bà: "Lịch sử là thiên đàng, mà lịch sử cũng là địa ngục nữa! Chúng ta không thể chạy thoát lịch sử. Cách hay nhất để đương đầu với lịch sử là bám chặt vào tình yêu chúng ta dành cho một người hay một vật gì đó..." Thì ra tình yêu là khí giới bí mật của Bà, như cây cung của Thần Eros trong truyện *Nói Thầm Với Đá* của Bà xuất hiện lần nầy ở Mỹ. Khí giới đó đã biến Bà thành Sagan Việt Nam. Và cũng vì triết lý tình yêu đó mà tên Bà đã bị một số nhà đạo đức ghi vào sổ bìa đen ngang hàng với Phan Trần và Truyện Kiều. Nếu ngày xưa các cụ cấm:

Đàn ông chớ đọc Phan Trần
Đàn bà chớ đọc Thúy Vân Thúy Kiều.

thì ngày nay con cháu các cụ bất luận trai gái đều không được đọc Lệ Hằng! Không biết có phải vì lệnh cấm đó mà tác phẩm của Bà đã trở thành best-seller ròng rã từ 1972 đến 1975 như thế không?

Trong số mười bốn tác phẩm của Bà, quyển thân thiết nhất đối với tôi đã hẳn là *Bản Tango Cuối Cùng*, xuất hiện đầu tiên như feuilleton trên tờ Hòa Bình và tôi chẳng hay biết gì hết.

Mãi cho đến một hôm... Anh em yêu cầu có buổi họp đặc biệt để bàn về feuilleton đó. Trong buổi họp anh chị em đặt vấn đề là Hòa Bình vừa cho chạy một feuilleton mới được

mấy kỳ truyện *Bản Tango Cuối Cùng* mà đọc lên ai cũng biết là nói về tôi và phong trào tranh đấu của thanh niên sinh viên học sinh Huế. Anh chị em lo ngại tờ Hoà Bình sẽ nói những điều không phải về phong trào tranh đấu cũng như riêng tôi. Họ yêu cầu tôi "vận động" tác giả dẹp chuyện ấy đi vì theo họ mấy kỳ qua không có gì bất lợi nhưng biết đâu!? Tôi trả lời chấp nhận quyết định của đa số gặp Bà nhưng yêu cầu Bà ấy ngưng chuyện đó thì không được. Vì như vậy là blackmail tình cảm. Và rồi tôi đã đích thân gặp Bà như anh chị em yêu cầu nhưng không đụng chạm gì đến chuyện viết lách của Bà ấy. Tôi nín thở theo dõi chờ đợi chuyện kết thúc trên báo và sau đó được in thành sách. Chẳng có gì hại cho phong trào, lợi nữa là khác vì ít ra thì Bà cũng nói lên được khía cạnh lãng mạn trong phong trào đấu tranh của thanh niên sinh viên học sinh Huế. Đối với tôi, *Bản Tango Cuối Cùng* là một quyển tự sự hơn là một quyển truyện theo nghĩa gút thắt bình thường. Ít nữa là trong những gì liên hệ đến chúng tôi.

Ba quyển sách Bà ấy nhờ tôi phối trí và phối kiểm là ba thế giới khác nhau. Quyển truyện dài *Bên Kia Là Núi*, tập truyện ngắn *Nói Thầm Với Đá*, và tập đoản văn hay "phim" *Năm 2100.*

Nói Thầm Với Đá là tập truyện ngắn, không đồ sộ như *Sa Tăng Dịu Dàng* nhưng hướng ngoại và có tính đa văn hóa hơn là *Sa Tăng Dịu Dàng. Nói Thầm Với Đá thể hiện rõ cái triết lý "mua vui cũng được một vài trống canh" của Bà. Dù gì đi nữa thì nhà văn vẫn phải thù tiếp chiêu đãi người đọc, làm cho người đọc chịu thưởng thức câu chuyện được kể ra. Thưởng thức một cách vui thích, và nếu có thêm chút suy nghĩ ưu tư thì càng quý. Nói Thầm Với Đá* đã đem lại cho người đọc nhiều cơ hội như thế.

Năm 2100 là một ngạc nhiên lý thú. Đây là kết quả không ngờ của những lớp Anh văn và tập viết văn Bà kiên nhẫn theo học hàng tuần. Kinh nghiệm đó đem Bà lại gần với xã hội Tây phương hơn, nhìn thấy những buồn vui, những tiếng cười, những giòng lệ của xã hội từng "xa lạ" với Bà hơn. Tôi tự thấy mình đã "tếu" thế nhưng phải chào thua khi đọc bài Áo Quần Quần Áo hay Thành Phố Của Thiên Thần... Cái tếu của những tiếng cười khoái trá đi liền với tiếng nấc của giòng lệ xót xa. *Năm 2100* làm tôi nhớ đến Art Buchwald mặc dù Art Buchwald chỉ tếu về chính trị. *Năm 2100* mở ra một viễn tượng sáng tác mới cho Bà nhà văn của tôi. Một viễn tượng hơi hiếm hoi đối với một ngòi bút đàn bà. Nhưng Bà nhà văn của tôi đã thử và hình như Bà đã thành công, ít nữa là với *Năm 2100*...

Bên Kia Là Núi là tập đầu của bộ trường thiên ba quyển. Không biết có phải tựa đề Bên Kia Là Núi đã lấy hứng từ câu ca dao:

Ai xui em đến chốn này
Bên kia là núi bên này là sông.

Tôi cũng đoán vậy thôi chứ không hỏi. Tựa đề của một tác phẩm nhiều khi chỉ là một gợi ý, chẳng ăn nhập gì với nội dung của tác phẩm. Bắt tác giả giải thích về tựa sách có thể là một cực hình hay ít ra cũng là khiếm nhã đối với tác giả.

Vì phải edit, sửa lỗi chính tả nên tôi phải đọc kỹ để nhận rằng *Bên Kia Là Núi* là một thành công về cả hai phương diện văn chương và tư tưởng. Suy nghĩ của Bà vẫn khởi từ thân phận Việt Nam nhưng cái nhìn của Bà không còn quanh quẩn trong những vấn đề thuần túy cục bộ nữa. Người đọc có thể thoáng thấy thân phận con người trong những nhân vật nói tiếng Việt với đầy đủ ý nghĩa của hai chữ Việt Nam. *Bên Kia Là Núi* là thảm kịch hội nhập của hai thế hệ tỵ nạn di tản... Thảm kịch Việt Nam nầy cũng là điển hình của thảm kịch nhân loại hậu bán thế kỷ hai mươi. Ý thức hệ, Bức Màn Sắt, Bức Màn Tre thật chẳng khác gì những vòng rào ấp chiến lược đã tạo ra ngàn vạn "chiến sĩ tự do" canh me hay tỵ nạn chính trị bất đắc dĩ. Chuyện xây dựng khít khao như một vở kịch cổ điển và dồn dập như một cuốn phim nghẹt thở. Văn mượt mà như thơ và cũng cuồn cuộn nóng bỏng như phún thạch. Cuộc tình tay ba giữa Hãn, Mưa và Saba, cô bạn học da đen của Hãn là một cuộc tình "táo bạo" đối với một số người Việt có những phản ứng đạo đức tương tự phản ứng của cái đùi ếch của Pavlov. Đọc mấy đoạn "nghẹt thở hồi hộp" giữa bộ ba đó tôi mới hiểu tại sao ngày trước các cụ cấm con cháu đọc truyện Lệ Hằng. Thầy Mãn Giác có lần điện thoại sang bảo "Hay thì hay thiệt nhưng hoang quá!" Một lần Bà ấy cho tôi xem cái note của Nguyễn Mộng Giác cũng với ý tương tự nhưng nhẹ nhàng hơn rằng bây giờ Bà múa bút như cá gặp nước rồng gặp mây! Nhiều đoạn Bà viết bạo, cố đưa tôi đọc để gián tiếp dùng tôi làm cây kéo kiểm duyệt để giúp Bà khỏi có mặc cảm với cái đuôi "nền giáo dục của mấy bà xơ" vẫn bám riết chân cẳng Bà. Tôi viện dẫn nguyên tắc, lắc đầu nguầy nguậy: Tôi chỉ đọc

những gì đã in thành sách báo thôi! Và tôi chỉ ỡm ờ: Bà lo gì, nhà văn ôm ấp một thông điệp nào đó mong trao cho đời, nhưng nhà văn không thể là nhà tu. Bà thấy mặn ngon thì Bà cứ viết mặn mòi, cớ sao lại bắt người đọc ăn chay hoài?!

Nền giáo dục "bà xơ" rất chi là victorian đã ăn sâu vào máu thịt Bà, và đương nhiên ý thức phản kháng những áp lực đạo đức đó cũng đã ăn sâu vào máu thịt Bà luôn cho nên có lúc Bà viết rất mặn, nhưng cũng có lúc Bà chay hơn cả Mẹ Teresa nữa. Quyển *Tóc Mây* là một ví dụ. Mối tình giữa hai nhân vật Cha Duy và cô Tố Kim là một thực tại sờ sờ không ai nghi ngờ gì được nữa. Hai người có hàng trăm cơ hội để thành thân thế mà cuối cùng Cha Duy vẫn còn đồng trinh khi lìa đời. Chúng tôi đã tốn không biết bao nhiêu thời giờ cãi nhau ỏm tỏi vì chuyện nầy. Tôi bảo Bà ấy tôi mà viết chuyện *Tóc Mây* thì tôi đã cho Cha Duy và Tố Kim xáp lá cà ngay từ chương đầu như bộ ba Hãn-Saba-Mưa của *Bên Kia Là Núi* chứ đâu có chuyện dấm dớ như người liệt dương lãnh cảm vậy! Tôi tố Bà là phát ngôn viên cho một nền đạo đức và thần học nhị nguyên lỗi thời vớ vẩn. Tôi yêu chứ không phải hồn tôi yêu hay xác tôi yêu. Xác phải có hồn mới là xác, hồn phải có xác mới là hồn, như đêm phải có ngày, ánh sáng phải có bóng tối vì cả hai chỉ là một. Nhưng mặc bao nhiêu bằng chứng kinh viện, mặc những phản chứng của thần học tiêu cực, của triết lý hiện sinh... tôi vẫn không làm cho Bà thay đổi lập trường, Bà vẫn trơ trơ như nước đổ đầu vịt bắt Cha Duy và Tố Kim tiếp tục ăn chay. Những lúc bí quá bị những quỷ biện của tôi vây khổn thì Bà chỉ phản pháo nhẹ nhàng: "Ông nói vậy chứ tại sao hồi ông gặp tôi ở Huế rồi ở Đà Lạt, Sài Gòn tại sao ông không đòi... ăn mặn? Ông với Cha Duy khác nhau chỗ nào há?!" Tôi cứ đớ lưỡi như người bị kê tủ đứng vào mồm vậy.

Tôi thường lên ruột nín thở mỗi khi nghe Bà ấy nói có người muốn phỏng vấn hay Bà sắp trả lời phỏng vấn về chuyện văn chương văn học... Lo lắng vì tôi biết bà thường ưa ăn nói bộp chộp lại không ham chuyện lý thuyết văn chương, phê bình văn học như Bà thì trước sau rồi Bà cũng Bà sẽ húc vào những câu hỏi của thiên hạ như Don Quixote húc vào cái cối xay gió cho mà coi! Bà viết văn, Bà vận dụng ngôn từ và "lũng đoạn" các nhân vật của Bà như mấy đứa con nít chơi với những đồ chơi trong các nhà giữ trẻ hay các lớp đồng ấu. Tôi không biết trong các nhà văn Việt đã thành danh có ai viết một cách dễ dàng thong dong như Bà không? Tôi ít khi nghe Bà than bí hay phải ngồi bí xị nhìn vào màn hình computer chờ hứng tới. Hôm nào trước khi rời nhà đi làm, nghe Bà ấy bảo sẽ dọn dẹp nhà cửa thì tôi biết hôm đó Bà sẽ xông pha vào trận bút mực. Và dọn dẹp nhà cửa có nghĩa là chùi phòng tắm, cầu tiêu, bếp, và mọi xó xỉnh trong nhà Bà có thể nghĩ tới. Làm như thể hứng khởi, chữ nghĩa, tình tiết câu chuyện đều đang mai phục ở những nơi ấy và phải lau chùi sạch bụi bặm cho chúng hiển lộ để Bà vồ lấy! Hình như mỗi nhà văn đều có những chướng tật vớ vẩn trước, trong hay sau khi sáng tác. Những chướng tật có khi rất nhảm. Nhưng chướng tật của Bà nhà văn của tôi thì hình như chẳng hại mà còn có lợi cho tôi nữa là đàng khác. Đó cũng là một lý do nữa để tôi ước mong Bà viết càng nhiều càng tốt. Vì Bà càng có nhu cầu viết — nghĩa là có nhu cầu quét dọn lau chùi nhà cửa thì tôi đỡ phần gánh nặng nội trợ như hút bụi nhà, lau bụi tranh ảnh, tủ sách hay lau chùi bếp vốn là phần cần lao tôi đã được phân công.

Viết càng nhiều càng tốt, đã hẳn. Nhưng đừng đợi nước đến chân mới nhảy như chuyến đi Mỹ lần nầy. Tôi chúa ghét phải làm việc trong hoàn cảnh lửa đốt đít thế nầy. Dù là để giúp... vợ!

Mấy hôm trước đây, trong lúc điện đàm nói chuyện trời nắng ở Mỹ trời lạnh ở Úc, Bà cho biết là đài VOA và đài Á Châu Tự Do sẽ phỏng vấn Bà về chuyện ra mắt sách lần nầy của Bà. Tôi lưu ý Bà là qua những làn sóng phát thanh đó, tiếng nói của Bà sẽ về đến quê nhà. Liệu mà ăn nói... Bà nói sao mà tôi không được về thăm quê hương một lần thì Bà biết tay tôi đó nghe chưa! Bà hỏi: "Thế theo anh, em nên nói gì đây?" Tôi bảo tôi không biết, Bà phải bơi một mình, ai giúp Bà được! Làm chồng nhà văn ít ra cũng có cái sướng là khi nào muốn vô trách nhiệm thì cứ vô trách nhiệm như thế, chẳng ai trách được.●

Sydney những ngày cuối Đông 98

* "Thế nào là một người đàn bà bất hạnh?"

"Bà ta có một bí mật mà không ai muốn nghe bà ta kể cả."

* Ông ta già đến nỗi mái tóc giả của ông ta cũng đã ngả màu muối tiêu.

NHÌN QUA CÁC TIỂU CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Người ta ước lượng có độ hai triệu dân Việt sống ở hải ngoại, trong đó phân nửa là ở Huê Kỳ. Phần lớn thì phân tán mỏng tại nhiều quốc gia, nhưng ở nhiều nước, tập trung ở lại vài nơi, mỗi nơi thành lập gần như ốc đảo đặc biệt Việt Nam. Lý do là khi định cư, người Việt kiếm sự kế cận của người đồng chủng và thích kết hợp, tìm cách nương tựa lẫn nhau. Thế nên nảy sanh những *tiểu cộng đồng*, tập hợp người Việt chung sống với nhau, buôn bán với nhau, và cùng nuôi sống các nét đặc thù, khiến cho người dân cảm thấy mình là Lạc Việt mặc dầu họ đang ở Mỹ hay Đức, dầu họ là kiều dân Úc hay Pháp hay Gia Nã Đại. Tên gọi là "tiểu cộng đồng" hay là "cộng đồng sắc dân" (ethnic community) là để phân biệt với "đại cộng đồng," "dòng lớn" (mainstream), tức là tập hợp bình thường, xã hội chánh yếu gồm mọi người cư ngụ ở tại địa phương. Nhưng trên thực tế, vẫn là thật sự "cộng đồng" trong toàn định nghĩa của nó, dầu cho hình dạng lớn nhỏ vô chừng, từ nhóm vài chục gia đình đến cả trăm ngàn cá nhân như ở Quận Cam, California, hay quận 13 Paris. Những tiểu cộng đồng hiện giờ rải khắp năm châu, là trung tâm điểm đời sống di cư, là đá nam châm đối với người Việt dầu mới hay cũ, muốn đi về đó để ở hay là để thăm, và là cái neo buộc chặt khiến họ vẫn có cảm tưởng không hề mất hẳn liên lạc đối với đồng bào, gốc rễ Việt Nam. Chính đó mới là căn bản của tập hợp lớn, Cộng đồng Việt Nam Hải Ngoại, hiện thân, di chứng hùng hồn và rõ ràng nhứt sức sống và mức trường tồn của hai triệu người đang sống xa nước.

Các tiểu cộng đồng ít khi nào do cố ý gầy dựng. Thông thường chúng tự nhiên thành vì bởi nhu cầu tập hợp gặp nhau, lần lần vun quén mà ra, nếu có hoàn cảnh thích hợp. Do đó chúng ta chỉ hưởng và ít ai nhớ tự hỏi những câu căn bản như là: Tại sao ? Thế nào?... Hôm nay là dịp để làm việc ấy và nhìn cẩn thận vào một hiện tượng ta vẫn coi là dĩ nhiên, cầm chắc, xem là biết rõ. Chúng ta rồi sẽ tìm hiểu đặc tánh tổng quát của tiểu cộng đồng, phân tách vai trò xây dựng, nâng đỡ đồng bào Việt Nam hải ngoại và làm xương sống cho một tập thể sống động. Mục tiêu tất nhiên là để soi sáng đoạn đường đang đi, biết rõ một chuyện quan trọng, nhưng cũng ước mong chiết ra một vài yếu tố có thể sẽ dùng vào việc gầy tạo hay là làm tốt cộng đồng Việt Nam về sau.

Tại sao hình thành các tiểu cộng đồng?

Trước năm 1975, chỉ một số nhỏ người Việt sống trên đất Mỹ, độ 15 ngàn, phần lớn là vợ các quân nhân Mỹ, sinh viên du học hoặc là học viên quân sự, gần như không có trẻ em. Tất cả rời rạc, đúng như tập hợp tạm thời của một nhóm người không muốn coi mình là thuộc xứ Mỹ.

Sau 1975 cho đến 1980, khởi đầu cho cuộc di cư để tránh Cộng sản là số 172.800 người VN được nhận vào Mỹ, và sau 80 còn đông hơn nữa. Kiểm tra năm 1990 có được 614.547 người (Bureau of Census 1984 và 1994), ước lượng sẽ lên cỡ 750.000 vào năm 2000, hơn trên triệu người nếu kể Cao mên và Lào. Thành phần gồm đủ tuổi tác, con trẻ rất đông

: phân nửa dân số là dưới 25 tuổi.

Định cư tại các nước khác ở trên hoàn cầu cũng giống mẫu trên : gần như không ai đến trước 75 (trừ Pháp), vài người sau năm 75, ồ ạt sau năm 80 (theo chân thuyền nhân) và tăng chậm chậm sau đó.

Khác với các nhóm di dân trước đó, người Việt di cư hoàn toàn xa lạ với đất nước mới vì không có nhóm đồng bào đã sẵn lập nghiệp nơi ấy để chờ đón tiếp, cho nên định cư rải rác trên mọi phần đất và tùy may rủi, thí dụ như khi kiếm người bảo trợ (sponsor). Tuy nhiên sau đó xảy ra hiện tượng *chuyển cư nội địa:* người dân tự động đổi chỗ định cư, dời về một tiểu bang khác, đi tìm những chỗ nắng ấm hoặc dễ làm ăn, và nhứt là những nơi nào có đông đồng bào. Cuối cùng là dân di cư đóng cụm ở tại vài chỗ có sẵn nhiều người Việt Nam và chiều hướng chung là về miền Tây và xuống miền Nam. Theo bản thống kê năm 1990, gần nửa dân số người Việt tại Mỹ là ở California, và một phần ba tổng số tập trung tại chín tiểu bang khác nữa là Texas, Virginia, Washington, Louisiana, Florida, Pensylvania, New York, Massachussets, Illinois. các tiểu bang còn lại thì Việt Nam ít hơn.

Tại sao các tiểu cộng đồng Việt Nam thành hình? Một phần nhờ trời (hoàn cảnh, may rủi), một phần là nhờ người ta. Có nơi là nhờ địa dư : gần trại tỵ nạn hay là kinh tế đang lên, một số là nhờ nhà rẻ hoặc là sinh sống dễ dàng... hay có nhiều lợi một lúc. Khởi đầu thường là một chuyện vặt vãnh : vài chục gia đình tụ nhau ăn Tết, một người lập tiệm bán đồ tạp hóa Việt Nam: gạo mắm, băng nhạc, người ta qui tụ để cùng cúng bái, xem lễ, xong rồi nhóm họp làm hội ái hữu, tương trợ. Sau đó bà con, bạn bè mời gọi, rủ rê, càng ngày càng đông, lập thêm hàng quán, càng ngày càng nhiều người về.

Lịch sử mỗi nơi mỗi khác và bước khởi đầu có thể không giống như nhau, nhưng mà then máy vẫn là người Việt mong ước tìm lại đồng bào, không khí quê hương. Có khi chỉ là một nhóm ít người, loe hoe hàng quán... nhưng đấy cũng là cộng đồng, rồi sẽ lớn mạnh nếu có đủ người. Trong khi chờ đợi, tập hợp như thế đáp ứng phần nào ước vọng người dân mất nhà, muốn trong chốc lát quên rằng mình hiện đang sống ở nơi xa lạ, ở chỗ xứ người.

Quá trình thành lập không phải luôn luôn dễ dàng như thế cả đâu. Ngoài những chuỗi ngày chờ đợi, còn có rất nhiều chướng ngại phải dẹp, ngăn cản phải qua. Đầu tiên thì là chính sách chánh phủ Liên bang, không muốn người dân di cư tập trung và thành tập đoàn, nên dùng biện pháp hành chánh bắt họ định cư rải rác trên khắp nước Mỹ. Mục tiêu là chia gánh nặng di dân một cách đồng đều cho các địa phương, và tránh khỏi người di dân biến thành những biệt ốc đảo (ghettos) sẽ có quá nhiều vấn đề và khó hội nhập. Nhưng chính sách ấy chỉ có hiệu quả lúc đầu; về sau, mặc dầu khó khăn, dân ta cũng lần mò về những nơi tập trung có nhiều đồng bào... đúng điều Nhà Nước Huê Kỳ muốn tránh.

Thế nhưng hãy còn rất nhiều ngăn cản khác nữa, cụ thể nhứt là kinh tế: muốn đi còn phải tính coi sống được hay không và cách làm sao nuôi thân. Nhiều người muốn thật nhưng mà không đi là vì không sao chuyển được giấy phép hành nghề từ tiểu bang nầy sang tiểu bang khác, hay đang có được "job" tốt, bỏ ngang cũng uổng, hay vì bị trói cột rễ nầy dây kia, nhà cửa, con cái.

Phần lớn hay thường an ủi bằng cách tự nhủ: thôi thì cũng tránh phiền phức và khỏi phải ở quá gần đồng bào "nhiều chuyện." Câu nói bên trên cũng là lý do tinh thần khiến cho một số trì kéo, lưỡng ước, dụ dự mỗi khi nhắc đến ý niệm tập hợp, nửa thích nửa sợ vì bởi không muốn cộng đồng trở thành lộ liễu, khiến sẽ bị ganh hay ghét, hay chia quyền lợi, cũng sợ ở kế bà con sẽ có những chuyện xích mích nhỏ mọn như ở bên nhà.

Những điểm chướng ngại như thế tuy vậy hóa giải được hết hay chỉ một phần, nhưng mà kết quả là những nơi nào có người Việt đông là thường có tiểu cộng đồng. Nhiều khi là chỉ vài tiệm chạp khô hay cho mướn phim, bán nhạc, vài khi một vài hội đoàn với ngày lễ Tết hay là giỗ Tổ Hùng Vương, nhưng cũng vài khi qui mô với 300.000 đồng bào, 22 chương trình phát thanh, 3.000 doanh nghiệp đủ loại, hàng trăm quán ăn, cả chục tạp chí, khá nhiều nhật báo, như ở Quận Cam, California (Los Angeles Times 23/8/98).

Làm gì? Chức năng của Tiểu Cộng Đồng: về mặt cụ thể

Nhưng dầu khiêm nhượng hay là đồ sộ, các tiểu cộng đồng đều có một số chức năng; khác chăng là có đầy đủ hay không tùy theo kích thước. Nếu tạm điểm qua thì có một vài cơ năng, dịch vụ cụ thể, sau đó có thể nhìn ra một số cơ năng, chức vụ tinh thần, thường là

đồng hành, đồng lượt.

Cụ thể rõ ràng trước nhất là tiểu cộng đồng phân bố một số *dịch vụ đặc biệt không thể tìm ra nơi khác* và chỉ thấy có nơi tiểu cộng đồng. Điển hình là các quán ăn, các tiệm tạp hóa Việt Nam cống hiến các món hay là dịch vụ thuần túy dành riêng cho người Việt Nam hay là đặc biệt do người Việt Nam cung ứng. Hậu quả là một thị trường ưu tiên độc quyền, dành cho người Việt, người ngoài khó vào. Sự việc tức nhiên cũng chỉ tương đối: tô phở có thể cũng ăn tại tiệm Cao Miên, chả lụa, mắm tôm, có thể mua được ở tiệm tạp hóa người Tàu. Nhưng mà tiệm Việt bán đồ ăn Việt, hay là sách vở, nhạc Việt bán ở tiệm Việt có vẻ phong phú, đầy đủ hơn nhiều và hấp dẫn hơn, hình như "hiện thực" hơn tiệm ngoại quốc. Sức mạnh của những tiệm Việt tại đó: mùi vị quê hương kẻ khác không có.

Vì vậy nên họ vẫn hơn, ngay trong thị trường thứ nhì, về các *dịch vụ thông thường có thể tìm được nơi khác:* người Việt vẫn thích muốn đến người mình mặc dầu có thể dùng những chuyên viên Mỹ hay là ngoại quốc. Thí dụ thoạt tiên cứ nghĩ: khám bịnh, mua thuốc ở đâu cũng được, nhưng người Việt Nam vẫn đến với người đồng hương: bác sĩ, dược sĩ Việt Nam, để thấy thoải mái, dễ dàng ăn nói và dễ thông cảm, hơn là người ngoài. Dĩ nhiên đó là ý thức dân tộc, tinh thần đồng chủng, đâu là rõ ràng hay là mông lung. Thị trường như thế coi như để dành cho riêng người Việt tuy trên lý thuyết mở rộng cho hết mọi người.

Vấn đề ít khi được đặt trên diện cụ thể, thí dụ nói rằng là tại ngôn ngữ : người không biết nhiều tiếng Mỹ đến với đồng hương đã đành, nhưng biết tiếng Mỹ cũng cứ thích nhờ Việt Nam hớt tóc, sửa xe, hay làm ống cống. Và cũng không phải chỉ tại rẻ hơn, hay tại phẩm chất cao hơn thợ Mỹ: làm ăn với người Việt Nam thấy như tự nhiên dễ chịu hơn nhiều, thiên hạ thích thợ người Việt, dù là "chữa theo kinh nghiệm," dù là không có bằng cấp, làm "chui," sửa xe ngoài đường. Thế nên rõ ràng là tại yếu tố tinh thần, vô hình thúc đẩy con người.

Với những dịch vụ như trên, các tiểu cộng đồng trở thành nên những *trung tâm trao đổi* để cho đồng bào giao dịch và trông nhờ nhau sinh sống. Về mặt kinh tế, đó cũng là thị trường mới của riêng người Việt, để họ buôn bán với nhau ở trong bối cảnh quen thuộc, thay vì phải lăn vào xã hội chủ, vật lộn với cộng đồng chánh hay dân tộc khách. Nói cách cụ thể, nhờ có cọng đồng dân tộc, người Việt di cư giới hạn cạnh tranh trong giới đồng bào vẫn giữ bối cảnh đã biết từ lâu, dùng những tài năng, ngôn ngữ sẵn có, mà không cần đến tiếng Anh, tiếng Pháp và cũng không cần học biết những luật lệ mới hay là tập tục khác lạ. Những người mới qua nhờ đó mà mau có được việc làm hay hoặc tiếp tục nghề cũ, không cần thay đổi hay cập nhật hóa tài năng như đại đa số đồng bào. Và một số khác kiếm được miếng sống thay vì sẽ bị đào thải trong xã hội mới: một số người già, phụ nữ... làm những nghề mọn như là trồng rau, làm bánh, giữ trẻ... không mấy dư dã nhưng vẫn còn hơn ở không và chịu thất nghiệp. Do đó, các tiểu cộng đồng dân tộc thành ra là cảng núp gió cho khá nhiều người, đáng lẽ chịu hàng khi gặp phong ba bão táp của xã hội mới, hấp dẫn vì cho phép sống trong bầu không khí gần như hoàn toàn Việt Nam mà lại cống hiến cơ hội làm lại cuộc đời mà khỏi mất công thích ứng.

Tiếp theo là một nhiệm vụ mà trong thực tế, ít khi trọn vẹn, mặc dầu trớ trêu, thường được nêu ra hàng đầu mỗi khi thiên hạ cố tâm gầy dựng các tiểu cộng đồng : *người trong cọng đồng giúp đỡ lẫn nhau.* Thật vậy, khi các hội đoàn ra đời, nếu không thương mãi, thì thảy rêu rao: chỉ toàn mục đích tương thân tương ái. Hoàn cảnh tuy nhiên nghiệt ngã: không có mấy ai rảnh rỗi hay có phương tiện làm việc công ích cách toàn thời gian. Ngoài ra còn khó kiếm người chịu ra chường mặt công chúng, hoặc vì họ đã chán ngán, hay sợ lỗi thời, hay sợ chỉ trích. Do đó số người mới ra thường không tên tuổi và không thành tích, nói chung thì không ai biết là tại háo danh hay tại hăng hái, nên khó lãnh đạo quần chúng. Cuối cùng: ít người hưởng ứng, không mấy ai tin và sự đóng góp lưa thưa cũng như hiệu quả yếu kém.

Vì lý do đó mà các dịch vụ cốt ý động viên đồng bào để giúp đồng bào thật ra rất hiếm và không hữu hiệu bao nhiêu. Có vài trung tâm người già sinh hoạt khá mạnh; cũng có địa điểm khám bịnh giúp cho đồng bào không có bảo hiểm, không thuộc y tế nhà nước. Tất cả rất hay nhưng mà phải nói: toàn tiền chánh phủ, còn thì các hội Việt Nam chỉ có bỏ công tìm xin trợ cấp cùng là tổ chức dịch vụ... để rồi bị trách ăn xén, làm tiền. Có chỗ thì tìm việc làm; hay dạy Anh văn, hay thi quốc tịch: tất cả đều nhờ viện trợ bên ngoài, còn chính cộng

đồng Việt Nam đóng góp rất ít. Những lớp tiếng Việt hay lớp dạy kèm cùng vậy: sống khá là nhờ những người tình nguyện hay các tôn giáo yểm trợ. Ngoài ra cộng đồng Việt Nam chưa quen với chuyện đóng góp thường trực nên chỉ có thể kêu gọi bất thường khi nào nghe có thiên tai hay biến động lớn; khi ấy quần chúng có vẻ rộng lượng thông cảm.

Thiết thực và hữu hiệu là các *sinh hoạt tôn giáo,* có lẽ bởi vì đáp đúng nhu cầu thiết yếu đám đông. Đền chùa, thánh đường mọc lên như nấm, đôi khi trước cả các cơ sở khác. Một số tự lập, mua hẳn chỗ họp hay nơi thờ phượng. Một số chia sẻ đền thờ , mượn chỗ để mà làm lễ (như các xứ đạo Công giáo). Nhưng dầu ăn đậu ở nhờ, tất cả các xứ, cộng đoàn bất cứ là theo đạo nào, cùng đều sốt sắn và phát triển mạnh. Tất cả đều có sinh hoạt tôn giáo cùng với dịch vụ phụ thuộc ở nhiều lãnh vực: thanh niên, văn hóa, xã hội... đóng góp rất nhiều vào các biểu năng của tiểu cộng đồng. Đôi khi chính thật chiêu bài tôn giáo mới khiến bà con hưởng ứng nhiệt thành mỗi khi kêu mời tham gia hay là cho tiền.

Cũng khá hữu hiệu nhưng tiềm tàng hơn là phần đóng góp của tiểu cọng đồng trong việc *tàng chuyển gia tài văn hóa Việt Nam.* Có thể một vài chủ tiệm là những con buôn đã làm phiền hà các nhà xuất bản Việt Nam, nhưng mà cũng phải công nhận: đã nhờ mạng lưới những nhà sách nhỏ hay tiệm tạp hóa phổ biến sách báo di cư cho nên mới có ngày nay. Ấn bản mỗi thứ chỉ được vài trăm, một ngàn, nhưng tựa các sách rất nhiều, loại gì cũng có, khác xa với cảnh khan hiếm lúc đầu, tưởng chừng văn hóa Việt Nam sẽ chết trong trứng và không chịu nổi sự bứng gốc rễ tiếp theo di dư. Báo thì đầy dẫy, dầu là biếu không hay là có tiền, ở địa phương nào cũng có, tồn tại đã mười mấy năm dầu đã nhiều lần ngoắc ngoải. Thị trường ca nhạc thịnh vượng, có thể coi như dẫn đầu luôn cả bên nhà , xum xê như một thành công đặc cách. Truyền thanh, truyền hình tuy chỉ một số giờ ở tại những đô thị lớn, nhưng cũng trả lời phần lớn ước vọng của đại đa số quần chúng. Tất cả tất nhiên đã nhờ thời điểm thuận lợi khi các tiến bộ khoa học khiến cho kỷ thuật truyền thông được phổ biến rộng, rẻ tiền, dễ dàng thực hiện. Nhưng chính nhờ các tiểu cộng đồng, cho nên mới có môi trường tập trung để nuôi sáng tạo, phát hành, nhứt là tiêu thụ, nuôi dưỡng các loại truyền thông và cho có dịp sanh sôi nẩy nở, chuyển giao tiếng Việt và văn hóa Việt cho những người trẻ lẫn người già, khiến cho văn hóa dân tộc trường tồn.

Cũng một cách ấy, có tiểu cộng đồng mới có hội đoàn, lễ lạc. Chính thật, họ đạo, chùa chiền, các hội tương tế hay là lễ Tết, biểu tình

LÊ KHẮC LÝ

MỘT NÉN HƯƠNG TRI KỶ

Họa nguyên vận bài "Đọc Vần Thơ Cũ" tưởng nhớ Tạ Ký của Cung Diễm và bài họa "Hình Như" của Hà Thượng Nhân (Thế Kỷ 21 số 114, tháng 10-1998).

Ngươi đã ra đi, "Sầu Ở Lại"
Cuộc đời như một cảnh "Chó, Mây" (1)
Ta với nhà Ngươi chung số phận,
Bỏ vùng "kháng chiến" chạy về đây!
Giấc mộng giang sơn người tuổi trẻ
Chìm sâu thế sự một cơn say!
Ta mang binh phục ngoài biên ải,
Ở lại thành đô, Ngươi bó tay.
Bạn với Thơ, Yêu, cùng với Rượu
Đêm đêm thân thế thẹn râu mày.
Cạn mấy chai bia ngoài Chợ Đủi,
Khuya về hai bánh phóng như bay. (2)
Có những vần thơ trên gói thuốc
Viết ra để tặng thế gian này.
Sá chi những chuyện tình đen, bạc
Thua một canh đời trắng cả tay!
Thế nhân ai đó người xanh mắt
Mà cứ mềm môi chẳng chút cay.
Miên viễn nghìn thu Thơ giã biệt
Đáy mồ hoang lạnh nhớ thương ai!

Ký ơi! Một nén hương tri kỷ
Khóe mắt nồng cay ta khóc đây!

Nam Cali, 3 tháng 10, 1998.
Đêm đọc thơ người, khóc bạn mình.

1. "Bức tranh Vân Cẩu"
2. Ngày xưa Tạ Ký đi xe Lambretta.

Quốc khánh thường là cách thức đầu tiên để cơ chế hóa cộng đồng và khiến cho những tập hợp hồn nhiên của dân di cư trở thành chính thức, đem từ bàng bạc trở thành cụ thể.

Hội đoàn thì có rất nhiều nhưng nói thực lực thì phải hỏi lại. Trư các tổ chức tôn giáo cùng với một số hội đoàn ái hữu, các loại hội khác Việt Nam có vỏ mà không có ruột, có tiếng mà không người theo, nên không hoạt động đáng kể... trừ phi vài ba buổi tiệc cùng với những cuộc vải vả vô bổ. Không kể cái tội cố hữu - người Việt phân chia và hay nghi ngơ - phải nghĩ rằng người lập hội thường quá tham vọng, muốn nhiều trong khi phương tiện rất ít - hay là không có - nên chẳng làm gì ra hồn. Về mặt chánh trị, thay vì kết hợp để thành sức mạnh, cộng đồng Việt Nam hãy còn rơ i rạc nên chỉ đáng kể ở một vài nơi và trong bình diện khiêm nhươ ng. Ước vọng đoàn kết, thành lập cộng đồng duy nhứt với một tiếng nói, khi đem thực hiện chỉ đem thất vọng và càng thấy mầm chia rẻ rõ hơn.

Trừ một vài lễ cổ truyền mà một số người không hiểu và chẳng thiết tha, các hình thể khánh tiết khác: lễ Tết, hội chợ, diễn hành, đại hội ca nhạc... thường được gần hết mọi người tán thưởng vì là những dịp vui chơi cùng lúc được thêm cảm nghiệm đoàn kết, cộng đồng và dân tộc tính. Do đó nên thường tổ chức và dễ thành công. Câu hỏi là không hiểu kết quả thật có chiều sâu, tác động quần chúng đến đâu và được bao lâu, hay là chỉ một hình thể mua vui hời hợt trong giây lát. Các nhà lãnh đạo do đó cũng nên nghiệm lại trước khi đặt để ưu tiên.

Về mặt tinh thần

Chức năng vừa kể nhắc đến bình diện cụ thể, những điều thấy được, nghe được thường xảy nơi tiểu cộng đồng. Cạnh đó còn những đóng góp tinh thần, trừu tượng vô hình nhưng mà căn bản, chánh yếu, chính thật mới là đặc chất của tiểu cộng đồng. Chính là phần nầy mới là lý do tại sao các tập hợp ấy ra đời, phát triển, tồn tại và là căn cớ khiến chúng chiếm chỗ độc đáo trong đời mọi người di cư.

Đầu tiên và trước hơn hết, các tiểu cộng đồng yểm trợ, *nâng đỡ,* đem lại sức mạnh đoàn kết của toàn dân chúng cho người di cư đang bị bấn loạn hay dồn trong thế cô đơn và phải đối đầu với một hoàn cảnh xa lạ. Người dân di cư tự nhiên được thấy ấm lòng khi gặp đồng hương, bạn cũ và ngay những người không quen nhưng nói và nghe tiếng Việt, như có bức tường bao bọc, cái khiên che chở, bàn tay rồi sẽ giúp đỡ, bao che hay là dìu dắt, khiến rồi không sợ lẻ loi, dò dẫm, sợ hãi. Cho một số người tỵ nạn, cọng đồng đã là một chỗ nương tựa trong lúc phong ba, nguồn sống giúp cho phương tiện trường tồn hay là phát triển; tóm lại, làm đúng vai trò nâng đỡ mọi người ao ước: nuôi dưỡng, đưa đường, cầm tay. Một số lớn khác thì không nhận gì cụ thể nhưng vẫn thấy mình toại nguyện mỗi khi về lại cộng đồng. Họ không mong ai giúp đỡ, họ không đòi dìu dắt — nhưng mà nếu có thì là cũng hay — nhưng vẫn nghĩ rằng nếu có cộng đồng thì là thêm được đảm bảo, sẽ có những người đồng cảnh với mình, thông cảm dễ dàng, sẵn lòng trao đổi kinh nghiệm, rộng dạ chỉ dẫn, luôn sẽ giúp vào một tay những khi nào cần. Tóm lại, họ trông tinh thần đoàn kết dân tộc, tin vào ý chí "nối vòng tay lớn:" chỉ cần nghĩ tới đã thấy yên lòng vững trí. Nhiều khi họ cũng gặp cảnh chướng tai gai mắt: đồng bào hất hủi, nạt nộ, quan liêu, tệ như lúc sống dưới ách thực dân. Dầu vậy, ở trong thâm tâm mọi người, các tiểu cộng đồng vẫn là hình ảnh lý tưởng và là thành trì đoàn kết dân tộc. Chính tại vì thế nên chúng thu hút hàng vạn những người về sống, cùng với hàng trăm ngàn người đến viếng, dù chỉ vài ngày hay một vài giờ , để được lặn hụp ở trong không khí cội nguồn Việt Nam.

Cũng vì nơi ấy là chỗ Việt Nam giao dịch với nhau, nên tiểu cộng đồng cũng là *lối thoát dễ dãi* cho ai không muốn hay không khả năng để vào một thế giới mới, khác lạ : người Việt di cư có thể quên rằng mình gốc tỵ nạn nếu vẫn sống với người Việt, đọc sách báo Việt, ăn chỉ đồ Việt và nói tiếng Việt cả ngày. Điều nầy lý tưởng cho người mới đến và các di dân đợt I, (đến Mỹ khi đã trưởng thành) những người lớn tuổi không thấy hay không chấp nhận thích ứng hay là không muốn đi vào xã hội ngoại quốc. Nếu cứ tiếp tục lâu dài, hiện tượng sẽ lần đưa đến tình trạng đáng ngại một biệt ốc đảo (ghetto), là khu biệt lập do một sắc dân chiếm cứ nhưng ít liên lạc với cộng đồng chánh nên thường kém cỏi về các phương tiện của xã hội chủ. Biến chuyển loại ấy có thể xảy ra nhưng theo tôi nghĩ sẽ khó thể hiện vì bởi còn tùy lớp trẻ thường hay mở rộng bên ngoài và mau hội nhập. Tuy nhiên tương lai của tiểu cộng đồng là điều hệ trọng và nên chú ý: có dịp chúng ta sẽ phải bàn đến.

Bên trên, chúng ta đã nói các tiểu cộng đồng truyền lưu văn hóa dân tộc bằng những hình thức sách báo, ca nhạc... Đứng trên bình diện tinh thần, tập hợp dân chúng còn hơn thế nữa, đang là *công cụ bảo toàn hệ thống giá trị tinh thần,* khiến lớp người trẻ vẫn giữ, nếu không hoàn toàn kỷ cương, ít nữa cũng là ý niệm là người Việt Nam. Họ biết họ là người Việt, suy tư, phản ứng như là người Việt, phần nào là tại gia đình chỉ giáo, nhưng một phần khác là do cộng đồng hướng dẫn. Đầu tiên, cộng đồng đóng vai chứng tá, mẫu mực (role model), biểu tỏ người Việt suy nghĩ làm sao, thái độ thế nào, hành xử cách nào... để cho người nào chưa biết thì sẽ học theo. Sau đến, các tiểu cộng đồng kềm giữ, kiểm soát, uốn nắn, thúc đẩy thành viên phải theo mẫu định vì có phương tiện coi chừng đi đôi cùng với thưởng phạt. Kềm giữ chỉ là cách nói là vì dây buộc chỉ toàn vô hình, thí dụ như khi sống trong tập thể thì bị dòm ngó hay là soi bói: giám thị tuy chưa hẳn là hành động nhưng có thể coi như bước khởi đầu kiểm soát. Thưởng phạt thì cũng vô hình, chỉ là khen, chê, sầm sì, tuy không uy lực cụ thể nhưng trên thực tế, vẫn là hiệu quả, vì ai cũng muốn mình đi cùng đường với các người khác để nhận lời khen và ít ai thích đi trái ngược lại, để khỏi lời chê.

Ảnh hưởng thế ấy có thể bàn bạc trong đại đoàn thể hay trong cá nhân vài người ở trong cộng đồng. Nhưng rõ hơn hết là sức các *tiểu đoàn thể* hoạt động ở trong cộng đồng, như là các hội Hướng đạo, Phật tử, Công giáo. Đoàn thể không những làm khuôn để đúc con người theo mẫu mình muốn — con người "hướng đạo," hay là "phật tử" hay là "công giáo" — mà cùng một lúc, cống hiến mẫu mực con người "Việt Nam," dạy biết đức tánh đặc thù khiến sẽ phân biệt với các kẻ khác chung quanh, khiến không là Mỹ, hay Latino, hay là người Đen mà là người Việt. Một khi ở trong hội đoàn, tức thì cá nhân sẽ theo kiểu mẫu số chung và lấy đức tánh Việt Nam, dầu hay dầu dở.

Hai nhà chuyên viên xã hội so sánh hai nhóm con trẻ Việt Nam tại làng Versailles ở New Orleans, Louisiana, một nhóm sinh hoạt ở trong hội đoàn Việt Nam, một nhóm không có thống thuộc gì hết. Đối chiếu hai nhóm với nhau về thành quả ở trường, cách thức sinh hoạt ở nhà, tánh nết ngoài đường, ước vọng lấy chồng hay vợ Việt Nam. Kết quả cho thấy: những trẻ có chân trong một hay nhiều hội đoàn có nhiều đức tánh "Việt Nam" hơn các trẻ kia — ngoan ngoãn, dễ dạy, siêng năng, học giỏi, giúp đỡ cha mẹ ở nhà, mong muốn kiếm người bạn đời Việt Nam và tự coi mình là người Việt Nam, rõ hơn các trẻ không thuộc hội đoàn. Tác giả kết luận: cộng đồng sắc dân đóng dấu dân tộc vào trán cá nhân đoàn viên, xác nhận căn tính (identity), truyền giao đặc tính của nhóm cho các thành viên. Cách rõ ràng hơn : nếu thuộc hội đoàn, thì là sẽ nhờ cộng đồng, người trẻ Việt Nam sẽ càng vững tin mình là người Việt chính cống, biết rõ tư thái, tư tưởng, hành vi người Việt ra sao và biến cá nhân theo kiểu mẫu mực truyền thống (Zhou Min & Bankston C. 1998).

Vai trò hệ trọng

Trên đây là những nét chánh quá trình cấu tạo, khả năng xây dựng cùng với thực lực của tiểu cộng đồng. Hệ trọng và phần đóng góp không thể chối cãi, dầu là vật thể, kinh tế, xã hội hay là tinh thần. Kỳ vọng tuy nhiên còn lớn hơn nữa. Có người mong tựa vào đó sinh sống, người khác coi như là chỗ trú chân. Ít nhứt, ai cũng đều muốn có nơi để sưởi ấm lòng. Và người Việt Nam hải ngoại sẽ tan như bèo nếu không có được những tập hợp lớn hay nhỏ chúng ta gọi là những tiểu cộng đồng.

Hoàn cảnh đã bắt chúng ta lưu lạc ở bốn phương trời. "Người ta" không thích chúng ta ở chung. Nhưng rồi người mình cũng tìm nhau lại, chung nhau để sống. Tất cả không hẳn vuông tròn như ta ước muốn. Tương lai chưa biết thể nào và không một ai dám chắc. Có điều tuy nhiên cần nhớ: vận mạng chúng ta — kể như đoàn thể — sẽ theo các tiểu cộng đồng rất nhiều, theo đó mà sẽ hưng vong.

Tiếng nói chúng tôi có vẻ dư thừa vì ai cũng đều lo âu, chú ý cọng đồng. Nhưng biết được rõ vai trò căn bản của tiểu cộng đồng, cộng thêm chút ưu tư có thể dẫn chúng ta đến những hành động thiết thực và hữu hiệu hơn.●

Tham Khảo

- Los Angeles Times - *A time for big decisions in Little Saigon.* 23/8/98.
- US. Bureau of Census. 1984 - *Census of the population, 1980.* Washington, D.C. US Gvt. Printing Office.
- id - 1994 - *Statistical abstract of the United States : 1994.* Washington, DC, US Gvt. Printing Office.
- Zhou, Min & Bankston, C. 1998 - *Growing up American.* New York. Russel Sage Foundation.

TRÙNG HỢP

VÕ DOÃN NHẪN

(Chuyện thực 99%)

MỘT. - Trần Huy Sao là bạn tôi, tuy anh trẻ hơn, thuộc lớp đàn em. Anh là một trong những nhà thơ được nhiều độc giả yêu thơ — nhất là quận hạt San Diego — biết tên. Thơ anh có mặt trên nhiều báo và tạp chí tiếng Việt. Sức sáng tác của anh so với tôi, dồi dào sung mãn hơn nhiều. Đến nay anh đã hoàn tất nhiều thi phẩm: Nhật Thi, Tháng Ngày Còn Lại, Trọn Đời Làm Mây Bay, Chân Dung Ngày Tháng, Mưa Nắng Trong Đời, Hạ Hồng Phượng Đỏ và Nhánh Rong Phiêu Bạt. Tôi tin anh còn cho ra nhiều tác phẩm khác nữa.

Một lần tôi cùng anh Sao nói chuyện bâng quơ về thời tiết, về thời sự, về những sao Đào Hoa Hồng Loan biến thành những sao quả tạ lên đầu lên cổ một người, về văn thơ Việt Nam hải ngoại. Sau đó tôi có đưa ra một đề nghị, một góp ý với anh Sao về một cái tên của một... đứa con tinh thần của anh: Nhánh Rong Phiêu Bạt. Cũng là chỗ khá thân tình, nếu không, cát vàng tôi cũng không dám. Vả, bản thân tôi cũng "được" người khác đề nghị, góp ý về tên của một bài viết của tôi. Nói là "đề nghị," là "góp ý" vì do quen miệng mà nói chứ thực ra tôi chẳng được ai đề nghị góp ý. Báo cho tôi biết cũng không ai. Mãi cho đến khi thấy mặt đứa con (tinh thần) trên mặt báo tôi mới biết nó đã được đổi tên: "Chuyện Nhà." Trước kia tôi đặt tên nó là "Chuyện Trong Gia Đình."—Nghe có vẻ luộm thuộm thế nào. Thành ra tôi rất đồng ý với cái tên mới ấy của con tôi, gọn gàng, đỡ choán chỗ trên trang báo.

Tôi nói với anh Sao:

"Tôi thấy hình như (chỉ "hình như" thôi nghe) giữa hai từ "phiêu bạt" và "phiêu giạt" có một khác biệt. Vì vậy tôi nghĩ "Nhánh Rong Phiêu Giạt" nghe chỉnh hơn "Nhánh Rong Phiêu Bạt."

"Anh nói khác biệt là khác biệt làm sao?"

"'Bạt' mang ít nhiều tính chủ động, tự ý, cố ý. Một người phiêu bạt, gã đàn ông lang bạt, một tên bạt mạng. 'Giạt' mang tính bị động, không tự ý, không cố tình, như thể bị 'cuốn theo chiều gió,'theo dòng nước, theo hoàn cảnh. Áng mây trôi giạt về phương trời vô định. Cánh bèo trôi giạt về đâu."

Anh Sao lắng nghe tôi nói, vâng vâng ừ hử cầm chừng.

Thời gian độ một mùa trôi qua, tình cờ tôi biết anh Sao đổi tên đứa con tinh thần của anh "Nhánh Rong Phiêu Bạt" không còn là "Nhánh Rong Phiêu Bạt" nữa. Nhưng cũng không "Nhánh Rong Phiêu Giạt" như tôi gợi ý.

Tên mới của nó là "Nhánh Rong Phiêu."

HAI.- Mẹ tôi theo đạo Phật, nhưng họa hoằn bà mới đi chùa. Nay mẹ gần trăm tuổi — hiểu theo nghĩa nào cũng đúng — mẹ càng ít đi đâu, kể cả đến khách sạn Hải Yến dự lễ chúc thọ và chiêu đãi do chính quyền địa phương tổ chức. (Họ vốn thích tổ chức ăn uống chiêu đãi). Con tôi có thỉnh về nhà một tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để hai bà cháu cùng thờ phượng tụng niệm. Ngày về thăm mẹ thăm con bên nhà, tôi thường thấy mẹ công phu sáng trưa chiều và bất cứ lúc nào mẹ thích! Cũng tốt, cũng hay. Nhưng có một lần mẹ làm lễ công phu chiều, trong lúc tôi đang đọc lại "Hồn Bướm Mơ Tiên" ở phòng khách. Tôi xếp sách lại, lắng nghe. Tiếng chuông ngân nga trong buổi chiều tà êm ả, vang vọng giữa thinh không rực rỡ lụa vàng nắng quái. Trong giây phút, tôi hình dung chú tiểu Lan trong khu vườn sắn đang thả hồn theo tiếng chuông chùa Long Giáng từ xa vọng lại.

Giữa lúc tiếng chuông còn âm hưởng ngân nga, mẹ tôi lâm râm niệm Phật:

Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật

Bất giác tôi hướng cái nhìn của tôi về phía bàn Phật. Pho tượng nhỏ màu trắng của đức Quán Thế Âm đang để tai nghe mẹ tôi niệm Phật A Di Đà.

Đợi ba hồi chuông mẹ thỉnh sau đó dứt hẳn và mẹ rời khỏi phòng thờ, tôi nhẹ nhàng hỏi mẹ:

"Nhà mình thờ đức Quán Thế Âm, sao Bác — tôi gọi hai đấng sinh thành là Bác vì tôi bị khó nuôi từ lúc còn quấn tã; mấy ông anh bà chị tôi đều khó nuôi tất — lại niệm đức Phật Di Đà?"

Rất dễ dàng, rất trôi chảy, rất thông suốt, mẹ đáp:

"Ôi, Phật nào cũng là Phật, con ơi."

Thằng con tôi vừa đi làm về, nghe hai mẹ con tôi... trao đổi, cũng... góp ý:

"Nhiều lúc nghe Nội nói con cũng 'ngọng' luôn."

Và hiện giờ, tôi, cha nó, cũng "ngọng"!

Cho đến ngày lên đường trở lại Mỹ tôi không còn nghe niệm "Nam mô A Di Đà Phật" nữa. Nhưng bà cũng không niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát."

Bà niệm "Nam mô Phật" ngắn, gọn.

Những lần nghe mẹ niệm như thế, tôi lại nhớ một câu trong bài "Hương Sơn Phong Cảnh" của Chu Mạnh Trinh: "Lần tràng hạt niệm Nam mô Phật."

"Phật nào cũng là Phật." Tôi vốn dốt nát về giáo lý Phật, về triết lý Phật giáo nên tôi không biết mẹ tôi nói thế đúng hay sai.

BA.- "Nhánh Rong Phiêu" và "Nam Mô Phật."

Mẹ tôi người Việt gốc... Huế. Tôi nghĩ anh Trần Huy Sao cũng người Việt gốc Huế như mẹ tôi.●

LÊ NHIÊN HẠO

ĐỊNH NGHĨA TÌNH YÊU

Tình yêu - tôi tưởng hạt kim cương
không phải! Chỉ là một hạt sương!
không phải - Chỉ là tia nước mắt!
tôi nhìn tận mặt: Nỗi Cô Đơn!

Tình Yêu như thế mà tha thiết
mà thiết tha hoài, nghĩ tội ghê!
lớp lớp người đi vào cõi chết
chỉ vì tha thiết mối Tình Quê!

Tình Yêu, tôi nhớ mồ hôi Mẹ
chảy mướt xanh dờn đám mạ non
chỉ chực bàn tay Cha vuốt nhẹ
mà no mà ấm một bầy con!

Tình Yêu, tôi nhớ tôi hồi trẻ
chợt động lòng ai, cứ ngẩn ngơ
rồi súng lên vai còn ngó lại
nhìn đăng sau nghĩ đến tương lai...

Tình Yêu một thuở đầy trang sách
tôi giảng bài nghe cứ ngập ngừng
những cặp mắt xanh, tròn, chớp chớp
nhìn thầy như kẻ đứng đầu sông!

Tình Yêu một thuở tương tư thế
tôi gánh gồng theo mỏi kiếp tù
Tổ Quốc - Mẹ Cha - Trường với Lớp
võ vàng như thể lá mùa Thu!

Đã buông cây súng, đã buông tay
hai chữ Tình Yêu vẫn đọa đày
không lẽ nợ duyên ngàn kiếp trước
buộc ràng tôi mãi tới hôm nay?

Khi không tôi vẽ đám mù sương
vẽ mắt em đôi ngọc bích tròn
rồi tạc mặt trời cho khuyết chút
nhìn ra hình ảnh nụ môi hôn!

Thì ra... tất cả là hư ảo
tất cả quay về nỗi quạnh hiu
rờ túi, không còn chi dính túi
rờ tim, nghe buốt chữ Tình Yêu!

Rờ tim! Tôi vẫn còn tim, đó
xẻ được làm đôi thích biết bao
một nửa, tôi nhìn tôi - máu chảy
nửa kia, ai thấy, động lòng đau!

Rồi thơ tôi chẳng còn hơi thở
tự nãy giờ tôi vẽ quỷ ma
mấy chiếc lá bay vào cửa sổ
Tình Yêu, bất chợt hạt mưa sa...

CÂU CHUYỆN TỪ ĐIỂN VIỆT NAM

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Bất cứ nước nào đã tự hào là có một nền văn hóa là phải có một cuốn tự điển để chuẩn xác cho ngôn ngữ của quốc gia mình hầu tránh sự dùng chữ bừa bãi, lố lăng hay lai căng, vay mượn. Chữ quốc ngữ sau khi thành hình không lâu đã có ngay một cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên của Paulus Huỳnh Tịnh Của, cuốn *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* xuất bản cuối thế kỷ 19.

Dựa theo cuốn tự điển đầu tiên này nhiều tự điển và từ điển Việt Nam khác được các tác giả sau này biên soạn. Trước 1975, hai cuốn thông dụng trong Nam là *Việt Nam Từ Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức và *Việt Nam Từ Điển* của Lê Văn Đức. Phía nhà cầm quyền cộng sản sau 1946 không biên soạn tự điển tiếng Việt nào. Cho tới khi cộng sản chiếm hoàn toàn miền Nam Việt Nam năm 1975 cuốn từ điển thông dụng của họ chỉ có *Từ Điển Tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên. Bộ *Bách Khoa Tự Điển Việt Nam* mà Hà Nội quảng cáo từ lâu cho tới nay hình như vẫn còn trong dạng dự thảo mấy vần đầu A, B, C mà thôi.

Có nhiều tác giả thường khen Hà Nội có những công trình khảo cứu văn học công phu hơn Việt Nam Cộng Hòa vì nhà cầm quyền cộng sản chịu bỏ ra những ngân quỹ lớn cho việc biên khảo và huy động nhiều nhân lực. Điều này có thể đúng với một số tác phẩm nhưng không đúng với tất cả vì các nhà biên khảo Hà Nội vô tình hay cố ý còn nặng về tuyên truyền, và phải hướng mọi nghiên cứu của họ theo đường lối chỉ thị của đảng cộng sản nên trở thành thiếu vô tư.

Ví dụ đơn giản là cuốn biên khảo *Người Anh Hùng Làng Dóng* của Cao Huy Đỉnh nói về huyền thoại thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) cả hàng nghìn năm trước mà cũng xen kẽ vào những đoạn tuyên truyền chống Mỹ cứu nước khiến ta có cảm tưởng như ăn cà rem mà lại thêm gia vị... mắm tôm.

*

Trong cuốn *Từ Và Vốn Từ Tiếng Việt* do nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội phát hành năm 1986, tác giả Nguyễn Văn Tu viết rằng từ trước tới nay Việt Nam chỉ mới có sáu cuốn từ điển tiếng Việt mà ông gọi là từ điển một ngôn ngữ. Tác giả liệt kê những từ điển có trước 1945 như cuốn từ điển của Huỳnh Tịnh Của, *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức tới *Từ Điển Học Sinh* của nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội và kể thêm một cuốn thời Việt Nam Cộng Hòa của Đào Văn Tập xuất bản tại Sài Gòn.

Sau đó, cũng tác giả Nguyễn Văn Tu cho nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội in cuốn *Các Nhóm Từ Đồng Nghĩa Trong Tiếng Việt*, khi liệt kê các từ điển Việt Nam có ghi thêm *Từ Điển Tiếng Việt Phổ Thông* của Viện Ngôn Ngữ Học nhưng cả hai cuốn sách của ông Tu đã dẫn đều không hề nói tới cuốn từ điển của Lê Văn Đức.

Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức được biên soạn trong mười năm với sự hiệu đính của nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, in trong ba năm và tới năm 1970, nhà xuất bản Khai Trí mới cho ra mắt tại Sài Gòn. Bộ từ điển gồm hai cuốn khổ lớn, chữ nhỏ dày tổng cộng 2515 trang có đầy đủ phần định nghĩa thông thường và các phần nhân danh, địa danh, tục ngữ, thành ngữ, điển tích...

Chẳng lẽ Nguyễn Văn Tu là một giáo sư nhiều năm, đã từng viết sách về ngôn ngữ mà không biết tới bộ từ điển đồ sộ Lê Văn Đức. Thực ra thì ông Tu biết nhưng hoặc là theo chỉ thị hoặc là tự ý ông muốn dìm những tác phẩm của miền Nam chăng vì cho rằng cái gì xuất hiện ở miền Nam đều vô giá trị.

Điều nhận xét này không võ đoán mà chỉ là nhận xét về đường lối của Việt cộng xưa nay vẫn cố tình lờ đi những công trình của miền Nam .

Ví dụ về truyền hình , Việt cộng phổ biến và giảng dạy rằng truyền hình Việt Nam chỉ có từ năm 1970 là năm Hà Nội bắt đầu có đài, một tuần phát hình hai ba lần, mỗi lần vài chục phút. Trong khi tại Việt Nam Cộng Hòa đã có truyền hình từ năm 1966 khi đài phát đặt trên một phi cơ lượn trên không phận Sài Gòn trong thời gian chờ đài dưới đất đang xây cất dở dang.

Nói tới lịch sử điện ảnh thì cộng sản chỉ kể từ những *phim đèn chiếu* (phim tranh vẽ chỉ có hình, không cử động) sau 1946 khi họ chạy vào rừng, rồi tới phim phóng sự vài chục phút *Nước Về Bắc Hưng Hải* mà không nói gì tới những phim Việt Nam vùng quốc gia như *Cánh Đồng Ma, Trận Phong Ba* hay *Kiếp Hoa.*

Sách viết về lịch sử mỹ thuật hay âm nhạc chẳng hạn, họ sẵn sàng bôi tên những họa sĩ, những nhạc sĩ có tên tuổi từ trước 1945 nếu những nghệ sĩ tài danh đó đã ở lại hoặc trở về vùng quốc gia không theo họ, cùng ở với họ trên rừng già Việt Bắc.

*

Trở lại chuyện tự điển, sau hiệp định Geneva 1954, cộng sản chính thức trở về tiếp thu Hà Nội cũng chưa có thì giờ lo chuyện này. Tới sau ngày 30.4.75 chiếm được Sài Gòn cán bộ văn hóa Hà Nội vào Sài Gòn còn ào ào vơ vét các loại từ điển song ngữ Anh - Việt, Pháp - Việt, Hán - Việt mà Hà Nội không có.

Về tiếng Việt mãi tới năm 1963, Hà Nội mới soạn xong cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên, rồi tới năm 1967 mới phát hành. *Cuốn Từ Điển Tiếng Việt* này do Văn Tân chủ biên với thành phần biên soạn gồm 13 người trong đó có những nhà trí thức, học giả quen tên từ lâu như Nguyễn Tấn Gi Trọng, Ngụy Như Kontum, Trần Văn Giáp, Hoa Bằng...

Dưới chế độ Cộng sản, ngôn ngữ Việt tại miền Bắc đã có nhiều tiếng mới rất xa lạ với tiếng Việt bình thường. Lấy ví dụ ngay trong cuốn Từ Điển Tiếng Việt của Văn Tân ta đã bắt gặp những chữ lạ tai có nghĩa khác hẳn nghĩa thông thường mà người Việt đã dùng trước khi cộng sản Việt ra công khai năm 1945.

Xin đan cử vài ví dụ :

- lô gích: hợp với luận lý.
- quá độ: thời gian chuyển tiếp giữa hai thời kỳ.
- hồ hởi: cởi mở, vui vẻ, phấn khởi.
- đường kính: thứ đường ăn đã tinh chế thành tinh thể màu trắng.
- lái xe: người điều khiển tay lái cho xe ô tô chạy (dùng động từ làm danh từ).
- sự cố :nguyên nhân sinh ra việc biến.
- công nghiệp: phương thức dùng máy móc biến hóa nguyên liệu thành vật dụng hoặc thành công cụ.

Trong *Từ Điển Tiếng Việt* (Văn Tân) nhiều tiếng Việt gốc Hán đã Việt hóa cho ngôn ngữ thêm phong phú thì các tác giả tự điển lại cho là lộn xộn và chủ trương loại bỏ nhiều từ thông dụng. Về điểm này các tác giả viết trong *Lời Nói Đầu: "Cái hiện tượng thiếu ngăn nắp trong tiếng Việt kể ra thì còn nhiều."* Cũng trong bài này, khi giải thích cách xếp đặt từ theo thứ tự nào, họ viết: *"Về trật tự ABC chúng tôi theo đúng trật tự của vần chữ quốc ngữ Việt."*

Ngôn ngữ của một dân tộc có phải là một cái tủ áo đâu mà gọi là một *ngôn ngữ thiếu ngăn nắp*. Và khi sắp xếp chữ theo vần A, B, C sao không gọi là *theo thứ tự* mà lại dùng hai chữ *trật tự* như khi xếp ngôi vị các đảng viên trong Bộ Chính trị, hay hô hào trật tự trong một đám biểu tình tiền chế để hoan hô lãnh tụ. Họ hô hào làm cho tiếng Việt trong sáng nhưng chính những người làm tự điển lại làm mù mờ và nghèo nàn thêm tiếng Việt.

*

Cho tới trước năm 1967, ở trong Nam và có thể cả ngoài Bắc khi cần kê cứu tiếng Việt vẫn phải dùng tạm cuốn *Việt Nam Tự Điển* do Hội Khai Trí Tiến Đức (Ban Văn Học) Hà Nội biên soạn và nhà in Trung Bắc Tân Văn in năm 1931. Cuốn này dày khoảng 700 trang, được tái bản nhiều lần và được dùng rộng rãi vì cuốn từ điển Huỳnh Tịnh Của thì quá cổ cả về định nghĩa và cách viết nên chỉ còn dùng để nghiên cứu mà thôi.

Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức còn thiếu sót nhiều (Ví dụ chữ *sen* chỉ có định nghĩa là một loài cây dưới nước mà thiếu

định nghĩa thông thường nữa là cô giúp việc trong gia đình) nên miền Bắc năm 1967 có *Từ Điển Tiếng Việt* (Văn Tân) và miền Nam năm 1970 có *Việt Nam Từ Điển* của Lê Văn Đức thay thế.

Viện Ngôn Ngữ Học của Hà Nội xúc tiến việc soạn thảo một cuốn tự điển Việt Nam mới, và tới năm 1988 nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội in xong tại thành phố Hồ chí Minh với tên là *Từ Điển Tiếng Việt*. Sách dày 1206 trang do Hoàng Phê chủ biên. Theo lời giới thiệu ở đầu sách, *Từ Điển Tiếng Việt* là một cuốn từ điển đầu tiên của Việt Nam do một tập thể cán bộ ngôn ngữ biên soạn. Tập thể này gồm 17 người so với cuốn Từ Điển Tiếng Việt (Văn Tân) thì tập thể của Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) đông hơn tới bốn người nhưng không có những học giả quen tên lâu đời như trường hợp từ điển Văn Tân mà toàn là những tên lạ.

Trong lá thư đề ngày 7.3.1987 in trên đầu sách, thủ tướng Phạm Văn Đồng khen ngợi bộ biên tập, tán dương cuốn sách này là chuẩn hóa tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng cho tiếng Việt.

Cho tới nay từ điển Hoàng Phê đã được tái bản nhiều lần và cuốn mới nhất chúng tôi được thấy là ấn bản 1996. Khi biên soạn *Từ Điển Tiếng Việt* (Hoàng Phê), các tác giả đã tham chiếu các từ điển trong Nam, ngoài Bắc nên có một số ưu điểm và mới mẻ hơn nếu so với *Từ Điển Tiếng Việt* (Văn Tân) hoặc *Việt Nam Từ Điển* (Lê Văn Đức).

So với cuốn Văn Tân, từ điển Hoàng Phê có nhiều từ hơn. Chẳng hạn hai từ *thanh nhạc* và *lâm sàng* là hai từ mà báo chí cộng sản thường dùng, từ điển Hoàng Phê có giải nghĩa nhưng từ điển Văn Tân không có và từ điển Lê Văn Đức cố nhiên không có vì hình như trong Nam không ai dùng hai từ này. Về thành ngữ có từ *đầu"* đứng trước Văn Tân có 14 thành ngữ như *đầu cua tai nheo, đầu trâu mặt ngựa...* nhưng thiếu *đầu Ngô mình Sở*. Hoàng Phê có đầy đủ hơn nhưng nếu so với Lê Văn Đức thì không thấm vào đâu vì trong *Việt Nam Từ Điển* (lê Văn Đức) có tới 44 thành ngữ với từ *"đầu"* đứng trước.

Về cách định nghĩa, tự điển Hoàng Phê biên soạn gọn gàng và chính xác. Tuy nhiên cũng còn nhiều trường hợp cần bàn bạc. Chẳng hạn từ trước tới nay khi định nghĩa chữ *"cây"* các tác giả thường thường theo cách định nghĩa chữ *tree* hay *arbre* trong tiếng Anh và tiếng Pháp. Và ghi *cây* là *thực vật có lá, thân mộc, thẳng*. Định nghĩa như thế thì hồng, cúc, bầu, bí không được gọi là cây nữa vì chúng làm gì có thân mộc và không thẳng. Trong từ điển Hoàng Phê và Văn Tân *cây* được định nghĩa là *thực vật có thân lá rõ rệt*. Vậy nếu tra chữ *"tơ hồng"* trong từ điển Hoàng Phê thì giống thực vật không có lá rõ rệt này vẫn được gọi là *cây*. Theo Lê Văn Đức thì *cây* là tất cả *loài thực vật biết ăn phân, chịu sương nắng, sống, lớn và sinh sản*. Định nghĩa như thế thì lại quá dài dòng.

Từ *"ly"* trong Nam thay từ *"cốc"* ngoài Bắc, từ điển Văn Tân định nghĩa *ly* là *cốc pha lê nhỏ*. Từ điển Hoàng Phê định nghĩa là *cốc nhỏ để uống rượu*. Thực ra *cốc* và *ly* chỉ là hai tiếng của hai miền Nam và Bắc chỉ chung một đồ dùng, chứ *cốc* và *ly* không hề khác nhau như mèo và hổ. Trong trường hợp này ở từ *ly* có thể ghi *"xem từ: cốc"* và khi ở từ *cốc* sẽ mô tả rõ ràng và chính xác hơn, tránh rườm rà làm sai nghĩa.

Văn Tân giảng là *cốc pha lê nhỏ*, Hoàng Phê thêm *cốc dùng để uống rượu*. Vậy thì những cái *cốc* làm bằng nhôm, bằng chất dẻo, bằng thủy tinh và mang ra uống nước cam, nước trà mà không uống rượu thì không được gọi là *"ly"* hay sao?

Về chính tả, từ điển Hoàng Phê viết *li* với chữ *i* ngắn và có giải thích là sở dĩ họ dùng *i* ngắn là tuân hành quyết định ngày 5.4.1984 của Bộ Giáo Dục. Cái kiểu ra sắc lệnh bắt phải viết thế này thế nọ là một lề thói quen dùng của các chế độ cộng sản. Tuy nhiên có lẽ thấy cách dùng *i* ngắn nó ngô nghê quá và quyết định của Bộ Giáo Dục cũng phi lý nên nhiều tác giả chẳng nghe theo. Trong cuốn *Từ Điển Chính Tả Thông Dụng* của Nguyễn Kim Thản do nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội in năm 1985 (sau quyết định của Bộ Giáo Dục) tác giả vẫn viết và khuyên nên viết *ly* , *cụng ly* với chữ *y* dài như dân ta vẫn dùng từ xưa tới nay, và cũng là mặc nhiên không coi quyết định của Bộ ra sao cả.

Một điểm nữa là từ điển Hoàng Phê còn rất nhiều từ nguyên văn Anh , Pháp. Từ *volt* trong từ điển Hoàng Phê được giữ nguyên tiếng Anh với định nghĩa *đơn vị đo hiệu thế, điện thế*. Ta cũng thấy nhan nhản những từ nguyên văn ngoại quốc khác rồi giảng nghĩa bằng tiếng Việt như *logarithm, clinker, logic* v.v... xếp thẳng hàng với những chữ Việt trong một

cuốn từ điển mang danh là Từ Điển Tiếng Việt. Chúng tôi nghĩ việc định nghĩa những tiếng Anh, Pháp như trên là công việc của từ điển song ngữ Anh - Việt chứ không phải là công việc của nhóm Hoàng Phê. Trừ những tiếng Anh, Pháp đã Việt hóa và viết theo lối Việt như *ô tô, sà bông, xe tăng* chẳng hạn, chúng tôi thấy cách làm của từ điển Văn Tân khi ghi theo lối Việt như *ga men, lô ga rít, vôn, vôn kế, lô gích, ác mô ni ca*... rồi giảng nghĩa những từ này bằng tiếng Việt hợp lý hơn. Còn nếu làm như Hoàng Phê là ghi cả *clinker, logic*... sao chẳng ghi luôn *school, book, maison, amour*... cho từ điển Việt Nam phong phú, nhiều từ nhất thế giới.

Một điểm khác cần bàn cãi là địa vị tiếng Việt miền Nam mà Hoàng Phê có ý muốn loại bỏ. Trong Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) có rất ít từ miền Nam. Khi giảng giải những từ *vô* (vào), *mền* (chăn), *mùng* (màn)... các nhà soạn từ điển thuộc Viện Ngôn Ngữ Học đã ghi chú là *phương ngữ* tức là thổ ngữ địa phương. Thiết nghĩ một từ nếu chỉ thông dụng ở một địa bàn thật nhỏ hẹp như cấp tỉnh chẳng hạn thì gọi là thổ ngữ được, nhưng trường hợp những chữ như *vô, mùng, mền* được đồng bào trên cả một lãnh thổ bát ngát từ Quảng Trị tới Cà Mau đều nói và hiểu mà chỉ coi là thổ ngữ thì người ta có thể ngờ rằng *tập thể* soạn giả từ điển Hoàng Phê có tinh thần tự tôn, địa phương hay kỳ thị. (Trong từ điển Văn Tân có các từ *màn, mùng, mền*... mà không hề ghi là phương ngữ.)

Ngoài Bắc ai ai cũng hiểu những từ *vừng, lạc, bít tất, hoa đại Xiêm*... mà đồng bào trong Nam chỉ hiểu được khi gọi là *mè, đậu phộng, vớ, bông sứ Thái Lan*. Tuy vậy trong *Việt Nam Từ Điển* của *một người*, Lê Văn Đức, vẫn có những chữ *vừng, lạc, tất*... ghi như là tiếng nói chung của quốc gia. Nếu ông Lê Văn Đức, người Nam, mà lại ghi *vừng, lạc, tất*... là thổ ngữ thì độc giả miền Bắc sẽ nghĩ sao?

Có thể vì quan niệm phương ngữ của nhóm Hoàng Phê quá khắt khe nên rất nhiều từ thông dụng trong Nam bị coi như không có trong ngôn ngữ Việt. Có thể dẫn chứng là trong *Từ Điển Tiếng Việt* ấn bản đầu tiên từ *la ve* mà đồng bào trong Nam thường đọc là *la de*, dùng thay cho từ *bia* của miền Bắc đã bị loại bỏ không được nhắc nhở. Sau khi từ điển phát hành, trên báo *Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh* số 528 - 15.4.1988 đã có người nêu lên sự bất công này nên ở ấn bản 1994, 1996 của từ điển Hoàng Phê mà chúng tôi được thấy đã bổ túc sự thiếu sót đó. Tuy nhiên từ *la ve* và tất cả từ miền Nam thông dụng khác nếu có trong các ấn bản mới của từ điển Hoàng Phê vẫn được các soạn giả *giữ vững lập trường* coi là chúng là những thổ ngữ chẳng đáng lưu tâm.

Vì người ngoài Bắc không lưu tâm tới hai thổ ngữ *la ve* nên khá nhiều nhà văn có tiếng miền Bắc đã phạm lỗi chính tả sơ đẳng khi viết là *la de* hai từ quá thông dụng này của miền Nam. Vũ Thị Thường trong *Câu Chuyện Bắt Đầu Từ Những Đứa Trẻ* do nhà xuất bản Tác Phẩm Mới , Hà Nội in năm 1977 , Dương Thu Hương trong *Những Bông Bần Ly* cũng do Tác Phẩm Mới xuất bản năm 1981 và bao nhiêu nhà văn miền Bắc khác cho tới bây giờ vẫn viết *la de* với chữ *D* như những văn hào *lỏi ngọng*.

Nếu từ *la ve* và những từ miền Nam khác được ghi trong từ điển, trong các sách văn phạm chắc nhiều tác phẩm hay đã tránh được những viên sạn, cấn phải ê răng.

*

Soạn một cuốn từ điển cho có giá trị không phải là chuyện dễ mà đòi hỏi công sức của nhiều người, thời gian của nhiều năm.

Nhưng vẫn phải làm vì tương lai của một ngôn ngữ luôn luôn phải chuẩn hóa, phải gìn giữ cho trong sáng, chọn lọc thêm từ ngữ cho chính xác và phong phú. Người Pháp, người Mỹ hãnh diện với những *Petit Larousse, Petit Littré* hay *Webster, American Heritage* không cồng kềnh như các bộ từ điển bách khoa, chỉ khoảng hai ngàn trang mà đầy đủ và chính xác, lẽ nào Việt Nam không có một cuốn từ điển cho đầy đủ dùng được cho toàn quốc, cả hai miền Nam, Bắc.

Việc đó chúng tôi nghĩ Hà Nội có thể làm được nếu các soạn giả chịu lắng nghe những ý kiến xây dựng và gạt bỏ sự tự tôn, gạt bỏ tư tưởng địa phương hay kỳ thị.●

6.1998

* Những người đàn ông sợ vợ mỗi lần mở miệng thường là chỉ để ngáp.

* Vỗ tay trước khi một người bắt đầu diễn thuyết là một hành động cổ võ; trong khi ông ta nói là một hành động hy vọng; sau khi ông ta nói là một hành động vì lòng trắc ẩn.

HÀNH LÝ BỎ LẠI

TRẦN MỘNG TÚ

Ông Harne nói với vợ:

"Họ chỉ cho mình đem theo 120 cân Anh mà thôi, em liệu mà thu xếp sao cho gọn, chỉ đem theo những cái gì thuộc về kỷ vật của gia đình như hình ảnh của các cụ, mấy cuốc sách quý của anh, nữ trang của em để làm vốn, và một vài thứ mà Rosa cần nhất."

Mariana nhìn chồng lo lắng:

"Họ chỉ cho mang theo có bấy nhiêu thì làm sao mà đủ? Sách của anh thì nhiều mà lại nặng, chỉ độ năm cuốn là đã quá 10 cân rồi."

Ông Harne chậm rãi: "Thế là may lắm rồi em ạ, nếu cần phải bỏ lại tất cả sách cũng được, họ cho mình đi thoát đây là coi như một đặc ân cho mình rồi, anh chỉ sợ họ thay đổi ý kiến thì đến mạng mình cũng không ra khỏi thành phố này chứ nói gì đến mấy cuốn sách."

Mariana im lặng, bà biết điều chồng vừa nói là có thật, bà rùng mình không dám nghĩ lại cái thời gian cuộc đảo chính mới xảy ra mấy tuần lễ nay. Thế mà khi tiếng súng ngừng là bà đã nghĩ đến những hơn thiệt về của cải, điều mà lúc súng nổ rát tai bà chẳng màng tới, chỉ mong sao cho cái tiểu gia đình bà được bình an, nhất là ông Harne không bị quân đảo chánh đến mang đi. Bà nhìn đồng hồ, chỉ còn tám tiếng nữa là cả gia đình bà sẽ rời khỏi căn nhà này, sẽ đi đến một vùng đất rất xa xôi mà ông bà chưa bao giờ đặt chân tới, và ai sẽ dọn vào đây, sẽ làm chủ những cái bàn cái ghế của bà, những cái muỗng cái nĩa này ai sẽ cầm, chiếc giường ngủ của ông bà ai sẽ lên đó nằm, quần áo của ông bà để lại ai sẽ chia chung hơi hướng. Còn con mèo, con chó này ai sẽ cho chúng ăn, luống hồng, luống huệ ngoài vườn liệu còn nở mãi những đóa hoa thơm hay sẽ úa tàn vì thiếu bàn tay bà chăm sóc? Cái tiểu gia đình của bà sẽ phải rời xa họ hàng, bè bạn đến sống ở một nơi không phải xứ sở mình. Cô con gái 12 tuổi của ông bà chắc chắn sẽ là người hội nhập dễ dàng nhất và bà sẽ là người cuối cùng của gia đình biết nói tiếng nước ngoài. Ông Harne rồi sẽ làm gì với cái tuổi ngoài 50 của ông? Một người tị nạn chính trị thì sẽ kiếm được công việc gì cho thích hợp? Bà không có thời gian ngồi đây mà nghĩ tiếp được nữa, bà phải đi làm một bữa ăn chót cho cả nhà, rồi còn phải thu xếp hành lý và cả ba cũng cần chợp mắt một chút cho chuyến khởi hành năm giờ sáng ngày mai.

Ông Harne kéo chiếc màn cửa sổ nhìn ra bên ngoài, thành phố Panchimalo đang chập choạng vào đêm, ngoài đường vắng ngắt không một bóng người qua lại, cơn mưa rả rích kéo dài mấy ngày hôm nay không dập tắt được hết những đám cháy rải rác trong thành phố, thỉnh thoảng một chiếc xe nhà binh bít bùng chạy vụt qua rồi mất hút ở một ngã rẽ chỉ để lại những vết bẩn bắn tung tóe từ một cái ổ gà, một con chó không biết từ đâu chạy ra giữa đường sủa lên vài tiếng rồi chạy cúp đuôi vào một con hẻm tối om. Harne nghĩ đến số phận mình đã trốn chui trốn nhũi mấy tuần nay từ nhà này sang nhà khác cho đến đêm qua được Rogelio trong nhóm Cách Mạng hứa sẽ giúp ông đi tị nạn chính trị ở một quốc gia khác.

Bao giờ cũng thế, ở nơi nào sau Cách Mạng cũng là những vụ bạo động, sách nhiễu và trả thù. Để tái lập lại trật tự cho một chính phủ mới, một thể chế mới được đặt ra bắt đầu bằng những vụ ám sát và tất cả đều dưới danh nghĩa Cách Mạng. Tổng Giám Mục Romero, một nhà lãnh đạo tôn giáo có uy tín đã dùng những bài giảng của mình để thuyết phục

quần chúng chống lại quân đội Cách Mạng và chỉ trích Quân Cách Mạng là những nhóm sĩ quan trẻ nhưng giữ được cương vị của những người có quyền lực trong tay và những bài giảng đó đã tạo cho Tổng Giám Mục Romero trở thành một chính trị gia quan trọng và ngài đã dùng ảnh hưởng đó để kêu gọi chống lại sự viện trợ quân sự của Mỹ vào El Salvador, Ngài đã trở thành mục tiêu phe cánh hữu cần phải thanh toán. Đám tang của Tổng Giám Mục Romero cử hành giữa những người biểu tình và lực lượng võ trang an ninh. Bắt đầu họ đi trong hòa hoãn, rồi một vài tiếng súng lẻ tẻ bắt đầu, tiếp theo là hàng loạt tiếng súng nổ ròn rã. Những người biểu tình không vũ khí đã nằm rạp xuống trước cửa nhà thờ Chánh Tòa tại San Salvador Plaza, họ nằm dưới làn mưa đạn. Chỉ sau một đêm El Salvador đã trở thành mục tiêu cho quốc tế tranh luận và theo dõi. Harne là viên chức cao cấp của chính phủ cũ, là bạn thân và là cố vấn chính trị cho Tổng Giám Mục Romero, tên của ông được đặt sát cạnh tên Romero. Ông đã thoát chết trên một sợi tóc.

Chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa là ông và gia đình sẽ được đưa ra khỏi thành phố này, quốc gia này và đến tỵ nạn chính trị ở nơi khác, và mỉa mai thay nơi ông đến lại chính là nơi ông và Tổng Giám Mục Romero đã phản đối không chịu chấp nhận cho quân đội của họ vào đất nước này. Ông buông tấm màn xuống, nước mưa hắt mờ đục ô cửa, hai mắt ông cũng mờ đi, ông đưa tay vuốt những giọt nước trên mặt mình, thấy lạnh buốt như đang vuốt lên mặt ô kính.

Bà Mariana dùng chiếc cân trong buồng tắm của bà, cân tới cân lui cả hai tiếng đồng hồ mới xong được ba thùng đồ, ba túi xách cá nhân, tổng cộng là 120 cân Anh. Cái khó nhất là Rosa không chịu bỏ một cái gì của cô bé lại, mỗi lần mẹ bớt đi một món là một lần khóc, bố lại phải vào dỗ dành, hứa hẹn là khi ổn định ở vùng đất mới bố sẽ dẫn dắt đi mua đền. Làm sao mà bố đền được những con gấu nhồi bông của thời hai, ba tháng tuổi, những món quà của bạn học cho cô trong những ngày mừng sanh nhật! Cô đã 12 tuổi rồi, cô phải tập chịu mất mát, tập hy sinh tài sản riêng tư.

NGUYỄN MẠNH TRINH

KỶ NIỆM

Cất riêng, tôi. Âm bản buồn
Dõi ai đôi mắt xoáy tròn bữa kia
Vì sao mọc. Tưởng giữa khuya
Bén dao, Em. Mắt liếc chia hai đời
Khoảng vô định cứ tụt rơi
Rơi cùng tận xuống đáy trời tịnh không

Cất riêng, tôi. Ngọn cỏ non
Môi ai tươi chút mầu son lạc loài
Lụa vóc mỏng, gió phai phai
Bước mơ ước chợt cõi ngoài, lặng câm
Gửi nhau một dấu trăm năm
Xuôi lũng ngực, thánh giá thầm phiến kinh

Cất riêng, tôi. Buổi tự tình
Hắt hiu gọi để tên mình nguôi nguôi
Hồ như. Vàng điện mắt người
Tháng chín xưa, mấy dốc đời gian nan
Trang thơ cũ. Giấy ố vàng
Yêu dấu nhé. Mấy thời gian mịt mù

Cất riêng, em. Nắng đầu thu
Cho lam biếc những lời ru yêu người...

Bà Mariana thì chỉ đem theo hai bộ quần áo cho riêng mình và những món nữ trang từ thời mẹ của bà để lại, quà tặng của chồng trong những dịp lễ lạc, để làm vốn cho cả gia đình. Để nhường chỗ cho những quyển sách quý của chồng bà phải tháo những tấm hình của cụ cố, của ông bà nội, ngoại ra những chiếc khung cổ xưa đã truyền từ đời này qua đời khác. Chọn lựa nào cũng phải hy sinh, nhưng mạng sống của gia đình bà phải được đặt lên trên hàng đầu. Quân giải phóng đã không giết ông Harne mà còn giúp cho ông ra khỏi nước, đó là một điều đại phước, bà không dám nghĩ tiếp nữa. Cái chết của Đức Tổng Giám Mục Romero và đám tang giữa các toán quân đầy súng đạn của ngài còn chảy máu trong tim bà. Tổng Giám Mục Romero là một vị lãnh đạo tinh thần được cả Panchimalco yêu mến còn là một người bạn thân, một người cha đỡ đầu cho cả gia đình bà. Cái chết của Tổng Giám

Mục Romero cho biết số phận mong manh của ông Harne. Nếu đại tá Rogelio người giữ một vai trò then chốt trong Hội Đồng Cách Mạng không là người đã mang ơn ông Harne từ thời rất xa xưa thì chắc chắn ông Harne hôm nay đã cùng chung một số phận với Tổng Giám Mục Romero. Bà rùng mình hai ba cái một lượt, không dám nghĩ tiếp nữa.

Xếp hành lý vào một góc buồng ngủ, bà Mariana ra ngoài phòng khách tìm chồng. Bà muốn ông Harne nghỉ ngơi một chút trước bình minh. Ông Harne đứng sát cửa sổ, quay lưng về phía bà, một tay ông buông xuôi theo người một tay ông hé tấm màn cửa nhìn ra bầu trời tối đen bên ngoài. Chiếc đèn mờ trong phòng khách hắt cái bóng cao gầy của ông lên tấm màn mỏng thỉnh thoảng lại rung lên, nhòe vào vũng tối. Bà không biết là chút gió lùa qua khe cửa sổ làm chiếc bóng của ông lay động hay là thân xác của ông đang run rẩy với tai họa, bà không dám lên tiếng gọi chồng, lặng lẽ bước sang buồng con gái. Rosa đang thiêm thiếp ngủ, nằm cong như một con tôm luộc giữa giường, ôm con gấu nâu trong lòng, trên má cô còn hoen những vết nước mắt. Bà Mariana nằm xuống cạnh con, kéo chăn lên đắp cho hai người, bà không nhắm mắt được, mặc dù cơ thể bà rã rời, bà đăm đăm nhìn lên trần nhà, hai giòng lệ ứa ra hai bên thái dương, bà khóc một mình trong bóng đêm, lo bình minh sắp tới.

Năm giờ sáng, chiếc đồng hồ đứng có giây chuông vừa thong thả gõ đến tiếng cuối cùng thì một tiếng xe thắng gấp rít lên ngay trước cửa nhà. Cả ba người không ai bảo ai đang ngồi trên ghế cùng đứng nhổm dậy, con chó của Rosa đang nằm bẹp ở dưới đất bên cạnh chân cô chủ nhỏ vội vàng nhảy phóc lên ghế của Rosa. Như biết có điều nghiêm trọng sắp xảy ra nó không dám cất tiếng sủa chỉ rên lên nho nhỏ trong cổ họng. Cả ba như nín thở nhìn vào cánh cửa chính đợi một tiếng chuông reo hay tiếng đập cửa. Phải mất ít nhất là hai phút tiếng đập cửa mới vang lên ngắn, khô, và gấp rút. Ông Harne nhìn vợ rất nhanh rồi bước ra mở cửa, Rosa ôm con chó vào lòng, cô biết là cô không có quyền mang theo nó, cô dụi mặt vào lưng nó khóc nức lên thành tiếng.

Một người đàn ông trung niên, ăn mặc thường phục hiện ra ở ngưỡng cửa, không bước vào nhà, hắn nhìn ông Harne nói lạnh lùng:

"Ông sẵn sàng chưa? Phải ra xe lập tức."

- Vâng chúng tôi đã sẵn sàng, Harne nói, chúng tôi đã cân rất cẩn thận, hành lý mang theo không quá 120 cân Anh.

Hắn quét tia mắt rất sắc vào đống hành lý, bà Mariana và cô bé Rosa.

"Bà nặng bao nhiêu cân?"

Bà Mariana khựng lại vì câu hỏi đột ngột, bà lúng túng một lúc mới nghĩ ra.

"Tôi nặng 116 cân Anh."

"Cô bé này bao nhiêu cân?"

"Dạ cháu nặng 97 cân."

Hắn quay sang ông Harne nói như ra lệnh:

"Ông chỉ có quyền mang theo ông 120 cân kể cả thân nhân và hành lý." Vừa nói hắn vừa bước nhanh ra xe.

Ông Harne chết sững, miệng ông cứng lại ông không biết nói gì với vợ con, mấy gói hành lý thì ông vứt lại dễ dàng nhưng giữa vợ và con gái ông chỉ có quyền mang theo một, bà Mariana và cô bé Rosa cộng vào sẽ quá 120 cân. Rosa ôm chặt lấy mẹ, cô đã nghe rõ từng câu của người đến đón gia đình cô. Bà Mariana ôm ghì lấy con, bà hôn lên mặt cô tới tấp, nước mắt bà khô queo, mặt bà đông lạnh, bà đẩy cô ra xa bà một chút, nhìn vào mặt cô bà nói nhanh:

"Con đi với Ba, Mẹ ở lại."

Rosa gào lên:

"Không mẹ phải đi, con không đi nếu không có mẹ."

Harne ôm cả vợ con vào lòng, ông nói:

"Chúng ta cùng ở lại."

Bà Mariana cương quyết xô chồng con ra phía cửa.

"Không, em không muốn nhìn anh chết như Đức Giám Mục Romero, anh và con phải rời khỏi thành phố này ngay lập tức, em sẽ tìm cách đi sau."

Harne nắm chặt bàn tay vợ.

"Làm sao mà em đi được, ai cho em ra khỏi nước."

Có tiếng còi xe ngắn và khô giục lên như tiếng còi báo tử vọng vào. Mariana dùng hết sức xô hẳn chồng và con ra bên ngoài bực cửa.

"Vĩnh biệt anh, vĩnh biệt con!"

Bà đóng xầm cánh cửa, khóa trái bên trong, úp mặt vào phiến gỗ lạnh, hai chân bà khịu xuống, bà ngã nằm chung với đống hành lý bỏ lại.●

Phóng tác theo tài liệu
"The Reformist Coup of 1979 - El Salvador."

Tháng 9/98

DƯỚI MÁI ĐÔNG LANG VÀ BÊN ĐẦM NƯỚC

HỒ TRƯỜNG AN

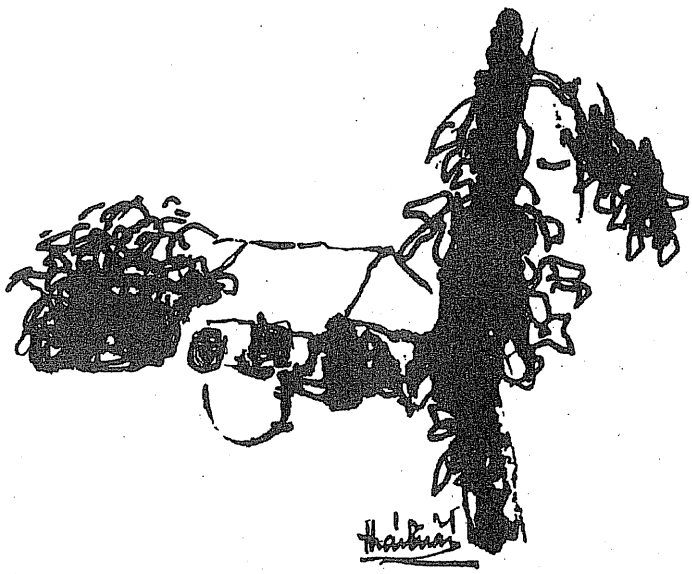

Năm 1961, tôi rời bỏ Vĩnh Long, lên Sài Gòn học trường Đại Học Dược Khoa, ở trọ tại nhà cô Phương Đài tôi, tại Thánh thất Từ Vân, ném về Phú Nhuận.

Thuở đó gia đình hai cô Phương Đài và Xuân Hoàng của tôi đều nương náu trong khuôn viên Thánh thất Từ Vân. Gia đình cô Phương Đài dưới mái đông lang của Thánh thất với cụ bà Song Thu (kế mẫu của ba tôi và cũng là mẹ ruột hai cô Phương Đài và Xuân Hoàng). Còn gia đình cô Xuân Hoàng ở căn nhà cuối vườn của Thánh thất cách dãy đông lang bởi đám cây điệp, đám cây gai và một dẻo đất trồng bông trang đỏ.

Dãy đông lang dài ngoằng chia làm bốn căn, gia đình cô Phương Đài ở căn thứ ba. Trước dãy đông lang có trồng những cây điệp ta bốn mùa đơm hoa cánh đỏ như gấm đại hồng, những khóm *dã lan* màu ráng chiều tức là màu cam chói sáng. Sau này khi qua Pháp, tôi cũng đã gặp loại hoa *Iris* giống như dã lan nhưng có màu xanh của *ngọc phỉ thúy* (saphir) và khi mãn khai lại đổi sang màu tím ngọt.

Cô nữ sinh ở căn bốn dãy đông lang trở thành cô bạn hàng xóm tương đắc của tôi. Tôi tạm cho cô cái tên Bạch Liên. Bạch Liên lại là nghĩa nữ của bà Song Thu. Cô kêu bà bằng Má Hai và coi như em kế của cô Xuân Hoàng. Cha của cô có khuôn mặt giống hệt cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, là em kết nghĩa của cụ bà Song Thu hồi thuở cụ đi làm cách mạng chống Pháp. Giữa tôi và Bạch Liên có một tình bạn thuần khiết. Cô học giỏi toán, nhưng thích nghe tôi kể chuyện thơ văn của nhóm Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ Thứ Hai Mươi, Văn Nghệ, Bách Khoa... cô say mê thơ của Cung Trầm Tưởng, của Vương Tân, Đinh Hùng. Cô yêu văn của Võ Phiến, Vũ Hạnh.

Dù không thể làm thơ, viết văn cô vẫn lấy bút hiệu Lan Đài.

Sau hậu liêu của chùa Từ Vân có anh Nguyễn Văn A cư ngụ. Anh tốt nghiệp bằng hòa âm và bằng đối điểm (contre point) của trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ. Sau này anh trở thành giáo sư của trường này.

Thuở đó, chị Thụy Vũ tôi bỏ nghề gõ đầu trẻ ở Vĩnh Long để lên Sài Gòn học Pháp văn ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp và học Anh văn ở Hội Việt Mỹ và ở trường London School. Tại Hội Việt Mỹ, chị học thêm ngành Short Hand (tốc ký?). Chị ở trọ tại nhà thân mẫu của Trần Long Hồ mà tôi gọi là cô Bảy. Cô Bảy là chị con nhà cô của cha tôi, cháu gọi ông nội tôi bằng cậu ruột. Cô Bảy ở Hàng Xanh, sau chùa Long Vân (còn gọi là chùa Sư Muôn). Từ ngõ hẻm của đại lộ Hàng Xanh muốn đến nhà cô Bảy phải qua chiếc cầu gỗ lót ván bắc qua dòng rạch uốn éo rồi đi vòng hông chùa tới đầm nước thả bông súng. Bên kia Hàng Xanh là nơi tấp nập ồn ào. Bước qua cầu gỗ đến cổng chùa Long Vân thì cảnh trí u nhàn tịch mịch hiện ra. Lối vòng theo hông chùa được cây bồ đề tỏa bóng râm mát rượi. Đầm nước trải gương phẳng. Gió từ đồng nội rẩy bái thổi hiu hiu.

Dưới mái đông lang Thánh thất Từ Vân, cô Phương Đài tôi mơ làm thi sĩ, còn tôi mơ có bài được đăng lên báo Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Nghệ, Thế Kỷ Thứ Hai Mươi. Dưới mái đông nhà lá bên đầm nước rộng thênh thang, chị Thụy Vũ tôi viết nhật ký, còn cậu bé Trần Trúc Quang, con cô Bảy tôi viết truyện kiếm hiệp. Không ai ngờ sáu, bảy năm sau Phương Đài lẫn Thụy Vũ bước vào văn đàn. Và phải đợi ra hải ngoại vào năm 1985 tôi mới có tác phẩm đầu tay (quyển truyện dài "Lớp Sóng Phế Hưng"), còn Trần Trúc Quang vừa hành nghề bác sĩ y khoa vừa trở thành nhà văn Trần Long Hồ với tác phẩm đầu tay "Ngày Quanh Quẩn" (1991).

Và ai có ngờ chú tiểu sa di chùa Long Vân nếu kể về vai vế là cháu kêu Thụy Vũ bằng dì, kêu Trần Long Hồ và tôi bằng cậu, trở thành một pháp sư nổi tiếng kim văn ngọc kệ. Đó là Thượng Tọa Thích Đắc Pháp, trưởng pháp tử của Hòa Thượng Thích Thanh Từ. Thượng Tọa Thích Đắc Pháp đã từng dịch hai quyển luận về Thiền Tông nổi tiếng ở xứ Triều Tiên là "Vạn Pháp Quy Tâm" và "Quy Nguyên Trực Chỉ."

Sài Gòn vào năm 1961 mỗi tấc đất là một tấc vàng. Cỏ hoa phải nhường bước cho vật liệu xây cất. Đâu đâu cũng có nhà cửa và tiệm buôn chen chúc. Được gặp một khoảnh đất có cây cối, bóng râm và một ít hoa như khuôn viên Thánh thất Từ Vân và như cảnh trí sau Long Vân Tự thì quá hiếm!

Ít lâu sau đó, chồng cô Phương Đài xây cất cái biệt thự gần bên mái đông lang. Gia đình cô Xuân Hoàng trả cái nhà ở cuối vườn cho chủ Thánh thất, dọn về căn thứ ba của dãy đông lang. Tôi không theo ở với cô Phương Đài mà ở với vợ chồng cô Xuân Hoàng. Tôi mến những khóm bông trang, những khóm dã lan, những cây điệp ta mà có một nhà thi sĩ nào đó gọi là cây hoa hồ điệp. Màu bông trang đỏ này không đỏ ánh tím như hoa sen, không đỏ ánh hồng tươi như hoa hồng hạnh, hoa vông đồng. Đây là thứ đỏ pha vàng như màu xôi gấc, đỏ ấm áp, suồng sã, thân mật. Còn hoa hồ điệp đỏ thật thắm, có viền vàng ở rìa. Vào mùa mưa, hoa hồ điệp, hoa trang, hoa dã lan trổ sum suê, hết đợt này sang đợt khác.

Cái sân trước biệt thất của cô Phương Đài có giàn thiên lý trổ hoa ngọc thạch, có mùi thơm ngọt. Ngoài ra cô tôi có trồng vài loại hoa khác mà tôi không biết tên, tôi chỉ biết loại *yên chi* (tiếng Pháp gọi là *Belle de Nuit).* Hoa yên chi có màu đỏ pha tím, màu vàng tái như hoa Kim liên *(capucine)*, màu lam ngọc. Đó là một thứ hoa hình ống cỡ mút đũa, ngoài chớp lóe hình ngôi sao sáu cánh nhỏ. Người miền Nam còn gọi là bông phấn. Màu lam ngọc do đó còn được gọi là màu bông phấn.

Điều đáng chú ý là xung quanh biệt thự cô Phương Đài tôi có trồng nhiều cây mãng cầu dai (người Bắc gọi là Na). Cả một vùng được nắng lọc qua lá na có ánh sáng ngọc bích đẹp tuyệt vời. Và cây liễu trồng ngoài cửa sổ bên án thư của bà Song Thu, tôi không hiểu đó là loại liễu gì. Trên đất Pháp, tôi đã gặp loại *lục liễu* bên dòng sông Seine chảy qua vùng Champagne mà tôi ở, thân liễu lớn cỡ một vòng ôm, lá chỉa thẳng, mặt dương có màu lục, nhưng mặt âm có màu ngân nhũ. Còn loại *lệ liễu* thì buông tơ tha thướt với nhánh dài và mềm với lá dài và mỏng bản có màu lục non. Còn cây liễu của cô tôi có thân và nhánh mảnh khảnh và duyên dáng như thân nhánh cây lệ liễu *(saule pleureur).* Lá và nhánh của nó không buông tơ, rộng bản hơn liễu nhưng không dài như tơ liễu và xanh thắm hơn tơ liễu. Có người gọi là cây *nhược liễu* hoặc liễu mềm.

Tôi cũng thích chiếc cầu gỗ lót ván trước cổng chùa Long Vân và dòng rạch chảy dưới cầu. Vào lúc cận Tết, nước rạch thật trong, chảy thao thao. Hai bên triền rạch là đám cỏ mềm, lá lớn như lá lan, mỗi khi gió lướt qua nổi từng đợt sóng uyển chuyển, mềm mại và óng ả.

Vào khuôn viên Thánh Thất Từ Vân là bỏ lại tiếng ồn náo ngoài đường Nguyễn Huệ (Phú Nhuận). Qua cầu, sang cổng chùa Long Vân là lánh xa tiếng thị tứ inh tai nhức óc, và đến nhà cô Bảy tôi, tôi có cảm tưởng mình đi sâu vào vùng thôn ổ êm đềm.

*

Dưới mái nhà cô Bảy tôi, bốn người gồm cô Bảy, Trúc Vân (chị lớn của Trần Long Hồ), Thụy Vũ và tôi có dịp nhắc nhở đến chín năm ly loạn cùng chung sống dưới mái nhà từ đường ở Vĩnh Long... Mọi người con khác của cô Bảy gồm Trúc Sơn (trai), Trúc Việt (trai), Trúc Phượng (gái), Trúc Quang (tức Trần Long Hồ), Trúc Khanh (trai), Trúc Uyên (gái) đều ngủ sớm hoặc học bài. Những nhân vật này không thuộc cùng trong lứa và thế hệ của Trúc Vân, Thụy Vũ và tôi.

Cô Bảy và Trúc Vân cùng chị em tôi thường nói về chú sa di Đắc Pháp. Chú gọi cô bằng bà Bảy vì bà ngoại chú là người chị cùng chung một ông cố với cô Bảy, cũng như với cụ thân sinh Mặc Khải của tôi.

Số là ông Hương cúng Nguyễn Viết Quỳ là anh con nhà bác của ông nội tôi có nuôi một cô con gái tên Liên, cả dòng họ đều gọi là cô Hai Liên. Cô Hai xinh đẹp, tánh tình cương trực, có oai đức như bậc trượng phu, tiếng nói rổn rảng. Cô ưa cứu khổn phò nguy. Cả dòng họ tôi đều kính phục cô, vì cô ưa giúp đỡ kẻ sa cơ thất thế.

Hồi cô bán hàng ở bến tàu Vĩnh Long, có một tên tàu tuần người Pháp ve vãn sàm sỡ cô, cô rút con dao yếm quyết lấy thẹo hắn làm hắn chạy trối chết.

Khi tôi lớn lên thì cô về làng Cái Sơn Bé coi sóc chùa Sơn Thắng, cách trung tâm thành phố tỉnh Vĩnh Long bốn cây số. Cô không cạo đầu làm ni làm vãi, không học kinh kệ, chỉ ăn chay mỗi tháng mười ngày chớ không trường trai. Thỉnh thoảng cô về thăm xóm Thiềng Đức của tôi, ở chơi nhà bà Nguyễn Viết Quỳ, vợ kế của dưỡng phụ cô vài ngày. Cô qua dãy phố Trung Thành xéo xéo nhà từ đường của ông nội tôi và đối diện với nhà ông Quỳ để đánh tứ sắc, đánh xá ô lu bù.

Chùa Sơn Thắng vốn do bà Hai Lài, chị ruột của ông Hương Cúng Quỳ lập ra. Bà Hai hồi còn xuân sắc rất đẹp, kết hôn với một cậu con trai nhà hào phú đẹp trai. Bà vốn khắc bạc với tôi tớ, với tá điền tá thổ. Cuộc tình duyên hạnh phúc của bà bỗng nửa đường gảy gánh. Người chồng hiền lành của bà yểu mệnh; cái chết của ông làm bà thấu hiểu lẽ tội phước báo ứng. Bởi bà còn trẻ đẹp, biết bao là đàn ông có địa vị, có tiền của đeo đuổi bà. Bà mua thuốc ngậm cho rụng răng, để hủy hoại dung nhan, rồi đem tiền của ra giúp đỡ nhà nghèo, kẻ mồ côi và cất chùa Sơn Thắng tọa lạc giữa hai làng Cái Sơn Lớn và Cái Sơn Bé để tu hành. Khi bà chết đi, có cô cháu họ là cô Hai Nhung trụ trì. Chùa này coi như thuộc dòng họ Nguyễn chúng tôi, không sống hẳn nhờ tiền

CAO XUÂN TỨ

THÁNG MƯỜI

Một khoảng trời bất cập
Những bọt nước xếp hàng trên lưng máng mưa
Chiếc lá phồng lên nỗi mong chờ
Phút ẩm ướt trao tình
Giữa thủy và mộc

Giữa con phố cũ mèm và những bước chân lật đật
Bạn về lơ lửng như câu thơ
Tỉnh bơ như lãng quên sờ mó trí nhớ
Như cơn gió chướng đùa với cái nón không quai
Tấm áo ngai ngái thịt da hết-thời-con-gái
Thêm một thanh củi cho lò sưởi
Cháy xèo phút giao hoan
Giữa mộc và hỏa
Cặp kính thôi miên hút dần buổi chiều chủ nhật
Hút theo tờ lịch
Tháng mười rồi đó bạn ơi

cúng dường của Phật tử mà nhờ năm mẫu ruộng và hai mẫu vườn ở xung quanh chùa.

Cô Hai Nhung bỏ lên Sài Gòn thì có cô Hai Liên thừa kế quản trị ngôi chùa. Số là cô Hai Liên sống với chồng suốt mười năm mà không chửa đẻ, nên cô xem cô con gái chồng như con ruột. Người con gái chồng ở với người chồng trước được đứa con trai đặt tên Điệp. Chồng chị ta qua đời, chị tái hôn với thầy Đội Xịa sanh một đứa con gái đặt tên Hồng Nhung. Khi Hồng Nhung lên bốn tuổi chị Đội Xịa qua đời. Hai đứa con chị do cô Hai Liên nuôi dưỡng.

Điệp và Hồng Nhung tuy không có một giọt huyết thống nào với ông Nguyễn Viết Quỳ, nhưng cả hai coi ông như ông cố, coi cô Hai Liên như bà ngoại ruột.

Dù được tình thương của cô Hai Liên của chúng tôi ấp ủ, nhưng Điệp sớm ngộ cảnh thế mị thường và lẽ vô thường của Tạo Vật nên Điệp xin phép bà ngoại đi tu. Từ năm 1950 về sau, hai chị em tôi không quan tâm tới chuyện xuất gia của Điệp. Vậy mà ai dè tới năm 1962, cả hai gặp Điệp tu ở chùa Long Vân. Trưa trưa, Điệp ra gốc bồ đề ngọc thụ hóng mát và nghiên cứu kinh kệ lẫn học chữ Nho. Tới năm 1973, Điệp trở thành Đại Đức Thích Đắc Pháp, được mọi người nhắc nhở là trưởng pháp tử của Pháp sư Thích Thanh Từ. Như chúng ta biết, ngoài Thích Thanh Từ nổi tiếng đa văn, lão thông kim văn ngọc kệ và thuyết pháp vào bậc nhất trong hàng ngũ các Thiền Sư của Việt Nam cận đại và hiện đại.

Cụ thân sinh Mặc Khải tôi thường bảo:

"Thầy Đắc Pháp tu ở Chơn Không Thiền Viện ngoài Vũng Tàu. Nhưng khách hành hương ít khi gặp mặt thầy. Bởi thầy quá đẹp trai; các cô sinh viên mê thầy như điếu đổ. Họ mượn cớ làm công quả để ve vãn thầy. Rốt cuộc, ngài Thích Thanh Từ khuyên thầy không nên chường mặt ra ngoài, cứ ở Tàng Kinh Các nghiên cứu và phiên dịch kinh điển."

Vào năm 1974, Hòa Thượng Thích Thanh Từ khuyên thầy Thích Đắc Pháp nên rời Chơn Không Thiền Viện để trở về chùa Sơn Thắng ở Vĩnh Long để phụng dưỡng cô Hai Liên của chúng tôi. Thầy trở thành viện chủ của chùa này. Khách hành hương lui tới tấp nập. Chùa hưng long từ đó. Chính má tôi và Thụy Vũ cũng dắt díu đến đó để nghe thầy thuyết pháp, để được thầy dìu dắt Pháp môn Tịnh Độ và để có dịp ở chơi vài ngày với cô Hai Liên của chúng tôi.

Đời sống hào hùng cứu khổn phò nguy của cô Hai Liên, công cuộc tu hành và hoằng pháp của thầy Đắc Pháp làm cho dòng họ tôi hãnh diện, nhất là cha tôi. Ông đã từng hãnh diện văn nghiệp của Thụy Vũ và mong mỏi sao cho tôi cùng hai người cháu của ông là cậu Trần Trúc Quang và cô Văn Thúy Ái cũng tham dự vào làng văn trận bút. Ông chết vào năm 1981, không thể đọc tác phẩm đầu tay *"Lớp Sóng Phế Hưng"* của tôi (1985), tác phẩm đầu tay *"Ngày Quanh Quẩn"* của Trần Long Hồ (1991) và thi tập "Tình Quê Tình Thơ" xuất bản vào năm 1997 của Vũ Thi An (bút danh của Văn Thúy Ái). Ông cũng không thể thấy được chùa Sơn Thắng đã được trùng tu, cất thêm đình viện, gột mới rêu phong ngôi cổ tháp và khai thêm rẫy, trồng thêm bông hoa ở sân trước sân sau. Ông cũng không thể thấy ngoài hai quyển *"Vạn Pháp Quy Tâm" và "Quy Nguyên Trực Chỉ"*, Pháp sư Thích Đắc Pháp còn dịch nhiều quyển bửu kinh, những sách Thiền học như trăng Lăng Già vằng vặc sáng khắp chốn, như sen Bát Nhã ngào ngạt tỏa muôn nơi.

Dưới mái nhà cô Bảy, vào đêm đêm trò chuyện, tôi có thể nghe tiếng ếch nhái kêu bên đầm nước, tiếng cá ăn móng "chóc chóc" trong bùn. Thỉnh thoảng có tiếng chim vạc kêu sương lướt qua mái nhà, tiếng chim eo eng éc ở cuối xóm. Đêm ở sau chùa Long Vân như đêm thôn dã, có tiếng chó sủa trăng, tiếng ca vọng cổ, tiếng ru con. Tiếng ồn náo ngoài đường Hàng Xanh không thể vọng lại.

*

Dưới mái đông lang của Thánh Thất Từ Vân, tôi được ăn mì Quảng và đặc biệt là món bánh bèo nhà quê đất Quảng Nam. Thuở đó người Quảng Nam thiên cư vào Sài Gòn khá nhiều. Ở Phú Nhuận, họ cất nhà dài theo đường xe lửa từ cổng số 10. Tại đây, có vài tiệm bán mì Quảng. Sợi mì nhuộm nghệ vàng tươi, bắp chuối xắt ghém, vài con tôm và dăm ba miếng thịt, nước dùng ngọt đằm, bánh tráng nướng bóp vụn... Tô mì Quảng đó, ăn vào là cảm thấy tâm tư mình gần gũi cuộc đất Ngũ Phụng Tề Phi ấy ngay. Còn món bánh bèo kia không bán quán, ở tiệm dọc theo đường xe lửa. Nó chỉ được bạn thân làm ra để đãi bạn thân, vì nó quá mộc mạc đơn sơ. Bánh bèo bằng bột gạo được đúc từ những cái chén cỡ chén đựng bánh trôi nước. Bánh tuy hơi lớn, nhưng không đầy lắm, trắng mềm, được thoa mỡ xắc hột lựu và hành phi bóng lộn. Bánh đó

được chan nước cá nục hoặc cá bạc má kho nước sền sệt có dầm ớt xanh. Thế thôi! Ai muốn đệm giá rải lát phất húng xắt nhuyễn và ăn cặp với cá kho tùy ý, nhưng đó là cái ngoại lệ. Ăn thứ bánh đó thét rồi ghiền lúc nào cũng không hay. Bánh mềm dẻo và béo như thế đó cần gì phải đệm tôm băm, bì rải thín? Cá kho béo ơi là béo, dầm ớt xanh vừa thơm vừa cay, làm món kho đậm vị không thể tả!

Cụ bà Song Thu và thân sinh cô Lan Đài có nhiều họ hàng và bạn bè người Quảng Nam lui tới, trong đó có chàng nam sinh Phạm Phú Phụng, cháu họ của anh hùng phi công Phạm Phú Quốc và của nhà văn Phạm Phú Minh. Phụng là bạn thân của tôi và của nhà thơ Vương Nguyện. Nó học giỏi, xuất sắc các môn Toán Lý Hóa, tánh hiền lành hào hiệp... Có một thuở nó lập quán giải khát ở Bà Chiểu, cùng chung với họa sĩ Nguyễn Trung và nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng. Tôi không dè ít lâu sau đó, Phụng bị du đảng đâm chết.

Cha mẹ họ hàng Phụng là dân Quảng Nam, vậy mà nó nói rành tiếng Nam Kỳ. Còn tôi, khi rời mái đông lang Thánh Thất Từ Vân, giọng tôi có phảng phất chút sương khói giọng Quảng Nam và tôi ghiền món mì Quảng cùng món bánh bèo chan nước cá nục kho. Chính nhà văn nữ Trùng Dương, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và họa sĩ Trịnh Cung đều lầm tưởng tôi là dân Quảng Nam. Sau đó, tôi gia tâm sửa lại giọng để tìm lại giọng nói Nam Kỳ thuần túy, sửa một cách khó khăn, trời ạ!

Ở dưới mái đông lang, lần đầu tiên tôi được ăn thứ bánh ít lá gai, loại bánh ít với lớp bột nếp có trộn lá gai nghiền nhỏ như phấn như bột, ôm lớp nhưn đậu béo bùi. Sau thánh thất có một đám cây gai rậm, lá có răng cưa như lá dâu dành cho tằm ăn. Một buổi sáng tạnh ráo nọ, hai cô Phương Đài và Xuân Hoàng sau khi hái bồ kết nấu nước gội đầu, ngõ ý với cụ bà Song Thu làm món bánh ít lá gai. Chính tự tay cụ hái lá nghiền nhỏ và nhồi với bột nếp. Bánh được gói trong lớp lá chuối theo hình Kim Tự Tháp trước khi đem hấp trong chiếc xửng nhôm. Bột bánh chín nhờ có thoa một lớp dầu dừa trở nên bóng lộn và đen như gỗ mun, như đá huyền vũ, ngon hơn bánh ít với bột trộn đường và với nhưn đậu ở miền Nam.

Và cũng dưới mái đông lang, tôi được cô Phương Đài kể lại cuộc đời của nhà thơ Quách Thoại mà cô chỉ biết đó là Đoàn Phú Sơn, một thi sĩ đã từng ở hậu thất của Thánh Thất Từ Vân, được bà Song Thu nuôi cơm từ thuở cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh. Thuở đó, Đoàn Phú Sơn từ Huế vào Sài Gòn, chẳng biết làm nghề gì, nhưng nghèo túng, xin được ở dưới mái hậu thất, gần giếng nước của Thánh Thất Từ Vân. Mỗi ngày hai bữa anh qua mái đông lang để ăn cơm với ba mẹ con của cụ bà Song Thu. Hai cô tôi xem anh ta như anh ruột. Sau đó, Đoàn Phú Sơn bỏ Thánh Thất đi lang bạt ở ngoài Sài Gòn, rồi trở về Thánh Thất với chứng bịnh lao, trở lại sống nhờ hột cơm của bà Song Thu. Sau đó, anh trở về Huế với gia đình, để được mẹ săn sóc và được chết ở quê nhà.

Nhận thấy thân thế của Đoàn Phú Sơn giống thân thế Quách Thoại, tôi đâm nghi liền hỏi hỏi cô Phương Đài:

- Đoàn Phú Sơn là tên thật hay bút hiệu của nhà thơ tài hoa bạc mệnh kia?

Cô tôi có vẻ nghĩ ngợi:

- Có lẽ là bút hiệu. Để cô hỏi cậu ba Bạch Hổ, thân sinh con Bạch Liên (Lan Đài) coi ổng còn nhớ tên thiệt của Đoàn Phú Sơn.

Ông Ba Bạch Hổ sau đó cho tôi biết:

- Đoàn Phú Sơn có tên thiệt là Đoàn Thoại. Y ta có người anh tên Đoàn Tường.

Đoàn Tường! Qua báo chí tôi được biết tên cúng cơm của Lý Hoàng Phong là Đoàn Tường. Và tôi cũng đã được biết Lý Hoàng Phong là anh ruột của Quách Thoại. Vậy thì Đoàn Thoại, Đoàn Phú Sơn và Quách Thoại chỉ là một người.

Nhà thơ Vương Tân sau đó ít lâu cho tôi biết:

- Tên cúng cơm của Quách Thoại là Đoàn Thoại.

Ở Sáng Tạo (bộ cũ) Mai Thảo có viết bài *"Họp Mặt Ngày Giỗ Bạn"* có tường thuật bữa giỗ đầu cho Quách Thoại tại Thánh Thất Từ Vân. Hôm đó có Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền và chị Trần Thị Tuệ Mai đến dự.

Có ba người đàn bà vốn là bạn thuần khiết của Quách Thoại là Vi Khuê, Tuệ Mai và Phương Đài, khi anh còn sống chưa xuất hiện trên văn đàn. Anh chết đi chừng bảy năm sau thì chị Tuệ Mai có hai thi tập thơ *"Thơ Tuệ Mai"* và *"Không Bờ Bến"* để rồi sau đó chị cho trình làng các tác phẩm kế tiếp như sau *"Như Nước Trong Nguồn", "Bay Nghiêng Vòng Đời", "Trên Nhánh Sông Mưa", "Suối Mây Hồng"*. Cô Phương Đài có hai thi tập *"Đất Mẹ", "Hiến Lễ Mùa Thơ"*. Còn chị Vi Khuê, người bạn thơ

của anh vào năm 1973 đã cho trình làng thi tập *"Giọt Lệ"*. Và rồi khi ra hải ngoại chị Vi Khuê còn có thêm ba thi tập *"Cát Vàng", Tặng Phẩm Tình Yêu", "Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi"*, cùng ba tập truyện *"Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ", "Những Ngày Ở Virginia", và "Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ"*.

Khi tôi về ở trọ dưới mái đông lang thì anh Nguyễn Văn A đã ở hậu thất từ bao giờ anh ngủ trên bộ ván gỏ đen bóng và mát rượi, nơi mà nhà thơ Quách Thoại đã từng ngủ. Trời nực, anh rủ tôi ngồi bên giếng thành cẩn đá ong vào mùa hè bốc lên hơi mát. Anh ngồi ở chiếc băng gỗ đặt dưới bóng cây mít, cây na bên cạnh giếng; đó cũng là nơi Quách Thoại đã từng ngồi ngắm trăng sao và hóng mát... Lúc đó, anh A thất tình. Người yêu của anh là nữ ca sĩ Minh Tuyết, dù chưa gặp đối tượng khác cô ta vẫn chia tay với anh.

Nguyễn Văn A chỉ vẽ cho tôi cách thưởng thức một giọng hát có kỹ thuật căn bản qua Anh Ngọc, Duy Trác, Phượng Bằng, qua các nữ ca sĩ Thái Thanh, Mộc Lan, Khánh Ngọc, Kim Tước, Châu Hà, Mai Hương và Quỳnh Giao. Chính anh đã khuyên nữ ca sĩ Tuyết Hằng ghi tên vào trường Quốc Gia Âm Nhạc để học nhạc, để luyện giọng. Cho nên khi một nữ ca sĩ nào trong ban Tam Ca Mộc Lan & Kim Tước & Châu Hà vắng mặt thì Tuyết Hằng có thể thay thế để tam ca với hai người kia. Nhờ anh, vào năm 1971 tôi mạnh dạn cầm bút viết về ca trường nhạc giới trên hai nhật báo Sinh Hoạt Nghệ Thuật và Minh Tinh. Và giờ đây, tôi mạnh dạn viết quyển *"Theo Chân Những Tiếng Hát"* do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản.

Riêng bà mẹ của Quách Thoại vào 5 năm đầu của thập niên 70 cùng với nhà văn Lý Hoàng Phong thiên cư về Làng Báo Chí. Ngày 23/04/75, Việt Cộng tấn công vào Sài Gòn, cụ bị miểng đạn súng cối đả thương. Cụ mất nhiều máu. Khi con cháu cụ chở cụ bằng xuồng qua cư xá Thanh Đa thì cụ trút linh hồn. Mọi diễn biến từ lúc cụ bị thương đến khi được đưa xuống thuyền đều có tôi chứng kiến. Cụ để lại đôi dép Nhật bản màu lục tươi bê bết máu tươi. Tôi rửa sạch máu cất dép ở xó nhà định gặp Lý Hoàng Phong sẽ trả lại. Đâu chừng hai tháng sau, khi đất nước đổi cờ, Lý Hoàng Phong có đến tìm tôi để hỏi thăm tin tức về Tô Thùy Yên. Mãi mê nói chuyện đâu đâu, tôi quên hẳn đôi dép.

Tôi đành để đôi dép ở xó nhà, không dám động tới.

*

Dưới mái đông lang, cô Phương Đài tôi, cô bạn Lan Đài của tôi và tôi viết thư làm quen với các nhà văn, nhà thơ.

Các thần tượng của Lan Đài và tôi gồm có Võ Phiến, Vũ Hạnh, Cung Trầm Tưởng, Vương Tân, Hoàng Bảo Việt. Thuở đó, ông Võ Phiến mảnh khảnh, có vẻ hơi dè dặt, cách ăn nói dịu dàng, mềm mỏng. Có lẽ ông nghĩ rằng giọng nói Bình Định của mình có vẻ lạc loài khi ở Sài Gòn nên ông nói chuyện thật mỏng, thật dịu nhẹ. Còn Vũ Hạnh cao lớn, đẹp trai, ưa công kích mọi kẻ không cùng lý tưởng với anh. Cung Trầm Tưởng ăn mặc chải chuốt, thật đợt sóng mới, mái tóc chải gie trước trán giống mái tóc của ca sĩ Pat Boone, da dẻ tươi mát như vừa tắm xong. Vương Tân ăn nói duyên dáng, ăn mặc xốc xếch, nhưng vẫn khôi ngô, vẫn có cái *"charme"* nồng mặn. Hoàng Bảo Việt hiền lành, ăn nói hơi trau chuốt một chút.

Những thần tượng của cô Phương Đài có Trang Thế Hy và Tường Linh. Về sau mới có Bùi Khánh Đản, Trần Thị Tuệ Mai. Thuở đó Tường Linh ăn mặc chải chuốt, tóc chải thấm nước, mắt đeo mục kính với cái gọng đồi mồi. Trang Thế Hy ăn mặc xuề xòa, mặt mũi phảng phất nét người khách trú. Sau đó, Trang Thế Hy bỏ vào mật khu, để lại tập truyện *"Nắng Đẹp Miền Quê Ngoại"* (anh phải dùng bút hiệu Văn Phụng Mỹ).

Khách của cụ bà Song Thu gồm có các cụ bà Cao Ngọc Anh, Chi Tiên, Hồng Thiên. Những bà này tôi không có hân hạnh diện kiến. Ngoài ra có hai cụ bà Đào Vân Khanh và Băng Tâm cùng cụ bà Song Thu trong Hội Khuyến Nho. Cụ bà Vân Khanh là mẹ nhà thơ Vũ Khánh nhà thơ nữ Uyển Hương và nhạc sĩ tài danh Vũ Thành. Cụ đẹp lão với đôi hàm răng nhuộm đen, trong tấm áo nhung đen và vành khăn nhung đen. Tuy vào tuổi thất tuần nhưng cụ vẫn tô điểm phấn son, đeo nhiều món trang sức. Nhưng dù có đỏm dáng, cụ vẫn trang điểm theo các bậc mệnh phụ lớn tuổi. Trông cụ thật cao sang quý phái. Thi tập *"Khúc Nhàn Ngâm" của cụ có nhiều bài hay. Nếu trong văn học sử cận kim, ta gặp các cụ bà nữ sĩ cận đại như Nhàn Khanh, Sương Nguyệt Ánh, Cao Ngọc Oanh, Trần Kim Phụng, Trần Ngọc Lầu, Song Thu Phạm Xuân Chi, cụ Kim Y Phạm Lệ Oanh mà bỏ quên cụ bà Vân Khanh là*

một sự thiếu sót.

Ngoài ra, cụ bà Song Thu còn có các văn hữu gồm ông bà Nguyễn Đăng Thục, ông Đông Hồ và bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, ông Nguyễn Vỹ. Ông Nguyễn Đăng Thục có vẻ lừng khừng nhưng gặp chuyện cũng biết cãi như mổ bò. Bà Thục đẹp phúc hậu. Ông Đông Hồ ốm yếu mảnh khảnh, đi ra ngoài là mặc áo gấm lam hoa mặt nguyệt dệt ngân tuyến, đầu đội khăn xếp. Bà Mộng Tuyết trang điểm cẩn thận, thoa son đánh phấn thật khéo nên không ai biết bà thuộc loại da đen mặt rỗ. Đã vậy bà cuốn tóc theo kiểu mệnh phụ, chải chín lược mười mồng trên đầu rồi phun keo để giữ nguyên nếp chải. Bà đeo rất nhiều kim cương, ngọc thạch, mặc áo dài ny lông trong vắt, màu thật sáng thật thanh nhã!

Ngoài ra khách của cụ bà Song Thu còn có bà Ái Lan, bà Vân Trang, bà Thu Nga và bà Vân Nương. Bà Ái Lan ưa mặc áo dài đen, thoa son đánh phấn thật đậm. Vào thời chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh thi tập *"Thơ Ái Lan"* của bà được độc giả miền Nam ái mộ cũng như các quyển tiểu thuyết của các tác giả ca tụng cuộc kháng chiến chống Nhật như Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Lý Văn Sâm, Liên Chớp và Dương Tử Giang. Bà Vân Trang đẹp sắc sảo mặc áo màu beige, màu vàng rơm, màu hoàng yến, màu xám trân châu, màu vảy cá thu (xám ánh tím), màu nâu ánh vàng đều nổi bật. Thuở đó, bà là kiện tướng của tạp chí Bách Khoa, tên tuổi được đứng gần Võ Phiến, Vũ Hạnh, Phan Văn Tạo, Võ Hồng, Phan Du. Quyển tập truyện *"Một Lá Thư Tình"* của bà gây một tiếng vang không sôi nổi và sau đó vào Tết Mậu Thân bà bỏ vào mật khu. Còn bà Thu Nga giỏi về thơ lẫn ngón đàn tranh lẫn ngón nguyệt cầm. Bà có vóc dong dỏng, khuôn mặt điểm đạm. Còn bà Vân Nương thuở đó đã cho xuất bản thi tập *"Tơ Sương"*. Bà đẹp quí phái và cao sang, rất mệnh phụ. Phu quân của bà là Đại sứ Lê Ngọc Chấn cầm đầu sứ quán Việt Nam ở bên Anh.

Về sau, cụ bà Cao Ngọc Anh và cụ bà Đào Vân Khanh lập ra Quỳnh Dao Thi Xã. Các hội viên đợt đầu gồm có Mộng Tuyết, Quỳ Hương, Uyển Hương, Trần Thị Tuệ Mai, Nguyễn Thị Vinh. Sau đó, tôi mới biết còn có các bà Vân Nương, Tuệ Nga, Thu Nga, Tôn Nữ Hỷ Khương. Cụ bà Cao Ngọc Anh chết vào năm 1973, chính cụ Đào Vân Khanh thay thế chức niên trưởng cho tới khi cụ rời nước qua định cư bên Hoa Kỳ. Chính bà Mộng Tuyết thay thế chức niên trưởng cho các bà hội viên trong thi xã Quỳnh Dao còn kẹt lại sau bức màn tre.

*

Năm 1963 tôi rời mái đông lang, sau đó tôi về Đình Phú Thạnh nằm giữa Chợ Đũi và chợ Vườn Chuối ở chung với Thụy Vũ. Tuy nhiên, tôi vẫn về Phú Nhuận để thăm cô Phương Đài và Xuân Hoàng. Còn chị tôi vì bận nhiều việc nên không đến Hàng Xanh thăm cô Bảy tôi. Vào năm 1973, chị tôi lại dời về Làng Báo Chí nằm lọt giữa hồ tắm An Phú và hồ tắm Thiên Nga. Tại đây, Trần Long Hồ thường cỡi xe Solex đến thăm chị tôi thường xuyên. Anh ta vừa đeo đuổi ngành Quân Y vừa khởi đầu viết văn, lấy tên cúng cơm làm bút hiệu.

Mái đông lang của Thánh Thất Từ Vân! Nơi đó để tôi mộng làm thơ viết văn. Nơi đó có cây nhược liễu, giàn thiên lý, bồn hoa yên chi, những cây hồ điệp, những bụi bông trang, những khóm dã lan đã ươm ở nội giới tôi biết bao chồi tơ, lộc non, lá mới, búp hoa của cảm hứng. Chẳng hiểu bóng bồ đề ngọc thụ chùa Long Vân, đầm nước trải gương, chiếc cầu gỗ bắc qua con rạch duyên dáng đã gieo trong trái tim và tâm hồn của Thụy Vũ và của Trần Long Hồ những biến động gì mà cả hai khởi đầu cầm bút trong khung cảnh êm ả tịch mạc kia?

Giờ đây nơi khu tĩnh mịch của tỉnh Troyes, thuộc vùng Champagne trên đất Pháp, tôi có Cổ Nguyệt Đường để trốn lánh cái ồn náo của thị thành. Xung quanh tôi là những cây đào Nhật bản, cây bạch dương, cây lệ liễu, cây anh đào, cây hồng mai, cây soan đào để tôi nhìn chúng trổ lá đơm hoa từ xuân qua hạ. Ở đây có rừng thơ mộng, có hồ gợn sóng bạc sóng vàng, có đồi cao vây chung quanh, có dòng sông Aube trong như lọc, có dòng Seine biếc rêu vì gần nguồn. Đó không phải là nơi ươm thơ dệt mộng cho một kẻ có tóc sương điểm tuyết pha như tôi. Cho nên tôi ít khi viết về cảnh tôi đang sống. Tôi chỉ viết về những cảnh cũ làng xưa, những nơi quê hương đất nước mà tôi đã dừng chân trong một thời gian dăm ba năm. Và trong những nơi đó, nhất định là có khung cảnh dãy đông lang của Thánh Thất Từ Vân mà các bạn độc giả đã đọc ở bài tùy bút này.●

Hiểu Thúy Thư Trai,
tiết Thịnh Hạ năm Mậu Dần (1998)

VÀI Ý KIẾN VỀ "KHOA HỌC VÀ CHÂN LÝ"

TRẦN CHUNG NGỌC

Tôi xin góp vài ý kiến về chủ đề "Khoa học và chân lý" ông Phạm Ngọc Khôi đưa ra trong Thế Kỷ 21, số 113.

Khi ông Khôi đặt câu hỏi: "Khoa học và chân lý, khoảng cách gần hay xa?" mà không định nghĩa thế nào là chân lý, chân lý thuộc lãnh vực nào v.v... thì quả thật rất khó trả lời. Nếu chúng ta quan niệm chân lý là những sự thực đúng với thực tại nó là như vậy thì khoa học rất gần chân lý và nhiều khi chính là chân lý. Nếu chúng ta cho rằng chân lý là những tín điều thì khoa học rất xa chân lý. Có vẻ như ông Khôi muốn thu hẹp chân lý trong chủ đề nguồn gốc con người và vũ trụ.

Một mặt khác, khi ông Khôi cho rằng "vì sự tạo thành vũ trụ và sự hình thành thế giới sinh vật quá kỳ diệu và phức tạp, cần phải có một nguyên nhân sâu xa nào đó nằm ngoài khả năng hiểu biết của con người" thì đây là một tín điều, không liên quan gì tới khoa học. Chưa kể là tín điều trên đã hạ thấp khả năng của con người, phủ nhận sự tiến bộ của con người qua dòng lịch sử, và giữ con người đứng yên tại chỗ. Ngoài ra, lịch sử Âu châu đã chứng minh rằng, khi mà con người đặt cái "nguyên nhân sâu xa nào đó nằm ngoài khả năng hiểu biết của con người" trên vai của một vị Thần, và lại ở vị thế có quyền lực và cho điều mình tin là không thể sai lầm, thì Âu châu đã bị bao phủ bởi bức màn "man rợ và đen tối trí thức" (barbarism and intellectual darkness) kéo dài suốt 1000 năm. Thời đại này được biết dưới tên "Thời đại đen tối (The Dark Ages). Con người sở dĩ thoát ra khỏi thời kỳ đen tối này là vì không chịu đứng yên một chỗ.

Ngày xửa ngày xưa, con người cảm thấy yếu đuối và sợ hãi trước thiên nhiên, từ những cơn bão tố sấm sét, những cuộc động đất, những kỳ núi lửa phun ra nham thạch v.v... những hiện tượng con người khi đó không thể giải thích vì chưa đủ trí tuệ để hiểu. Ngoài ra con người còn phải đối diện với trăm thứ bệnh tật, bất an trong cuộc đời. Họ cũng nghĩ rằng, chắc những thiên tai, bệnh tật kể trên phải có một nguyên nhân sâu xa nào đó nằm ngoài sự hiểu biết của họ, và họ đã qui mọi hiện tượng thiên nhiên về hoạt động của những bậc siêu nhiên mà họ gọi là Thần (Gods). Thí dụ, sét được coi như là những lưỡi gươm của Thần giáng xuống nhân loại, sấm được coi như là tiếng nói trong cơn thịnh nộ của Thần, những bệnh dịch tả, dịch hạch, có tính truyền nhiễm nên làm chết hại nhiều ngàn người vì chưa có thuốc phòng ngừa hay chữa chạy, cũng được coi như là họa của Thần giáng xuống đầu con người để trừng phạt con người vì tội đã làm phật ý Thần. Nhưng con người lại không chịu dậm chân tại chỗ, cho nên ngày nay, chúng ta đã hiểu, và hiểu rất rõ, bệnh tật từ đâu mà ra, tại sao có sấm sét, và tiên đoán được khi nào có sấm, sét và có ở đâu v.v...

Từ khi bắt đầu xuất hiện trên trái đất, con người luôn luôn thắc mắc với những câu hỏi như thế giới này tự đâu mà ra, vũ trụ này từ đâu mà có, con người từ đâu sinh ra, sẽ đi về

đâu v.v... Từ xưa tới nay, con người đã đưa ra nhiều giải đáp khác nhau, dựa trên sự hiểu biết và trí tuệ của con người ở mỗi địa phương và qua các thời đại. Những giải đáp này thường thuộc một trong hai loại: huyền thoại và lý thuyết khoa học.

Huyền thoại là những chuyện được lưu truyền trong dân gian, do sự tưởng tượng của con người, đưa ra những giải thích về thiên nhiên, lịch sử vũ trụ, thế gian, con người, và thường đặt trọng tâm vào vai trò của những bậc siêu nhiên được tạo thành theo trí óc, tưởng tượng của con người. Huyền thoại không dựa trên căn bản luận lý, thực nghiệm cho nên đối với các huyền thoại, con người hoặc tin hoặc không tin, hoặc chấp nhận hoặc chối bỏ. Nhưng chúng ta cũng phải công nhận là, tuy huyền thoại là những chuyện giả tưởng, nhưng là giả tưởng có ý nghĩa, và do đó có thể đáp ứng được khát vọng nào đó của con người. Huyền thoại cũng đưa ra những điều mà những người tin vào huyền thoại đó coi như là chân lý, không thể sai lầm, do đó, không chấp nhận bất cứ điều nào ngược với niềm tin của họ... Trái lại, một thuyết khoa học dựa trên sự quan sát sự việc, trên thực nghiệm và kiểm chứng. Đặc tính của khoa học là: một thuyết khoa học, tuy đã được kiểm chứng là phù hợp với những dữ kiện, kết quả của những nghiên cứu khoa học, những quan sát, những kết quả thực nghiệm v.v... nhưng luôn luôn dành chỗ cho những chống đối hay phản bác hợp lý và phù hợp với những dữ kiện mới, khám phá mới. Cho nên một thuyết khoa học bao giờ cũng chỉ có một giá trị tương đối, chỉ có tính cách giai đoạn, chỉ đúng cho đến khi có một thuyết mới chứng tỏ ngược lại hoặc chứng tỏ thuyết cũ chỉ có một áp dụng giới hạn chứ không áp dụng được một cách phổ quát. Bởi vậy, các khoa học gia không bao giờ cho mình là đã nắm trong tay cái chân lý có thể giải đáp được mọi vấn đề. Họ chỉ trình bày những điều mà họ đã suy nghĩ và khám phá ra nó là như vậy, và thường chỉ ở trong một lãnh vực nhỏ hẹp. Họ không cưỡng bức bất cứ ai phải tin vào lý thuyết của họ và sẵn sàng chấp nhận những ý kiến mới, kết quả mới, nếu những ý kiến kết quả này hợp lý hơn và phù hợp với thực tại hơn. Với một "tinh thần khoa học" như vậy, chuyện "che dấu sự thiếu hiểu biết của mình" là chuyện khó có thể thực hiện trong giới khoa

TRẦN HUY SAO

MÙA TÌNH

rừng Phong thay lá đỏ
em son phấn theo mùa
dương gian chừng quá nhỏ
cho mắt tình đong đưa

giọt nắng đã về chưa
cho mùa Xuân dợm bước
em còn chờ chi nữa
dọn má phấn môi hường

đã qua mùa gió chướng
trời lồng lộng xuân thì
thoáng dập dìu ong bướm
mùa tình ơi mùa tình

lòng ta say hay tỉnh
giữa đất trời ra Giêng
gió mùa se tóc mịn
thoảng hương nồng gối chăn

cuộc đời e quá ngắn
không giữ mãi mùa tình
đừng để phai hương phấn
cho tròn cuộc tử sinh...

San Diego, CA

học. Uy tín của khoa học gia đối với quần chúng nằm ở nơi những kết quả khảo cứu mà họ đã trình bày rõ ràng cho quần chúng biết, chứ không nằm nơi "che dấu sự hiểu biết của họ." Nếu chúng ta đã từng đi dự những hội nghị quốc tế về khoa học, chúng ta sẽ thấy các khoa học gia rất là lương thiện. Khi không biết thì họ nói là không biết, khi sai lầm thì họ nhận là đã sai lầm. Lẽ dĩ nhiên, trong giới khoa học cũng như trong các giới khác, bao giờ cũng có những người tự cho là mình biết, hoặc hiểu, và những điều mình biết và hiểu thì không thể sai lầm, trong khi sự thực thì không hẳn là như vậy.

Có thể nói, cách đây mấy ngàn năm, mỗi nền văn hóa đều có một cách giải thích khác nhau về nguồn gốc con người và vũ trụ. Điểm chung của các quan niệm thuộc các nền văn hóa khác nhau này là: có một vị Thần, hoặc dưới dạng người, hoặc dưới dạng sinh vật, đã "sáng tạo" nên vũ trụ và con người. Chúng ta có thể đếm được cả trăm huyền thoại về "sáng tạo" đã được lưu truyền trên thế gian.

Với sự hiểu biết và trí tuệ của con người hiện nay thì, dựa trên những sự kiện (facts) khoa học, thuyết con người là do sự biến hóa của những sinh thể ban khai tạo thành, và vũ trụ sinh ra từ một sự bùng nổ lớn (Big Bang) của một dị điểm (singularity) vô cùng nóng, vô cùng đặc, được công nhận là hợp lý nhất. Hợp lý vì đây không phải là một lý thuyết suông mà dựa trên rất nhiều kết quả thực nghiệm ăn khớp với những tiên đoán trong lý thuyết. Lẽ dĩ nhiên, tính cách hợp lý này không nằm trong đầu óc của nhiều triệu người, vì lý do này hay lý do khác, tin là vũ trụ và mọi vật trong đó là do sự sáng tạo của một đấng thần linh toàn năng.

Chúng ta nên nhớ rằng, con người vẫn còn nằm trong quá trình của sự tiến hóa, trí tuệ càng ngày càng phát triển và không ai có thể tiên đoán được là tiến trình này tiến tới đâu và bao giờ mới ngừng. Các khoa học gia, dựa trên những dữ kiện khoa học về những mối liên hệ giữa trái đất và mặt trời, tiên đoán rằng trái đất mà chúng ta đang sống chỉ có thể tồn tại khoảng năm tỷ năm nữa, nhưng nhân loại sẽ đi về đâu thì đó còn là một ẩn số vĩ đại.

Khi ông khẳng định rằng: "Hiện nay, toàn bộ kiến thức con người về astrophisics, quantum mechanics, biology và biochemistry góp lại cũng không thể đưa ra một lời giải thích ổn thỏa" chắc hẳn ông Khôi đã nắm vững trong đầu toàn bộ kiến thức trên mà đằng sau nó là cả một rừng toán học phức tạp. Mừng cho ông. Nhưng thế nào gọi là ổn thỏa và ổn thỏa cho ai? Khi ta không có vốn liếng và khả năng để hiểu và chấp nhận một giải thích thì giải thích đó không bao giờ có thể gọi là ổn thỏa cho ta cả. Lấy trí tuệ của ta để đánh giá trí tuệ của thiên hạ là một điều nguy hiểm.

Trong khoa học chúng ta không nên lẫn lộn những chủ đề đã được giải quyết dứt khoát với những chủ đề còn ở trong vòng bàn cãi và tìm hiểu. Có những kiến thức trải qua nhiều trăm năm hay cả ngàn năm mà vẫn không hề lỗi thời. Có những kiến thức chỉ trong vài năm đã thay đổi đừng nói đến chuyện vài chục năm. Hơn nữa, chuyện có thay đổi hay không là chuyện trong tương lai, chưa xảy ra. Cho nên, chúng ta không có một căn bản nào để đoan quyết rằng, kiến thức nào sẽ thay đổi, kiến thức nào sẽ không thay đổi. Nếu chúng ta nghi ngờ giá trị của những kiến thức khoa học hiện thời vì cho rằng những kiến thức này sẽ thay đổi chỉ trong vài chục năm thì chúng ta sẽ không có một kiến thức khoa học nào cả. Như vậy, kiến thức khoa học của chúng ta, nếu có, chỉ thuộc loại tơ lơ mơ. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng, kiến thức của một Einstein, của một Hawking v.v... chẳng qua chỉ là hoa trái của một cái cây tổng hợp kiến thức của rất nhiều người khác từ xưa tới nay.

Trên đây là vài ý kiến về khoa học và chân lý, dựa theo sự hiểu biết hạn hẹp của tôi về một đề tài vừa rộng vừa khó đối với tôi. Nếu có làm trò cười cho quý độc giả Thế Kỷ 21 thì ít ra tôi cũng làm được một việc tốt: quý độc giả có chỗ để mà cười. Cười nhiều bao nhiêu thì sống lâu bấy nhiêu, Đông Y và Tây Y đều dạy như vậy.

Grayslake, IL.

* Tại vì chúng ta sẽ không bao giờ biết Thượng Đế cho nên chúng ta mới tin Thượng Đế.

Krisnamurti

* Đừng xem sự đối chọi của những chủ nghĩa khác nhau là một tai họa, hãy xem nó như là một cơ hội.

Whitehead

* Thể chế và triều đại có thể đổi thay, nhưng anh làm vườn vẫn phải quét dọn cung điện.

Chateaubriand

QUẬN CAM

Mùa kịch 1998: Vở Sân Khấu Về Khuya

Năm 1995 có thể coi là cái mốc đánh dấu sự hồi sinh của bộ môn kịch trong cộng đồng người Việt Nam tị nạn. Đạo diễn Nguyễn Minh Phương cùng một số bạn bè yêu thích kịch đã quyết tâm dựng lại sân khấu kịch Việt Nam và lập quy lệ mỗi năm có một "mùa kịch" tại hải ngoại. Mùa kịch 1995 đã diễn Lôi Vũ của Tào Ngu; 1996 có vở Yêu, phóng tác từ tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử; 1997, trong một buổi sinh hoạt kỷ niệm 150 năm ngày sinh của cụ Đào Tấn (một tiền bối có công nhiều với sân khấu Việt Nam vào cuối thế kỷ 19) tại hội trường của nhật báo Người Việt, Nam California, một trích đoạn của vở Sân Khấu Về Khuya đã được trình diễn trên một sân khấu bỏ túi.

Và năm nay, 1998, Mùa Kịch đã "bùng nổ" với hai vở kịch lớn được đưa ra công diễn cách nhau không đầy hai tháng: Đoạn Tuyệt (phóng tác từ tiểu thuyết cùng tên của Nhất Linh) vào

Từ trái: Mai Lan, Vũ Khanh và Mai Phương trong vở Sân Khấu Về Khuya

cuối tháng Tám, Sân Khấu Về Khuya vào ngày 4 tháng Mười.

Sân Khấu Về Khuya nguyên là một tuồng cải lương do nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu (1906-1977) viết kịch bản, rất nổi tiếng ở miền Nam thời cuối thập niên 60, với các diễn viên chính Thanh Nga, Thành Được, Ngọc Nuôi. Nhiều người đã xem SKVK thời đó ngày nay vẫn còn tấm tắc khen ngợi, coi đó là một tuồng cải lương đáng được xếp vào hàng cao nhất về kịch bản, về diễn xuất và giàn dựng. Chuyển thể từ tuồng cải lương sang thoại kịch, Nguyễn Minh Phương chỉ phải đi một con đường gần.

Đạo diễn Nguyễn Minh Phương đã không "nhập đề" một cách cổ điển với ba tiếng nện trên sân khấu và màn mở ra để bắt đầu vở kịch. Nhà đạo diễn đã lên hẳn sân khấu để đóng vai trò dẫn nhập: ông giới thiệu cái thế giới thật của sân khấu khi đèn đã tắt, khán giả đã về, một cảnh bừa bộn mà ông đã khổ công dựng lên như một màn "tiền kịch" trước khi bắt đầu vở chính. Nếu coi vở kịch diễn trên sân khấu như là một trò giả để diễn tả cái thật thì màn dẫn nhập vừa rồi của đạo diễn là một thực hiện rất tài tình để dắt người xem từ cái thật bước vào thế giới giả không bở ngỡ. Vì đây là một vở kịch có chủ đề về đời sống của những nghệ sĩ sân khấu nên việc giới thiệu một hình ảnh "thật" của sân khấu là một việc làm có ý nghĩa, nhằm gây nơi khán giả một ý niệm tiên khởi về cái thế giới mà vở kịch sắp sửa dẫn dắt họ đi vào. Đó là một ý đồ rất tinh tế và già dặn của đạo diễn Nguyễn Minh Phương.

Các vai chính của vở kịch: Giáng Hương do Mai Phương đóng, Lĩnh Nam do Vũ Khanh, Mỹ Tiên do Lan Phương. Giáng Hương là vai "nặng" nhất, chuyên chở chủ đề của vở kịch là nói lên vai trò của người nghệ sĩ chân chính đối với nghề sân khấu. Mai Phương bộc lộ hết tài năng và đam mê, đảm đương mọi tình huống suốt chiều dài vở diễn một cách đáng khâm phục. Vũ Khanh và Lan Phương bộc lộ những khía cạnh khác, những tâm lý khác của con người và của nghệ sĩ một cách hoàn hảo.

Chú Tư, một nhân vật phụ, do Việt Hùng đóng. Việt Hùng không diễn kịch nữa, ông như đang sống tự nhiên trên sân khấu. Cái khoảnh khắc trên sân khấu nơi ông xem ra không khác gì những khoảnh khắc khác mà ông sống trong đời thường, dường như đã có sự hóa thân nơi ông để không còn phân biệt đâu là ranh giới của kịch và không kịch. Vẫn con người ấy, vẫn cung cách, ngôn ngữ ấy, điềm đạm tự nhiên như không nhưng mà là kịch, rất kịch, không một diễn viên nào có thể

kịch hơn thế. Xem Việt Hùng diễn ta cảm thấy cái hạnh phúc của một sự viên mãn, của sự không cần phân biệt, vì biết mình đang bắt gặp sự thật trước mắt.

Nhạc đệm của kịch cũng như nhạc đệm của phim, đóng góp một cách tích cực vào việc gây xúc cảm nơi khán giả. Ở kịch, nó còn nâng đỡ, gây cảm hứng cho diễn viên, làm cây cầu nối sân khấu và người xem. Sân Khấu Về Khuya và những vở trước đây có được một chuyên viên âm thanh thượng thặng, đấy là anh Hải Nam, người giới thiệu nhạc ngoại quốc một thời rất quen thuộc trên đài Phát thanh Quân Đội VNCH. Chọn nhạc thích hợp cho từng tình huống vở kịch, cho vào một chương trình để có thể bấm ra đúng lúc các diễn biến trên sân khấu, đó là một công việc đòi hỏi chuyên môn và công sức rất cao. Nhưng đối với Hải Nam, đó cũng là nguồn vui, là việc đầy cảm hứng.

Sáng tác vở Sân Khấu Về Khuya, Nguyễn Thành Châu muốn trình bày một chủ đề về người nghệ sĩ sân khấu. Ông muốn gợi một cái gì sâu thẳm, mông lung, tận trong tiềm thức của người nghệ sĩ, bàng bạc trong một cái nghề mà cũng là một cái nghiệp. Đạo diễn Nguyễn Minh Phương và tập thể diễn viên của Kịch Đoàn Hải Ngoại đã trao được thông điệp ấy của Nguyễn Thành Châu đến khán giả trong một buổi diễn đầy buồn vui, cảm thương, thao thức. Về phía quần chúng, nhờ vở kịch này họ sẽ hiểu sân khấu hơn, yêu những người làm nghệ thuật hơn, và do đó sẽ gắn bó với kịch nghệ nhiều hơn.

Đêm thơ nhạc Du Tử Lê 2 thành công vượt bực

Khoảng 300 khán giả ngồi chật Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo người Việt vào đêm thứ Sáu 16 tháng Mười 1998 để tham dự đêm sinh hoạt văn nghệ Du Tử Lê 2 do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) cùng với bạn hữu Du Tử Lê tổ chức.

Thi sĩ Du Tử Lê đã trình bầy cùng với khán giả về những dấu slash (/) trong thơ lục bát của ông. Và đối với giới thưởng ngoạn thơ ca thì đây được xem như là một hình thức làm mới thi ca của thi sĩ họ Du. Ông cho rằng những dấu slash của ông có thể làm cho người thưởng thức thi ca của ông cũng có thể góp phần vào việc sáng tạo tùy theo cảm quan của mỗi người thưởng ngoạn và người đọc vừa là độc giả và cũng vừa là tác giả. Và dấu slash

Nhà thơ Du Tử Lê

trong thơ của ông đã trở thành một ký hiệu.

Thi sĩ Du Tử Lê cũng cho rằng cuộc sống hiện nay của chúng ta đầy mảnh vụn và đầy bất trắc. Chính vì thế, ông chủ trương "cắt nát bét" thơ của ông bằng những dấu slash và bài thơ sẽ thành một mớ puzzle (những mảnh vụn để người cho có thể tự ráp lấy hình).

Chương trình văn nghệ, gồm những bản nhạc phổ thơ Du Tử Lê đã được những nghệ sĩ Trầm Tử Thiêng, Vũ Anh, Anh Dũng, Mỹ Thúy, Quốc Việt, Ngọc Huệ, La Sương Sương, Bích Thuận, Trần Duy Đức, Vương Đức Hậu, Việt Dzũng trình bầy với sự điều hợp chương trình của xướng ngôn viên đài Little Saigon Phạm Long. Đặc biệt trong chương trình Du Tử Lê 2 còn có sự góp mặt của 2 nhà báo Bùi Bảo Trúc nói chuyện phiếm về "Tính Lang Chạ trong thơ của Du Tử Lê" và nhà báo Ngô Vương Toại nói về những khám phá mới trong thi ca của Du Tử Lê.

Hội Bạn Ảnh ICS tổ chức cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế

Hơn một ngàn tác phẩm nhiếp ảnh của hơn 80 quốc gia trên thế giới đã gởi về dự thi nhiếp ảnh quốc tế do Hội Bạn Ảnh ICS lần đầu tiên tổ chức tại Hoa Kỳ qua sự yểm trợ tinh thần của PSA PAUSA FIAP.

Trong buổi khai mạc giới thiệu Hội Đồng Giám Khảo tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào sáng ngày thứ Bẩy Mồng 3 tháng 10 năm 1998, ông Tony Lê Kim Thuận, APAUSA FPSNY HonFICS, Chủ Tịch Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Đa Văn Hóa, Hội Trưởng Hội Bạn Ảmh ICS, đã cho biết: "Cuộc thi này qui tụ rất nhiều tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật, là tinh hoa của những nhiếp ảnh gia thuộc các quốc gia trên thế giới gởi ảnh đến dự thi."

Bà Nancy Lê Trần Thị Hoàn, Tổng Thơ Ký Ủy Ban Triển Lãm Nhiếp Ảnh Quốc tế của

Hội Bạn Ảnh ICS đã giới thiệu quí vị trong Hội Đồng Giám Khảo gồm có các nhiếp ảnh gia:

- Henry Mass, Chủ tịch Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Quốc Gia Hoa Kỳ, Đại Diện Danh Dự của Tổng Hội Nhiếp Ảnh Thế Giới.
- Sidney B. Goldstein, Chủ Tịch Liên Hiệp Nhiếp Ảnh Miền Bắc Mỹ.
- Bác sĩ Louis F. Romain, Chủ Tịch Ủy Ban Phát Triển Nhiếp Ảnh Quốc tế, Phó Chủ Tịch Tổng Hội Nhiếp Ảnh Hoa Kỳ.
- Bác sĩ Russell Allan Rhode, Phó Chủ Tịch Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Quốc Gia Hoa Kỳ.
- Tony Lê Kim Thuận, Chủ Tịch Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Đa Văn Hóa, Hội Trưởng Hội Bạn Ảnh ICS.

Theo lời bà Nancy Lê Trần Thị Hoàn cho biết trong số hơn một ngàn tác phẩm gởi ảnh về dự thi thì những quốc gia gởi ảnh về nhiều nhất có Trung Quốc, Hongkong, Pháp, Nga, Áo, Úc, Việt Nam... Cuộc triển lãm các tác phẩm trúng giải cũng như những tác phẩm được công nhận sẽ được triển lãm tại Phòng Sinh Hoạt của Nhật Báo Người Việt vào ngày 17 tháng 10 năm 1998.

Nữ Nghệ Sĩ Bích Thuận: 60 năm hoạt động nghệ thuật

Nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã lôi cuốn hàng trăm khán giả đến tham dự buổi nói chuyện của bà với đề tài "Nửa Thế Kỷ Nghệ Thuật Cải Lương" do hội Văn Học nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức vào chiều Chủ Nhật 11 tháng Mười năm 1998 tại trụ sở của Hội.

Nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã lượt qua lịch sử sân khấu Việt Nam, cho biết đến thế kỷ 13, Hát Chèo đã được vua chúa và dân gian ưa chuộng. Đời nhà Trần khi thắng quân Nguyên, cả một đoàn hát của giặc với trưởng đoàn là Lý Nguyên Cát đã bị ta bắt, triều đình bấy giờ đã yêu cầu Lý truyền nghề hát bội lại cho Việt Nam. Lý Nguyên Cát đã hướng dẫn từ cách xây dựng phường hát cho đến cách hóa trang, y trang cùng với các vũ điệu như múa kiếm, múa cờ, múa quạt theo nhịp điệu đàn ca với những nhạc cụ của Trung Hoa. Các danh sĩ Đào Duy Từ (thế kỷ 16), Đào Tấn (thế kỷ 19) đã có công đem bộ môn hát bội phổ biến và nâng cao phẩm chất trong vùng đất phía Nam. Nữ nghệ sĩ Bích Thuận nhận xét rằng cho đến cuối thế kỷ 19, bộ môn Hát Bội chịu ảnh hưởng của Trung Quốc nên phát triển chậm chạp, thiếu bề sâu.

Nước Pháp đô hộ Việt Nam cùng lúc với sự thành hình của chữ Quốc ngữ đã làm thay đổi nếp sống từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Nghề hát cũng có nhiều thay đổi và chịu thêm ảnh hưởng của Tây phương. Đến những năm 1917 và 1918, kịch nghệ cải cách được phát xuất từ trong Nam sau mới lan ra Trung và Bắc. Bấy giờ đã có những vở tuồng lấy đề tài từ những sinh hoạt xã hội đương thời, văn chương trong các tuồng hát này cũng bớt chữ Hán và giảm những điển cố Trung Quốc. Bản vọng cổ đầu tiên do nhạc sĩ Cao Văn Lầu sáng tác khoảng năm 1920.

Bích Thuận đang độc diễn

Nói về cuộc đời ca hát của mình, nghệ sĩ Bích Thuận cho biết bà được gia đình cho theo nghề hát từ năm lên 10, theo đoàn "Nhật Tân Ban Đồng Ấu" do một người Trung Hoa làm chủ nhân, nghệ sĩ từ 15 tuổi trở xuống.

Đến cuối thập niên 1950, Việt Nam Cộng Hòa mới có một Viện Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ tại Sài Gòn, các giáo sư hướng dẫn phần lớn tốt nghiệp từ Âu châu về giảng dậy. Về các ngành trình diễn sân khấu có các bộ môn Cải Lương, Hát Bội, Thoại Kịch, Hát Chèo, và nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã là một thành viên trong ban giảng huấn và bộ môn cải lương được nhiều người rất ưa thích.

Nghệ sĩ Bích Thuận cũng giải thích về nguồn gốc hai chữ *Cải Lương* xuất hiện khoảng 1917-18, là từ câu trong chữ Nho: *Cải biến kỳ sự, sự ích tự thiện lương,* nghĩa là đổi những cái cũ còn lại thành ra cái mới, cái hay. Lấy chữ đầu và chữ cuối của câu chữ Nho trên ghép lại thanh "cải lương."

Còn nguồn gốc chữ *Sân Khấu,*: Ngày xưa phường tuồng hát cho vua quan thưởng lãm trình diễn trong một khoảng sân, vua ngồi ở trên cao, nghệ sĩ trình diễn ra Sân trước khi hát phải Khấu đầu lạy vua. Do đó nơi trình diễn gọi là sân khấu.

Sau phần thuyết trình, nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã độc diễn lại vai Lữ Bố trong một vai

võ tướng và Thúy Kiều trong một vai đào thương, đã được khán giả tán thưởng nhiệt liệt. Cuối tháng Chín vừa qua, đoàn Văn Nghệ Dân Tộc Lạc Hồng trong một chương trình văn nghệ hằng năm tổ chức tại quận Cam đã vinh danh nữ nghệ sĩ Bích Thuận như là một nghệ sĩ đã cống hiến 50 năm cuộc đời cho nghệ thuật Việt Nam.

Phòng tranh mùa thu của họa sĩ Rừng

Vào ngày 31/10/98 họa sĩ Rừng sẽ khai mạc phòng tranh của ông tại nhật báo Người Việt, Wesminster, Quận Cam, buổi tiếp tân tiếp xúc với họa sĩ bắt đầu từ 3 giờ chiều cùng ngày. Phòng triển làm sẽ mở cửa cho đến ngày 29/11/98 vào các ngày thứ bảy và chủ nhật, từ 12 đến 4 giờ chiều.

Họa sĩ Rừng

Họa sĩ Rừng tên thật là Nguyễn Tuấn Khanh, viết văn bút hiệu là Kinh Dương Vương, sinh năm 1941, tốt nghiệp Hội Họa trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế năm 1964. Nguyên là hội viên Hội Họa Sĩ Trẻ Sài Gòn từ thập niên 60 ông đã tham dự nhiều cuộc triển lãm quốc nội và quốc tế. Sau năm 1975, sau khi đi tù cải tạo về, từ năm 1980 ông lại tiếp tục vẽ.

Sau một năm định cư tại Oregan, Rừng đã cùng với một số họa sĩ thành lập Hội Họa sĩ Việt Nam miền Tây Bắc Hoa Kỳ (1995). Ông đã tham gia hai cuộc triển lãm lớn tại Hoa Kỳ: "Cái nhìn từ hai phía" (As seen by both Sides) 1991, và "Nghìn trùng xa cách" 1995, do viện Bảo tàng Smithsonian tổ chức. Lần này Smithsonian đã chọn ba bức của Rừng vẽ lúc còn ở Việt Nam, trong đó có bức Trẻ Em Nghèo (hình bìa Thế Kỷ 21 số này).

Thời gian hiện tại trong lãnh vực sáng tác, họa sĩ Rừng bước vào một cuộc phiêu du mới mà ông mệnh danh là "Phiêu du mộng tưởng - Ánh sáng và Bóng tối." Tranh của Rừng hiện nay dường như "không có lối vào," "không có tiêu đề gợi ý," nó là những "con đường rừng" người thưởng ngoạn phải tự khai phá lấy lối vào. Ông Nguyễn Châu, nguyên giáo sư Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế viết về Rừng trong giai đoạn này: "... anh đến với vùng đất mộng và bắt gặp ngay những thực tế bấp bênh trong chỗ giao thoa của ánh sáng và bóng tối. Sự bắt gặp này đã đưa anh vượt thoát giới hạn hình hài để sáng tạo một không gian khác, dấn thân vào một hành trình định mệnh khắc nghiệt khác..."

BERKELEY

Buổi nói chuyện của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đến Mỹ theo lời mời của Indochina Studies Center của đại học Berkeley. Ngày 01 tháng 10, 1998, lúc bốn giờ chiều, ông đã nói chuyện tại phòng hội của Trung Tâm Nghiên Cứu Nam và Đông Nam Á. Năm mươi ghế ngồi của phòng hội hết chỗ ngay khi cửa vừa mở, số người đến sau phải đứng. Đa số là người Việt, có chừng 15 người Mỹ.

Giáo sư Sử học Peter Zinoman, Giám đốc Indochina Studies Center khai mạc, giới thiệu tiểu sử Nguyễn Huy Thiệp. Giáo sư đã từng học ở Hà Nội, đã lấy một thiếu nữ Hà Nội, và đã dịch truyện Vàng Lửa của Nguyễn Huy Thiệp sang tiếng Anh. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp nói bằng tiếng Việt, đề tài "Quan hệ giữa thời thế với văn học," giáo sư Zinoman dịch sang tiếng Anh. Diễn giả cho rằng có thời thế thì cá nhân con người có thể thay đổi lịch sử. Ông không tin anh hùng có thể tạo nên thời thế. Thời thế tạo anh hùng mới đúng số phận của nhà văn. Trong một nước nhược tiểu, yếu tố khách quan là chủ yếu, yếu tố chủ quan chỉ là phù trợ. Ông nhấn mạnh: Dù sao trong thâm tâm tôi muốn đóng góp tiếng nói hòa bình và nhân đạo với văn học thế giới. Tôi muốn bày tỏ cảm tình nhân ái của văn học Việt Nam với thế giới. Hãy sống trong hoàn cảnh, thời thế của tôi đi, bạn sẽ hiểu những điều tôi viết. Kết luận, ông nhắc lại câu của Ngô Thời Nhậm: "Gặp thời thế thế thời phải thế," nhưng lại khẳng định: Trong thâm tâm tôi đã và đang chống lại thời thế.

Phần hỏi đáp khá dài có đôi lúc gay gắt, nặng nề nhưng thường pha chút vui tươi và triết lý. Trả lời một câu hỏi, ông nói: "... Tôi chỉ buồn thôi. Việt Nam có thể khá hơn rất nhiều nếu không có quá nhiều nhầm lẫn."●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Việt Nam Một Thế Kỷ Qua

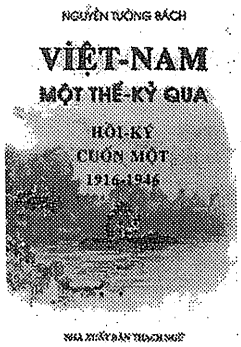

hồi ký (cuốn Một, 1916-1946) của **Nguyễn Tường Bách**, Thạch Ngữ xuất bản, 324 trang, giá US$16.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Tác giả, Nguyễn Tường Bách, là em út trong gia đình Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam... và là người duy nhất trong các anh em gia đình ấy hiện nay còn sống. Ông sinh năm 1916, đã lớn lên và chứng kiến các biến chuyển trong gia đình, rồi việc thành lập Tự Lực Văn Đoàn, báo Phong Hóa, Ngày Nay... với tư cách một người nhìn từ bên trong. Ông nhớ nhiều sự việc, nhắc lại cá tính và kỷ niệm của nhiều người, những người đã làm nên một giai đoạn quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ 20: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ... Nửa sau của cuốn sách nói về các hoạt động cách mạng: Đại Việt Dân Chính ra đời từ nhóm Tự Lực Văn Đoàn, rồi theo với thời cuộc ngày càng phức tạp do cuộc thế chiến thứ hai mang lại, các thế trận đảng phái biến hóa trong cuộc tranh đấu chống Pháp, rồi chống cộng sản. Đối với kẻ hậu sinh, đây là giai đoạn cực kỳ phức tạp của lịch sử Việt Nam, thực dân Pháp, phát xít Nhật, các đảng phái quốc gia, đảng Cộng sản, triều đình Huế, cuộc đại chiến đang hồi tàn, các biến cố chính trị của năm 1945, 1946... Nhưng phải là người hoạt động trong đảng phái quốc gia lúc ấy mới phải gánh chịu vô vàn cay đắng khổ đau của thất bại, khi thời cơ đến mới bộc lộ rất nhiều chỗ yếu của mình trước một đảng Cộng sản đấu tranh già dặn, có quần chúng, và có thể có cả sự yểm trợ quốc tế. Tác giả đã bình tĩnh kể lại các sự việc, với nhận định khách quan, mặc dầu chính ông đã là một trong các nhân vật trung tâm trong cơn lốc xoáy ấy. Những chương ông kể về chiến khu của Quốc Dân Đảng vùng Vĩnh Yên, Việt Trì, các cuộc chạm súng với Việt Minh, rồi cuộc rút lui về Yên Báy, Lào Kay, và cuối cùng rút qua biên giới Việt Trung là một tài liệu quý giá trước đây hầu như chưa có ai đề cập đến. Đó là những đoạn phim tài liệu trung thực, không cường điệu, cũng không thiên vị.

Trong Lời Giới Thiệu ở đầu sách, giáo sư Nguyễn Sĩ Tế phân tích rằng hồi ký không phải là lịch sử: Lịch sử được viết theo một sử quan và phương pháp khoa học, trong khi hồi ký *xoay chung quanh sự sống toàn diện với ý nghĩ và cảm quan sôi động của người viết.* Hồi ký có quyền chủ quan, nhưng lịch sử thì không. *Việt Nam Một Thế Kỷ Qua* cũng đã được viết với "ý nghĩ và cảm quan sôi động của người viết," nhưng tác giả tỏ ra rất trung thực với các sự kiện, dù ông luôn luôn bày tỏ tình cảm của mình về các sự kiện ấy. Ông lại có một ngòi bút mềm mại và linh động, một lối hành văn rất văn học, nên sự việc và tình cảm được truyền đến người đọc một cách hấp dẫn như khi đọc truyện.

Nắng Muộn Thu Vàng

tập truyện của **Cao Xuân Lý**, Làng Văn xuất bản, 211 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station U, Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada.

Những cảnh huống tác giả Cao Xuân Lý đưa vào truyện thường là "dữ" nhưng truyện của ông lại hiền. Các truyện có tính cách xã hội ông thường đưa ra những cảnh đời thật bi đát, phần nhiều thuộc xã hội Việt Nam sau 1975, nhưng không bao giờ ông đẩy sự đau khổ đến cùng cực đến độ thành bi kịch. Rõ ràng khuynh hướng của ông là không muốn đẩy xa bất cứ hoàn cảnh nào

đến bi kịch. Trước hết nhân vật của ông luôn luôn là những người phải chăng, biết điều, dù bị dồn vào cảnh khổ cũng luôn luôn biết tự chế để tâm lý không đi đến chỗ nổi loạn có thể đưa đến những hành vi đáng tiếc. Dù là nhân vật "phản diện" cũng không lộ ra là kẻ ác độc, nếu có thì chỉ với một liều lượng vừa phải, chút ít, không gây tác hại nhiều. Nói chung, người đọc ông không phải chịu đựng những cái quá tải cho thần kinh của mình.

Nhưng không phải vì thế mà truyện của ông nhạt. Nó chỉ chứng tỏ rằng tác giả có một cái tâm lành, nhìn đời trong cái tương đối, hợp lẽ, không cố tình cường điệu để đạt đến những cái quá khác thường. Truyện của ông diễn tả được rất nhiều tình huống có thật trong đời sống, từ những kẻ bất hạnh đầu đường xó chợ đến cảnh thương tâm của đời sống vùng "kinh tế mới" được tổ chức một cách vô trách nhiệm, từ cảnh người đi cải tạo về đến những tấn kịch bé nhỏ của đời tị nạn... ông quan sát kỹ, nhìn thấy được những ngóc nhách tế nhị. Đặc biệt ông khá sành tâm lý trẻ con, những đứa trẻ cô đơn nghèo khổ của vùng kinh tế mới hoặc những đứa mới đến đất tị nạn chưa chơi được với trẻ con bản xứ, được ông đưa vào truyện rất sinh động. Truyện của ông như là những trích đoạn của cuộc đời, không cần những kỹ thuật thắt nút, mở nút, những đoạn lấy ra đôi khi như một cách rất tình cờ từ dòng đời chảy miên viễn không có đầu không có cuối. Chọn những đoạn có ý nghĩa nhất, quan sát thật tinh tế và miêu tả lại, hình như đó là quan niệm và cách viết truyện ngắn của tác giả Cao Xuân Lý.

Vũ Khúc Thăng Ca - Tin vui thời điểm 2000

bút ký của Linh mục **Trần Cao Tường**, Thời Điểm xuất bản, 333 trang, giá US$15.00 Liên lạc: Thời Điểm, P.O. Box 2847 Garden Grove, CA 92842, USA. Tel; (714) 530-6301.

Đây là một tập hợp những bài viết của Linh mục trong hai năm dành cho chương trình phát thanh "Tin vui gửi thời đại mới" dưới tiêu đề "Tin vui thời điểm 2000." Những bài này nhằm giới thiệu cho người nghe, người đọc một phương thức giản dị để sống hạnh phúc. Chiều dài mỗi bài khá đều nhau, độ bốn, năm trang, thường bắt đầu bằng một câu chuyện ngắn vui vui, để từ đó quy chiếu cho nó một ý nghĩa triết lý và một điểm tương ứng trong niềm tin Thiên Chúa giáo. Những chuyện kể ấy tác giả rút ra từ cuộc sống, từ sách vở cổ kim đông tây, trong đó nhiều chuyện, nhiều nhận xét bắt nguồn từ phong hóa, văn học Việt Nam.

Trước khi là Linh mục Thiên Chúa giáo, Trần Cao Tường là một người Việt Nam "thuần chất." Ông hiểu con người Việt Nam sâu xa, ông ý thức rất rõ đạo lý mà dân tộc Việt Nam dựa vào đó để tồn tại từ thượng cổ cho đến ngày nay, ông cảm nghiệm sâu xa ý nghĩa của bánh dầy bánh chưng, của tục ăn trầu, của ca dao tục ngữ... Nơi ông như kết tụ cả một nền minh triết của tổ tiên. Nhưng ông cũng tắm gội trong ánh sáng dịu dàng của Thiên Chúa giáo, với tâm linh rộng mở trong một tình thương yêu đích thực. Tác giả đã nhiều lần cho thấy đạo lý, quan niệm sống hoặc tập tục Việt Nam có nhiều điểm trùng hợp với Thánh Kinh Thiên Chúa giáo. Chẳng hạn, Chúa Giêsu dạy *Con hãy thương yêu kẻ khác như chính mình con*, ca dao Việt Nam nói *Thương người như thể thương thân*. Thánh Kinh: *Hạt lúa nếu không rơi xuống đất và chịu thối mục, sẽ vẫn trơ trọi một mình* (Gioan 12:24), *Ai cố giữ mạng sống mình thì sẽ mất, ai vui chết sẽ được sống tròn đầy* (Gioan 12:25). Ca dao: *Tưởng rằng đá nát thì thôi, Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng.*

Nhìn ra rất nhiều chỗ tương đồng như thế, tác giả đã cho thấy rằng trong văn hóa Việt Nam cũng như trong niềm tin Thiên Chúa giáo, nếu đi ngược về chốn đơn sơ nhất của tâm thức thì chân lý chỉ là một thôi. Sự sống ngày càng phức tạp, cách tổ chức xã hội, tôn giáo khác biệt nơi này nơi khác trên quả đất có thể dần dần tạo ra các dị biệt, làm con người ngày càng xa niềm tin cội nguồn vốn rất đơn sơ, trong sáng, gần gũi nhau. Những bài giảng của Linh mục Trần Cao Tường chỉ ra và xóa bỏ các cách biệt ấy, mang tâm hồn chúng ta về một cõi tin cậy chung. Và người Thiên Chúa giáo Việt Nam, với khả năng dung hóa cố hữu của dân tộc mình, sẽ sống đạo một cách dung dị như ông bà mình đã từng sống tự ngàn xưa.

Đời Chiến Binh

hồi ức chiến tranh của **Trương Dưỡng**, tác

giả xuất bản, 305 trang, giá US$16.00. Liên lạc: Thien Truong, 9220 Renoir Court, Boynton Beach, FL 33437 USA. Tel: (561) 734-4016.

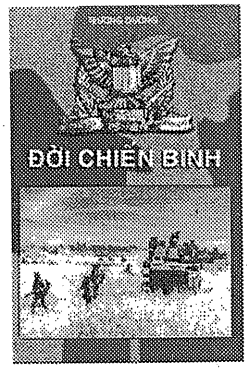

Đời Chiến Binh là tác phẩm thứ hai của Trương Dưỡng, sau cuốn Một Cánh Hoa Dù xuất hiện trước đây ít lâu kể về cuộc đời sĩ quan binh chủng Nhảy Dù của mình. Với Đời Chiến Binh, những trận đánh nổi tiếng của các đơn vị Dù đã được kể lại, từ trận Charlie đến đồi Delta, "trận chiến xa để đời" trên bờ sông Mỹ Chánh đến giờ phút trở về thánh địa La Vang... Sau các trận đánh, phần Phụ lục viết về "các anh hùng vị quốc vong thân" như các tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ v.v...

Tác giả viết cuốn này không phải hoàn toàn theo trí nhớ của mình. Không một người nào có thể biết và nhớ hết tất cả các tình huống trong một trận đánh, cho dù mình có tham dự trong đó. Ngoài những sách báo mà ông sưu tầm được, tác giả còn bỏ công phỏng vấn khoảng 50 người đã trực tiếp tham dự các chiến trận mà ông đề cập, từ người chỉ huy cao cấp như cựu tướng Lê Quang Lưỡng, nguyên Tư Lệnh Sư đoàn Nhảy Dù để giúp giải đáp cho tác giả những thắc mắc về chiến thuật và chiến lược, đến các sĩ quan các cấp đã kể lại những cuộc hành quân, thậm chí vẽ lại cả sơ đồ trận mạc. Tác giả đã dùng những tài liệu sống đó trong cuốn hồi ký của mình, có lẽ không với tham vọng của người viết sử, nhưng muốn giúp cho người đọc ở thế hệ này và những thế hệ sau hiểu được sự thật về cuộc chiến của một thời. Miền Nam đã thua trận, nhưng sự thật về tinh thần dũng cảm và hy sinh của những đứa con Miền Nam để bảo vệ vùng đất của mình thì lịch sử phải công bằng. Bao nhiêu thiệt thòi thuộc về kẻ bại, người Miền Nam đã lấy thân mình để cảm nghiệm điều đó, nhưng những sự thật của quá khứ thì phải giữ lại và nói lên cho mọi người biết.

Cũng với mục đích đó, tác giả thêm phần Phụ Lục, nêu lên những tấm gương tuẫn tiết. Không phải tất cả những người tham dự cuộc chiến đấu chống sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng sản tại miền Nam đều hèn nhát và vô trách nhiệm, chưa thua đã chạy như nhiều hình ảnh đáng buồn mà mọi người đã thấy. Ngược lại, rất nhiều tấm gương lẫm liệt nhắc nhở cho mọi người rằng cuộc chiến đấu của miền Nam là có chính nghĩa, và chính nghĩa ấy vẫn còn ngời sáng trong ngày hôm nay, là chủ nghĩa Cộng sản dù nhất thời chiến thắng nhưng đó vẫn là một sai lầm, vẫn cần xóa đi để dân tộc được tự do, tiến bộ, hạnh phúc.

Công việc của một cựu sĩ quan Dù tật nguyền, viết sách khơi dậy những sự thật chính bản thân mình đã tham dự và chứng kiến nhằm chia sẻ một vẻ hào hùng của quá khứ không chỉ phải là một hoài niệm có tính cách cá nhân. Ông muốn bày tỏ tinh thần của quá khứ để củng cố nơi mọi người một niềm tin trong hiện tại.

Những Trang Nhật Ký Của Chàng Họ Trương

truyện dài của **Nguyễn Huê**, tác giả tự xuất bản, 475 trang, giá US$25.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Nguyễn Huê là một họa sĩ, ông vào trường Mỹ Thuật Gia Định từ năm 1958, qua Mỹ năm 1975. Những năm qua ông vẫn sáng tác đều về hội họa, nhưng gần đây ông bắt đầu viết văn. Cuốn Những Trang Nhật Ký Của Chàng Họ Trương là một truyện dài được viết dưới dạng nhật ký.

Nhật ký là những gì được ghi chép hàng ngày, tự nó không thể là một câu chuyện được xây dựng có nhiều tình tiết, để lôi cuốn người đọc. Nó là những mảnh có thể rời rạc với nhau được xếp theo thứ tự thời gian. Tuy nhiên nhật ký bắt buộc phải có ít nhất là một nhân vật chính đi suốt chiều dài những trang viết, đó là chính người viết, hoặc xưng tôi ở ngôi thứ nhất, hoặc có một tên gọi để ở ngôi thứ ba, như chàng Trương trong cuốn sách này. Mỗi trang nhật ký là một mảnh đời của chàng, lúc thì ở quá khứ lúc thì ở hiện tại, không gian chuyển từ H[illegible] Kỳ về Việt Nam rồi ngược lại, và bao trùm câu chuyện là những mối tình.

Nhà văn Đinh Phụng Tiến đã nhận xét về cuốn sách:

Nguyễn Huê viết "Những Trang Nhật Ký Của

Chàng Họ Trương" như anh vẽ những bức chân dung người tình.

Ngôn ngữ Nguyễn Huê sử dụng trên trang giấy như những phiến mầu đặt lên khung vải.

...Nguyễn Huê đã lựa chọn một thể loại diễn tả rất khó: Thể nhật ký. Đây là một câu chuyện không có sự dàn dựng, không có những nút, thắt làm cho người đọc phải hồi hộp. Nhưng đây vẫn là một câu chuyện mà Nguyễn Huê đã mượn những nhân vật trong đời sống cùng với những kinh nghiệm bản thân để nói lên những điều khác mà người đọc có thể tự khám phá lấy.

Tìm Em Trong Nắng Thu Vàng

truyện dài của **Nguyễn Hùng Vũ**, Văn Nghệ xuất bản, 353 trang, giá US$14.00; ngoài nước Mỹ $17.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

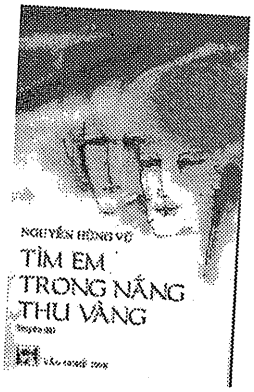

Có thể coi đây là tập hai của một bộ truyện dài, mà tập một là cuốn *Những giọt mưa trên giàn bông giấy*, "mang toàn vẹn hương vị tuổi trẻ Sài Gòn những năm trước 75, như một chứng tích," (mục SBTT, Thế Kỷ 21 số 113) với nhân vật chính là một thiếu nữ tên Hồ. Bây giờ trong tập hai, cũng nhân vật Hồ ấy nhưng đã di tản sang Mỹ năm 1975, đã học hành và thành một cô y tá làm việc trong bệnh viện, người đàn bà một con có sắc đẹp chín muồi, trở thành mục tiêu nhắm tới của bao nhiêu người đàn ông Việt và Mỹ. Lại một loại hồng nhan, nhưng không phải là cành hoa yếu ớt dễ bị gió mưa vùi dập như ngày xưa, mà là một người đàn bà tự chủ, tự tín hơn, tuy rằng tình cảm cũng dễ lao đao trong cảnh cô đơn. Hồ là một nhân vật nữ điển hình của cuộc di tản, không còn giống người đàn bà là chính nàng nếu nàng còn ở lại trong nước, mà cũng không giống người đàn bà Mỹ, thân phận của nàng được đem thử thách với những người đàn ông liên tiếp đến với nàng, trong một cuộc đổi đời đột ngột, nếp sống và môi trường sống thay đổi khiến nàng sống lửng lơ giữa hai nền văn hóa.

Nguyễn Hùng Vũ viết cuốn này sau cuốn trước khoảng năm năm. Văn của tác giả cũng già dặn đi theo với nhân vật Hồ của ông, từ một thiếu nữ trở thành người đàn bà một con ở tuổi ba mươi. Cách suy nghĩ về cuộc đời của nhân vật Hồ cũng trở nên trầm tĩnh lắng đọng hơn vào cuối sách: *Chỉ có chính nàng mới có thể biến đổi cho cuộc đời của nàng trở nên đẹp và có ý nghĩa.* Các khám phá có vẻ không lấy gì làm mới mẻ ấy lại là kết luận rút ra được sau biết bao bão tố của thể xác lẫn tâm hồn mà người đàn bà ấy đã gặp phải suốt mấy trăm trang sách.

Đặc San Petrus Ký 1998

do Liên hội Ái hữu Pétrus Ký Bắc và Nam Cali thực hiện nhân dịp kỷ niệm giỗ 100 năm nhà bác học Trương Vĩnh Ký, 244 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: 1244 Beverly Drive Orange CA 92668, USA. Tel: (714) 633-9442.

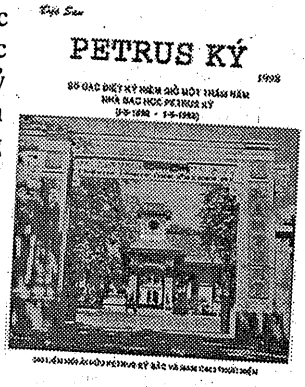

Nhà bác học Petrus Trương Vĩnh Ký mất ngày 1 tháng Chín năm 1898, đến 1 tháng Chín năm nay vừa tròn 100 năm. Cùng với việc tổ chức lễ giỗ rất trọng thể tại Little Saigon, hội Ái Hữu Pétrus Ký nam và bắc Cali xuất bản đặc san này nhằm các mục đích:

- Liên lạc, kết hợp tập thể thầy cô, học sinh và thân hữu của trường Petrus Ký thuộc mọi thế hệ và mọi nơi trên thế giới,
- Nêu lên tầm quan trọng của chữ quốc ngữ, cùng công lao của Trương Vĩnh Ký trong việc xây dựng nền văn học chữ quốc ngữ.
- Đấu tranh cho việc phục hồi danh vị cho nhà bác học Trương Vĩnh Ký và ngôi trường danh tiếng Petrus Ký mà danh xưng đã bị xóa bỏ sau ngày 30 tháng Tư 1975.

Tờ đặc san đã có được một số tài liệu quý về gia phả họ Trương và một số hình ảnh xưa do cháu nội ông Trương Vĩnh Ký là ông Charles Trương Vĩnh Tống gửi tặng. Các bài viết về sự nghiệp của Trương Vĩnh Ký và chữ quốc ngữ rất phong phú của nhiều tác giả như Trương Vĩnh Lễ, Vũ Ký, Trần Thái Bình, Minh Hiền, Nguyễn Vĩnh Thượng, Phụng Nghi v.v... Riêng về ngôi trường Pétrus Ký cũng có nhiều bài viết rất thú vị, phần nhiều là của cựu học sinh viết về các kỷ niệm thời còn học tại đây. ●

KT FURNITURE
2775 W. LINCOLN AVE., ANAHEIM
(Góc Lincoln & Dale)
(714) 821-4989

EXPO FURNITURE
149 E. ORANGETHORPE AVE., ANAHEIM
(Góc Orangethorpe & Lemon)
(714) 871-1817

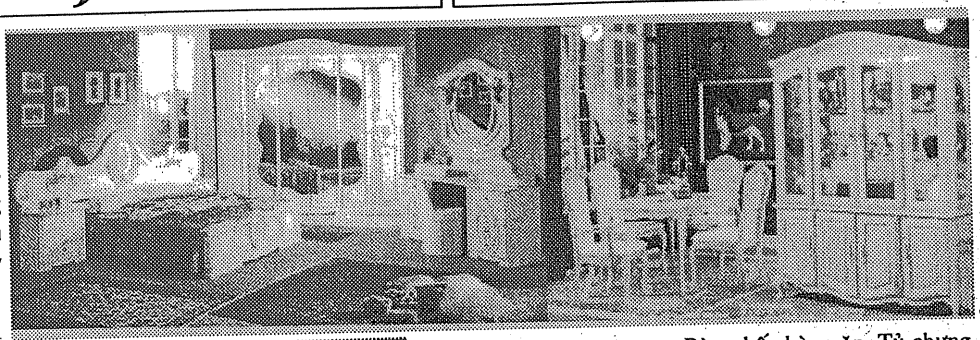

Bộ Giường ngủ Italy

Bàn ghế phòng ăn, Tủ chưng

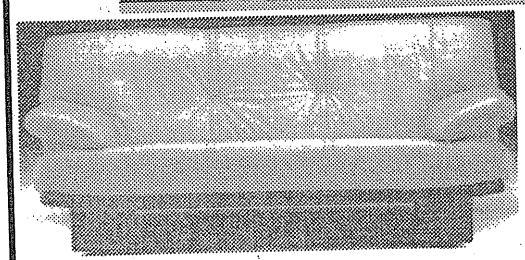

Bộ Sofa - Italy

Show Room rộng 15,000 sqft
cung cấp đủ loại FURNITURE
sang trọng với giá phải chăng

*** NHẬN LAYAWAY * FINANCING DỄ DÀNG**
*** MASTER CARD * VISA**

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

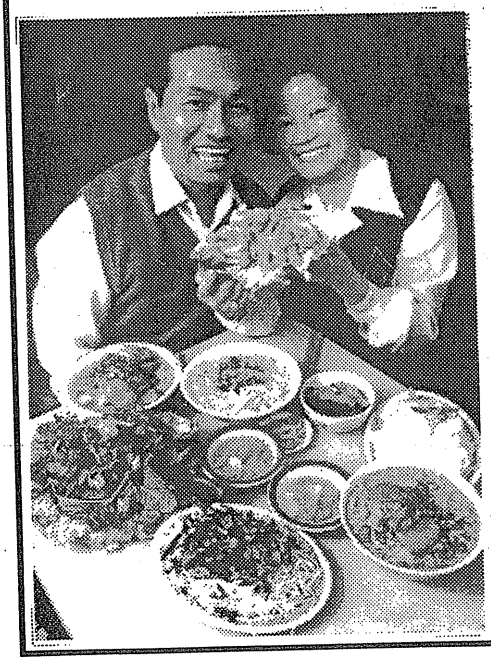

Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

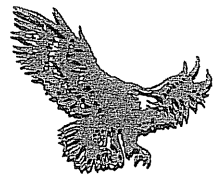

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

VANCO FOODS
LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818

9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

Quyền lợi của quý khách với Chìa Khóa Vàng:

* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

Xin mời quý khách ghé đến các chợ Vanco Foods và Little Saigon để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm rất hấp dẫn này.

HÀNG TRĂM MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ KHÁCH ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI CÁC CHỢ LITTLE SAIGON, VANCO FOODS GARDEN GROVE VÀ FOUNTAIN VALLEY.

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS

Tel: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt.

THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92708.
Tel: (714) 843-9926.
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn. **ĐẶC BIỆT:** Trong thời gian khai trương mua $5.00 tặng $1.00.

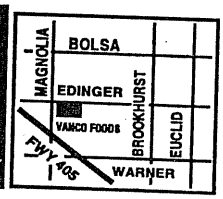

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group

Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

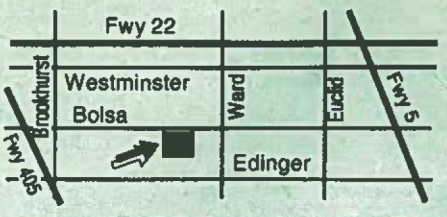

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim